

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

TU SACH VAN HOC
ANH

SỰ BẢO THỦ CỦA PHỤ THỦY

THE SPOOK'S APPRENTICE

Phần 1 series
Cậu bé học việc
và Thầy Trừ Tà



JOSEPH DELANEY

TIỂU THUYẾT GIA VAN HOC THIẾU NHI AN KHÁCH NHẤT NƯỚC ANH

CHIBOOKS



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Sơ lược tiểu sử nhân vật

Chương 1: ĐỨA CON TRAI THỨ BẢY

Chương 2: TRÊN ĐƯỜNG

Chương 3: SỐ 13 HÈM UỐT

Chương 4: KÝ TỰ

Chương 5: ÔNG KẸ VÀ PHÙ THỦY

Chương 6: CÔ GÁI ĐI GIÀY MŨI NHỌN

Chương 7: AI ĐÓ PHẢI LÀM THÔI

Chương 8: MẸ GIÀ MALKIN

Chương 9: BÊN BỜ SÔNG

Chương 10: BILLY TỘI NGHIỆP

Chương 11: HỐ

Chương 12: KẸ TUYỆT VỌNG VÀ KẸ XÂY XẤM

Chương 13: ĐÁM LỘN LÔNG LÁ

Chương 14: LỜI KHUYÊN CỦA THẦY TRỪ TÀ

End

Ghi chép của Thomas J. Ward

Sơ lược tiểu sử nhân vật

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Tom

Thomas Ward là đứa con trai thứ bảy của người con trai thứ bảy. Điều này có nghĩa cậu bé được sinh ra với những năng khiếu nào đấy – những năng khiếu giúp cho cậu tuyệt đối thích hợp với vai trò chân tập sự của Thầy Trừ Tà. Cậu bé có thể nhìn ra hay nghe thấy những người đã khuất và theo lẽ tự nhiên, cậu là kẻ thù của thế lực bóng tối. Nhưng như thế vẫn không ngăn Tom khỏi cảm thấy sợ hãi, và cậu sẽ phải cần đến hết cả lòng can đảm của mình nếu cậu muốn kế tục công việc mà hai mươi chín người khác đã thất bại.

Thầy Trừ Tà

Thầy Trừ Tà là một nhân vật không thể lẫn vào đâu được. Thầy cao ráo, trông bề ngoài khá hung tợn. Thầy khoác chiếc áo choàng có mũ trùm và luôn mang theo bên mình thanh trượng cùng sợi xích bạc. Cũng giống như cậu bé Tom tập sự của mình, thầy là người thuận tay trái và là con trai thứ bảy của người con trai thứ bảy.

Sáu mươi năm rồi thầy đã bảo vệ cho Hạt khỏi những thứ quái phá về đêm.

Alice

Tom không thể quyết định được rằng Alice là chính hay tà. Cô bé dọa cho đám thanh niên trong làng phát khiếp, có bà con với hai trong số những tộc phù thủy xấu xa nhất (tộc Malkin và tộc Deane) và còn từng được biết là đã dùng phép thuật bóng tối. Nhưng cô bé bị huấn luyện làm phù thủy ngoài ý muốn của mình và từng giúp đỡ Tom trong những thời khắc nguy khốn. Cô có vẻ là một người bạn trung thành, nhưng liệu cô có đáng tin không?

Mẹ

Mẹ Tom luôn biết rằng cậu bé sẽ thành người tập sự của Thầy Trừ Tà. Bà gọi cậu bé là “quà tặng dành cho Hạt”. Bà là một người mẹ

thương con và là một chuyên gia về cây cỏ, thảo dược và sinh đẻ. Mẹ trước nay luôn hơi khác biệt. Xuất thân từ Hy Lạp của bà vẫn còn là một bí ẩn. Thật ra, vẫn còn khá nhiều điều bí ẩn về mẹ...

**ĐIỂM CAO NHẤT TRONG HẠT ĐƯỢC ĐÁNH DẤU BỞI ĐIỀU
BÍ ẨN.**

**TƯƠNG TRUYỀN RẰNG NƠI ĐẤY MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐÃ
MẤT MẠNG TRONG MỘT TRẬN CUỒNG PHONG BÃO TỐ, KHI
ĐANG BẮT ÉM MỘT KẸ TÀ ÁC CHỨC ĐE DỌA TOÀN BỘ THẾ GIỚI
NÀY.**

**RỒI BĂNG GIÁ LẠI TRÀN XUỐNG, VÀ KHI BĂNG TAN ĐI, CẢ
HÌNH DÁNG CỦA NHỮNG NGỌN ĐỒI LẤN TÊN GỌI CÁC THỊ
TRẤN TRONG THUNG LŨNG ĐỀU THAY ĐỔI.**

**GIỜ ĐÂY, TRÊN ĐỈNH CAO NHẤT CỦA NHỮNG RẶNG ĐỒI
ẤY, KHÔNG CÒN LẠI DẤU TÍCH GÌ CỦA NHỮNG VIỆC ĐÃ ĐƯỢC
THỰC HIỆN TỪ XA XƯA, NHƯNG TÊN GỌI CỦA NÓ VẪN MÃI
TRƯỜNG TỒN.**

NGƯỜI TA GỌI ĐẤY LÀ –

HÒN ĐÁ BẢO HỘ

Khi Thầy Trừ Tà đến nơi, ánh sáng ban ngày đã bắt đầu lịm tắt. Hôm đấy là một ngày dài mệt nhoài, và tôi đã xong xuôi chờ ăn tối.

“Ông chắc đấy là thằng con thứ bảy chứ?” Thầy hỏi. Ông đang nhìn xuống tôi lắc lắc đầu, vẻ nghi hoặc.

Bố gật đầu.

“Ông cũng là người con thứ bảy luôn phỏng?”

Bố lại gật đầu và bắt đầu bồn chồn giẫm giẫm hai chân, làm những giọt bùn nâu và phân chuồng bắn tung tóe lên chiếc quần ống bó của tôi. Nước mưa nhỏ thành giọt từ chóp mũ của bố. Cả tháng nay gần như ngày nào cũng mưa. Cây cối đã đâm vài chồi lá non nhưng tiết Xuân còn lâu mới đến.

Bố tôi là nông dân và cha ông cũng thế, và quy tắc đầu tiên của nhà nông là phải gìn giữ đất đai nông trại. Bạn không thể cứ chia hết đất đai cho các con; làm thế thì cứ mỗi thế hệ qua đi là đất đai mỗi nhỏ lại cho đến khi chẳng còn lại gì sất. Thế nên bố để lại nông trại cho con trai cả. Rồi tìm việc làm cho các con còn lại. Nếu được, bố sẽ cố tìm cho mỗi đứa một nghề.

Để làm được như thế thì bố phải cần nhiều ơn huệ lắm. Lò rèn trong vùng là một giải pháp, nhất là nếu như nông trại được rộng lớn và bố có khối việc giao cho lò rèn. Thế rồi tùy vào đấy mà bác thợ rèn sẽ cho tuyển vào học việc, nhưng mà dù có thế thì mới chỉ giải quyết được cho một đứa con mà thôi.

Tôi là đứa con thứ bảy của bố, nên cho đến lúc tới phiên tôi thì mọi ơn huệ đã được xử hết sạch. Bố cùng đường đến nỗi giờ đây ông đang nhờ Thầy Trừ Tà nhận tôi vào làm chân học việc của Thầy. Hay ít ra là vào lúc ấy tôi nghĩ thế. Lẽ ra tôi đã phải đoán được rằng Mẹ là người đứng sau chuyện này.

Mẹ đứng đằng sau nhiều chuyện lắm. Từ trước khi tôi ra đời rất lâu, nhờ vào tiền của mẹ mà chúng tôi mới mua được nông trại này. Bằng không thì làm cách nào anh con trai thứ bảy lại có đủ tiền mà mua chứ? Mà mẹ không phải người trong Hạt. Mẹ đến từ một vùng đất xa xôi bên kia biển lớn. Đa phần mọi người không nhận ra, nhưng thỉnh thoảng, nếu bạn lắng tai nghe thật kỹ ấy mà, sẽ thấy một tí xíu khác biệt trong cái cách bà phát âm một số chữ.

Nhưng mà này, đừng có tưởng tượng là tôi bị bán đi làm nô lệ hay là gì đấy nhé. Dù gì thì tôi cũng chán ngấy việc nhà nông rồi, và cái nơi mà người ta kêu là “thị trấn” thực chẳng hơn gì một ngôi làng ở chốn đèo heo hút gió. Chắc chắn đấy không phải là nơi tôi muốn sống hết quãng đời còn lại của mình. Cho nên nói theo cách nào đấy thì tôi quả là thích cái ý tưởng làm kẻ trừ tà; làm cái này thú vị hơn việc vắt sữa bò hay việc rải phân nhiều lắm.

Dẫu vậy chuyện này cũng làm tôi bồn chồn chứ, bởi đây là một công việc đáng sợ. Tôi sẽ học cách bảo vệ các nông trại và làng xóm khỏi những thứ quấy phá về đêm. Đương đầu với ma cà rồng, với ông kẹ và tất tần tật các loài ác thú dữ tợn là việc hàng ngày. Đấy là những gì Thầy Trừ Tà làm và tôi sẽ là người tập sự của Thầy.

“Thằng bé mấy tuổi rồi?” Thầy Trừ Tà hỏi.

“Tháng Tám tới đây là nó được mười ba đấy.”

“Tầm tuổi này vậy là hơi bé xác nhỉ. Nó có thể đọc viết được không?”

“Ày,” Bố đáp. “Nó có thể đọc viết tất và còn biết cả tiếng Hy Lạp nữa ấy chứ. Mẹ nó dạy cho nó và nó nói được còn trước cả khi biết đi cơ đấy.”

Thầy Trừ Tà gật gù và ngoái nhìn về hướng căn nhà chính của nông trại qua lối đi bùn lầy ở bên kia cánh cổng, như thể đang lắng nghe gì đấy. Đoạn Thầy nhún vai. “Cuộc đời này với một người trai tráng đã cam go lắm rồi, đối với một cậu bé thì miễn bàn,” Thầy bảo. “Ông nghĩ thằng bé đã sẵn sàng à?”

“Nó mạnh lắm và khi trưởng thành, nó sẽ to con như tôi đây,” bố tôi vừa đáp, vừa vươn vai đứng thẳng hết cỡ. Đã làm thế rồi, vậy mà

đỉnh đầu bố chỉ cao mới ngang cằm Thầy thôi.

Thốt nhiên Thầy mỉm cười. Đây là điều cuối cùng mà tôi mong thấy. Gương mặt Thầy to tướng và trông như thể được đẽo ra từ đá. Cho đến lúc ấy thì tôi nghĩ Thầy khá hung tợn. Chiếc áo choàng đen dài cùng mũ trùm đầu làm Thầy trông như cha xứ, nhưng khi Thầy nhìn thẳng vào bạn, vẻ mặt đăm đăm của Thầy làm cho Thầy có vẻ như một tay hành quyết đang đong đếm bạn để chọn cho vừa sợi dây treo cổ.

Món tóc chìa ra từ phần trước mũ trùm tiếp màu với bộ râu, màu xám, nhưng hai chân mày Thầy lại đen thui rậm rì. Lại còn có lúm lông đen sì thò ra từ hai lỗ mũi nữa, và hai mắt Thầy màu xanh lục, cùng màu với mắt tôi.

Thế rồi tôi để ý thấy một điều khác về Thầy. Thầy đang cầm một cây trượng dài. Hẳn nhiên là tôi đã trông thấy từ lúc Thầy lọt vào tầm nhìn kia, nhưng điều tôi đã không nhìn ra cho đến lúc này là Thầy đang cầm trượng bằng tay trái.

Thế có phải là Thầy cũng thuận tay trái như tôi?

Đây là thứ đã đem đến cho tôi rắc rối liên tu bất tận ở trường làng. Người ta thậm chí còn cho mời cha xứ trong vùng đến nhìn lấy tôi rồi cha xứ cứ lắc đầu mãi, bảo tôi phải bỏ tật ấy thôi trước khi quá muộn. Tôi chẳng hiểu ý cha xứ nói gì. Anh em tôi chẳng ai thuận tay trái cả và bố tôi cũng không. Nhưng mẹ tôi lại thuận tay trái ấy chứ, mà việc ấy dường như chẳng bao giờ làm bà quan tâm, thế là khi thầy giáo dọa sẽ đánh cho tôi bỏ cái tật ấy và buộc viết vào tay phải của tôi, thì mẹ đem tôi ra khỏi trường và từ ngày đấy trở đi mẹ dạy tôi học tại gia.

“Ông tính bao nhiêu để nhận nó vào?” bố tôi lên tiếng hỏi, làm gián đoạn dòng suy nghĩ của tôi. Bây giờ thì chúng tôi bắt đầu bàn chuyện làm ăn thực sự rồi đây.

“Hai đồng vàng cho một tháng thử thách. Nếu thằng bé chịu được, ta sẽ quay trở lại vào mùa thu và khi đó ông sẽ thiếu ta thêm mười đồng. Còn nếu không, ông có thể nhận lại thằng bé và chỉ thêm một đồng cho bố công phiền toái của ta thôi.”

Bố lại gật gù và thế là thỏa thuận đã xong. Chúng tôi đi vào kho chứa cỏ và tiền vàng được trao trả nhưng họ không bắt tay nhau. Chẳng ai muốn chạm vào một kẻ trù tà cả. Bố tôi đã là một người can đảm lắm rồi khi dám đứng gần một thầy trù tà.

“Ta bận vài việc gần đây,” Thầy bảo, “nhưng ta sẽ quay trở lại đón anh chàng này vào sáng sớm mai. Nhớ là chuẩn bị trước cho thằng nhỏ đấy. Ta không thích bị bắt chờ đâu.”

Khi Thầy đi rồi, bố vỗ vỗ vai tôi. “Một cuộc sống mới mẻ cho con đấy, con trai,” bố bảo. “Đi mà tắm rửa đi con. Việc đồng áng của con tới đây là chấm dứt rồi.”

Khi tôi bước vào bếp, Jack, anh trai tôi, đang quàng tay ôm vợ anh ấy, Ellie, và chị đang mỉm cười ngược nhìn anh.

Tôi thích Ellie lắm lắm. Cái kiểu chị ấy ân cần thân mật làm cho bạn cảm thấy như chị quan tâm đến bạn thật hung. Mẹ bảo việc cưới được chị Ellie thật có ích cho Jack vì chị giúp cho anh ấy bớt nóng nảy.

Jack là anh lớn tuổi và to con nhất trong đám anh em chúng tôi và, như lời bố thỉnh thoảng trêu, cũng là người đẹp trai nhất trong một đám xấu xí. Anh ấy to khỏe thật đấy, nhưng mặc cho anh có đôi mắt xanh và hai má hồng hào khỏe mạnh, cặp chân mày rậm đen của anh lại gần như chấu lại vào nhau ngay chính giữa trán, nên tôi chẳng bao giờ đồng ý với điều bố nói. Một điều tôi không khi nào tranh cãi là anh ấy đã rù quên được một cô vợ xinh xắn dễ thương. Tóc Ellie có màu như loại rom tốt nhất được thu hoạch ba ngày sau một vụ mùa khấm khá, và làn da biết tỏa sáng ngay cả dưới ánh nến.

“Sáng mai em sẽ lên đường,” tôi thốt lên. “Thầy Trù Tà sẽ đến đón em ngay khi bình minh ló dạng.”

Gương mặt chị Ellie rạng rỡ. “Ý em là ông ta đồng ý nhận em ư?”

Tôi gật đầu. “Thầy cho em một tháng thử thách.”

“Ôi, giỏi quá đấy Tom. Chị mừng cho em,” chị ấy nói.

“Anh không tin nổi!” Jack chế giễu. “Em ấy à, là chân học việc cho

kẻ trù tà ư? Làm sao em có thể làm được cái việc ấy khi em vẫn không thể ngủ mà không thấp nển chứ hả?”

Tôi bật cười khi nghe câu nói đùa của anh nhưng anh ấy cũng có lý đấy. Đôi lúc tôi lại nhìn thấy những thứ trong bóng tối và thấp một cây nển là cách tốt nhất để xua những thứ ấy biến đi cho tôi có thể chợp mắt tí chút.

Jack đi lại chỗ tôi, găm lên rồi ghì đầu anh vào đầu tôi và bắt đầu kéo tôi rê quanh bàn bếp. Đây là kiểu đùa của anh ấy. Tôi chỉ chống cự vừa đủ để làm anh cười thôi, rồi vài giây sau anh thả tôi ra và vỗ vỗ lưng tôi.

“Giỏi lắm, Tom,” anh bảo. “Em làm việc đó sẽ kiếm được bộn tiền đấy. Nhưng mà này, chỉ có một vấn đề thôi...”

“Vấn đề gì ạ?” tôi hỏi.

“Em sẽ phải cần từng đồng từng xu em kiếm được đấy. Biết vì sao không?”

Tôi nhún vai.

“Bởi vì những người bạn duy nhất em có lại là những người mà em phải mua chuộc lấy!”

Tôi cố cười, nhưng những lời anh Jack nói đầy sự thật mười mươi ra đấy. Kẻ trù tà làm việc và sinh sống một mình.

“Ôi Jack! Đừng có tàn nhẫn thế chứ!” Ellie quở.

“Chỉ là đùa thôi mà,” Jack trả lời, cứ như thể anh ấy không thể hiểu được vì sao Ellie lại nặng xì lên đến thế.

Nhưng chị Ellie lại đang nhìn tôi chứ chẳng phải nhìn Jack và tôi thấy gương mặt chị ấy đột nhiên xị xuống. “Ôi Tom!” chị nói. “Như vậy nghĩa là em sẽ không có mặt ở đây khi em bé chào đời...”

Chị ấy trông thật thất vọng làm tôi cảm thấy buồn vì mình không có mặt ở nhà để gặp cô cháu gái sắp chào đời. Mẹ đã bảo con của chị Ellie sẽ là bé gái và mẹ thì không bao giờ nói sai những chuyện như

thế này.

“Em sẽ quay lại thăm ngay khi có thể ấy mà,” tôi hứa.

Ellie cố mỉm cười, và anh Jack bước đến gác tay lên vai tôi. “Em luôn có gia đình ở bên,” anh bảo. “Bọn anh sẽ luôn có mặt ở đây nếu em cần đến mọi người.”

Một tiếng đồng hồ sau, tôi ngồi vào bàn ăn tối, bụng biết rằng sáng ngày mai mình đã đi mất rồi. Bố khẩn lời tạ ơn như vẫn thường làm mỗi tối và tất cả chúng tôi đều lầm rầm “A men” trừ mẹ. Mẹ nhìn chăm chăm xuống chân mình như mọi khi, lịch sự chờ đợi cho đến khi chúng tôi khẩn nguyện xong. Khi lời nguyện chấm dứt, mẹ thoáng mỉm cười với tôi. Một nụ cười trêu mếu đặc biệt mà tôi nghĩ chẳng có ai khác để ý thấy. Nụ cười làm tôi thấy ấm lòng hơn.

Ngọn lửa vẫn còn bập bùng trong lò sưởi, làm hơi ấm tràn ngập căn bếp. Ngay chính giữa bàn ăn rộng lớn bằng gỗ của chúng tôi là một chân nến bằng đồng đã được đánh thật bóng cho đến khi bạn có thể soi thấy mặt mình trong ấy. Nến được làm từ sáp ong và là loại mắc tiền, nhưng mẹ không cho phép dùng nến mỡ trong bếp vì mùi khó chịu. Bố là người quyết định nhiều thứ về nông trại, nhưng có một số chuyện mẹ luôn làm theo ý bà.

Khi chúng tôi múc súp nóng hổi ra những chiếc đĩa lớn, tôi bất chợt bần thần nhận ra tối nay bố trông mới già nua làm sao – già nua và mệt mỏi – và thỉnh thoảng có một nét biểu cảm thoáng qua mặt bố, một thoáng buồn rầu. Nhưng bố vui vẻ lên một tí khi Jack bắt đầu bàn tán về giá thịt lợn và thảo luận giờ có phải là thời điểm thích hợp để kêu người mổ lợn đến hay chưa.

“Nên chờ thêm độ một tháng nữa,” bố nói. “Giá cả đến lúc ấy chắc chắn là tăng cao hơn.”

Jack lắc đầu và cả hai bắt đầu tranh luận. Đây là một cuộc tranh luận ôn hòa, kiểu thường có trong các gia đình, và tôi có thể nhận thấy là bố đang rất thích thú. Nhưng tôi lại không tham gia vào. Tất cả những chuyện đó giờ đã chấm hết với tôi. Như bố đã bảo, việc đồng áng với tôi là chấm dứt.

Mẹ và Ellie đang thì thầm rúc rích với nhau. Tôi cố nghe ra họ

đang nói gì, nhưng lúc này thì Jack đã oang oang, giọng anh mỗi lúc một lớn. Khi mẹ liếc xéo sang anh ấy thì tôi có thể nhìn ra là bà đã bực bội cái giọng chọt vớ của anh lắm rồi.

Jack chẳng hề hay biết gì về những lần liếc háy của mẹ và tiếp tục tranh luận lớn tiếng, anh vớ tay lấy lọ muối và vô ý làm ngã cái lọ, đổ một chóp muối nho nhỏ trên bàn. Ngay lập tức anh nhón một nhúm muối và rảy ngược ra sau vai trái mình. Đây là một tục mê tín cổ xưa của người trong Hạng. Làm thế thì bạn sẽ tránh được những vận rủi mà bạn đã gây ra khi làm đổ muối.

“Jack này, dù thế nào thì con cũng không cần thêm muối vào đó nữa đâu,” mẹ lên tiếng mắng. “Làm vậy sẽ hỏng mất món súp đang ngon và đây là một điều sỉ nhục đối với đầu bếp đấy.”

“Xin lỗi mẹ ạ,” Jack tạ lỗi. “Mẹ nói đúng. Món súp như thế là ngon tuyệt rồi.”

Mẹ mỉm cười với Jack, đoạn gật đầu về phía tôi. “Mà này, chẳng ai để ý gì đến Tom cả. Đây không phải là cách đối xử với em nó trong buổi tối cuối cùng em nó ở nhà.”

“Con ổn mà mẹ,” tôi đáp. “Chỉ ngồi đây lắng nghe thôi là con đủ thấy vui rồi.”

Mẹ gục gặc. “Ừ, mẹ có vài lời cần nói với con. Sau buổi tối con ở lại dưới bếp và mẹ con mình nói chuyện một chút nhé.”

Thế là sau khi Jack, Ellie và bố đã đi ngủ, tôi ngồi trên ghế cạnh lò sưởi và kiên nhẫn chờ đợi nghe những điều mẹ nói.

Mẹ không phải là người thích nói dài dòng; thoát tiên bà không nói gì nhiều ngoài việc giảng giải những gì bà đã gói cho tôi mang đi: một chiếc quần dài để thay, ba chiếc áo sơ mi và hai đôi vớ tốt mà mỗi chiếc chỉ mới bị vá có một lần.

Tôi nhìn chăm chăm vào đồng lửa hồng, nhịp nhịp chân xuống nền đá, trong khi mẹ kéo chiếc ghế đu lại và đặt ghế sao cho bà đối diện với tôi. Mái tóc đen của bà điểm vài sợi bạc, nhưng ngoài điều đó ra thì bà trông vẫn giống hệt như bà ngày xưa, khi tôi còn là thằng bé con chập chững cao chưa đến đầu gối bà. Hai mắt bà vẫn sáng, và mặc

cho nước da tai tái, bà trông vẫn khỏe khoắn.

“Đây là lần cuối cùng mẹ con mình nói chuyện với nhau và còn lâu mới được nói lại đây,” bà bảo. “Việc rời khỏi gia đình và bắt đầu sống tự thân là một bước lớn. Vậy nên nếu có điều gì muốn nói, bất cứ điều gì con cần hỏi, thì đây là lúc đấy con.”

Tôi không thể nghĩ ra nổi dù chỉ là một câu hỏi. Thực ra thì tôi còn không thể nghĩ nổi nữa là. Chỉ nghe mẹ nói thế thôi là nước mắt đã bắt đầu nhoi nhoi trong đáy mắt tôi.

Sự im lặng kéo dài một lúc. Chỉ còn nghe được tiếng chân tôi nhịp nhịp trên nền đá. Cuối cùng mẹ thở dài. “Chuyện gì thế?” bà hỏi. “Mèo nuốt mất lưỡi con rồi à?”

Tôi nhún vai.

“Đừng có ngộ nguậy nữa Tom, và tập trung vào những gì mẹ nói đây,” mẹ cảnh cáo. “Trước hết, con có mong đến ngày mai để bắt đầu công việc mới của mình không?”

“Con không rõ nữa mẹ à,” tôi vừa thưa với bà vừa nhớ lại câu nói đùa của Jack về việc phải mua lấy bạn bè. “Không ai muốn đến bất cứ đâu gần một kẻ trừ tà cả. Con sẽ chẳng có bạn bè. Lúc nào con cũng sẽ cô độc.”

“Sẽ không tồi tệ như con nghĩ đâu,” mẹ nói. “Con sẽ có thầy để nói chuyện cùng. Ông sẽ là thầy con, và chắc chắn dần dần rồi ông cũng thành bạn của con. Và con sẽ bận rộn luôn ấy mà. Bận rộn học hỏi những điều mới. Con sẽ chẳng có thời gian mà thấy cô độc đâu. Con không nhận thấy toàn bộ chuyện này thật mới lạ và phấn khích sao?”

“Phấn khích thì có đấy nhưng công việc này làm con sợ. Con muốn làm nhưng lại không biết liệu mình có đủ sức hay không. Một phần trong con muốn chu du thăm thú nhiều nơi nhưng mà việc không còn sống ở nơi này nữa cũng khó khăn lắm. Con sẽ nhớ tất cả mọi người. Con sẽ nhớ cuộc sống ở nhà.”

“Con không thể ở đây,” mẹ bảo. “Bố con rồi sẽ già đi, không làm lụng được nữa, và đến mùa đông tới ông sẽ giao nông trại lại cho Jack. Ellie rồi sẽ chóng có em bé, chắc chắn còn thêm nhiều đứa nữa;

từ từ rồi ở đây sẽ chẳng còn chỗ cho con. Không, tốt hơn là con nên tập làm quen với điều này trước khi nó xảy đến. Con không thể về nhà.”

Giọng của bà nghe có vẻ lạnh lùng khắc nghiệt, và nghe thấy bà nói chuyện với mình như thế lại gây ra một nỗi đau ngấm sâu vào ngực và cổ họng tôi làm tôi chẳng thể nào thở nổi.

Lúc ấy tôi chỉ muốn lên giường đi ngủ, nhưng bà còn nhiều chuyện để nói. Hiếm khi nào tôi nghe bà nói lắm chữ trong một lúc đến thế.

“Con có công việc phải làm và con sẽ phải thực hiện nó,” bà nghiêm khắc nói. “Mà không chỉ là thực hiện suông đâu; con còn phải thực hiện thật tốt kia. Mẹ lấy bố các con vì ông ấy là người con trai thứ bảy. Và mẹ sinh cho ông sáu thằng con trai để mẹ có thể có được con. Bảy lần bảy là ra con và con còn có năng khiếu nữa. Thầy mới của con vẫn còn lực nhưng ông ấy đã qua thời đỉnh cao, và cuối cùng thời của ông ấy rồi sẽ chấm dứt.

Trong gần sáu mươi năm nay, ông ấy đã đi ven quanh Hạt thực thi nghĩa vụ. Làm những việc cần phải được làm. Sẽ sớm tới phiên con thôi. Và nếu con không làm việc ấy thì ai sẽ làm đây? Ai sẽ là người coi sóc dân lành? Ai sẽ là người bảo vệ họ không bị làm hại? Ai sẽ giữ cho nông trại, làng xóm và thị trấn được an toàn để phụ nữ và trẻ con có thể rảo bước trên phố trên đường mà không phải hãi sợ?”

Tôi chẳng biết phải nói gì và cũng không thể nhìn thẳng vào mắt bà. Tôi chỉ cố kiềm chế không trào nước mắt.

“Mẹ yêu hết mọi người trong gia đình này,” bà nói tiếp, giọng dịu xuống, “nhưng trong toàn cái Hạt rộng lớn này, con là người duy nhất thật sự giống mẹ. Tuy con chỉ là thằng bé con còn phải trưởng thành nhiều, nhưng con lại là đứa con trai thứ bảy của người con trai thứ bảy. Con là ân phước và là sức mạnh để làm những gì cần phải được làm. Mẹ biết con sẽ làm cho mẹ hãnh diện về con.”

“À, giờ này,” mẹ bước xuống ghế và nói, “mẹ vui vì chúng ta đã làm rõ mọi chuyện. Giờ thì con đi ngủ đi. Mai là một ngày trọng đại và con cần phải được khỏe khoắn nhất.”

Mẹ ôm tôi thật chặt và mỉm cười trìu mến, còn tôi cố gắng hết mực tỏ ra vui vẻ cười đáp trả, nhưng khi lên đến phòng ngủ, tôi ngồi bên mép giường, nhìn đăm đăm vô hồn suy nghĩ về những gì mẹ đã nói với tôi.

Trong vùng này mẹ tôi rất được nể trọng. Bà hiểu biết về cây cỏ thuốc men còn nhiều hơn cả bác sĩ địa phương, và lúc nào có ca rắc rối với chuyện sinh đẻ em bé, bà đỡ luôn nhờ gọi mẹ. Mẹ là chuyên gia về các ca gọi là đẻ ngược. Đôi khi em bé muốn được sinh ra bằng chân trước nhưng mẹ tôi rất giỏi trong việc xoay em bé khi bé vẫn còn trong bụng mẹ. Hàng tá phụ nữ trong Hạt nợ bà mạng sống.

Dù sao thì, đấy là những gì bố luôn nói còn mẹ thì khiêm tốn và không bao giờ đề cập đến những chuyện như thế. Bà chỉ làm những gì cần phải làm và tôi biết đấy là điều bà trông đợi nơi tôi. Nên tôi muốn làm cho bà hạnh diện.

Nhưng có thể nào bà thực sự có ý là bà cưới bố tôi và sinh ra sáu anh trai chỉ để sinh ra tôi thôi không? Chuyện này dường như không khả thi lắm.

Sau khi nghĩ thông mọi điều, tôi đến bên cửa sổ và ngồi vài phút lên chiếc ghế cũ kỹ bện từ cây liễu gai, nhìn trùng trùng qua cửa sổ hướng về phía Bắc.

Mặt trăng đang chiếu sáng, nhuộm hết vạn vật trong ánh trắng bàng bạc. Tôi có thể dõi tầm mắt hướng qua bên kia cánh đồng trang trại, vượt qua hai cánh đồng rơm và đồng cỏ hướng Bắc, thẳng đến tận ven rìa trang trại của chúng tôi, ngừng ngay lưng chừng lối lên Đồi Treo Cổ. Tôi thích quang cảnh này. Tôi thích Đồi Treo Cổ khi nhìn từ xa. Tôi thích cái cách nó là điểm xa nhất mắt bạn có thể nhìn thấy được.

Hàng năm liền, đây là việc tôi thường làm mỗi đêm trước khi trèo lên giường ngủ. Tôi từng nhìn trùng trùng vào ngọn đồi đó và tưởng tượng những gì bên kia đồi. Tôi biết rằng thực ra chỉ có thêm vài cánh đồng và rồi, xa thêm hai dặm nữa, đi quá ngôi làng trong vùng – nửa tá nhà, một nhà thờ be bé và một ngôi trường còn bé hơn – nhưng trí tưởng tượng của tôi còn gọi lên nhiều thứ khác. Thỉnh thoảng, tôi tưởng tượng ra những mỏm đá cheo leo và xa xa là đại dương, hay có lẽ là một khu rừng hay một thành phố lớn với những tháp thật cao và

những ngọn đèn nhấp nháy.

Nhưng giờ đây, khi tôi nhìn lên ngọn đồi, tôi cũng nhớ đến nỗi sợ hãi của mình nữa. Phải, nhìn từ xa thì không sao nhưng đây không phải là nơi tôi từng bao giờ muốn đến gần. Đồi Treo Cổ, hẳn như bạn đã đoán ra, chẳng phải vô cớ mà có được tên gọi ấy.

Ba thế hệ trước, chiến tranh đã quét qua toàn bờ cõi và những người đàn ông trong Hạt đã tham chiến. Đây là một cuộc chiến tồi tệ hơn hết thảy, một cuộc nội chiến cay đắng mà vì đó những gia đình bị chia rẽ hay thỉnh thoảng huynh đệ phải tương tàn.

Trong mùa đông cuối cùng của cuộc chiến tranh ấy, có một trận giao tranh ác liệt cách về phương Bắc chừng một dặm, ngay ven rìa làng. Rốt cuộc, khi trận giao tranh kết thúc, bên thắng trận mang những tù nhân lên ngọn đồi này và treo cổ họ lên những ngọn cây bên sườn đồi mạn Bắc. Họ cũng đã treo cổ vài người phe họ nữa, vì những lý do mà họ gọi là hèn nhát trước quân thù, nhưng câu chuyện đó còn có một phiên bản khác. Người ta đồn rằng một vài người này từ chối chống lại những người họ coi là hàng xóm của mình.

Ngay cả Jack cũng chẳng bao giờ muốn làm việc gần hàng rào cạnh ven nông trại đó, và những con chó sẽ không đến gần khu rừng hơn dăm mét. Về phần tôi, vì tôi có khả năng cảm nhận những điều mà người khác không thể, tôi thậm chí còn không làm việc được trên đồng cỏ phía Bắc. Bạn biết đấy, từ đó tôi có thể nghe thấy họ. Tôi có thể nghe thấy tiếng những sợi thòng lọng kẽo kẹt và các cành cây oằn mình dưới sức nặng của họ. Tôi có thể nghe thấy tiếng người đã chết bị treo cổ tắc họng phía bên kia ngọn đồi.

Mẹ từng nói rằng chúng tôi giống nhau. Vâng, chắc chắn về một phương diện nào đó thì bà giống tôi: tôi biết bà cũng có thể nhìn ra những điều mà người khác không thể nhìn thấy. Mùa đông nọ, khi tôi còn rất bé và tất cả các anh tôi đều ở nhà, những tiếng động từ ngọn đồi về đêm vọng lại lớn đến nỗi tôi có thể nghe thấy chúng từ tận trong phòng ngủ. Các anh tôi chẳng hay biết gì sất, trong khi tôi lại nghe được và chẳng thể nào chớp mắt. Mẹ vào phòng tôi mỗi khi tôi gọi lớn, mặc cho bà phải thức dậy từ tình mơ làm việc của mình.

Cuối cùng, mẹ nói bà sẽ giải quyết chuyện này, và vào một đêm bà một mình leo lên Đồi Treo Cổ rồi đi thẳng vào những hàng cây. Khi bà

quay lại, xung quanh im phăng phắc và hàng tháng sau đấy mọi thứ vẫn được như thế.

Vậy là có một mặt mà chúng tôi không giống nhau.

Mẹ gan dạ hơn tôi rất nhiều.

Chương 2

TRÊN ĐƯỜNG

Tôi thức dậy trước rạng đông cả tiếng nhưng mẹ đã ở trong bếp từ lâu, chuẩn bị bữa điểm tâm ưa thích cho tôi, món thịt muối và trứng.

Bố đi xuống lầu khi tôi đang dùng lát bánh mì cuối cùng vét sạch đĩa. Lúc chúng tôi tạm biệt nhau, ông lôi vật gì đó từ trong túi áo ra đặt vào tay tôi. Đây là chiếc hộp nhôm lửa nhỏ lúc trước thuộc về ông nội và trước đó là thuộc về cụ nội. Một trong những vật dụng bố rất yêu thích.

“Bố muốn con giữ lấy vật này, con trai của ta,” bố bảo. “Vật này sẽ rất hữu ích cho con trong công việc mới. Và nhớ chóng quay về thăm chúng ta. Chỉ bởi vì con đã rời khỏi gia đình, không có nghĩa là con không thể trở về thăm hỏi.”

“Tới giờ đi rồi đấy con trai,” mẹ vừa nói vừa đi đến ôm tôi lần cuối. “Thầy đang đứng trước cửa. Đừng bắt ông phải chờ.”

Chúng tôi là một gia đình không thích chia tay lằng nhằng, vói lại đã chào tạm biệt nhau rồi, thế nên tôi một mình bước ra sân.

Thầy Trừ Tà ở bên ngoài cánh cổng, một nhân ảnh tối om nổi bật trên nền ánh sáng bình minh xam xám. Thầy đội mũ trùm lên và đang đứng thẳng băng, cao lêu nghêu, tay trái cầm trượng. Tôi bước về phía thầy, mang theo mình túi nhỏ đựng vật dụng cá nhân, cảm thấy vô cùng bồn chồn.

Ngạc nhiên làm sao, Thầy Trừ Tà tự tay mở cổng và bước vào trong sân. “À này anh bạn nhỏ,” thầy lên tiếng, “Đi theo ta nào! Chúng ta nên khởi đầu theo cách như chúng ta sau này sẽ tiếp tục.”

Thay vì đi hướng ra đường lộ, thầy lại đi về phương Bắc, trực diện thẳng tiến đến Đồi Treo Cổ, và chẳng mấy chốc chúng tôi đã băng qua cánh đồng cỏ phía Bắc, tìm tôi bắt đầu đập mạnh. Khi chúng tôi đi đến hàng rào lằn ranh, Thầy Trừ Tà nhảy qua nhẹ nhàng như

một người đáng nửa tuổi mình, nhưng tôi thì chôn chân tại chỗ. Lúc vừa đặt tay lên nóc hàng rào, tôi đã có thể nghe thấy âm thanh của các rặng cây đang rên xiết, những tán cành cong oằn dưới sức nặng của những người bị treo cổ.

“Có chuyện gì thế anh bạn?” Thầy Trừ Tà hỏi, quay lại nhìn tôi. “Nếu con sợ hãi những thứ ở ngay trước cửa nhà con, thì với ta, con không được tích sự gì.”

Tôi hít một hơi sâu rồi leo qua hàng rào. Chúng tôi chậm chạp hướng lên trên, ánh sáng bình minh dần tối lại khi chúng tôi tiến vào trong bóng tối của rừng cây. Càng leo lên cao không khí có vẻ càng lạnh hơn và chẳng bao lâu sau tôi đã bắt đầu run lẩy bẩy. Cái kiểu lạnh làm cho bạn nổi da gà và khiến cho tóc tai sau cổ bạn bắt đầu dựng đứng. Đây là điều cảnh báo rằng có chuyện gì đó không thật ổn. Trước đây tôi đã có cảm giác này khi có thứ gì đó không thuộc về thế giới này tiến đến gần tôi.

Khi chúng tôi đã lên đến đỉnh đồi, tôi có thể nhìn thấy thứ ấy phía bên dưới chân mình. Ít nhất phải có đến một trăm, đôi chỗ đến hai ba người treo cùng trên một cây, mặc những bộ quân phục có thắt lưng da rộng bản và mang những đôi ủng to lớn. Hai tay họ bị trói quặt ra sau lưng và mỗi người phản ứng một kiểu. Vài người vùng vằng thật tuyệt vọng đến nỗi cành cây bên trên họ bật lên bật xuống, trong khi những người khác chỉ chầm chậm quay quanh đầu sợi dây, xoay sang bên này rồi qua bên kia.

Trong khi quan sát, tôi đột nhiên cảm nhận được một làn gió lớn thốc vào mặt, một làn gió lạnh cóng dữ dội đến mức không thể nào là tự nhiên được. Những rặng cây rạp xuống thấp, các tán lá rung rinh và bắt đầu rụng xuống. Trong một loáng, tất cả các cành cây đều trụi lá. Khi ngọn gió đã dừng lại, Thầy Trừ Tà đặt tay lên vai tôi để dẫn tôi đến gần những người bị treo cổ. Chúng tôi dừng cách người đầu tiên chỉ vài bước.

“Nhìn anh ta đi,” Thầy bảo. “Con thấy được gì?”

“Một người lính đã chết,” tôi đáp bằng giọng chồm run run.

“Anh ta trông khoảng bao nhiêu tuổi?”

“Cao lắm là mười bảy.”

“Giỏi. Làm tốt lắm anh bạn. Giờ nhé, nói cho ta nghe nào, con còn cảm thấy sợ không?”

“Chút chút. Con không thích đứng quá gần anh ta.”

“Tại sao chứ? Chẳng có gì đáng sợ cả. Chẳng có gì có thể làm hại con. Hãy nghĩ về chuyện với anh ta thì hẳn sẽ như thế nào. Tập trung vào anh ta hơn là vào bản thân con. Anh ta đã phải cảm thấy thế nào? Điều gì sẽ là tồi tệ nhất?”

Tôi cố gắng đặt mình vào vị thế người lính và mừng tưng nếu chết như thế thì phải cảm thấy ra sao. Con đau và nổi giằng co cố giành lấy hơi thở hẳn là rất kinh khủng. Nhưng có lẽ còn có điều gì đó thậm chí còn tệ hại hơn...

“Hẳn anh ấy đã biết là mình sắp chết và rằng mình sẽ không bao giờ còn về nhà được nữa. Rằng anh ấy sẽ không được gặp lại gia đình mình nữa,” tôi trả lời Thầy.

Những lời ấy thốt ra khiến một làn sóng buồn bã quét qua tôi. Thế rồi, cùng lúc khi điều đó xảy ra, những người bị treo cổ từ từ biến mất, cho đến khi chỉ còn hai người chúng tôi trên sườn đồi và lá cây bắt đầu xanh trở lại trên cành.

“Giờ thì con cảm thấy thế nào? Vẫn còn sợ không?”

Tôi lắc đầu. “Không, con chỉ thấy buồn.”

“Giỏi lắm anh bạn. Con đang học hỏi. Chúng ta là con trai thứ bảy của người con thứ bảy và chúng ta có năng khiếu nhìn thấy những chuyện mà người khác không thể nhìn được. Nhưng cái tài năng ấy đôi khi lại là lời nguyền. Nếu chúng ta sợ, thỉnh thoảng có những thứ có thể lợi dụng nỗi sợ hãi ấy. Sợ hãi làm cho cuộc sống chúng ta thêm khó khăn. Bí quyết là phải tập trung vào những gì mình có thể nhìn thấy và ngưng nghĩ về bản thân. Bí quyết này luôn có tác dụng.

Này anh bạn, cảnh tượng ấy thật kinh hoàng, nhưng họ chỉ là những vãn hồn,” Thầy giảng tiếp. “Chúng ta chẳng thể làm được gì nhiều cho họ và khi đến lúc thì họ tự động tan biến đi. Một hai trăm

năm nữa sẽ chẳng còn lại gì.”

Tôi những muốn kể cho thầy nghe rằng có lần mẹ đã làm gì đấy với bọn họ, nhưng rồi lại thôi. Cãi lời thầy chắc sẽ lôi chúng tôi vào một khởi đầu chẳng hay ho gì.

“Mà này, nếu đây là những hồn ma thì lại là chuyện khác,” Thầy bảo. “Con có thể nói chuyện phải trái với hồn ma. Chỉ cần con làm cho chúng nhận ra chúng đã chết, đấy là một hành động rất tốt bụng và là một bước quan trọng giúp cho hồn ma bước tiếp. Thường thì một hồn ma là một linh hồn hoang mang bị mắc kẹt trên dương gian này nhưng lại không biết chuyện gì đã xảy ra. Vậy nên thường là hồn ma luôn đau khổ dằn vặt. Nhưng rồi cũng có những hồn ma tồn tại nơi này có chủ đích và họ có lẽ có chuyện muốn bảo với con. Nhưng vẫn hồn chỉ là một mảnh của một linh hồn đã chuyển qua điều tốt đẹp hơn. Họ chỉ là thể thôi anh bạn ạ. Chỉ là vẫn hồn. Con có thấy những rặng cây thay đổi không?”

“Lá rụng hết và tiết trời là mùa đông.”

“À, giờ thì lá đã mọc trở lại. Cho nên mới nói con chỉ là đang nhìn vào điều gì đó trong quá khứ. Chỉ là một sự nhắc nhở về những điều tàn khốc thi thoảng lại xảy ra trên trái đất này. Theo lẽ thường, nếu con gan dạ, bọn chúng không thể nhìn thấy con và cũng chẳng cảm nhận được gì. Một vẫn hồn chỉ giống như hình ảnh phản chiếu trong hồ nước vẫn còn tồn tại dù chủ thể của nó đã siêu thoát. Hiểu những gì ta đang nói không?”

Tôi gật đầu.

“Được rồi, vậy là đã giải quyết xong một chuyện. Thịnh thoảng chúng ta phải đương đầu với thế giới người chết, vậy con cũng nên làm quen với bọn họ. Mà thôi, chúng ta bắt đầu đi nào. Còn một chặng đường khá dài để đi tiếp đấy. Đây, từ rày trở đi con sẽ phải mang thứ này.”

Thầy Trừ Tà đưa cho tôi chiếc túi da to lớn của thầy và rồi không liếc ra sau lấy một lần, thầy sải bước đi ngược lên đồi. Tôi theo chân thầy trèo qua đỉnh đồi, đi xuống rồi xuyên qua rừng cây về phía đường lộ, lúc này là một vết sọc xám xa xa chạy ngoằn ngoèo về hướng Nam qua những đồng cỏ như những mảng vá màu nâu hay

xanh lục.

“Trước đây có chu du nhiều chưa anh bạn?” Thầy hỏi với qua vai.
“Đã nhìn thấy được gần hết Hạt chưa?”

Tôi thưa với thầy là mình chưa bao giờ rời xa khỏi trang trại của bố tôi hơn một cây số. Chuyến chu du xa nhất mà tôi từng thực hiện là đi đến chợ trong vùng.

Thầy Trừ Tà lẩm ba lẩm bầm và lắc đầu; tôi có thể nhận thấy là thầy không được hài lòng hết mực với câu trả lời của tôi.

“Vậy thì, bắt đầu từ hôm nay con sẽ chu du,” thầy bảo. “Chúng ta đang đi về hướng Nam tới một ngôi làng lên là Horshaw. Chỉ hơn hai mươi lăm cây số theo đường quạ bay và chúng ta phải đến đó trước khi trời tối.”

Tôi có nghe về Horshaw. Đây là một ngôi làng hầm mỏ và có vỉa than lớn nhất trong Hạt, cung cấp đầu ra cho hàng tá mỏ than chung quanh. Tôi chưa bao giờ mong được đến đây và thắc mắc công chuyện của Thầy Trừ Tà ở một chỗ như thế có thể là gì mới được.

Thầy bước nhanh khùng khiếp, sỏi từng sỏi chân thật dài mà nhẹ nhàng như không. Chẳng mấy chốc tôi đã phải vất vả theo cho kịp; vừa phải mang chiếc túi nhỏ đựng tư trang và quần áo của mình, giờ tôi còn phải vác luôn túi của thầy nữa, mà dường như mỗi phút trôi qua, chiếc túi mỗi thêm nặng. Và rồi, để cho mọi chuyện thêm khó khăn, trời bắt đầu đổ mưa.

Khoảng một tiếng trước giữa trưa thì Thầy đột ngột dừng bước. Thầy quay lại nhìn tôi trừng trừng. Lúc đấy tôi đang cách thầy mười sải chân. Hai chân tôi đau nhức và tôi đã bắt đầu đi khập khiễng. Con lộ chẳng hơn một rãnh đường hẹp là mấy và lại nhanh chóng biến thành đường bùn. Khi vừa bắt kịp thầy, tôi vấp phải ngón chân mình, trượt đi và sém chút mất thăng bằng.

Thầy tặc lưỡi. “Thấy xây xẩm hả anh bạn?” thầy hỏi.

Tôi lắc đầu. Tôi muốn cho cánh tay mình nghỉ ngơi chốc lát nhưng có vẻ như bỏ túi thầy xuống bùn là không được đúng đắn cho lắm.

“Vây là tốt,” Thầy Trừ Tà vừa nói vừa hơi hơi cười mỉm, nước mưa nhỏ thành giọt từ vành mũ trùm xuống bộ râu thầy. “Không bao giờ tin tưởng một kẻ xây xắm. Đây là một điều rất đáng phải ghi nhớ.”

“Con đâu có xây xắm,” tôi phản đối.

“Không ư?” thầy nhướn mày hỏi lại. “Vây thì chắc là do đôi ủng của con rồi. Đôi ủng ấy sẽ chẳng giúp đỡ được gì nhiều trong công việc này đâu.”

Ủng của tôi thì cũng giống như ủng của bố hay của anh Jack, bền thì bền thật đấy, vả lại cũng thích hợp cho đám bùn sinh trong trang trại, nhưng lại là loại ủng cần phải được mang thật lâu cho quen chân. Một đôi mới toanh thường làm bạn chịu hai tuần phòng rộp trước khi chân bạn vừa vắn với đôi giày.

Tôi nhìn xuống đôi ủng của Thầy Trừ Tà. Đôi ủng làm từ da thuộc loại hảo hạng, bền chắc, đế ủng dày dặn hơn bình thường. Đôi này thì phải tốn khối tiền, nhưng theo tôi thì đối với một người phải đi bộ thật nhiều, đôi ủng này thật đáng đồng tiền bát gạo. Đôi ủng cong lên theo từng bước đi của thầy và tôi liền biết là chúng rất êm ái ngay phút đầu tiên thầy xỏ chân vào.

“Trong công việc này, một đôi ủng tốt là rất quan trọng,” thầy nói. “Chúng ta chẳng phụ thuộc vào con người hay quái vật để đưa chúng ta tới nơi ta cần tới. Nếu con dựa vào đôi chân cứng cáp của mình, thì chúng sẽ không bao giờ làm con thất vọng. Vây nên nếu cuối cùng ta quyết định nhận con vào, ta sẽ tìm cho con đôi ủng giống như của ta. Còn cho đến lúc đấy, con sẽ phải xoay sở lấy theo cách tốt nhất.”

Đến giữa trưa, chúng tôi dừng lại nghỉ ngơi chóng vành, trú trong một chuồng gia súc bỏ hoang để tránh mưa. Thầy Trừ Tà lấy từ trong túi áo ra một mảnh vải rồi mở ra, bày ra một tảng lớn phô mai vàng vàng.

Thầy bẻ một miếng đưa cho tôi. Tôi cảm thấy tệ hơn, vả lại cũng rất đói nên tôi ăn ngấu ăn nghiến. Thầy Trừ Tà chỉ ăn một mẩu bé tẹo rồi gói phần còn lại nhét trở vào túi.

Khi vào trong trú mưa, thầy kéo mũ trùm ra sau nên giờ là lần

đầu tiên tôi có dịp nhìn thấy rõ ràng. Ngoại trừ bộ râu dài rậm và đôi mắt của kẻ treo cổ, điểm đáng chú ý nhất là mũi của thầy, sắc nhọn và khắc nghiệt, khoằm khoằm như mỏ chim. Miệng thầy, khi ngậm lại, hầu như bị râu cằm ria mép che gần hết. Bộ râu thầy thoạt nhìn thì xam xám, nhưng khi tôi nhìn kỹ hơn, mặt cố tỏ vẻ bình thản nhất có thể để thầy không chú ý, tôi thấy dường như mọi sắc màu cầu vồng đều lấp ló trong ấy. Nào là sắc đỏ, sắc đen, sắc nâu và, hiển nhiên, là rất nhiều sợi bạc, nhưng sau này tôi nhận ra rằng tất cả đều phụ thuộc vào ánh sáng.

“Hàm nhỏ thì tính cách hẹp hòi,” bố tôi vẫn thường nói thế và ông cũng tin rằng vài người đàn ông để râu chỉ để che giấu sự thật ấy. Tuy vậy, khi nhìn vào Thầy Trừ Tà, bạn có thể thấy mặc cho bộ râu thì hàm của thầy vẫn dài, và khi thầy mở miệng lại phô ra những cái răng vàng vàng sắc chớm thích hợp cho việc cạp thịt sống hơn là gặm nhấm phô mai.

Tôi rùng mình, bất giác nhận ra thầy nhắc cho tôi nghĩ về con chó sói. Mà không phải chỉ vì bề ngoài của thầy không đâu. Thầy là một loại dã thú vì thầy đi săn trong bóng tối; tồn tại chỉ nhờ vào việc gặm phô mai chắc là khiến thầy luôn đói và tàn ác. Nếu tôi hoàn thành kỳ thử việc của mình, rốt cuộc tôi sẽ giống như thầy.

“Còn đói hả anh bạn?” thầy hỏi, đôi mắt xanh lục của thầy nhìn vào mắt tôi chòng chọc cho đến khi tôi bắt đầu cảm thấy hoa mắt.

Tôi ướt lướt thướt, hai chân đau nhức, nhưng trên hết là tôi đói. Vậy nên tôi gật đầu, nghĩ rằng biết đâu thầy lại cho tôi thêm chút nữa, nhưng thầy chỉ lắc đầu rồi lăm bắm lăm bắm. Đoạn, một lần nữa, thầy nghiêm nghị nhìn tôi.

“Đói là việc mà con phải tập làm quen. Chúng ta không ăn nhiều khi đang làm việc, và nếu công việc rất khó khăn, chúng ta sẽ chẳng ăn gì hết cho đến khi xong việc. Nhịn đói là điều an toàn nhất vì nó sẽ khiến chúng ta ít sơ hở hơn trong bóng tối. Khiến chúng ta mạnh hơn. Vậy nên tốt hơn con hãy tập làm quen ngay từ bây giờ, vì chúng ta phải đến được Horshaw, ta sẽ ra cho con một bài kiểm tra nho nhỏ. Con sẽ phải ở qua một đêm trong căn nhà ma ám. Và con phải ở đấy một mình thôi. Bài kiểm tra này sẽ cho ta thấy con thực sự có được những gì!”

C húng tôi đến Horshaw khi chuông nhà thờ bắt đầu đổ tiếng ở xa xa. Đã bảy giờ và trời chuẩn bị sập tối. Cơn mưa phùn nặng hạt thốc thẳng vào mặt chúng tôi, nhưng ánh sáng ban ngày vẫn còn le lói đủ cho tôi nhận định được rằng, đây không phải là nơi mình muốn cư ngụ và thậm chí một cuộc viếng thăm ngắn ngủi đến nơi đây cũng tốt nhất là tránh đi cho rồi.

Horshaw là một vết phết đen trên nền những cánh đồng xanh lục, một nơi nhỏ bé xấu xí và khắc nghiệt với khoảng hai tá dãy nhà tồi tàn đầu lung vào nhau tùm tùm chủ yếu là trên mạn phía Nam của sườn đồi khoằm khoằm ẩm ướt. Cả vùng này chằng chịt những mỏ than, và Horshaw nằm ngay chính giữa. Cao cao bên trên ngôi làng là một đồng xỉ than thật lớn đánh dấu lối vào hầm mỏ. Đằng sau đồng xỉ than là những sà than, trữ lấy một lượng nhiên liệu đủ lớn để giữ cho những đô thị lớn nhất trong Hạt được ấm áp qua những mùa đông thậm chí là dài nhất.

Không lâu sau đấy, chúng tôi đi xuống những con đường lát sỏi nhỏ hẹp, lưng luôn phải ép sát mấy bức tường đầy bụi bẩn để nhường lối cho những cỗ xe chất đầy những viên than đen ướt nhep và lấp lánh dưới mưa. Những chú ngựa thồ to lớn đang kéo xe phải gồng hết thân mình lên dưới sức nặng hàng hóa, vó ngựa trầy trật trên mặt đường sỏi bóng loáng.

Chung quanh chỉ rải rác vài người trên đường nhưng những tấm rèm ren được hạ phất xuống khi chúng tôi đi qua, rồi có lúc chúng tôi gặp một nhóm thợ mỏ mặt mày khắc khổ đang lê bước ngược lên ngọn đồi để vào ca đêm. Bọn họ đang lớn tiếng chuyện trò nhưng đột nhiên im bặt và chuyển sang bước thành một hàng dọc để bước qua chúng tôi, đi nép sang tận mãi bên kia đường. Một người trong bọn họ còn đưa tay lên làm dấu thánh.

“Làm quen với chuyện này đi anh bạn,” Thầy Trừ Tà căn nhắc. “Chúng ta được cần đến nhưng hiếm khi nào được chào mời, và có nơi này lại còn khó chịu hơn nơi khác.”

Cuối cùng, chúng tôi quành qua góc phố vào con đường thấp nhất và ghé hơn hết thảy. Chẳng có ai sống ở đấy – bạn có thể nhìn ra ngay ấy mà. Thoạt tiên là vài cửa sổ đã vỡ còn những cửa sổ khác đã bị đóng ván bịt kín, không có bóng dáng ánh đèn nào. Ở cuối con đường là một nhà kho trước đây chứa bắp bỏ hoang, hai cánh cổng gỗ to lớn mở hé hé và mắc lủng lơ trên những bản lề hoen gỉ.

Thầy Trừ Tà dừng lại trước ngôi nhà mái cuối. Nó nằm ngay góc đường sát cạnh nhà kho, căn duy nhất mang số nhà trên con đường này. Con số đó được khắc từ kim loại và đóng đinh lên cánh cửa. Là số *mười ba* xấu xa và xúi quẩy nhất trong các con số, và ngay bên trên con số là bảng tên đường cao cao trên tường, được treo vào một cái đinh tán hoen gỉ duy nhất và gần như là chỉ thẳng đứng xuống nền đường lát sỏi. Bảng mang tên: HÉM ƯỚT.

Ngôi nhà này có khung cửa sổ nhưng những tấm rèm ren lại ố vàng và chẳng đầy mạng nhện. Đây hẳn là căn nhà ma ám mà sư phụ tôi đã cảnh báo lúc trước.

Thầy Trừ Tà lôi từ trong túi ra chiếc chìa khóa, mở khóa cửa và dẫn đường đi vào bóng tối bên trong. Thoạt tiên, tôi vui mừng vì được thoát khỏi cơn mưa phùn, nhưng khi thầy thắp nến lên và đặt nó xuống sàn gần ngay chính giữa căn phòng trước nhỏ bé, thì tôi biết rằng mình ở trong chuồng bò bỏ hoang còn dễ chịu hơn nhiều. Chẳng trông thấy đâu được một món bàn ghế nào, chỉ có sàn nhà lát đá tảng trơ trụi và một ụ rơm dơ dáy bên dưới cửa sổ. Căn phòng cũng rất ảm thấp, không khí lại lạnh lẽo nặng nề, và nhờ vào ánh nến chập chờn tôi có thể thấy được hơi thở mình bốc khói.

Những gì tôi nhìn thấy đã ghé rồi, nhưng những gì thầy nói còn kinh hơn.

“Này anh bạn, ta có việc phải can dự, thế nên ta sẽ đi khỏi đây, nhưng sau đấy ta sẽ quay lại. Có biết phải làm gì không đấy?”

“Thưa không ạ,” tôi vừa trả lời vừa quan sát ngọn nến chập chờn, lòng thầm lo lắng ngọn nến sẽ phụt tắt bất cứ lúc nào.

“À, là những gì trước đây ta đã bảo con rồi. Con không lắng nghe sao? Con cần phải tỉnh táo, không được lan man mơ màng. Mà thôi, cũng chẳng phải gì khó khăn lắm,” thầy giảng giải, tay gãi gãi chòm

râu như là có con gì đang bò trong ấy. “Con chỉ cần phải ở đây một mình qua đêm nay. Ta đưa tất cả những tay học việc mới đến ngôi nhà cũ kỹ này trong đêm đầu tiên để ta có thể nhìn ra mấy đũa gan đến cỡ nào. Ồ, mà có một điều ta chưa bảo cho con. Đến nửa đêm ta muốn con đi xuống hầm rượu để đối mặt với một thứ đang lẩn khuất dưới đây. Qua được việc này thì con đã gần đạt đích được nhận vào làm lâu dài rồi đấy. Có câu gì hỏi không?”

Hỏi thì tôi có cả đống đề hỏi nhưng tôi sợ phải nghe lấy câu trả lời quá đi mất. Vậy nên tôi chỉ lắc đầu và cố giữ cho môi trên không run run.

“Làm sao con biết khi nào là nửa đêm?” thầy hỏi.

Tôi nhún vai. Đoán thời gian căn cứ vào vị trí của mặt trời và sao thì tôi khá lăm, và thậm chí nếu phải làm việc lúc nửa đêm, hầu như tôi luôn luôn biết chính xác lúc ấy là mấy giờ, nhưng ở đây tôi lại không chắc lăm. Ở một vài nơi thời gian dường như trôi đi chậm chạp hơn và tôi có cảm giác rằng chỗ này là một trong những nơi ấy.

Đột nhiên tôi nhớ đến đồng hồ nhà thờ. “Chuông vừa đổ bảy tiếng,” tôi nói. “Con sẽ chỉ cần nghe thấy mười hai tiếng chuông là biết ngay ấy mà.”

“Chà, ít ra thì bây giờ con tỉnh táo rồi đây,” Thầy vừa nói vừa thoáng cười. “Khi chuông đổ mười hai tiếng, cầm lấy mẩu nến và dùng nó để tìm đường đi xuống hầm rượu. Từ đây cho đến lúc đó, hãy ngủ đi nếu con có thể. Giờ nghe cho rõ đây – có ba điều quan trọng phải nhớ. Đừng mở cửa trước cho bất cứ ai, mặc cho họ có gõ cửa mạnh đến đâu đi nữa, và đừng có xuống hầm rượu trễ đấy.”

Thầy dợm bước đi ra cửa.

“Thế còn điều thứ ba là gì ạ?” Đến giây cuối cùng tôi mới hỏi với ra.

“Cây nến đấy, anh bạn. Dù con có làm gì, cũng đừng để nến tắt...”

Đoạn thầy đi mất, cửa đóng lại sau lưng thầy, và tôi chỉ còn lại một mình. Tôi cẩn thận bung cây nến lên, bước đến cửa phòng bếp và thò đầu vào nhìn. Căn bếp trống vốc chẳng có gì ngoài một chậu rửa

bằng đá. Cửa sau đã được đóng nhưng gió vẫn rền rĩ bên dưới cánh cửa. Bên tay phải còn có hai cánh cửa nữa. Một cánh để mở và tôi có thể trông thấy cầu thang gỗ trống trơn dẫn lên phòng ngủ bên trên. Cánh cửa còn lại, cánh gần nơi tôi đứng nhất, đang được đóng kín.

Có điều gì đó về cánh cửa đóng im ỉm này làm tôi thấy khó chịu nhưng tôi vẫn quyết định ngó qua một cái. Tôi bèn chồm nắm lấy tay nắm cửa và giật giật. Cửa đóng chặt cứng, khó mà giật ra, và trong thoáng chốc tôi có cái cảm giác rờn rợn là có ai đó đang đứng bên kia cánh cửa mà kéo lại. Khi tôi giật mạnh hơn một chút, cửa bật mở, làm tôi mất cả thăng bằng. Tôi loạng choạng thối lui vài bước, sém chút nữa đánh rơi cây nến.

Những bậc thang bằng đá dẫn xuống bóng tối; những bậc thang ấy bị muội than bám đen. Cầu thang uốn quanh sang trái nên tôi không thể nhìn thẳng xuống hầm rượu, nhưng một ngọn gió lùa lạnh cóng từ dưới đáy thốc lên, khiến cho ngọn nến rung rinh chấp chới. Tôi nhanh tay đóng cánh cửa lại và quay ra căn phòng trước, đóng luôn cả cửa bếp.

Tôi cẩn thận đặt cây nến xuống góc phòng xa nhất, cách xa cửa chính lẫn cửa sổ. Sau khi đã yên chí là cây nến sẽ không ngã xuống, tôi nhìn quanh sàn nhà tìm chỗ đặt lưng. Chẳng có mấy lựa chọn. Chắc chắn là tôi sẽ không ngủ trên đồng rơm ẩm, thế nên tôi an tọa ngay chính giữa căn phòng.

Nền đá cứng ngắt và lạnh lẽo nhưng tôi vẫn có thể chợp mắt. Khi đã mơ màng rồi, tôi sẽ thoát ra khỏi căn nhà cũ kỹ khắc nghiệt ấy và tôi cảm thấy khá tự tin là mình sẽ thức dậy trước lúc nửa đêm.

Thường thì tôi có thể dễ dàng chìm vào giấc ngủ, nhưng lần này lại khác. Tôi mãi run lập cập vì lạnh và cơn gió bắt đầu khua những khung cửa sổ lách cách. Lại còn thêm tiếng lộp cộp sột soạt phát ra từ mấy bức tường. Chỉ là mấy con chuột thôi mà, tôi cứ mãi bụng bảo dạ. Dĩ nhiên, ở trang trại, chúng tôi đã quá quen với lũ chuột rồi. Nhưng rồi, bỗng nhiên, tận sâu bên dưới hầm rượu tối tăm kia vọng lên một âm thanh mới đáng lo ngại.

Thoạt đầu âm thanh ấy thật mơ hồ, làm cho tôi phải căng cả hai tai, nhưng rồi tiếng động ấy lớn dần cho đến khi tôi chẳng còn nghi ngờ về những gì mình nghe được nữa. Mãi bên dưới hầm rượu ấy, có

chuyện gì đó đang xảy ra trong khi nó không nên xảy ra. Ai đó đang đào rất nhịp nhàng, đồng thời lật từng mảng đất nặng nề bằng cái mai kim loại sắc lẹm. Đầu tiên là tiếng chan chát khi cạnh kim loại va vào bề mặt đá cứng, tiếp theo sau đó là âm thanh sụt xuống òm ọp, mềm mềm khi lưỡi mai nhận sâu vào đất sét đặc và giật nó bay ra khỏi mặt đất.

Hoạt động này diễn ra trong nhiều phút cho đến khi tiếng ồn ngưng lại cũng đột ngột như khi nó bắt đầu. Mọi vật lặng ngắt như tờ. Thậm chí lũ chuột cũng thôi không sột soạt. Giống như thể căn nhà cùng mọi thứ trong nó đang nín thở. Tôi biết là mình đang nín thở thật.

Sự im lặng chấm dứt bằng một tiếng rầm rền vang. Thế rồi một loạt tiếng rầm rầm, dứt khoát là có nhịp điệu rõ ràng. Tiếng rầm ấy mỗi lúc mỗi lớn hơn. Và lớn hơn nữa. Và gần hơn...

Ai đó đang từ dưới hầm rượu leo thang lên đây.

Tôi vơ lấy cây nến và rúm người lại vào góc phòng xa nhất. *Rầm, rầm, rầm*, gần hơn rồi gần hơn, tiếng đế ủng nặng nề vang đến. Là ai lúc này đào bới dưới kia trong bóng tối? Là ai bây giờ đang leo thang lên đây?

Nhưng có lẽ câu hỏi không phải là *ai* đang leo cầu thang lên. Câu hỏi có lẽ phải là *cái gì*...

Tôi nghe thấy tiếng cửa hầm rượu mở ra và tiếng đế ủng rầm rập trong nhà bếp. Tôi lại đẩy mình vào trong góc phòng, cố gắng thu nhỏ người lại, chờ đợi cánh cửa phòng bếp mở ra.

Và cửa mở ra thật, thật chậm chạp, kèm theo tiếng két rồ to. Có thứ gì đó bước vào phòng. Lúc đấy tôi cảm thấy lạnh. Rất lạnh. Cái kiểu lạnh hay bảo cho tôi biết rằng có thứ gì đó không thuộc về thế giới này đang ở gần đây. Giống như cái kiểu lạnh trên Đồi Treo Cổ, chỉ có điều là lạnh hơn, lạnh hơn rất nhiều.

Tôi nhấc cây nến lên, ánh sáng ngọn nến chập chờn rọi ra những bóng hình rùng rợn nhảy múa trên tường và trên trần nhà.

“Ai đấy?” tôi hỏi. “Ai đấy?” giọng tôi còn run hơn bàn tay đang

cầm nển của mình.

Chẳng có lấy tiếng trả lời. Ngay cả ngọn gió bên ngoài kia cũng đã ngừng bật.

“Ai đấy?” tôi lại gào lên.

Lại chẳng có ai hồi âm, nhưng những đôi ủng vô hình lại cọt kẹt trên nền đá khi chúng tiến về phía tôi. Chúng tiến đến mỗi lúc một gần hơn, và giờ tôi còn có thể nghe thấy tiếng thở nữa. Có thứ gì đó to lớn đang thở khò khè nặng nhọc. Nghe như một con ngựa thồ to khủng vừa mới kéo một lô hàng đậm ngược lên ngọn đồi.

Đến giây phút cuối cùng, tiếng bước chân chuyển hướng ra xa tôi và dừng lại gần bên cửa sổ. Tôi thì đang nín thở trong khi cái vật bên cửa sổ dường như là thở giùm cho cả tôi lẫn nó, hít từng vục từng vục không khí vào phổi như thể nó thở mấy cũng không đủ.

Đến lúc tôi không thể chịu đựng thêm được nữa, vật thể ấy thở dài rõ to, nghe vừa mệt mỏi lại vừa thật buồn, rồi đôi ủng vô hình lại cọt kẹt trên nền đá, những bước chân nặng nề rời xa cửa sổ, quay lại cửa chính. Rốt cuộc, khi những bước chân ấy rầm rập quay lại bậc thang dẫn xuống hầm rượu thì tôi mới có thể thở trở lại được.

Tim tôi bắt đầu chậm nhịp lại, hai tay thôi run rẩy và dần dà tôi bình tâm. Tôi phải tập trung tư tưởng. Tôi đã sợ, nhưng nếu đấy là điều tệ hại nhất sẽ xảy ra trong đêm nay, thì tôi đã vượt qua rồi, đã qua kỳ kiểm tra đầu tiên rồi. Tôi sẽ là chân học việc của Thầy Trừ Tà, thế nên tôi phải làm quen với những nơi như ngôi nhà ma ám này. Đây là một phần của công việc.

Sau khoảng năm phút, tôi bắt đầu cảm thấy dễ chịu hơn. Tôi thậm chí còn nghĩ đến việc cố ngủ thêm lần nữa, nhưng như lời bố tôi đôi khi có nói, “Kẻ xấu xa không bao giờ ngơi nghỉ.” Nay, tôi chẳng biết mình đã làm gì sai, nhưng lại có thêm một âm thanh mới đột ngột vọng đến làm tôi chột dạ.

Thoạt tiên âm thanh ấy xa xăm mơ hồ – ai đó đang gõ cửa. Ngưng một chốc, rồi lại gõ tiếp. Ba tiếng cộc rõ ràng, nhưng lần này hơi gần hơn. Lại ngưng một chốc, rồi cộc cộc tiếp.

Tôi không mất nhiều thời gian để hiểu ra. Ai đó đang gõ thật mạnh vào mỗi cánh cửa của từng ngôi nhà trên con đường này, mỗi lúc một tiến gần đến căn nhà số mười ba. Khi cuối cùng họ cũng đến được bên ngôi nhà ma ám, tiếng gõ lên cửa trước to đến mức đến người chết cũng đội mồ sống dậy. Liệu cái vật gì đấy dưới hầm rượu có trèo lên mà mở cửa không nhỉ? Tôi thấy mình như bị mắc kẹt giữa hai đàng: thứ gì đó bên ngoài muốn vào trong nhà; thứ nằm dưới lòng đất lại muốn được giải thoát.

Và rồi, bỗng nhiên, mọi chuyện bình thường. Một giọng nói từ bên ngoài cửa chính gọi với vào, giọng nói tôi hằng quen thuộc.

“Tom ơi! Tom! Mở cửa ra! Cho mẹ vào!”

Là mẹ. Tôi quá mừng vì nghe thấy tiếng bà đến nỗi tôi chạy vội ra cửa mà không hề suy nghĩ. Ngoài kia trời đang mưa nên bà sẽ bị ướt mất.

“Nhanh lên nào Tom, nhanh lên!” Mẹ gọi. “Đừng để mẹ phải chờ.”

Tôi đã đưa tay nhắc then cài cửa lên rồi đấy chứ, nhưng tôi chợt nhớ đến lời cảnh báo của Thầy Trừ Tà, *“Đừng mở cửa trước cho bất cứ ai, mặc cho họ có gõ cửa mạnh đến đâu đi nữa...”*

Nhưng làm sao tôi có thể để mặc mẹ ngoài bóng tối kia chứ?

“Coi nào Tom! Cho mẹ vào đi con!” giọng nói lại vang lên.

Nhớ đến lời thầy đã dặn, tôi hít thật sâu và cố suy nghĩ. Lý trí mách bảo tôi không thể nào là mẹ được. Tại sao bà lại lặn lội theo tôi mãi tận đây? Làm sao bà lại biết chúng tôi sẽ đi đâu? Mà mẹ cũng chẳng bao giờ đi xa một mình. Bố tôi hay Jack hẳn sẽ đi cùng.

Không, ngoài kia phải là thứ gì khác. Thứ gì đấy không có tay nhưng vẫn có thể gõ lộc cộc lên cửa. Thứ gì đó không có chân nhưng vẫn đứng được trên vỉa hè.

Tiếng gõ cửa bắt đầu lớn hơn.

“Cho mẹ vào đi Tom,” tiếng ấy van nài. “Sao con lại có thể khặc

nghiệt tàn nhẫn đến thế? Mẹ lạnh công, ướt lướt thướt và mệt mỏi nữa.”

Rồi dần dần thứ ấy bắt đầu khóc, thế là tôi biết rõ chắc chắn đây không thể nào là mẹ. Mẹ là người mạnh mẽ. Mẹ sẽ chẳng bao giờ khóc dù mọi chuyện có tồi tệ đến thế nào.

Sau một chốc, những âm thanh ấy lịm dần rồi tắt hẳn. Tôi nằm xuống sàn cố chớp mắt lần nữa. Tôi cứ trở mình mãi, xoay bên này rồi lại bên kia, nhưng có cố cách mấy tôi cũng chẳng ngủ được. Gió bắt đầu giạt trên các bậu cửa sổ càng mạnh hơn, và cứ mỗi một tiếng và nửa tiếng đồng hồ chuông đồng hồ nhà thờ lại đổ, làm tôi tiến gần hơn đến thời khắc nửa đêm.

Càng đến gần với thời điểm phải leo xuống mấy bậc cấp hầm rượu, tôi càng trở nên lo lắng. Đúng là tôi muốn qua được bài kiểm tra của Thầy Trừ Tà, nhưng mà, than ôi, tôi thật ao ước muốn quay về nhà trên chiếc giường ấm áp, an toàn và êm ái đến dường nào.

Và rồi, ngay sau khi chuông đồng hồ điểm một tiếng – mười một giờ rưỡi – tiếng đào bới lại bắt đầu...

Một lần nữa tôi lại nghe thấy tiếng ụng nặng nề rầm rập chậm chạp leo lên bậc thang từ hầm rượu; một lần nữa cánh cửa mở ra và đôi ụng vô hình bước vào phòng trước. Đến lúc này, phần duy nhất trong tôi còn cử động là trái tim đang đập mạnh đến nỗi dường như nó sắp sửa đập gãy cả xương sườn. Nhưng lần này đôi ụng không quành sang hướng cửa sổ. Chúng tiếp tục đi tới. *Rầm! Rầm! Rầm!* Tiến thẳng tới chỗ tôi.

Tôi thấy như mình bị nhấc bổng lên chỉ bằng tóc và da ở gáy, giống như mèo mẹ tha mèo con. Rồi một cánh tay vô hình vòng quanh người tôi, ép dính tay tôi dọc thân mình. Tôi cố hít vào một hơi nhưng không thể. Ngực tôi đã bị ép nghẹt.

Tôi bị mang đi về phía cửa hầm rượu. Tôi không thể nhìn thấy thứ gì đang cắp mình nhưng tôi có thể nghe được hơi thở khò khè của nó và tôi vùng vẫy trong hoảng loạn, bởi vì chẳng hiểu sao tôi lại biết chính xác chuyện gì sẽ xảy ra. Chẳng hiểu sao tôi lại biết vì có gì trước đây có tiếng đào bới dưới này. Tôi đang bị mang xuống bậc thang dẫn đến hầm rượu và tôi biết rằng một cái huyết đang chờ mình dưới đây.

Tôi sẽ bị chôn sống.

Tôi hoảng kinh và cố gào lên, nhưng còn tệ hơn việc chỉ bị giữ chặt cứng và capped đi. Tôi tê liệt và chẳng thể cử động lấy được một thớ thịt.

Bỗng nhiên tôi đang rơi xuống...

Tôi thấy mình đang bò lồm cồm, nhìn trần trời vào cánh cửa để mở dần xuống hầm rượu. Trong cơn hoảng loạn, tim tôi đập nhanh đến mức chẳng đếm nổi nhịp, tôi lão đảo đứng lên đóng sập cửa lại. Vẫn còn run rẩy, tôi trở lại phòng trước để rồi nhận ra rằng điều lệ thứ ba của Thầy Trừ Tà đã bị vi phạm.

Cây nến đã tắt ngúm...

Khi tôi bước lại bên cửa sổ, một tia sét bất ngờ soi sáng căn phòng, tiếp theo là tiếng sấm rền vang gần như đánh thẳng xuống đầu. Mưa quất sầm sập vào ngôi nhà, giạt từng khung cửa sổ, khiến cho cửa trước rã rạc kẽo kẹt như thể có thứ gì đó đang cố xông vào.

Tôi đau khổ nhìn ra ngoài trong vài phút, quan sát những tia chớp chói lòa. Thật là một đêm kinh khủng, nhưng mặc dầu sấm chớp có làm tôi sợ, tôi sẵn sàng đánh đổi tất cả để được bước ra ngoài đường kia; đánh đổi bất cứ thứ gì để khỏi phải đi xuống dưới hầm rượu ấy.

Xa xa, chuông đồng hồ bắt đầu điểm. Tôi đếm tiếng chuông và chính xác là mười hai tiếng. Giờ đây tôi phải đối mặt với thứ ở dưới hầm rượu.

Đến lúc ấy, khi mà tia sét lại thấp sáng căn phòng, tôi mới chú ý đến dấu chân to tướng ở giữa phòng. Thoạt tiên tôi nghĩ đấy là dấu chân Thầy Trừ Tà, nhưng dấu chân này màu đen, như là đôi ủng to lớn tạo ra chúng đã bị muội than bao phủ. Những dấu chân đến từ phía cửa phòng bếp, tiến gần sát đến cửa sổ rồi lại quay về nơi chúng xuất hiện. Quay lại hầm rượu. Xuống dưới nơi tối tăm mà tôi phải xuống cùng.

Tôi ép mình tiến lên phía trước, tay lần mò trên sàn tìm mẩu nến. Thế rồi tôi mò mẫm chung quanh tìm túi đồ của mình. Chiếc hộp nhóm lửa bố cho tôi được gói giữa đống đồ ấy.

Mò mẫm trong bóng tối, tôi vãi một nhúm bụi nhùi lên sàn nhà rồi dùng đá và kim loại đánh lửa. Tôi nhen nhúm bụi nhùi ấy cho đến khi chúng bùng lên thành ngọn, vừa đủ để tôi thắp mẫu nến. Bố sẽ không thể ngờ rằng món quà của ông lại chóng hữu dụng đến thế.

Khi tôi mở cửa hầm rượu, lại có thêm một tia chớp khác cùng tiếng sấm đột ngột giáng xuống làm cả căn nhà rung chuyển, vang vọng âm âm xuống những bậc thang trước mặt tôi. Tôi đi xuống hầm rượu, tay run lấy bầy và mẫu nến nhảy nhót tạo nên những bóng hình kỳ quái phản chiếu trên tường.

Tôi không muốn đi xuống đó, nhưng nếu tôi trượt bài kiểm tra của thầy, chắc chắn là chỉ ngay sớm mai thôi tôi đã phải lên đường trở về nhà. Tôi tưởng tượng ra nỗi xấu hổ khi phải kể cho mẹ nghe những gì đã xảy ra.

Xuống hết tám bậc, tôi quàng qua góc để rồi nhìn thấy toàn căn hầm. Căn hầm không rộng lớn lắm nhưng trong mỗi góc lại có bóng tối mà ánh nến không thể rọi tới, rồi mạng nhện từ trần nhà rủ xuống thành những tấm màn mỏng manh, bấp bủ. Những mảnh than vụn cùng các thùng gỗ nằm rải rác trên nền đất, cạnh thùng bia thật to là một chiếc bàn gỗ cũ kỹ. Tôi bước vòng qua thùng bia và để ý thấy có gì đấy trong góc hầm xa kia. Thứ gì đấy đằng sau những chiếc thùng gỗ làm tôi sợ đến mức suýt đánh rơi cả cây nến.

Đấy là một bóng người tối đen, gần giống như một đồng giẻ rách, và nó đang phát ra tiếng động. Một âm thanh đều đều khe khẽ, nghe như tiếng thở.

Tôi tiến lên một bước đến gần đồng giẻ; rồi thêm bước nữa, vận dụng toàn bộ sức mạnh ý chí để đẩy cho chân nhúc nhích. Đến khi ấy, khi tôi đến thật gần để có thể chạm vào nó, thì vật thể ấy đột ngột lớn lên. Từ một bóng hình trên sàn nhà, nó dâng lên trước mặt tôi cho đến khi trở nên to lớn hơn tôi gấp ba gấp bốn lần.

Suýt chút nữa tôi bỏ chạy. Vật này cao, đen ngòm, đội mũ trùm đầu và trông thật đáng sợ, với hai mắt xanh lục lấp lánh.

Chỉ đến khi ấy tôi mới để ý đến cây trượng mà vật này đang cầm bên tay trái.

“Cái gì đã giữ chân con thế?” Thầy Trừ Tà hỏi. “Con trễ trễ đến năm phút rồi!”

Chương 4

KÝ TỰ

Hồi bé, ta sống trong căn nhà này,” thầy kể, “và ta đã nhìn thấy những điều có thể làm cho ngón chân cái của con cong quẹo lại, nhưng chỉ có ta là nhìn thấy được, và cha ta từng đánh đập ta vì tội nói láo. Có thứ gì đó từng trèo lên khỏi hầm rượu. Chắc hẳn với con cũng thế. Ta nói đúng chứ?”

Tôi gật đầu.

“Chà, cũng chẳng có gì đáng lo đâu, anh bạn. Chỉ là một vãn hồn khác thôi, một mảnh của linh hồn lằm lạc đã chuyển đến điều tốt đẹp hơn. Nếu không bỏ phần sai trái của mình lại sau lưng, thì hẳn linh hồn ấy sẽ mắc kẹt lại đây vĩnh viễn.”

“Ông ấy đã làm gì vậy hả thầy?” tôi hỏi, giọng tôi thoáng vọng lại từ trần nhà.

Thầy Trừ Tà buồn bã lắc đầu. “Ông ấy là một người thợ mỏ có hai lá phổi hỏng quá rồi nên không thể làm việc được nữa. Suốt ngày suốt đêm ông ấy chỉ có ho khan và cố gắng thở trong khi vợ ông làm việc nuôi cả hai người. Bà ấy làm công trong một hiệu bánh, nhưng thật đáng buồn cho cả hai người này, vì bà ấy quá đẹp. Chẳng có mấy người phụ nữ mà con có thể tin tưởng được đâu và những cô xinh đẹp là những người không đáng tin nhất.

Chuyện còn tệ hơn vì ông ấy là người hay ghen và bệnh tật khiến ông càng thêm quá quắt. Một đêm nọ, bà vợ đi làm về muộn nên ông cứ mãi đến bên cửa sổ, đi tới đi lui, càng lúc càng thấy nóng giận vì ông nghĩ vợ mình đang ở cùng người đàn ông khác.

Cuối cùng, khi bà vợ về tới, ông ấy đã giận đến mức dùng một tảng than to đập vỡ đầu vợ. Rồi ông mặc cho vợ mình nằm chết dần trên sàn nhà, trong khi mình đi xuống hầm rượu đào một cái huyệt. Khi ông trở lên thì bà vợ vẫn còn sống nhưng không thể cử động mà cũng không thể la lên được. Đấy chính là nỗi kinh hoàng đã ngấm vào chúng ta, bởi đấy là những gì người phụ nữ ấy cảm thấy khi ông

chồng bế bà mang xuống bóng tối dưới tầng hầm. Bà đã nghe thấy tiếng ông ấy đào huyết. Bà biết chồng mình định làm gì.

Khuya cùng đêm ấy, người thợ mỏ tự kết liễu đời mình. Đây là một câu chuyện buồn, nhưng dù bây giờ cả hai người bọn họ đã yên nghỉ, vẫn hồn của ông ấy vẫn còn đây cùng những ký ức của bà vợ, và cả hai thứ đó đều rất mạnh đến mức có thể tra tấn những kẻ như chúng ta. Chúng ta nhìn thấy những điều mà người khác chẳng thể nào thấy được, việc này vừa là ân phước lẫn lời nguyền. Nhưng này, điều ấy rất hữu ích trong công việc của chúng ta đấy.”

Tôi rùng mình. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho người vợ bị giết hại lẫn cho bác thợ mỏ đã giết vợ mình. Thậm chí tôi còn thấy tội nghiệp cho cả Thầy Trừ Tà nữa. Cứ tưởng tượng bạn phải sống hết thời thơ ấu trong căn nhà như thế này mà xem.

Tôi nhìn xuống cây nến được tôi đặt chính giữa bàn. Nến đã cháy gần hết và ngọn lửa đang chấp chới tia sáng cuối cùng, nhưng thầy lại chẳng tỏ ra dấu hiệu gì là muốn đi lên lầu trên. Tôi không thích bóng phản chiếu trên mặt thầy. Nó trông như thể đang dần dần thay đổi, như thể thầy đang mọc ra một cái vòi ngay mũi vậy.

“Con có biết ta đã vượt qua nỗi sợ hãi bằng cách nào không?” thầy hỏi.

“Dạ thưa không.”

“Một đêm nọ, ta đã kinh sợ đến nỗi thét toáng lên trước khi kịp ngậm miệng lại. Ta làm cho mọi người thức giấc, và trong cơn thịnh nộ bố ta đã tóm lấy gáy ta, mang ta xuống hầm rượu này. Rồi ông ấy lấy búa niêm chặt cửa lại.

Lúc ấy ta vẫn chưa lớn lắm. Khoảng bảy tuổi là cùng. Ta leo ngược lên mấy bậc thang, gào thét vỡ cả phổi, cào cấu đấm đá vào cánh cửa. Nhưng bố ta là người sắt đá nên ông đã bỏ ta lại một mình trong bóng tối và ta phải ở đấy hàng tiếng đồng hồ, mãi cho đến khi bình minh đã ló dạng từ lâu. Một chốc sau đó, ta bình tĩnh trở lại và con biết lúc ấy ta đã làm gì không?”

Tôi lắc đầu, cố không nhìn vào mặt thầy. Hai mắt thầy đang long lên sáng rực làm thầy trông như con sói hơn bao giờ hết.

“Ta leo xuống mấy bậc thang rồi ngồi đó, nơi hầm rượu này, trong bóng tối. Đoạn ta hít vào ba hơi thật sâu rồi đối mặt với nỗi sợ hãi của mình. Ta đối mặt với chính bóng tối, là điều đáng sợ nhất trong mọi điều, nhất là cho những người như chúng ta, bởi vì trặc trở xảy đến với chúng ta từ bóng tối. Chúng sẵn lòng lấy chúng ta bằng những tiếng thì thào và hiện hình thành những thứ chỉ có mắt chúng ta mới nhìn thấy được. Nhưng ta đã đối mặt như thế, và khi ta rời khỏi căn hầm thì điều tồi tệ nhất đã qua.”

Lúc ấy, cây nến chảy hết ra và tắt ngúm, dim hai thầy trò chúng tôi vào bóng đêm đen kịt.

“Thế đấy anh bạn,” Thầy Trừ Tà bảo. “Chỉ còn lại con, ta và bóng tối. Con có thể chịu được không? Con có thích hợp làm chân học việc cho ta không?”

Giọng của thầy nghe khang khác, như là trầm hơn và hơi kỳ. Tôi hình dung ra thầy đang bò hai tay hai chân, lông sói phủ khắp mặt, răng cở mọc dài ra. Tôi run lập cập chẳng nói được lời nào cho đến khi hít sâu vào đến hơi thứ ba. Chỉ đến lúc ấy tôi mới trả lời thầy. Đây là lời bố tôi hay nói khi ông phải làm việc gì đó không dễ chịu hay dễ dàng gì.

“Rồi phải có ai làm thôi,” tôi đáp. “Vậy thôi cứ để con làm cho rồi.”

Chắc hẳn Thầy Trừ Tà cho là câu ấy buồn cười, bởi vì tiếng cười của thầy vang khắp căn hầm rồi rầm rập dội lên những bậc thang, chạm trán với một hồi sấm ùng đang vọng xuống.

“Gần mười ba năm trước,” thầy kể, “một lá thư dán niêm được gửi đến cho ta. Lá thư ngắn gọn đề cập thẳng vấn đề và được viết bằng tiếng Hy Lạp. Mẹ con là người đã gửi thư. Con có biết thư viết gì không?”

“Không ạ,” tôi lí nhí đáp, lòng băn khoăn không biết tiếp theo lại là chuyện gì đây.

“Bà ấy viết, ‘Tôi vừa hạ sinh một bé trai, bé là con thứ bảy của người con trai thứ bảy. Tên bé là Thomas J. Ward và bé là món quà tôi dành tặng cho Hạt. Khi bé đủ trưởng thành cứng cáp, chúng tôi sẽ

báo cho ông. Hãy đào tạo thằng bé cho thật tốt. Thằng bé sẽ là chân học việc giỏi nhất mà ông từng có và nó cũng sẽ là người học việc cuối cùng.”

“Chúng ta không sử dụng phép thuật đâu anh bạn,” Thầy Trừ Tà bảo, trong bóng tối, giọng thầy không khác gì tiếng thì thào. “Những đồ nghề chính yếu trong công việc của chúng ta là kinh nghiệm thực tiễn, lòng can đảm và biết ghi chép thật chính xác. Mà trên hết, chúng ta không tin vào đồn đoán tiên tri. Chúng ta không tin rằng tương lai là mặc định. Vậy nên nếu những gì mẹ con viết lại trở thành sự thực, thì đấy là do *chúng ta* đã biến chúng thành hiện thực. Con có hiểu không?”

Giọng thầy mang chút hơi hướm giận dữ nhưng tôi biết không phải là giận tôi, nên tôi chỉ gật đầu trong bóng tối.

“Về vấn đề con là món quà của mẹ con dành tặng cho Hạt, mỗi một học trò học việc của ta đều là con trai thứ bảy của người con thứ bảy. Vậy nên con đừng có bắt đầu nghĩ mình là gì đặc biệt đấy. Trước mắt con còn có rất nhiều điều phải học và gian nan phải trải qua.”

“Gia đình có thể là điều phiền hà,” ngưng một lát rồi thầy nói tiếp, lúc này giọng thầy đã dịu lại, vẻ giận dữ đã tiêu tan. “Bây giờ ta chỉ còn lại hai người anh. Một người là thợ sửa khóa và bọn ta qua lại bình thường, nhưng còn người anh kia đã chẳng hề nói chuyện với ta hơn cả bốn mươi năm qua rồi, cho dù ông ấy vẫn còn sống nơi đây, tại Horshaw này.”

Đến khi chúng tôi rời khỏi ngôi nhà thì cơn giông đã tự tan biến đi và mặt trăng lồ lộ hiện rõ. Lúc Thầy Trừ Tà đóng cửa trước lại, lần đầu tiên tôi để ý thấy những gì được khắc trên mặt gỗ.

Thầy Trừ Tà hất đầu về phía dấu khắc. “Ta dùng những ký hiệu như vậy để cảnh báo những kẻ nào có được khả năng đọc hiểu dấu hiệu này hoặc là chỉ để khuấy động trí nhớ của ta một chút. Con sẽ nhận ra ký tự Gamma^[1] trong tiếng Hy Lạp. Đây là ký hiệu cho một hồn ma hay một văn hồn. Dấu chữ thập ở góc dưới bên phải là số 10 trong số La Mã, là mức độ thấp hơn cả trong mọi cấp bậc. Bất cứ thứ nào lớn hơn 6 thì chỉ là một văn hồn. Trong căn nhà ấy chẳng có thứ gì có thể làm hại con, nếu con dũng cảm. Hãy nhớ lấy, bóng tối tồn tại nhờ sợ hãi. Hãy dũng cảm lên thì văn hồn chẳng thể làm được gì.”

Giá như ngay từ đầu tôi đã được biết nhỉ!

“Vui lên đi nào anh bạn,” thầy bảo. “Mặt con gần xệ xuống tận giày rồi kìa! À, có lẽ thứ này sẽ làm con hăm hở lên tí.” Thầy lôi từ trong túi ra một miếng phô mai màu vàng, bẻ ra một mảnh nhỏ đưa cho tôi. “Nhai lấy đi, nhưng đừng có nuốt hết một lúc đấy.”

Tôi theo chân thầy đi xuống con đường lát sỏi. Không khí ẩm thấp, nhưng ít ra trời không mưa, và về hướng Tây, những đám mây trông như những cụm len cừ đang bắt đầu tan tác ra thành từng dải tả tơi trên nền trời.

Chúng tôi rời khỏi ngôi làng và tiếp tục đi về hướng Nam. Một nhà thờ nho nhỏ tọa lạc ngay ven rìa làng, nơi con đường rải sỏi biến thành lối mòn sinh lầy. Nhà thờ trông như bị bỏ hoang – nóc nhà thủng vài viên ngói và trên cửa chính sơn đã bong tróc từng mảng. Từ khi rời khỏi ngôi nhà chúng tôi dường như chẳng nhìn thấy ai, ấy vậy mà lại có một người đàn ông lớn tuổi đứng trên lối cửa vào nhà thờ. Mái tóc ông ta bạc trắng, dài lông thõng, nhìn nhìn và rồi bù.

Từ bộ quần áo màu đen trên người cho thấy ông ta là cha xứ, nhưng khi chúng tôi tiến đến gần, chính vẻ mặt của ông ta mới là điều làm tôi chú ý. Ông ta đang cau có nhìn chúng tôi, cả gương mặt méo mó vắn vọ. Và rồi, bỗng nhiên, ông ta đưa tay làm dấu thánh to đùng, đúng ra là khi bắt đầu làm dấu ông ta nhón chân lên, rướn ngón tay trở bên bàn tay phải của mình thật cao hết mức chĩa lên trời. Trước đây tôi đã từng trông thấy cha xứ làm dấu thánh, nhưng cái dấu to như thế, kèm theo cử chỉ cường điệu, hăm hăm giận dữ như thế thì chưa thấy bao giờ. Vẻ giận dữ hình như là dành cho chúng tôi.

Tôi đoán là ông này có bất hòa gì với Thầy Trừ Tà đây, hay là bất mãn với việc thầy làm. Tôi biết công việc ấy làm cho đa phần người ta thấy lo lắng, nhưng tôi chưa bao giờ thấy ai phản ứng như thế cả.

“Có chuyện gì với ông ta thế ạ?” tôi hỏi khi chúng tôi đã đi qua ông ta đến một cự ly an toàn để ông ta không thể nghe lỏm được.

“Đám cha xứ ấy mà!” Thầy Trừ Tà gắt, sự giận dữ rõ nét trong giọng thầy. “Họ biết hết mọi điều nhưng chẳng nhìn thấy gì cả! Và cái ông vừa nãy là tay chán nhất trong cái đám ấy. Người anh kia của ta

đấy.”

Tôi muốn biết nhiều hơn nhưng cũng cảm nhận được là không nên hỏi han gì thêm nữa. Tôi thấy dường như có rất nhiều điều cần phải học hỏi về Thầy Trừ Tà và quá khứ của thầy, nhưng tôi có cảm giác rằng đây là những điều thầy chỉ kể cho tôi nghe khi thầy thấy vui và sẵn sàng chia sẻ.

Vậy nên tôi chỉ đi theo thầy về hướng Nam, vác trên vai cái túi nặng trĩu của thầy và suy nghĩ về những gì mẹ tôi đã viết trong thư. Mẹ chẳng bao giờ là người nói ngoa nói đại. Mẹ chỉ nói những điều cần nói, thế nên mỗi một từ mẹ nói đều là sự thật. Thầy Trừ Tà đã bảo tôi rằng chẳng thể làm được gì nhiều với đám văn hồn, nhưng mẹ đã từng một lần làm cho văn hồn trên Đồi Treo Cổ phải im tiếng.

Trong loại công việc này thì việc là con trai thứ bảy của người con thứ bảy chẳng có gì đặc biệt cả – bạn phải là người như thế mới được nhận vào học việc với Thầy Trừ Tà. Nhưng tôi biết có điều gì đó khác làm cho mình khác biệt.

Tôi cũng là con của mẹ tôi nữa.

húng tôi đang hướng về nơi mà Thầy Trừ Tà gọi là “Căn nhà mùa Đông” của mình.

C Khi chúng tôi đang cuốc bộ, những đám mây cuối cùng của buổi sáng tan đi và tôi chợt nhận ra một điều khác biệt về mặt trời. Ngay cả khi ở trong Hạt, thi thoảng mặt trời cũng chói chang vào những ngày đông, thế cũng tốt vì như vậy thường là ít nhất trời cũng sẽ không mưa; nhưng cứ mỗi đầu năm mới có một khoảnh khắc bạn bỗng cảm nhận được hơi ấm đầu mùa. Cảm giác giống như là một người bạn cũ đã quay về. “Hôm nay là ngày đầu xuân này, anh bạn,” thầy bảo, “thế nên chúng ta hãy đi đến Chipenden nào.”

Nói điều này ra nghe thấy kỳ kỳ. Thế ra thầy khi nào cũng đến Chipenden vào ngày đầu tiên của mùa xuân hay sao, mà nếu là thế thật, thì tại sao cơ chứ? Vậy là tôi mở miệng hỏi thầy.

“Ba tháng hè. Mùa đông chúng ta sinh hoạt ven rìa Bãi Hoang Anglezarke còn mùa hè thì ở Chipenden.”

“Con chưa bao giờ nghe đến Anglezarke. Đó là ở đâu thế ạ?” tôi hỏi.

“Ở mũi cực Nam của Hạt đấy anh bạn. Là nơi ta được sinh ra. Gia đình ta đã sinh sống ở đó mãi cho đến khi bố ta chuyển cả nhà đến Horshaw.”

Mà thôi, ít ra là tôi đã từng nghe về Chipenden, thế nên tôi thấy an lòng hơn. Tôi chợt vỡ lẽ ra rằng, làm chân học việc cho Thầy Trừ Tà thì chẳng những tôi phải ngao du rất nhiều mà còn phải học cách tự tìm ra đường đi nữa.

Chúng tôi chẳng chút chần chừ đổi hướng về phía đông – Bắc, hướng đến những ngọn đồi xa xa. Tôi không hỏi thêm câu nào, nhưng đêm đó, khi một lần nữa chúng tôi lại trú trong một kho cỏ lạnh lẽo và bữa tối lại chỉ là vài miếng phô mai vàng vàng, dạ dày tôi bắt đầu nghĩ

rằng cổ họng mình đã bị cắt bỏ. Trước giờ tôi chưa khi nào đói thế này.

Tôi thắc mắc không biết đến Chipenden chúng tôi sẽ ở đâu và liệu ở đó chúng tôi có kiếm được thứ gì tử tế mà ăn không nữa. Tôi không quen ai đã từng đến đó nhưng nơi ấy được cho là một nơi hẻo lánh, kém thân thiện nằm đâu đó giữa những vùng đồi đá – là những ngọn đồi xám xịt tia tia mà từ nông trại của bố tôi nhìn ra chỉ thấy được mang máng. Với tôi, những ngọn đồi ấy luôn trông như những con quái vật khổng lồ đang ngủ yên, nhưng có lẽ đấy là do lỗi của một trong những ông bác của tôi, bác ấy thường hay kể cho tôi nghe những câu chuyện như thế. Bác kể rằng, vào ban đêm, những ngọn đồi ấy sẽ bắt đầu nhúc nhích, thế rồi đến bình minh toàn bộ vài ngôi làng nhiều khi biến mất hẳn khỏi mặt đất vì đã bị nghiền nát thành bụi dưới sức nặng của những ngọn đồi kia.

Sáng ngày hôm sau, một lần nữa những đám mây xám đen lại che khuất mặt trời và có vẻ như là chúng tôi phải đợi thêm một thời gian nữa mới được thấy ngày thứ hai của mùa xuân. Gió cũng mạnh hẳn lên, gió thốc vào quần áo chúng tôi khi chúng tôi chậm chậm bắt đầu leo lên sườn đồi, gió thổi tung đám chim bay xáo xác lên trời, những đám mây rần rật đua nhau dạt về hướng Đông để che phủ đỉnh đầu của các ngọn đồi.

Nhịp bước thầy trò tôi chậm chạp nhưng tôi lại lấy đó làm mừng vì mỗi bên gót chân tôi đã phồng rộp lên đau đớn. Vậy nên mãi đến quá trưa chúng tôi mới đến gần Chipenden, lúc đó ánh sáng ban ngày đã bắt đầu phai nhạt.

Khi ấy, dù trời vẫn còn rất gió, bầu trời lại đã quang mây và những ngọn đồi đá tia tia sắc nhọn trên nền trời. Gần suốt quãng đường đi, Thầy Trừ Tà hầu như chẳng nói chẳng rằng nhưng đến lúc này, thầy như đang rất phấn khích khi gọi tên lần lượt từng ngọn đồi một. Những cái tên như là Mỏm Parlick, ngọn đồi này gần Chipenden nhất; những đồi khác – vài ngọn nhìn thấy rõ, vài ngọn xa xăm ẩn mình – được gọi là Gò Mellor, Đồi Yên Ngựa và Đồi Chó Sói.

Khi tôi hỏi thầy mình liệu có con chó sói nào trên ngọn Đồi Chó Sói đó không thì thầy tôi chỉ thoáng cười gằn. “Anh bạn nhỏ à, ở đây vạn vật thay đổi nhanh lắm, và chúng ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác.”

Đến lúc những mái nhà đầu tiên của ngôi làng hiện ra trước mắt, Thầy Trừ Tà chỉ vào một con đường mòn chật hẹp từ con lộ chính rẽ ra ngoằn ngoèo đi ngược lên đến bên dòng suối nhỏ ồng ộc chảy.

“Lối này về nhà ta,” thầy bảo. “Lộ trình có dài hơn một chút nhưng đi đường ấy có nghĩa là mình khỏi phải đi xuyên qua làng. Ta muốn giữ khoảng cách với dân chúng sống trong ấy. Họ cũng thích thế hơn.”

Tôi chợt nhớ đến những gì Jack đã nói về Thầy Trừ Tà, thế là tim tôi chùng xuống. Anh ấy đã nói đúng. Đây là cuộc đời cô độc. Rốt cuộc bạn phải làm việc chỉ có một mình.

Mỗi bên bờ suối có vài cây còi cọc bám vào sườn đồi chống chọi với sức gió, nhưng rồi đột nhiên, ngay đầu lối ấy là một khu rừng cây ngô đồng và tần bì; khi chúng tôi tiến vào, gió giật dần lịm, chỉ còn nhè nhẹ như tiếng thở dài xa xăm. Khu rừng chỉ là một quần thể tập hợp thật nhiều loại cây, khoảng chừng vài trăm loại hay hơn thế, vươn cành che chắn khỏi cơn gió đập vùi, nhưng một chốc sau tôi nhận ra phải có nhiều loại cây hơn thế.

Trước đây tôi từng để ý thấy, thi thoảng, có vài loại cây thật ồn ã làm sao, lúc nào cũng rặng rặc cành hay xào xạc lá, trong khi đó có những loại cây khác chẳng khi nào phát ra âm thanh. Trên cao xa kia, tôi có thể nghe thấy hơi thở xa xôi của ngọn gió, nhưng khi ở trong lòng rừng, âm thanh duy nhất có thể nghe thấy được là tiếng bước giày của thầy trò tôi. Vạn vật thật tĩnh lặng, nguyên một khu rừng đầy cây lại im ắng quá đến nỗi một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng tôi. Chừng đấy suýt chút nữa làm tôi nghĩ rằng rừng cây đang lắng nghe chúng tôi.

Sau đấy, hai thầy trò tiến vào một khoảng rừng thưa, và ngay trước mặt là ngôi nhà. Một rặng hàng rào cây táo gai bao quanh nhà để chỉ còn lộ ra mỗi tầng trên và phần mái. Một làn khói trắng nhả ra từ ống khói. Làn khói bốc thẳng lên không trung, thẳng tắp không xiên xẹo đi đâu, cho đến khi vừa vượt lên khỏi hàng cây thì ngọn gió đã thổi bạt làn khói đi về hướng Đông.

Lúc này tôi nhận ra, ngôi nhà và khu vườn tọa lạc trên vùng đất hõm bên sườn đồi. Trông như thể lúc trước một gã khổng lồ sốt sắng đã lạc bước đến nơi đây, dùng tay vốc đi một phần đất.

Tôi theo chân Thầy Trừ Tà đi dọc quanh hàng rào cho đến tận chỗ cánh cổng bằng kim loại. Cánh cổng bé teo, cao không quá eo tôi, được sơn màu xanh lá cây sặc sỡ, nước sơn còn rất mới khiến tôi băn khoăn liệu sơn đã khô hẳn chưa và liệu Thầy Trừ Tà có dẫm sơn vào tay hay không, mà lúc này tay thầy đã vói tới then cửa rồi.

Thốt nhiên có chuyện gì đấy xảy ra làm tôi nín thở. Trước khi Thầy Trừ Tà chạm vào then cửa, chiếc then tự mình nhấc lên và cánh cổng chậm chậm xoay mở như thể có bàn tay vô hình đã đẩy cửa đẩy then giùm.

“Cảm ơn,” tôi nghe thấy thầy nói.

Cánh cửa trước không tự mình dịch chuyển được, vì trước hết cửa phải được mở khóa bằng chiếc chìa to đùng mà Thầy Trừ Tà rút trong túi mình ra. Chìa này trông tương tự như chiếc mở vào căn nhà trong Hẻm Ướt.

“Phải cùng chiếc chìa thầy dùng ở Horshaw không ạ?” tôi hỏi.

“Ồi dào anh bạn à,” thầy vừa đáp vừa liếc xuống tôi khi đẩy cánh cửa mở ra. “Anh trai ta, người làm thợ khóa ấy, đã đưa nó cho ta. Chìa này có thể mở được hầu hết các loại khóa nếu khóa không phức tạp cho lắm. Hóa ra chìa như thế này lại rất hữu dụng cho loại công việc chúng ta làm.”

Cánh cửa mở ra kèm tiếng kẽo cà găm gừ rồ to, và tôi theo chân Thầy Trừ Tà đi vào lối hành lang tối tăm nhỏ hẹp. Bên tay phải là một cầu thang dốc đứng còn bên trái là lối đi chật chội nền lát đá.

“Bỏ mọi thứ lại nơi chân cầu thang ấy,” Thầy Trừ Tà bảo. “Coi nào anh bạn. Đừng có lần lữa thế chứ. Không có thời gian để lãng phí đâu. Ta thích thức ăn phải thật nóng sốt!”

Thế là tôi bỏ túi của thầy và dùm đồ đạc của mình tại nơi thầy bảo, rồi đi theo thầy qua lối đi về phía nhà bếp và hít hà lấy hương thức ăn nóng hổi.

Khi vào đến bếp tôi không phải thất vọng. Khung cảnh khiến tôi nhớ đến bếp của mẹ mình. Các loại rau mùi được trồng trong những chậu lớn đặt trên bậu cửa sổ và ánh chiều tà chiếu loang lổ bóng hình

những chiếc lá lên khắp phòng. Nơi góc kia căn phòng, một lò sưởi thật lớn đang bập bùng, tỏa hơi ấm tràn ngập không gian, còn ngay chính giữa sàn nhà lát đá phiến là một chiếc bàn gỗ sồi to tướng. Trên bàn có hai chiếc đĩa trống không bực chẳng, giữa bàn là năm đĩa chất thức ăn cao ngất cạnh một lọ đầy ứ nước sốt nóng hổi bốc hơi nghi ngút.

“Ngồi xuống ních đầy bụng đi nào anh bạn,” Thầy Trừ Tà mở lời mời, còn tôi chẳng cần chờ được mời đến lần thứ hai.

Tôi tự nhiên cắt lấy mấy miếng thịt gà thịt bò thật lớn, làm đĩa tôi chẳng còn chỗ đâu mà chứa cả ụ rau tươi và khoai nướng được thêm vào sau đấy. Cuối cùng tôi chế lên đầy thứ nước sốt thơm ngon đến nỗi chỉ có mẹ tôi mới có thể làm ra món nước sốt ngon hơn thế.

Tôi thắc mắc không biết bác đầu bếp ở đâu và làm sao bác ấy biết chính xác khi nào chúng tôi tới để có thể dọn thức ăn nóng sốt sẵn ra bàn như thế. Tôi có cả đống câu hỏi nhưng cũng rất mệt nữa, nên thôi tôi dành sức để chén vậy. Rốt cuộc, khi tôi nuốt xong miếng ngỗng ngàoam cuối cùng, thì Thầy Trừ Tà đã ăn sạch đĩa mình từ lâu.

“Thích chứ?” thầy hỏi.

Tôi gục gặc, no quá gần như đến nỗi không thể nói được. Tôi cảm thấy buồn ngủ.

“Sau một cử kiêng khem chỉ ăn toàn phô mai, bao giờ trở về nhà ăn một bữa cơm nóng canh ngọt cũng tuyệt vời cả,” thầy bảo. “Ở đây chúng ta ăn uống rất thịnh soạn. Để bù lại cho những lúc chúng ta ra ngoài làm việc ấy mà.”

Tôi lại gục gặc rồi ngoác mồm ngáp.

“Ngày mai sẽ có nhiều chuyện phải làm lắm đấy nên con đi ngủ đi thôi. Phòng của con có cánh cửa màu xanh lá cây, ngay đầu dãy cầu thang thứ nhất,” thầy dặn dò. “Ngủ ngon nhé, nhưng nhớ ở yên trong phòng và chớ có đi loanh quanh trong đêm. Con sẽ nghe tiếng chuông báo hiệu điểm tâm đã dọn xong. Nghe thấy rồi thì con phải xuống ngay – khi người ta đã nấu cho thật ngon mà con lại để thức ăn nguội lạnh thì họ có thể giận đấy. Nhưng cũng đừng xuống bếp sớm hơn vì như thế cũng chẳng hay ho gì.”

Tôi gật đầu, cảm ơn thầy về bữa tối và quay ngược ra lối đi về phía phần trước của căn nhà. Chiếc túi của Thầy Trừ Tà và dùm đồ của tôi đã biến mất. Tôi vừa bắn khoản chẳng biết ai đã chuyển chúng đi vừa leo lên lầu đi ngủ.

Hóa ra phòng mới của tôi lại rộng hơn phòng tôi ngủ ở nhà rất nhiều, đã vậy có thời tôi còn phải ở chung với hai anh trai khác. Căn phòng mới này có đủ chỗ cho một chiếc giường, một chiếc bàn nhỏ có chân nện, một chiếc ghế và một tủ ngăn kéo, vậy mà trong phòng vẫn còn nhiều chỗ để đi đi lại lại nữa. Mà kia rồi, trên đầu tủ ngăn kéo là túi vật dụng cá nhân của tôi đã nằm chờ sẵn đấy.

Đối diện thẳng với cửa phòng là một cửa sổ trượt bằng kính, cửa chia thành tám khung kính thật dày và gồ ghề đến nỗi tôi chẳng thể nhìn thấy được gì trừ những vòng màu sắc xoay xoay xoắn xít từ bên ngoài. Cửa sổ trông như thế hàng năm trời chưa được mở ra lấy một lần. Chiếc giường được đẩy kê sát tường ngay dưới cửa sổ, thế là tôi tháo ủng ra, quỳ lên tấm khăn phủ mà cố sức mở cửa sổ. Dù cửa có hơi cứng thật, nhưng mở nó ra cũng dễ dàng hơn nó thoát trông. Tôi giật giật vài lần dây kéo cửa để nâng nửa dưới cửa trượt lên, chỉ đủ rộng để tôi thò đầu ra ngoài nhìn quanh kỹ càng hơn.

Tôi có thể nhìn thấy một vật cở rộng rãi bên dưới, một lối mòn rải sỏi trắng dẫn lẫn vào đám cây chia vật cở làm hai. Bên trên những rặng cây phía bên phải là những rặng đồi đá, đỉnh đồi gần nhất trông thật gần đến nỗi tôi tưởng như mình có thể vươn tay ra mà chạm vào được. Tôi hít sâu vào một hơi khí trời trong mát để ngửi lấy mùi cỏ non trước khi thụt đầu vào mở lấy túi vật dụng bé nhỏ của mình. Mọi thứ dễ dàng được xếp vào ngăn kéo trên cùng. Khi đẩy ngăn kéo đóng lại, tôi bất giác nhìn thấy những chữ viết trên bức tường đầu kia căn phòng, khuất dưới bóng đối diện chân giường.

Bức tường phủ đầy những tên, tất cả được nguệch ngoạc bằng mực đen trên nền vôi trần trụi. Vài cái tên được viết to hơn những tên khác, như thể những ai viết ra những tên ấy chỉ toàn nghĩ về mình. Nhiều tên đã phai màu theo thời gian, nên tôi thắc mắc không biết đấy có phải là tên của những người học việc đã từng ngủ trong chính căn phòng này. Tôi có nên viết thêm tên mình vào hay phải chờ đến mãi cuối tháng, khi mà biết đâu tôi được nhận vào hẳn luôn ấy? Tôi không có cả viết lẫn mực nên chuyện này để sau hẵng hay, nhưng tôi sẫm soi bức tường kỹ hơn, cố xác định xem cái tên nào là gần đây

nhất.

Tôi quyết định đây là BILLY BRADLEY – tên này có vẻ được viết rõ ràng nhất và phải viết ép vào một khoảng thật nhỏ vì bức tường đã kín đặc những chữ. Trong một lúc, tôi tự hỏi không biết giờ Billy đang làm gì, nhưng rồi tôi mệt quá, chỉ sẵn sàng chớp mắt.

Chăn màn thơm sạch và chiếc giường như gọi mời, thế là tôi chẳng phí phạm thêm chút thời gian nào, cởi quần áo ra, và ngay khi đầu tôi chạm xuống gối thì tôi đã ngủ say.

Lần tiếp theo tôi mở mắt ra thì mặt trời đã rọi qua cửa sổ. Tôi đã ngủ mơ và rồi đột ngột bị đánh thức bởi một tiếng động. Tôi nghĩ chắc có lẽ là chuông báo điểm tâm.

Nhưng lúc ấy tôi lại thấy lo lắng. Liệu đây có phải là tiếng chuông gọi tôi xuống ăn sáng hay là tiếng chuông trong giấc mơ của mình? Làm sao tôi có thể biết chắc được đây? Tôi phải làm gì nhỉ? Có vẻ như tôi xuống sớm hơn hay muộn hơn thì cũng đều gặp rắc rối với bác đầu bếp cả. Thế là, quyết định rằng chắc mình *hẳn đã nghe thấy* tiếng chuông, tôi mặc quần áo và đi xuống lầu ngay lập tức.

Trên đường đi xuống, tôi có nghe thấy tiếng xoong nồi loảng xoảng vọng ra từ nhà bếp, nhưng ngay lúc tôi nhẹ nhàng mở cửa, mọi vật lập tức im phăng phắc.

Rồi tôi mắc phải sai lầm. Lẽ ra tôi phải quay ngược lên lầu ngay bởi vì rõ ràng là bữa sáng chưa được chuẩn bị xong. Chén đĩa bữa ăn tối qua đã được dọn khỏi bàn nhưng mặt bàn vẫn còn trống trơn và lò sưởi thì đầy tro lạnh. Thực ra thì cả căn bếp lạnh tanh, và còn tệ hơn thế, dường như mỗi lúc căn bếp mỗi lạnh hơn.

Lỗi tôi phạm phải là bước thêm một bước tiến về phía bàn. Chẳng kịp bước xong thì tôi đã nghe vật gì đó phát ra âm thanh ngay đằng sau mình. Là một âm thanh giận dữ. Chắc chắc là thế rồi. Dứt khoát đây là một tiếng rít phẫn nộ gần sát bên tai trái tôi. Gần đến mức tôi cảm nhận được cả hơi thở của nó.

Thầy Trừ Tà đã cảnh báo tôi đừng nên xuống sớm và chợt tôi ngộ ra mình đang gặp nguy thực sự.

Ngay khi tôi chiêm nghiệm được ý nghĩ này thì một thứ gì đó đập rõ mạnh vào sau đầu tôi; tôi loạng choạng lùi ra phía cửa, sém chút là mất thăng bằng mà ngã chúi nhui xuống đất.

Tôi chẳng cần được cảnh cáo thêm lần nữa làm gì. Tôi co giò bỏ chạy khỏi phòng và hướng thẳng lên lầu. Thế rồi, mới chạy được nửa đường, tôi chết cứng. Có ai đấy đang đứng trên đầu cầu thang. Một người dong dỏng cao đầy vẻ hăm dọa, bóng hình ngược nắng với ánh sáng tỏa ra từ cánh cửa phòng tôi.

Tôi khựng lại, chẳng biết phải chạy hướng nào cho đến khi một giọng nói quen thuộc làm tôi tỉnh tâm. Là Thầy Trừ Tà.

Đấy là lần đầu tiên tôi nhìn thấy thầy không mặc áo choàng đen. Thầy mặc chiếc áo suông đen và quần ống bó màu xám, và tôi có thể nhìn ra, dù là thầy cao ráo với đôi vai rộng, phần cơ thể còn lại của thầy ốm tong teo, rõ là vì những ngày thầy chỉ nhấm nháp có mỗi phô mai. Thầy trông giống như một lão nông dẻo dai nhất khi đã về già. Dĩ nhiên là có vài ông chỉ có béo ra thôi, nhưng phần lớn thì – như những bác mà bố tôi thi thoảng mượn vào những vụ mùa gặt hái khi giờ đây hầu hết các anh tôi đã rời khỏi gia đình – phần lớn các bác ấy người roi roi, thân mình dẻo dai rắn chắc. “Càng ôm ồm là càng khỏe,” bố luôn bảo thế, và giờ đây, nhìn vào Thầy Trừ Tà, tôi có thể hiểu được vì sao thầy lại có khả năng bước đi nhanh trong một quãng đường dài như thế mà không nghỉ chân lấy một lần.

“Ta đã cảnh báo con về việc xuống sớm,” thầy lẳng lẳng bảo. “Rõ là tai con bịt nút hết rồi. Hãy lấy đấy làm bài học cho con đấy anh bạn. Lần tới biết đâu lại còn tệ hơn rất nhiều.”

“Con nghĩ mình nghe thấy tiếng chuông. Nhưng chắc là tiếng chuông trong giấc mơ của con rồi.”

Thầy cười nhẹ. “Đấy là một trong những bài học đầu tiên và quan trọng nhất mà một người học việc phải ghi nhớ,” thầy nói; “sự khác nhau giữa mơ màng và thức tỉnh. Có vài anh chẳng bao giờ học lấy được.”

Thầy lắc đầu, bước lên một bước về phía tôi và vỗ vỗ vai tôi. “Đi nào, ta sẽ chỉ cho con xem vòng quanh khu vườn. Chúng ta phải bắt đầu từ đâu đó và việc này sẽ giúp chúng ta giết thời gian cho đến khi

điểm tâm được sẵn sàng.”

Khi Thầy Trừ Tà dẫn tôi ra ngoài theo lối cửa hậu của ngôi nhà, tôi nhìn thấy khu vườn rất rộng, rộng hơn nhiều khi nhìn thấy nó từ bên ngoài hàng rào.

Chúng tôi đi về hướng Đông, mắt nheo nheo trong ánh mặt trời buổi sớm, cho đến khi đến được vạt cỏ rộng. Đêm trước tôi đã nghĩ rằng toàn bộ khu vườn được hàng rào bao quanh, nhưng giờ tôi thấy là mình đã lầm. Có những khoảng trống trong vườn, và ngay thẳng trước mặt đây là khu rừng. Lối mòn rải sỏi trắng chia đôi vạt cỏ và biến mất vào trong ấy.

“Thực ra có nhiều hơn một khu vườn ở đây,” Thầy Trừ Tà bảo. “Đúng ra là ba, mỗi khu được dẫn đến bằng một lối mòn như thế này. Chúng ta sẽ tham quan vườn phía Đông trước. Khi mặt trời ló dạng thì khu vườn này khá an toàn, nhưng chớ bao giờ đi vào lối này khi trời tối. À, cũng chớ đi vào trừ khi con có lý do thật chính đáng và đương nhiên là không bao giờ khi con chỉ có một mình.”

Tôi bồn chồn theo chân thầy đi về phía rặng cây. Ngay rìa vạt cỏ, những ngọn cỏ như dài hơn và lấm tấm hoa cát cánh. Tôi thích hoa cát cánh vì chúng đơm bông vào mùa xuân và luôn gọi cho tôi nhớ rằng những ngày hè dai dẳng nóng nực đã không còn xa nữa, nhưng giờ thì tôi chẳng buồn liếc lại đám hoa thêm một lần. Rừng cây che khuất mặt trời và không khí đột nhiên trở nên lạnh lẽo hơn. Điều này nhắc tôi nhớ đến cuộc viếng thăm nhà bếp. Trong phần rừng này có điều gì đó lạ lùng và nguy hiểm, và dường như điều ấy đang mỗi lúc mỗi dần dà lạnh hơn khi chúng tôi tiến sâu vào rừng cây.

Cao cao bên trên đầu thầy trò tôi là những tổ quạ, và tiếng quang quác chói tai, giận dữ của lũ quạ khiến tôi run còn lập cập hơn là vì lạnh. Tiếng chim nghe đầy nhạc điệu như tiếng bố tôi hay ngân nga, bố thường bắt đầu hát khi chúng tôi gần vắt xong sữa. Nếu sữa có bị chua thì mẹ tôi thường đổ lỗi cho bố.

Thầy Trừ Tà dừng bước và chỉ tay về vạt đất phía trước chúng tôi khoảng năm bước chân. “Cái gì thế kia?” thầy hỏi, giọng thầy chẳng lớn hơn tiếng thì thầm là bao.

Đám cỏ nơi ấy đã bị xới bỏ và ngay chính giữa khoảnh đất trống trơn là một bia mộ. Bia cắm thẳng đứng nhưng hơi nghiêng sang bên trái. Trên nền đất phía trước bia mộ, năm mờ gần hai mét được viền bằng những phiến đá nhỏ hơn, điều này không bình thường. Nhưng lại có điều khác càng lạ lùng hơn nữa: ngang qua đầu mảnh đất, được vít vào những phiến đá rìa ngoài, là mười ba thanh sắt dày cộm.

Tôi đếm qua đến hai lần cho chắc ăn.

“A thôi nào anh bạn – ta đặt câu hỏi cho con mà. Cái gì thế kia?”

Mồm tôi khô khốc đến độ không nói nổi, nhưng tôi cũng cố lắp bắp được ba chữ: “Là ngôi mộ...”

“Giỏi lắm. Mới nhìn lần đầu tiên mà đã nhận ra. Có thấy gì bất thường không?”

Đến khi đó thì tôi chẳng thể nói được lời nào nữa. Tôi chỉ gật đầu.

Thầy mỉm cười vờ về vai tôi. “Không có gì phải sợ cả. Chỉ là một mộ phù thủy đã chết và dưới mộ ấy là một mộ phù thủy khá yếu kém. Người ta đã chôn mộ dưới một vùng đất không thiêng bên ngoài sân nhà thờ cách đây chẳng mấy dặm. Nhưng mộ cứ bới đất chui lên mãi. Ta đã nói chuyện phải trái với mộ nhưng mộ chẳng chịu nghe, thế nên ta phải cho mang mộ về đây. Như thế giúp người dân thấy thoải mái hơn. Như thế thì họ có thể tiếp tục an lành sinh sống. Họ không muốn phải nghĩ về những thứ như thế này. Và đấy là công việc của chúng ta.”

Tôi lại gật đầu và bất chợt nhận ra mình đang không thở, nên tôi hít một hơi đầy phổi. Tim tôi đang nện thình thịch trong ngực, đe dọa có thể bật ra bất cứ lúc nào, còn tôi lại run như cây sậy từ đầu tới chân.

“Mà không, giờ đây mộ ta hơi quấy quá một chút,” thầy giảng giải tiếp. “Đôi khi những lúc trăng tròn, con có thể nghe thấy mộ vùng vẫy, nhưng mộ không có đủ sức mạnh để ngoi lên mặt đất, mà dù sao

thì những thanh sắt cũng ngăn không cho mụ làm thế. Nhưng sâu hơn, sau những rặng cây kia lại có những thứ xấu xa hơn nhiều,” thầy vừa nói vừa chỉ ngón tay xương xẩu về hướng Đông. “Đi khoảng thêm hai mươi bước nữa là con sẽ đến chỗ ấy.”

Xấu xa hơn ư? Còn gì có thể xấu xa hơn nữa chứ? Tôi thắc mắc lắm, nhưng tôi biết cỡ nào thầy cũng sẽ chẳng nói cho tôi hay.

“Còn có thêm hai phù thủy khác nữa. Một đã chết và một còn sống. Mụ đã chết được chôn thẳng đứng, đầu chúc xuống, nhưng mà dù có như thế, thì mỗi năm một hai lần chúng ta cũng phải chỉnh những thanh sắt trên mồ mụ cho ngay ngắn. Chỉ là sau khi trời tối phải luôn tránh thật xa nấm mồ này.”

“Sao lại phải chôn chúc đầu xuống ạ?”

“Câu hỏi hay đấy anh bạn. Con thấy đấy, linh hồn một phù thủy đã chết là thứ mà chúng ta thường gọi là “bị-buộc-vào-xương”. Chúng bị mắc kẹt trong bộ xương của chúng và nhiều tên còn không biết là mình đã chết. Thoạt tiên chúng ta thử chôn đầu chúng chống lên trời trước và thường với hầu hết các loại phù thủy như thế cũng đủ rồi. Mọi tên phù thủy đều khác nhau và có vài tên thực rất ương bướng. Vì vẫn còn trói buộc vào bộ xương nên phù thủy luôn cố hết sức ngoi lên lại dương gian. Làm thế là như thể chúng được tái sinh, nên chúng ta phải gây thêm khó khăn cho chúng bằng cách chôn chúng theo chiều ngược lại. Ngoi lên bằng chân chẳng phải dễ dàng gì. Những em bé sơ sinh đôi khi cũng mắc phải vấn đề như thế. Nhưng mụ ta vẫn còn nguy hiểm lắm, cho nên phải tránh cho thật xa.

Với mụ còn sống thì con nhớ phải luôn tránh mặt. Mụ ta có chết thì vẫn nguy hiểm hơn khi còn sống, vì một mụ phù thủy pháp lực mạnh như thế sẽ chẳng gặp khó khăn gì trong việc ngoi trở lại dương gian. Đây là lý do vì sao chúng ta giam mụ trong một cái hố. Tên mụ ấy là Mẹ Malkin và mụ ta thường lắm nhảm một mình. À, thực ra thì nghe giống như tiếng thì thầm hơn. Mụ ta độc ác quỷ quyệt đến mức thượng thừa, nhưng vì bị giam trong hố quá lâu nên phần lớn sức mạnh của mụ đã ngấm rỉ vào lòng đất hết rồi. Mụ ta rất muốn bắt được một anh chàng như con đấy. Cho nên nhớ tránh cho rõ xa vào. Hãy hứa với ta ngay là con sẽ không bén mảng đến gần. Hứa cho ta nghe đi...”

“Con hứa sẽ không bèn mảng đến gần,” tôi thì thào, lòng cảm thấy bất an với toàn bộ chuyện này. Có vẻ thật khủng khiếp, tàn bạo quá khi giữ bất cứ sinh vật sống nào – cho dù đó là phù thủy đi nữa – dưới lòng đất, và tôi không thể tưởng tượng ra mẹ tôi thích thú gì với ý tưởng này.

“Giỏi đó anh bạn. Chúng ta không cần có thêm tai nạn nào giống như tai nạn sáng nay. Có những chuyện còn tồi tệ hơn là bị đâm vào tai nhiều. Tệ hơn nhiều lắm.”

Tôi tin lời thầy, nhưng tôi không muốn nghe nữa. Thế nhưng thầy vẫn còn những điều khác cần phải chỉ cho tôi nên tôi sẽ còn nghe cả đồng những lời đáng sợ từ thầy. Thầy dẫn tôi ra khỏi khu rừng và sỏi bước sang vạt cỏ khác.

“Đây là khu vườn phía Nam,” Thầy Trừ Tà bảo. “Cũng đừng có đi ra đây sau khi trời tối.” Những nhánh cây đan xen chằng chịt nhanh chóng che khuất mặt trời và không khí dần dà trở lạnh hơn nên tôi biết chúng tôi đang tiến gần đến thứ gì không tốt lành cho lắm. Thầy đột ngột ngừng bước cách một phiến đá lớn nằm bệt trên mặt đất chừng mười bước chân, gần bên gốc một cây sồi. Phiến đá choán chỗ rộng hơn ngôi mộ một chút, và căn cứ vào phần trời lên trên mặt đất, thì phiến đá này hẳn rất dày.

“Thế con nghĩ kẻ nào bị chôn dưới đấy nào?” Thầy Trừ Tà hỏi.

Tôi cố ra vẻ như là tự tin lắm. “Một phù thủy khác phải không ạ?”

“Không phải. Con không cần đến nhiều đá như thế cho một phù thủy. Thường thì sắt là đủ tốt rồi. Nhưng cái thứ bên dưới kia có thể chuồn qua các thanh sắt chỉ trong nháy mắt. Con nhìn phiến đá gần hơn chút nào. Con có thể đọc thấy những gì được khắc trên ấy không?”

Tôi gật đầu. Tôi nhận ra chữ khắc nhưng không hiểu nó mang nghĩa gì.

“Đấy là ký tự beta^[2] trong tiếng Hy Lạp,” Thầy Trừ Tà bảo. “Là ký hiệu chúng ta dùng để chỉ một ông kẻ. Đường gạch chéo có nghĩa ông kẻ đó đã bị người ta ép chèn xuống dưới phiến đá và cái tên khắc bên dưới cho ta biết ai là người đã làm việc đó. Góc phải bên dưới là chữ

số một trong số La Mã. Thế nghĩa là một ông kẹ bậc nhất và cực kỳ nguy hiểm. Như ta đã nói, chúng ta phân loại cấp bậc từ một đến mười. Hãy nhớ lấy điều ấy – một ngày nào đó điều này sẽ giúp cứu mạng con. Bậc mười nghĩa là yếu đến nỗi hầu như người thường thậm chí còn không nhận ra là có ở đấy. Bậc một lại có thể dễ dàng lấy mạng con. Ta đã phải tốn cả gia tài để mang được phiến đá đó về đây nhưng lại rất đáng đồng tiền bát gạo. Phiến đá này giờ đang chèn một ông kẹ dưới ấy. Ông kẹ ấy bị ép chèn xuống và sẽ ở yên đấy cho đến ngày tận thế.

“Anh bạn này, con cần phải học rất nhiều thứ về ông kẹ, và ta sẽ bắt đầu huấn luyện con ngay sau bữa điểm tâm, nhưng có một khác biệt quan trọng giữa những tên bị chèn và những tên còn thả rông. Một ông kẹ thả rông có thể đi xa khỏi nơi chúng ở cả hàng dặm, và nếu thích, chúng có thể gây ra vô vàn điều ác. Nếu một ông kẹ nào đó đặc biệt thích gây rối và không muốn nghe theo lý lẽ, thì khi đấy nhiệm vụ của chúng ta là bắt chèn lấy nó. Làm thật gọn gàng vào và chúng ta gọi đấy là ép chèn. Khi đấy thì ông kẹ chẳng thể nhúc nhích gì được nữa. Tất nhiên là nói thì dễ hơn lúc làm nhiều.”

Đột nhiên Thầy Trừ Tà cau mày, như là nhớ ra điều gì ấy khó chịu. “Một trong những anh chàng tập sự của ta đã gặp rắc rối to khi đang cố chèn một ông kẹ,” thầy vừa kể vừa buồn bã lắc đầu, “nhưng vì hôm nay chỉ là ngày đầu tiên của con nên chúng ta sẽ chưa nói đến chuyện này vội.”

Đúng lúc ấy, từ phía ngôi nhà, tiếng chuông xa xăm vọng đến. Thầy Trừ Tà mỉm cười. “Ta đang tỉnh hay ta đang mơ đây?” thầy hỏi.

“Tỉnh ạ.”

“Con chắc chứ?”

Tôi gật đầu.

“Thế thì vào nhà ăn đi thôi. Ta sẽ chỉ cho con khu vườn còn lại khi bụng đã no căng.”

Chương 6

CÔ GÁI ĐI GIÀY MŨI NHỌN

Cần bếp đã thay đổi so với lần tôi ghé qua vừa rồi. Một nhúm lửa nhỏ đã được nhen lên trong lò sưởi và trên bàn đã dọn sẵn hai đĩa thịt muối và trứng. Lại còn có thêm một ổ bánh mì to mới ra lò và một khoanh bơ thật lớn.

“Ăn thôi nào, anh bạn, trước khi thức ăn nguội lạnh,” Thầy Trừ Tà mời.

Tôi làm theo ngay và chẳng mấy chốc hai thầy trò đã chén sạch hai đĩa đầy cùng nửa ổ bánh mì. Đoạn Thầy Trừ Tà ngả tựa người ra sau ghế, tay kéo kéo râu và hỏi tôi một câu hỏi quan trọng.

“Con không nghĩ là,” thầy hỏi, mắt thầy nhìn thẳng vào mắt tôi, “đây là đĩa thịt muối và trứng ngon nhất mà con từng được ăn sao?”

Tôi không đồng ý đâu. Đúng là bữa điểm tâm đã được chuẩn bị rất chu đáo. Được thôi, bữa ăn ngon đấy, ngon hơn phô mai nhiều chứ, nhưng tôi đã từng được ăn ngon hơn kia. Tôi được ăn ngon hơn vào mỗi buổi sáng khi tôi còn sống ở nhà. Mẹ tôi là đầu bếp giỏi hơn nhiều, nhưng không hiểu sao tôi không nghĩ đấy là câu trả lời mà Thầy Trừ Tà đang muốn nghe. Vậy nên tôi trả lời bằng một lời nói dối vô hại, kiểu nói dối không thực sự làm hại cho ai mà ngược lại thường làm cho người nghe thấy vui vẻ hơn.

“Đúng ạ,” tôi trả lời, “đây là bữa điểm tâm ngon nhất mà con từng được dùng. Và con xin lỗi vì đã xuống bếp quá sớm. Con xin hứa chuyện này sẽ không bao giờ lặp lại.”

Nghe đến đấy, Thầy Trừ Tà cười ngoác mang tai đến nỗi tôi sợ mặt thầy sẽ rách ra làm hai mắt; rồi thầy vỗ lưng tôi và lại dẫn tôi ra vườn.

Chỉ đến khi chúng tôi ra ngoài rồi thì nụ cười của thầy mới tắt hẳn. “Giỏi lắm anh bạn. Có hai loại rất thích nghe nịnh nọt. Loại thứ nhất là một người phụ nữ và loại thứ hai là ông kẹ. Lần nào nghe

nịnh, họ cũng xiêu hết.”

Phải rồi, tôi chẳng thấy có dấu hiệu nào của phụ nữ trong bếp cả, thế là xác nhận cho những gì tôi nghi rồi nhé – rằng ông kẹ là người nấu ăn cho chúng tôi. Ngạc nhiên là còn ít đấy. Ai ai cũng nghĩ thầy trừ tà là kẻ diệt trừ ông kẹ, hoặc chấn chỉnh ông kẹ sao cho chúng không thể gây ra điều ác gì nữa. Ai lại có thể tin được thầy lại có một ông kẹ nấu ăn dọn dẹp cho mình chứ?

“Đây là khu vườn phía Tây,” Thầy Trừ Tà bảo tôi khi chúng tôi đi dọc theo lối mòn thứ ba, đám sỏi trắng lạo xạo dưới mỗi bước chân. “Nơi này an toàn cả ngày lẫn đêm. Chính ta cũng thường ra đây khi ta có vấn đề cần phải suy tính.”

Chúng tôi đi qua một khoảng trống khác trên hàng rào và chẳng mấy chốc bước qua những rặng cây. Ngay lập tức tôi cảm nhận được sự khác biệt. Chim chóc đang hót vang và những rặng cây nhẹ nhàng chuyển mình trong ngọn gió ban mai. Nơi đây vui vẻ hơn nhiều.

Chúng tôi tiếp tục bước đi cho đến khi ra khỏi rặng cây để đến bên sườn đồi, nhìn sang phải là quang cảnh những đồi đá. Bầu trời quang đãng đến nỗi tôi có thể nhìn thấy những tường đá xếp ngăn những sườn đồi thấp hơn thành những thửa ruộng và đánh dấu địa hạt của từng gia đình nhà nông. Thực sự thì cảnh vật này trải rộng ra mãi tận đỉnh của đồi đá gần nhất.

Thầy Trừ Tà khoác tay về phía băng ghế gỗ bên tay trái. “Ngồi xuống đi anh bạn.”

Tôi làm theo và ngồi xuống. Trong một chốc thầy nhìn xuống tôi, đôi mắt xanh lục của thầy chăm chăm nhìn vào mắt tôi. Rồi thầy bắt đầu đi đi lại lại trước băng ghế mà không nói năng gì. Thầy không còn nhìn vào tôi nữa, nhưng lại đăm đăm nhìn vào khoảng không với ánh mắt vô hồn. Thầy trượt mũ trùm đầu ra sau, cho hai tay vào túi quần ống túm, và bất thần, thầy ngồi xuống bên cạnh tôi mà hỏi.

“Vậy con nghĩ có bao nhiêu loại ông kẹ cả thầy?”

Tôi bí tị. “Con đã biết đến hai loại rồi,” tôi đáp, “một loại *thả rộng* và loại kia là *bị chèn*, nhưng con thậm chí không thể bắt đầu đoán được về các loại khác nữa ạ.”

“Anh bạn nhỏ này, thế là hai lần xuất sắc đấy. Con đã ghi nhớ những gì ta dạy, và con còn biết chứng tỏ mình là người không đoán non đoán già. Con thấy đấy, có rất nhiều loại ông kẹ khác nhau, hết như nhiều loại con người ta vậy, và mỗi loại lại có tính cách riêng. Tuy nhiên, nói như thế nhưng vẫn có nghĩa rằng còn một số loại có thể được nhận diện và gọi tên. Đôi khi việc đặt tên dựa vào hình dạng của chúng, thỉnh thoảng còn do tính tình và những chiêu trò mà chúng sử dụng.”

Thầy lục lọi trong túi bên phải và rút ra một cuốn sổ bìa da màu đen. Đoạn thầy trao cho tôi. “Đây, giờ thứ này đã là của con,” thầy bảo. “Giữ gìn nó cẩn thận, và dù con có làm gì, đừng bao giờ đánh mất nó nhé.”

Mùi da thuộc từ cuốn sách nồng hăng và cuốn sách trông như mới cáu. Cũng hơi thất vọng chút xíu khi tôi mở cuốn sách ra mà lại thấy trong ấy toàn mấy trang giấy trống trơn. Tôi nghĩ mình những tưởng cuốn sách phải chứa đầy những bí mật của việc trừ tà – nhưng không, có vẻ như tôi mới là kẻ phải chép những bí mật đó ra, bởi vì tiếp ngay sau đó thầy rút từ trong túi ra một cây viết cùng một lọ mực.

“Sửa soạn ghi chép đi anh bạn,” thầy vừa bảo vừa đứng lên, lại bắt đầu đi đi lại lại trước băng ghế. “Và nhớ cẩn thận đừng dây mực ra đấy. Mực không phải nhỏ ra từ vú bò đâu.”

Tôi loay hoay mở nắp bình, và rồi, thật cẩn thận, tôi nhúng đầu bút vào lọ mực và mở trang đầu tiên của cuốn sổ ra.

Thầy Trừ Tà đã bắt đầu bài giảng và thầy giảng cực nhanh.

“Thứ nhất, ta có loại ông kẹ lông lá trong hình dạng thú vật. Đa phần là trong hình dạng chó nhưng lốt mèo cũng nhiều gần ngang ngựa, cộng thêm một hai lốt dê lạc loài. Tuy nhiên, chó quen tính luôn cả lốt ngựa nữa – mấy ông kẹ này có thể quỷ quyết lắm đấy. Và dù cho là trong lốt con nào đi nữa, những ông kẹ lông lá có thể được phân loại thành các loại thù địch, loại thân thiện hay loại lưng chừng ở giữa.”

“Thế rồi còn có thêm loại phá nhà, nhiều khi còn tiến hóa thành loại ném đá, loại này có thể trở nên rất hung hăng khi bị chọc tức. Một trong những loại dữ dằn nhất là loại xé xác gia súc bởi vì chúng

thích máu người chẳng kém gì máu gia súc. Nhưng chớ có vội nghĩ là dân trừ tà như chúng ta chỉ phải đối đầu với đám ông kẹ thôi không đấy, vì những kẻ chết không yên chẳng bao giờ ở xa đây cả. Và lại, để cho mọi chuyện thêm phần tồi tệ, đám phù thủy mới thực là một vấn đề rắc rối của Hạt. Hiện giờ không có tên phù thủy địa phương nào khiến cho chúng ta phải lo lắng, nhưng về phía Đông, gần đồi Pendle, đám phù thủy ở đấy rất rầy rà. Và hãy nhớ, không phải tên phù thủy nào cũng giống nhau. Đại khái chúng có bốn loại – loại độc, loại lạnh, loại bị buộc tội sai lầm và loại không rõ thế nào.”

Hẳn chắc bạn đã đoán được, đến lúc này tôi đang gặp rắc rối thật lớn. Này nhé, thứ nhất là thầy nói quá nhanh làm tôi chẳng thể nào viết kịp lấy một chữ. Thứ hai, thực lòng tôi không biết hết những từ ngữ đao to búa lớn mà thầy nói. Tuy nhiên, đến lúc ấy thì thầy ngưng lại. Tôi nghĩ chắc là thầy đã để ý thấy cái vẻ hoang mang trên mặt tôi.

“Có chuyện gì thế anh bạn?” thầy hỏi. “Coi nào, nói ra nghe coi. Đừng sợ phải đặt câu hỏi chứ.”

“Con không hiểu hết những điều thầy giảng về phù thủy ạ. Con không biết "độc" là gì. Cả "lạnh" cũng thế.”

“Độc là độc ác,” thầy giảng giải. “Lạnh là vô hại. Và loại không rõ thế nào nghĩa là một mụ phù thủy không biết mình là phù thủy, và bởi vì mụ là phụ nữ nên càng làm cho vấn đề rối rắm gấp bội. Đừng bao giờ tin tưởng một phụ nữ,” Thầy Trừ Tà bảo.

“Mẹ con là phụ nữ đấy ạ,” tôi buột miệng, đột nhiên thấy hơi cáu tiết, “và con tin tưởng bà.”

“Mẹ thường là phụ nữ,” Thầy Trừ Tà nói. “Và các bà mẹ thường rất đáng tin, nếu con là con trai của bà ấy. Bằng không thì coi chừng đấy! Ta cũng từng có mẹ và ta tin tưởng bà, thế nên ta nhớ rất rõ tình cảm này.” Thành linh thầy hỏi, “Thế con có thích con gái không?”

“Thật ra con không biết nhiều cô đâu ạ,” tôi thú nhận. “Con không có chị gái nào cả.”

“À, nếu thế thì con rất dễ sa chân vào những mảnh khóc của con gái đấy. Vậy con nên cảnh giác với đám con gái trong làng. Nhất là bất cứ cô nào mang giày mũi nhọn. Chép điều ấy xuống đi. Đấy là điều

thích hợp nhất để ghi xuống đây, cũng giống như tất cả các điều khác.”

Tôi thắc mắc chẳng biết mang giày mũi nhọn thì có gì ghê gớm cơ chứ. Tôi biết mẹ tôi sẽ không vui khi nghe những gì mà Thầy Trừ Tà vừa nói. Bà luôn tin rằng ta phải nhìn nhận người khác đúng như mình cảm nhận, chứ không chỉ căn cứ vào ý kiến của ai khác. Thế nhưng mà, tôi còn lựa chọn nào đâu chứ? Vậy nên ngay trên đầu trang đầu tiên, tôi viết xuống “*Các cô gái trong làng mang giày mũi nhọn*”.

Thầy quan sát tôi viết, rồi đòi lại cuốn sổ và cây bút. “Này con,” thầy bảo, “con phải ghi chép nhanh hơn thế chứ. Có rất nhiều điều phải học và con sẽ chóng phải chép đầy cả tá sổ, nhưng bây giờ con bắt đầu với ba hay bốn gạch tiêu đề cũng được rồi.”

Đoạn thầy viết xuống “*Kẹ Lông lá*” trên đầu trang hai. Và rồi “*Kẹ phá nhà*” trên đầu trang ba; và cuối cùng là “*Phù thủy*” trên đầu trang bốn.

“Đấy,” thầy bảo. “Như thế giúp con bắt đầu đấy. Cứ viết hết mọi điều con đã học trong ngày hôm nay bên dưới một trong những tiêu đề ấy. Nhưng bây giờ là cho thứ cần kíp hơn. Chúng ta cần lương thực dự phòng. Cho nên con hãy đi xuống làng, bằng không ngày mai chúng ta sẽ bị bỏ đói mất. Ngay cả đầu bếp tài tình nhất cũng chẳng thể nấu nướng được gì nếu không có lương thực thực phẩm. Nhớ là mọi thứ bỏ vào trong túi của ta. Bác bán thịt biết mà, nên trước hết con phải tới đấy. Cứ việc yêu cầu đơn hàng cho ông Gregory là xong.”

Thầy đưa cho tôi đồng xu bạc be bé, căn dặn tôi không được làm mất tiền thối lại, và rồi bảo tôi đi xuống đồi theo con đường nhanh nhất vào làng.

Loáng sau tôi đã lại bước xuyên qua rừng cây, cho tới khi rốt cuộc tôi cũng đến được cái bụi rào dẫn đến một con đường mòn nhỏ hẹp, dốc đứng. Độ khoảng thêm một trăm bước chân nữa, tôi quành qua một ngã tư đường và những mái ngói bằng đá phiến xám xám của làng Chipenden hiện ra trước mắt.

Ngôi làng rộng lớn hơn tôi tưởng. Có ít nhất là một trăm căn nhà tranh, rồi lại có một quán rượu, một trường học và một nhà thờ thật

lớn có tháp chuông. Không có bảng hiệu của quảng trường họp chợ gì cả, nhưng con đường chính trải đá cuội, con đường này mới dốc đứng liên xiên làm sao, lại tấp nập các bà các cô tay mang làn trĩu nặng ra ra vào vào các cửa hiệu. Ngựa cùng các cỗ xe đang đứng chờ đầy cả hai bên đường, thế nên rõ là các bà vợ của mấy bác nông dân trong làng đến đây mua sắm, và chắc là có cả dân ở những làng lân cận.

Tôi dễ dàng tìm thấy tiệm bán thịt và cùng đứng xếp vào hàng các phụ nữ nói cười huyên náo, người nào cũng ới ới gọi bác bán thịt, một người đàn ông mặt đỏ lựng, to lớn, vui nhộn, hàm râu quai nón hung đỏ. Có vẻ như bác ấy biết tường tận tên mỗi người và làm cho mọi người cười vui ha hả với những câu chuyện tếu, được nhanh nhẩu kể ra hơi chút khó hiểu. Tôi không hiểu hết mọi câu chuyện tếu ấy nhưng chắc là đám phụ nữ thì có và dường như các bà rất thích thú thì phải.

Không có mấy ai quan tâm đến tôi lắm, nhưng cuối cùng tôi cũng đến được quầy hàng và đến phiên tôi được mua.

“Cháu ghé lấy đơn hàng của ông Gregory ạ,” tôi thưa với bác bán thịt.

Tôi vừa mở miệng, cả tiệm đột nhiên im bật và mọi tiếng cười ngưng hẳn. Bác bán thịt vớ ra sau quầy lôi ra một chiếc túi. Tôi có thể nghe thấy mọi người thì thào sau lưng mình, nhưng dù có căng cả hai tai, tôi cũng chẳng nghe ra được họ đang bàn tán gì cả. Khi tôi liếc ra sau thì mọi người tằng lờ nhìn sang chỗ khác chứ chẳng nhìn vào tôi. Có vài người thậm chí còn nhìn chăm chăm xuống sàn nhà.

Tôi đưa cho bác bán thịt đồng xu bạc, cẩn thận kiểm lại tiền thừa, nói lời cảm ơn bác ấy rồi xách bị ra khỏi tiệm, vắt túi qua vai khi tôi ra đến ngoài phố. Ghé qua cửa tiệm thực phẩm chẳng mất bao nhiêu thời gian. Số lương thực đã được gói ghém sẵn nên tôi chỉ việc bỏ đồ vào túi, bây giờ chiếc túi đã trở nên nặng nề.

Đến lúc này mọi chuyện đều diễn ra suôn sẻ, nhưng khi bước vào tiệm bánh mì, tôi trông thấy một nhóm thanh niên.

Có bảy hay tám tên gì đấy đang ngồi trên bờ tường. Việc ấy chẳng có gì đáng ngạc nhiên, ngoại trừ một điều là bọn chúng không nói

chuyện với nhau – chúng mãi bận nhìn tôi trừng trừng với những gương mặt háu đói, như một bầy chó sói, quan sát từng bước tôi đi khi tôi tiến vào tiệm bánh mì.

Khi tôi ra khỏi tiệm bọn chúng vẫn ở đấy, và lúc này, khi tôi chuẩn bị leo lên đồi, bọn chúng bắt đầu đi theo tôi. Thật tình, mặc cho có vẻ như hơi quá trùng hợp khi nghĩ rằng bọn chúng chỉ quyết định leo lên cùng một ngọn đồi, tôi cũng không lo lắng là mấy. Sáu ông anh trai đã luyện cho tôi đánh nhau quá nhiều rồi.

Tôi nghe thấy tiếng gót giày của bọn chúng tiến mỗi lúc mỗi gần hơn. Bọn chúng đang bắt kịp tôi khá nhanh nhưng có lẽ là vì tôi đang bước mỗi lúc mỗi chậm. Bọn thấy đấy, tôi không muốn bọn chúng nghĩ là mình sợ, và dù sao đi nữa, túi đồ thì nặng mà ngọn đồi tôi leo lại rất dốc.

Bọn chúng bắt kịp tôi khi tôi còn cách bụi rào chừng mười hai bước, ngay tại nơi con đường mòn rẽ chia khu rừng nhỏ, những cây to chen chúc nhau hai bên con đường che khuất mặt trời buổi sớm.

“Mở túi ra và coi chúng ta có gì nào,” một giọng nói đằng sau tôi vọng lại.

Đấy là một giọng ồm ồm, khàn khàn quen với việc chuyên bảo người khác phải làm gì. Trong giọng nói ấy còn có vẻ nguy hiểm sắc lạnh khiến tôi hiểu rằng chủ nhân của nó rất thích gây ra đau đớn và luôn luôn để mắt tìm kiếm nạn nhân tiếp theo.

Tôi quay lại đối mặt với hắn nhưng nắm tay trên túi đồ của tôi càng thêm chặt, giữ cho túi nằm im trên vai. Tên vừa lên tiếng là thủ lĩnh của cả nhóm. Hắn là thế rồi. Những tên còn lại mặt mũi dài thượt nhọn hoắt, như thể chúng rất cần được ăn cho no, nhưng tên thủ lĩnh lại trông như hắn đã ăn hết phần của các tên còn lại. Hắn cao hơn tôi ít nhất một cái đầu, vai thì rộng còn cổ sừng sững như cổ bò tốt. Mặt của hắn cũng to nữa, hai má đỏ hồng, nhưng hai mắt lại ti hí và dường như hắn chẳng hề chớp mắt lấy một lần.

Tôi nghĩ rằng nếu tên này không có mặt ở đây và không cố bắt nạt tôi thì tôi hẳn đã mỉm lòng. Dầu gì thì, vài chiếc trong nhóm trông gần đói lả trong khi trong túi đồ của tôi có đầy táo và bánh ngọt. Mặt khác, mấy món này không phải là của tôi nên tôi không thể tự tiện phân

phát.

“Túi này không phải của tôi,” tôi bảo. “Mà là của ông Gregory.”

“Thằng học việc trước chẳng màng đến chuyện đó,” tên thủ lĩnh nói và dí bản mặt của hắn vào gần mặt tôi hơn. “Nó thường mở túi cho chúng tao. Nếu mày còn biết khôn, hãy làm giống như nó đi. Nếu mày không chịu xử biết điều thì tao sẽ phải ra tay nặng đấy. Nhưng mà mày sẽ không thích như thế lắm đâu và cuối cùng thì kết cục cũng như nhau mà thôi.”

Đám ấy bắt đầu tiến đến gần hơn và tôi có thể cảm thấy có tên nào đấy giật giật túi mình. Thậm chí đến lúc ấy, tôi cũng không đầu hàng và tôi trừng mắt nhìn vào cặp mắt heo của tên thủ lĩnh, cố hết sức để mình không chớp mắt.

Lúc đó, có một chuyện xảy ra làm tất cả chúng tôi giật cả mình. Có thứ gì rục rịch đâu đó trong đám cây mé bên tay phải tôi và thế là cả bọn cùng quay sang hướng ấy.

Trong tán râm có một bóng người tối đen, rồi khi mắt tôi làm quen được với bóng râm ấy, tôi nhận ra đấy là một cô gái. Cô chậm chạp di chuyển về phía chúng tôi, nhưng cách tiếp cận của cô khế khàng đến độ bạn có thể nghe thấy tiếng kim găm rơi xuống đất, nhẹ nhàng đến nỗi dường như là cô đang trôi chứ chẳng phải đang bước nữa. Đoạn cô gái dừng bước ngay rìa bóng râm, cứ như là cô không muốn bước ra ngoài ánh sáng mặt trời.

“Sao chúng mày không để cho cậu ta được yên hả?” cô ra lệnh. Nghe thì như là một câu hỏi ấy nhưng tông giọng của cô gái bảo cho tôi biết đấy là một câu ra lệnh.

“Liên quan gì đến mày?” tên đầu sỏ hất cằm về phía cô gái và hai tay siết chặt thành nắm đấm.

“Mày chẳng phải lo gì đến tao,” từ trong bóng râm cô gái đáp vọng ra. “Lizzie đã quay lại, và nếu mày không làm theo những gì tao bảo, thì người mày phải trả lời là dì ấy đấy.”

“Lizzie nào?” tên kia hỏi lại, đồng thời thối lui một bước.

“Lizzie Xương Xấu. Là dì của tao. Đừng có nói là mày chưa bao giờ nghe danh dì ấy...”

Có khi nào bạn cảm thấy thời gian trôi qua thật chậm, chậm đến mức có vẻ như ngừng trôi chưa nhỉ? Có khi nào nghe thấy tiếng tích tắc của đồng hồ khi tiếng tích này có vẻ như cách tiếng tắc kia đến vô tận không? Vâng, tình huống là như thế cho đến khi, bất thành linh, cô gái rít lên thật lớn qua kẽ răng nghiền chặt. Rồi cô nói tiếp.

“Tiếp đi,” cô gái nói. “Bọn mày biến hết đi! Xéo đi, nhanh lên không thôi thì chết chắc!”

Bọn kia bị tác động ngay lập tức. Tôi liếc nhìn qua vẻ mặt của vài tên trong đám và nhận ra chúng không những chỉ sợ. Chúng đang kinh hoàng gần đến mức hoảng loạn. Tên đầu sỏ quay gót bỏ chạy ngay xuống đồi, theo sát sau là những đứa đồng bọn.

Tôi không hiểu vì sao chúng lại sợ đến thế nhưng chính tôi cũng cảm thấy muốn bỏ chạy luôn. Cô gái đang trừng to mắt nhìn tôi và tôi có cảm giác mình không thể điều khiển chân tay cho chuẩn được. Tôi thấy mình như con chuột bị ánh mắt của con chồn đang chuẩn bị vồ mồi làm cho chết lạng.

Tôi cố lê chân trái về trước và chậm chậm quay người về phía rặng cây để đi theo hướng mũi mình đang chỉ đến, nhưng tôi vẫn nắm chặt túi đồ của Thầy Trừ Tà. Cho dù cô gái này có là ai, tôi vẫn sẽ không từ bỏ túi đồ ấy đâu.

“Thế cậu sao cũng không chạy đi?” cô gái hỏi tôi.

Tôi lắc đầu nhưng miệng mồm khô khốc và không tin tưởng cho bản thân thử mở mồm ra nói. Tôi biết có thốt ra lời nào cũng không thích hợp đâu.

Cô chắc cỡ khoảng tuổi tôi – đúng ra là nhỏ hơn một chút. Gương mặt cô khá xinh xắn, vì cô có đôi mắt nâu to tròn, gò má cao cao và mái tóc dài đen nhánh. Cô mặc chiếc váy thắt chặt quanh eo bằng một đoạn dây trắng. Nhưng trong khi đang quan sát cô, tôi bất chợt để ý thấy điều gì đó làm mình bất an.

Cô gái mang đôi giày mũi nhọn, và ngay lập tức tôi nhớ đến lời

căn dặn của Thầy Trừ Tà. Nhưng tôi vẫn giữ vững tinh thần, quyết tâm không bỏ chạy như đám mây tên kia.

“Thế cậu sẽ không cảm ơn tôi sao?” cô gái hỏi. “Từ tế chút mà nói cảm ơn đi nào.”

“Cảm ơn,” tôi lập cập nói, cố mãi mới thốt được mấy lời đầu tiên.

“A, ít ra vậy cũng là khởi đầu,” cô nói. “Nhưng để cảm ơn tứ đàng hoàng, cậu phải cho tứ thứ gì đó chứ, phải không? Bây giờ thì một quả táo hay một cái bánh là được thôi mà. Đòi hỏi thế đâu có nhiều nhận gì đâu nhỉ. Trong túi ấy có rất nhiều thứ và lão Gregory sẽ không để ý đâu, mà nếu có thì lão cũng sẽ chẳng nói gì.”

Tôi sửng sốt khi nghe cô gọi Thầy Trừ Tà là “lão Gregory”. Tôi biết thầy sẽ không thích bị gọi như thế, và điều này mách bảo với tôi hai chuyện. Chuyện thứ nhất, cô gái này chẳng tôn trọng gì thầy lắm, và chuyện thứ hai là, cô cũng chẳng e sợ thầy tẹo nào. Ở vùng tôi sinh sống ấy à, ngay cả ý nghĩ rằng thầy Trừ Tà có lẽ đang ở quanh đấy thôi cũng đã làm cho đa phần người ta phát run lên rồi.

“Xin lỗi nhé,” tôi bảo, “nhưng tứ không thể làm thế. Đồ này không phải của tứ nên tứ không cho được.”

Cô gái trừng mắt nhìn tôi dữ dội rồi đứng im một chập chẳng nói chẳng rằng. Có lúc tôi chợt nghĩ rằng cô sẽ rít vào tôi qua kẽ răng. Tôi nhìn trừng trừng lại cô ấy, cố gắng không chớp mắt, cho đến lúc rốt cuộc một nụ cười mờ nhạt làm mặt cô dịu lại và cô lại mở miệng nói.

“Thế thì tứ phải đòi có một lời hứa rồi.”

“Hứa à?” tôi vừa hỏi vừa thắc mắc chẳng biết cô ấy có ý gì.

“Một lời hứa cậu sẽ giúp tứ như tứ vừa giúp cậu. Bây giờ thì tứ chẳng cần giúp gì, nhưng biết đâu một ngày nào đó tứ lại cần.”

“Thế thì được,” tôi đáp. “Tương lai mà cậu có cần bất cứ giúp đỡ gì thì cứ bảo tứ.”

“Tên cậu là gì?” cô gái hỏi, miệng nhoẻn cười thật tươi với tôi.

“Tom Ward.”

“À, còn tên tớ là Alice và tớ sống ở trong kia,” cô bảo, chỉ tay vào trong khu rừng. “Tớ là cháu gái yêu nhất của Lizzie Xương Xấu.”

Cái tên Lizzie Xương Xấu nghe lạ thật đấy nhưng nếu nói ra sẽ rất mất lịch sự. Chẳng biết bà ta là ai, nhưng nội cái tên của bà ta không thôi đã đủ dọa cho đám thanh niên trong làng sợ chết khiếp.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi đến đây là kết thúc. Cả hai chúng tôi đều quay bước đi về hai hướng khác nhau, nhưng khi vừa bước đi thì Alice đã nói với lại, “Cậu bảo trọng nhé. Cậu không muốn mình có kết cục như tay học việc vừa rồi của lão Gregory đâu.”

“Chuyện gì đã xảy ra với anh ấy thế?” tôi hỏi ngay.

“Tốt hơn thì đi mà hỏi lão Gregory ấy!” cô nói lớn, đoạn biến mất vào sau rặng cây.

Khi tôi trở về, Thầy Trừ Tà tỉ mỉ kiểm tra túi đồ, đánh dấu kiểm kê từng món một theo danh sách.

“Con có gặp rắc rối gì trong làng không?” mãi sau khi kiểm xong thầy mới hỏi.

“Có mấy tên thanh niên đi theo con lên đến đồi ạ, chúng bắt con mở túi đồ ra nhưng con từ chối,” tôi thưa.

“Con làm thế là can đảm lắm. Lần tới cứ việc cho chúng vài quả táo hay vài miếng bánh cũng chẳng sao. Cuộc sống vốn đã khó khăn rồi, vả lại vài tên trong số ấy xuất thân từ gia đình rất nghèo nữa. Ta luôn đặt mua dư ra phòng khi bọn chúng có xin lấy vài thứ.”

Ôi lúc ấy tôi thấy bực mình làm sao. Giá mà thầy bảo trước với tôi là thế. “Con không muốn làm thế trước khi hỏi ý kiến thầy,” tôi bảo.

Thầy Trừ Tà nhướn mày. “Thế con có muốn cho chúng vài miếng bánh hay đôi quả táo không?”

“Con không thích bị bắt nạt,” tôi đáp, “nhưng đúng là có vài tên có vẻ rất đói ăn.”

“Thế thì lần tới con hãy tin tưởng vào trực giác của mình mà ra tay trước đi,” thầy bảo. “Tin tưởng vào tiếng nói bên trong con ấy. Nó hiếm khi sai lầm lắm. Một kẻ trù tà phụ thuộc rất nhiều vào tiếng nói ấy đấy, bởi vì đôi lúc nó lại là sự khác biệt giữa sinh và tử. Thêm một điều nữa chúng ta cần phải tìm ra trong con đấy. Xem thử những trực giác của con có thể tin cậy được hay không.”

Thầy ngưng lại, nhìn tôi chăm chăm, đôi mắt xanh lục của thầy rà soát mặt tôi. Chợt thầy hỏi, “Có rắc rối gì với mấy cô gái không?”

Vì vẫn còn đang bực mình nên tôi không trả lời thầy cho thành thật.

“Chẳng vấn đề gì cả ạ.”

Đấy cũng đâu phải lời nói dối vì Alice đã giúp đỡ tôi cơ mà, thế là ngược lại với rắc rối ấy chứ. Nhưng cho dù thế, tôi biết thầy có ý muốn hỏi là tôi có gặp cô gái nào không và tôi còn biết lẽ ra mình phải kể cho thầy nghe về Alice. Nhất là khi cô ấy mang đôi giày mũi nhọn.

Khi làm người học việc, tôi đã phạm rất nhiều sai lầm, và điều vừa rồi là sai lầm nghiêm trọng thứ hai của tôi – tôi đã không kể cho thầy nghe toàn bộ sự thật.

Sai lầm thứ nhất, thậm chí còn nghiêm trọng hơn nhiều, đó là đã hứa hẹn với Alice.

Sau đây cuộc sống của tôi ổn định thành lệ thường. Thầy Trừ Tà dạy rất nhanh và bắt tôi ghi chép tận đến khi cổ tay tôi đau nhức và hai mắt cay xè.

Một buổi chiều nọ, thầy dẫn tôi ra tận mé bên kia ngôi làng, qua khỏi căn chòi đá cuối cùng và đi đến nơi có mấy cây liễu khoanh lại thành một vòng tròn nho nhỏ mà dân trong Hạng hay gọi đấy là những cây “liễu gai”. Nơi ấy là một khu âm u, và ngay đấy, lòng thòng từ trên một nhánh cây, là một sợi dây. Tôi nhìn lên và thấy một chiếc chuông đồng to đùng.

“Khi ai đó cần giúp đỡ,” Thầy Trừ Tà bảo, “họ sẽ chẳng đến thẳng nhà chúng ta đâu. Không một ai đến đấy cả trừ khi họ được mời. Ta quy định điều ấy rất nghiêm. Họ chỉ tới đây và gióng chiếc chuông ấy lên. Rồi chúng ta sẽ đến tìm họ.”

Vấn đề là thậm chí đã mấy tuần trôi qua mà vẫn chẳng có ai đến gióng chuông, còn tôi thì chỉ phải đi xa nhất đến khu vườn phía Tây mỗi tuần khi tôi xuống làng đem lương thực về. Tôi cũng cô đơn nữa, lại nhớ gia đình, thế nên Thầy Trừ Tà đã rất tử tế khi khiến tôi luôn bận rộn – như vậy có nghĩa là tôi không còn thời gian mà gặm nhấm niềm nhớ nhung ấy. Tôi luôn trở về giường mình khi toàn thân mệt mỏi và vừa ngả đầu xuống gối là tôi thiếp đi ngay.

Những bài học là phần thú vị nhất trong mỗi ngày nhưng tôi lại không được học nhiều về văn hồn, về hồn ma hay phù thủy lẩn. Thầy Trừ Tà từng bảo tôi rằng chủ đề chính trong năm đầu tiên của người học việc là về ông kẹ các loại, cùng với những môn về thực vật học, nghĩa là học mọi thứ về cây cỏ, trong các loài cây cỏ ấy có một số loại rất hữu dụng khi dùng làm thuốc hay còn có thể ăn được khi ta không còn nguồn thức ăn nào khác. Nhưng những bài học của tôi không chỉ có ghi chép. Một số bài học cũng rất cực nhọc và phải vận động mệt như những việc lao động chân tay mà hồi còn ở nông trại nhà mình tôi từng làm vậy.

Khởi đầu là từ một buổi sáng đầy nắng ấm áp, khi Thầy Trừ Tà bảo tôi bỏ tập vở sang một bên và dẫn tôi đi về phía khu vườn phía Nam. Thầy đưa cho tôi cầm theo hai thứ: một cái xẻng và một cây gậy thước đo thật dài.

“Nhưng ông kệ thả rộng thường di chuyển theo học xoáy,” thầy giảng. “Nhưng đôi khi cũng có trục trặc. Có thể là do một cơn mưa đông hay thậm chí là do động đất. Ở trong Hạt này người ta chưa từng nhớ là đã có một trận động đất nghiêm trọng nào, nhưng dù thế vẫn có trục trặc, bởi vì những học xoáy luôn nối liền với nhau và nếu có chuyện gì xảy đến cho một học này, dù là có cách xa đến hàng nghìn dặm, thì những học xoáy khác cũng bị ảnh hưởng. Đến khi ấy, những ông kệ sẽ bị mắc kẹt tại chỗ hàng mấy năm trời và chúng ta gọi đấy là bị "chèn tự nhiên". Thường mỗi khi như thế thì ông kệ sẽ chẳng di chuyển được hơn một tá bước theo bốn hướng và thế là bọn chúng sẽ chẳng gây ra được phiền toái gì lắm. Trừ khi con đến quá gần chúng. Nhưng cũng có đôi khi, bọn ông kệ lại bị kẹt trong chỗ ngược ngạo, gần với nhà dân hay thậm chí là ngay trong nhà. Vậy là con sẽ cần phải di dời ông kệ khỏi nơi ấy và đem chúng đi ép chèn ở nơi khác.”

“Học xoáy là gì vậy ạ?” tôi hỏi.

“Không phải ai cũng nghĩ giống nhau đâu anh bạn. Có những người thì cho rằng học xoáy chỉ là những lối mòn thời xa xưa cắt dọc cắt ngang mặt đất mà ông cha ta đã đi lại trong thời xa xưa ấy, khi mà con người vẫn là con người chân chính và thế lực bóng tối biết thân biết phận của mình. Khi mà sức khỏe con người dẻo dai hơn, đời sống trường thọ hơn và ai nấy đều hạnh phúc vui vẻ.”

“Thế rồi chuyện gì đã xảy ra ạ?”

“Băng giá từ phương Bắc tràn xuống và mặt đất trở nên lạnh cóng trong hàng nghìn năm,” Thầy Trừ Tà giảng giải. “Việc sinh tồn khó khăn đến nỗi con người quên sạch những gì họ đã học được. Những hiểu biết trước kia không còn quan trọng nữa. Làm sao giữ được ấm và có cái ăn là điều kiện tiên quyết. Rồi khi rớt cuộc băng giá cũng tan ra, những kẻ còn sống sót lại là những người thợ săn mặc quần áo làm từ da thú vật. Họ đã quên mất cách trồng trọt mùa màng và chăn dắt muôn thú. Thế lực bóng tối trở nên hùng mạnh.

“À, thời nay đã tốt hơn rồi, dù kỳ thực chúng ta còn phải đấu tranh dài lắm lắm. Tất cả những gì sót lại từ thời kỳ ấy là những hóc xoáy, nhưng sự thực thì những hóc này còn quan trọng hơn là những đường mòn nhiều. Hóc xoáy thực ra là những mạch quyền lực rất sâu dưới lòng đất kia. Là những con đường vô hình bí mật mà đám ông kẹ có thể dùng để di chuyển với vận tốc cực lớn. Mà đám ông kẹ thả rông là bọn gây ra lắm chuyện nhất. Khi bọn chúng dừng lại tạo ổ ở một chỗ mới nào đó, thường thì không ai hoan nghênh chúng cả. Việc không được hoan nghênh khiến cho chúng nổi giận. Thế là chúng giở trò – đôi khi là những trò nguy hiểm – và như thế nghĩa là chúng ta có việc phải làm. Lúc đó ông kẹ phải được ép chèn vào hố. Giống như cái hố mà bây giờ con sẽ phải đào đây này...”

“Nơi này thích hợp đây,” thầy nói tiếp, tay chỉ về khoảnh đất gần cây sồi già to lớn. “Ta nghĩ giữa những nhánh rễ cây đằng kia sẽ có đủ chỗ.”

Thầy đưa tôi gậy thước để tôi có thể đào một cái hố có số đo chính xác là hai mét tám chiều dài, một mét tám chiều sâu và chín mươi xen-ti-mét chiều rộng. Cho dù là trong bóng râm nhưng không khí vẫn cứ quá nóng cho việc đào hố và tôi phải mất cả mấy tiếng đồng hồ để đào cho được một cái hố ra hồn bởi vì Thầy Trừ Tà là người cầu toàn.

Sau khi đào xong, tôi phải pha một loại hợp chất hôi hôi gồm có muối, mạt sắt và một loại keo đặc chế từ xương.

“Muối có thể đốt bỏng ông kẹ,” Thầy Trừ Tà bảo. “Mạt khác, sắt là những thứ có khả năng tiêu hủy của trần gian: cũng giống như tia sét đánh xuống mặt đất và mất đi sức mạnh, sắt đôi khi làm mất dần sức mạnh và thân xác của những thứ thống trị bóng tối. Sắt có thể chấm dứt những việc ác của bọn ông kẹ rầy rà. Nếu được trộn vào nhau để sử dụng, muối và sắt hình thành một rào chắn mà ông kẹ không thể vượt qua. Thực ra thì muối và sắt còn được sử dụng trong nhiều tình huống khác nữa.”

Sau khi pha trộn hỗn hợp ấy trong chiếc xô kim loại to tướng, tôi dùng chiếc cọ to để viền phía bên trong cái hố. Cũng giống như việc sơn nhà thôi nhưng khó khăn hơn nhiều, và lớp phủ phải thật hoàn hảo để ngăn cho ngay cả tên ông kẹ xảo quyệt nhất cũng không trốn được ra ngoài.

“Phải làm cho toàn diện vào đấy anh bạn,” Thầy Trừ Tà bảo tôi. “Một ông kẹ có thể đào thoát qua cái lỗ chẳng to hơn đầu kim là mấy đâu.”

Dĩ nhiên là, ngay sau khi cái hố được hoàn tất theo đúng yêu cầu của Thầy Trừ Tà, tôi phải lấp hố lại và bắt đầu lại từ đầu. Thầy bắt tôi thực hành đào hai hố mỗi tuần, đây là công việc nặng nhọc, nhể nhại mồ hôi và chiếm hết nhiều thời gian của tôi. Công việc này cũng hơi hơi dễ sợ nữa vì tôi phải thi công gần những chiếc hố đang giam sẵn những ông kẹ thực thụ, mà thậm chí giữa ban ngày ban mặt, nơi ấy cũng rất ớn lạnh. Nhưng tôi để ý thấy Thầy Trừ Tà không đi xa tôi lắm, và khi nào thầy cũng có vẻ rất quan tâm, canh chừng và cảnh giác, việc ấy nói lên rằng ta không bao giờ có thể lơ là với đám ông kẹ ngay cả khi chúng đã bị chèn.

Thầy Trừ Tà cũng bảo rằng tôi cần phải biết mọi góc ngách trong Hạt – mọi làng mạc thị trấn trong ấy cũng như là con đường nào ngắn nhất đi từ một nơi này sang nơi khác. Vấn đề là mặc cho thầy bảo mình có rất nhiều bản đồ trong thư viện trên lầu, dường như tôi luôn phải làm việc theo cách khó khăn nhất, thế nên thầy bắt tôi khởi sự bằng việc tự tay tôi phải phác thảo bản đồ.

Chính giữa bản đồ là ngôi nhà cùng những khu vườn của thầy, và bản đồ phải bao gồm ngôi làng cùng những rặng đồi đá gần nhất. Mục đích là bản đồ phải dần dà được mở rộng ra để bao gồm vào đấy ngày càng nhiều thêm những vùng quê lân cận. Nhưng việc vẽ vời không phải là điểm mạnh của tôi, và như tôi đã nói, Thầy Trừ Tà là người cầu toàn nên tám bản đồ ấy mất rất nhiều thời gian để được phát triển hơn ra. Chỉ đến khi ấy, thầy mới bắt đầu chỉ cho tôi xem bản đồ của riêng thầy, nhưng rốt cuộc thì thầy bắt tôi dành nhiều thời gian để cẩn thận gấp tám bản đồ ấy lại hơn là thực sự nghiên ngẫm lấy chúng.

Tôi cũng bắt đầu viết nhật ký. Thầy Trừ Tà cho tôi thêm một cuốn sổ khác để viết, lại còn nói đi nói lại với tôi lắm lần rằng tôi cần phải ghi chép lại quá khứ để học hỏi từ đấy. Nhưng mà tôi cũng chẳng viết nhật ký mỗi ngày đâu. Nhiều khi tôi quá mệt và thi thoảng cổ tay tôi đau điếng vì phải hí hoáy liên tục trong cuốn sổ kia khi đang cố gắng theo kịp những gì mà thầy giảng.

Thế rồi, một sáng nọ, trong bữa điểm tâm, khi tôi đã theo Thầy

Trừ Tà được một tháng, thầy hỏi tôi, “Này anh bạn, tới giờ thì con thấy sao nào?”

Tôi băn khoăn không rõ đây có phải là thầy đang hỏi về thức ăn của bữa điểm tâm hay chẳng. Có lẽ sẽ có thêm món thứ hai để bù cho món thịt muối hôm ấy hơi bị cháy. Thế nên tôi chỉ nhún vai. Tôi không muốn làm phật ý ông kẹ, chắc chắn lúc ấy đang đóng tai nghe ngóng.

“Ừ, đây là một công việc khó nhọc, và ta sẽ chẳng trách gì con nếu giờ con quyết định thôi không theo nữa,” thầy bảo. “Sau khi tháng đầu tiên đã xong, ta luôn cho mỗi người học việc mới của ta cơ hội trở về nhà mà suy nghĩ cho thấu đáo về việc họ có muốn tiếp tục công việc ấy hay không. Thế con có muốn chuyện tương tự không?”

Tôi cố hết sức không tỏ ra quá hăm hở nhưng vẫn không thể giấu đi nụ cười trên mặt mình. Có điều là, tôi càng cười, Thầy Trừ Tà trông càng đau khổ. Tôi nhận thấy rằng thầy muốn tôi ở lại nhưng tôi thì chỉ nôn nóng muốn được nghỉ phép mà thôi. Ý nghĩ rằng mình sẽ được gặp lại gia đình và ăn lại những món mẹ nấu nghe có vẻ như một giấc mơ vậy.

Trong vòng một tiếng, tôi đã lên đường trở về nhà. “Con là một anh bạn can trường và trí tuệ của con nhạy bén lắm,” thầy đứng ngay cổng và nói với tôi. “Con đã vượt qua tháng thử việc rồi nên con có thể thưa với cha mình rằng, nếu con muốn tiếp tục, ta sẽ đến thăm ông ấy vào mùa thu để lấy nốt mười đồng vàng của ta. Con có bản chất của một tay tập sự rất cừ, nhưng tùy vào con thôi đấy, anh bạn ạ. Nếu con không quay lại, vậy là ta sẽ biết con đã quyết định thôi không theo nghề nữa. Bằng không thì ta mong con quay lại đây sau một tuần lễ. Đến lúc ấy ta sẽ huấn luyện con thêm năm năm, giúp con trở thành người thạo việc không kém gì ta.”

Tôi cất bước về nhà, trong lòng phơ phới. Bạn thấy đấy, dù tôi không muốn nói cho Thầy Trừ Tà nghe, nhưng ngay lúc thầy cho tôi cơ hội trở về nhà và có lẽ sẽ không bao giờ quay trở lại, thì tôi đã quyết định là mình sẽ làm y như thế. Đây là một công việc kinh khủng. Từ những gì mà thầy đã bảo với tôi, ngoài sự cô đơn ra, công việc này còn nguy hiểm và đáng sợ nữa. Chẳng ai thực sự buồn quan tâm xem thử bạn còn sống hay đã chết. Họ chỉ muốn bạn dẹp trừ bất cứ thứ gì đang hoành hành quấy nhiễu họ, nhưng họ chẳng chịu dừng

lại nghĩ lấy đến một giây rằng công việc ấy có thể làm bạn trả giá những gì.

Thầy Trừ Tà từng mô tả có lần thầy suýt bị một ông kẹ lấy mạng. Ông kẹ ấy, chỉ trong chớp mắt, đã biến từ một kẹ phá nhà sang kẹ ném đá và sém chút là ném một viên đá to như nắm tay bác thợ rèn vào đầu thầy. Thầy bảo rằng mình chưa được trả công và hy vọng sẽ nhận được tiền công vào mùa xuân tới. Thôi nào, từ đây đến mùa xuân tới là một khoảng thời gian thật dài, thế thì làm như vậy được gì hay ho chứ? Khi tôi cất bước về nhà, mọi việc dường như đã rõ ràng trong tôi rằng tốt hơn mình nên làm việc ở nông trại.

Vấn đề là, chuyến đi dài gần hai ngày và việc cuốc bộ cho tôi lắm thời gian để nghỉ ngơi. Tôi nhớ lại đôi khi ở nông trại, mình cảm thấy chán ngán làm sao. Liệu tôi thật có thể chịu làm việc mãi như thế trong suốt quãng đời còn lại không?

Kể đến, tôi bắt đầu nghĩ về những gì mẹ sẽ nói. Mẹ đã rất cương quyết cho tôi làm chân học việc của Thầy Trừ Tà, nên nếu tôi thôi không làm nữa, tôi sẽ làm bà thất vọng. Thế là phần khó khăn nhất sẽ là phần thông báo cho mẹ hay và nhìn thấy phản ứng của bà.

Trong ngày đầu tiên của cuộc hành trình về nhà, khi màn đêm buông xuống, tôi đã ăn sạch số phở mai mà Thầy Trừ Tà đưa tôi mang theo cho chuyến đi. Thế nên ngày thứ hai tôi chỉ dùng chân đúng có một lần để ngâm chân trong dòng suối, rồi sau đó về kịp đến nhà ngay trước giờ vắt sữa buổi đêm.

Khi tôi mở cổng đi vào sân nhà, bố tôi đang đi đến chuồng bò. Nhìn thấy tôi, gương mặt bố ngời lên một nụ cười rạng rỡ. Tôi đề nghị được đi vắt sữa cho hai bố con có thời gian trò chuyện nhưng bố bảo tôi vào nhà ngay mà nói chuyện với mẹ.

“Mẹ nhớ con lắm đấy. Con sẽ được hoan nghênh lắm cho coi.”

Bố vỗ lưng tôi rồi dợm bước về phía chuồng bò, nhưng trước khi tôi đi thêm vài bước thì Jack đã chạy ra khỏi kho cỏ mà nhào đến chỗ tôi.

“Việc gì khiến em về lại mau thế?” Jack hỏi. Anh ấy có vẻ hơi lãnh đạm. À, mà nói thực thì anh ấy có vẻ lạnh nhạt hơn là lãnh đạm ấy

chứ. Mặt anh ấy giống như đang cau có, như thể anh đang cố vừa cau mày lại vừa cười toe toét vậy.

“Thầy Trừ Tà cho em về nhà vài ngày. Em phải quyết định xem mình có muốn theo việc ấy hay không.”

“Thế em sẽ làm gì nào?”

“Em sẽ nói chuyện với mẹ.”

“Chắc chắn là em sẽ được như ý thôi, khi nào chẳng thế.”

Bây giờ thì dứt khoát là Jack đang cau có, việc này khiến tôi cảm giác như có chuyện gì đấy đã xảy ra khi tôi vắng nhà. Bằng không thì tại sao anh ấy lại đột nhiên trở nên lạnh nhạt đến thế cơ chứ? Có phải là vì anh ấy không muốn tôi trở về nhà không nhỉ?

“Vớ lại anh không thể tin được là em lại lấy đi hộp nhóm lửa của bố,” Jack bảo.

“Bố cho em mà. Bố muốn em có nó.”

“Bố đưa cho em, nhưng đâu có nghĩa là em phải nhận lấy. Vấn đề về em là em chỉ biết nghĩ cho bản thân. Hãy nghĩ cho bố tội nghiệp của chúng ta xem nào. Ông rất thích hộp nhóm lửa ấy.”

Tôi chẳng nói lại gì vì tôi không muốn cãi cọ. Tôi biết anh ấy không đúng. Lúc ấy bố đã rất muốn tôi nhận hộp nhóm lửa ấy, tôi chắc chắn là vậy.

“Giờ em về đây, em có thể đỡ dần chút ít này,” tôi nói, cố thay đổi đề tài.

“Nếu em thực sự muốn kiếm được những thứ của mình thì đi cho lợn ăn đi!” anh ấy nói lớn lên rồi quay lưng bỏ đi. Cho lợn ăn là việc chẳng đũa nào thích. Cái đám lợn ấy to lớn, lông lá xù xì, thân mình hôi hám và khi nào cũng háu đói đến nỗi quay lưng lại với chúng chẳng bao giờ là an toàn cả.

Mặc cho những gì Jack đã nói, tôi vẫn vui vì được về nhà. Tôi băng qua sân vườn và ngược mắt nhìn lên ngôi nhà. Những sợi hồng

leo của mẹ đã che phủ gần hết bức tường phía sau nhà, lúc nào chúng cũng xanh tốt dù phải mọc quay về hướng Bắc. Bây giờ chúng chỉ đang đâm chồi, nhưng đến giữa tháng Sáu, đám hồng leo này sẽ phủ một màu hoa đỏ rực.

Cánh cửa hậu luôn bị kẹt vì ngôi nhà từng bị sét đánh trúng một lần. Khi ấy cánh cửa bắt lửa và phải được thay mới, nhưng khung cửa vẫn còn hơi cong queo, thế nên tôi phải đẩy thật mạnh để mở ra. Cũng đáng công đẩy lắm chứ vì cảnh tượng đầu tiên tôi nhìn thấy là gương mặt tươi cười của mẹ.

Bà đang ngồi trên chiếc ghế đu cũ kỹ góc kia căn bếp, nơi mà ánh nắng chiều tà không thể soi tới được. Ánh nắng ấy quá chói, làm đau mắt mẹ. Mẹ thích mùa đông hơn mùa hè, thích đêm hơn ngày.

Mẹ vui khi thấy tôi vẫn ổn, và thoát tiên tôi cố hoãn không thưa với bà là tôi trở về đây để ở lại nhà luôn. Tôi nặn ra vẻ mặt gan dạ và vờ như vui vẻ nhưng mẹ đã nhìn thấu tâm can tôi. Tôi chẳng bao giờ có thể giấu được bà điều gì.

“Chuyện gì thế?” bà hỏi.

Tôi nhún vai cố gắng mỉm cười, rõ ràng là tôi còn kém hơn anh Jack về khoản nguy trang cảm xúc.

“Nói ra đi nào. Giấu mãi trong lòng có ích lợi gì đâu.”

Một lúc thật lâu tôi không nói năng gì vì còn mãi tìm cách diễn đạt thành lời. Nhịp đung đưa ghế của mẹ dần chậm lại, cho đến khi ghế ngừng lại hẳn. Đấy luôn là một dấu hiệu không hay.

“Con đã vượt qua tháng thử việc và thầy Gregory bảo rằng tùy thuộc vào nơi con nếu con có muốn tiếp tục hay không. Nhưng con cô đơn quá, mẹ à,” rốt cuộc rồi tôi cũng thú thật. “Thật tồi tệ như con vẫn tưởng ấy. Con chẳng có bạn bè. Chẳng có ai bằng tuổi con để nói chuyện cùng. Con thấy cô độc quá – con muốn quay về đây làm việc mẹ ạ.”

Lẽ ra tôi có thể nói nhiều hơn thế và bảo với bà rằng chúng tôi từng vui vẻ biết bao khi tất cả anh em chúng tôi còn sống ở nhà. Tôi đã không nói thế – tôi biết mẹ cũng nhớ các anh. Tôi nghĩ vì thế mẹ

cũng sẽ thông cảm với tôi, nhưng tôi đã làm.

Mẹ im lặng hồi lâu rồi mới nói, tôi có thể nghe thấy tiếng chị Ellie đang quét dọn bên phòng bên, vừa làm việc vừa hát khe khẽ một mình.

“Cô độc à?” mẹ hỏi, giọng bà đầy tức giận hơn là cảm thông gì. “Sao con có thể cô đơn được chứ? Con có bản thân con, đúng không? Nếu có khi nào con đánh mất bản thân thì con mới cô độc chứ. Còn bây giờ, con hãy thôi đừng có ca cẩm nữa. Con gần trở thành một người đàn ông rồi, và đàn ông thì phải làm việc. Ngay từ khi vũ trụ sinh ra, con người đã phải làm những việc mà họ không thích. Thế thì sao mọi việc phải khác đi cho con chứ? Con là con trai thứ bảy của người con thứ bảy, và đây là công việc con được sinh ra để làm.”

“Nhưng thầy Gregory cũng từng huấn luyện những người học việc khác,” tôi buột miệng. “Một người trong số đó có thể quay lại bảo vệ cho Hạt cơ mà. Tại sao cứ phải là con?”

“Thầy đã huấn luyện nhiều người, nhưng chỉ rất hiếm hoi mới có người hoàn tất thời gian huấn luyện,” mẹ bảo, “mà những người ấy không xứng với thầy. Bọn họ hoặc là yếu kém, phạm lỗi hoặc hèn nhát. Họ đi theo con đường sai trái, nhận tiền người ta mà không làm được gì nhiều. Hiện giờ con là kẻ cuối cùng còn lại đấy, con trai. Con là cơ may cuối cùng. Là hy vọng sau chót. Ai đó phải làm thôi. Ai đó phải đứng lên đối mặt với thế lực bóng tối. Và con là người duy nhất có thể làm được điều ấy.”

Chiếc ghế lại bắt đầu đong đưa, dần dà nhanh nhẹn hẳn.

“Thôi, mẹ mừng vì chuyện này đã giải quyết xong. Thế con có muốn chờ đến bữa tối hay mẹ sẽ dọn ngay ra cho con món nào vừa nấu xong vậy?” mẹ hỏi.

“Mẹ ơi, cả ngày nay con đã không ăn gì rồi. Cả bữa sáng cũng không nốt.”

“Vậy thì có món thử hằm đây. Món này chắc sẽ làm con vui vẻ lên tí chút nhỉ.”

Tôi ngồi bên bàn bếp, lòng thấy trĩu nặng và buồn như chưa từng

bao giờ buồn hơn thế trong khi mẹ tôi lảng xảng quanh bếp lò. Món thỏ hầm tỏa mùi ngon tuyệt và miệng tôi bắt đầu nhỏ dãi. Chẳng có ai nấu ăn ngon hơn mẹ tôi và trở về nhà luôn đáng công đáng sức, thậm chí dù chỉ trở về cho một bữa ăn.

Mẹ mỉm cười, mang sang một đĩa thịt hầm bốc hơi nghi ngút và đặt trước mặt tôi. “Mẹ sẽ đi soạn phòng cho con. Giờ vì con đã về đây, thôi thì con ở thêm vài ngày nữa vậy.”

Tôi lí nhí nói lời cảm ơn và chẳng chần chừ gì mà không xúc ăn ngay. Mẹ vừa lên khuất tầng trên thì Ellie bước vào bếp.

“Gặp lại em vui quá đi Tom,” chị vừa cười vừa nói. Rồi chị nhìn xuống đĩa đầy nhóc thức ăn của tôi mà hỏi. “Em muốn ăn kèm thêm bánh mì không?”

“Vâng có ạ,” tôi đáp, thế là Ellie phết bơ cho tôi những ba lát thật dày trước khi ngồi xuống bên bàn đối diện. Tôi cắm cúi ăn hết một mạch mà không một lần ngẩng đầu lên thờ, rồi sau cùng lại dùng miếng bánh mì mới ra lò cuối cùng vét sạch đĩa mình.

“Giờ em thấy khá hơn chưa?”

Tôi gật đầu và cố mỉm cười nhưng tôi biết nỗ lực của mình không có kết quả gì mấy vì Ellie đột nhiên lộ vẻ lo lắng. “Chị không thể không nghe thấy những gì em nói với mẹ,” Ellie bảo. “Chị nghĩ chắc là công việc không đến nỗi tồi tệ như thế đâu. Chỉ là công việc còn quá mới mẻ và lạ lẫm thôi mà. Em sẽ chóng làm quen với nó thôi. Dù sao thì em cũng đâu phải quay lại đó ngay. Ở nhà vài ngày rồi em sẽ thấy khá hơn ấy mà. Vả lại ở đây bao giờ em cũng được chào đón, ngay cả khi nông trại này thuộc về Jack cũng thế.”

“Em không nghĩ Jack vui mừng đến mức ấy khi phải gặp lại em.”

“Tại sao chứ, việc gì khiến em phải nói thế?” Ellie hỏi.

“Chỉ có vẻ như anh ấy không thân thiện, có vậy thôi. Em không nghĩ anh ấy muốn em ở đây.”

“Em đừng lo lắng gì về ông anh trai to xác nhỏ mọn của em. Chị sẽ xử lý anh ấy dễ ngay ấy mà.”

Khi ấy tôi mới thực lòng mỉm cười vì tôi biết đây là sự thực. Như mẹ tôi từng nói, Ellie có thể điều khiển Jack qua mấy đầu ngón tay.

“Chuyện chủ yếu làm anh ấy lo lắng là thế này này,” Ellie vừa nói vừa lấy tay xoa xoa bụng. “Chị của mẹ chị mất khi đang lâm bồn và gia đình chị đến nay vẫn còn mãi nói đến chuyện ấy. Chuyện này làm Jack căng thẳng, nhưng chị thì chẳng màng chút nào vì chị đang ở nơi tốt nhất rồi, có mẹ em chăm sóc cho chị.” Chị ngừng lại. “Nhưng còn có chuyện khác nữa. Công việc của em làm anh ấy lo lắng.”

“Trước khi em đi anh ấy dường như có vẻ rất vui về việc ấy cơ mà,” tôi nói.

“Lúc ấy anh tỏ ra như thế bởi vì em là em trai anh ấy và anh ấy lo cho em. Nhưng công việc của Thầy Trừ Tà làm cho người ta sợ mà. Làm cho họ thấy không thoải mái. Chị nghĩ nếu lúc ấy em bỏ đi ngay thì mọi chuyện chắc là đã ổn cả rồi. Nhưng cái ngày khi em đi ấy, Jack bảo là em leo thẳng lên đồi đi vào rừng, và kể từ khi đấy lũ chó trở nên bồn chồn. Bây giờ thì mấy con chó còn chẳng chịu đi vào đồng cỏ hướng Bắc nữa cơ.

Jack cho là em đã làm kinh động gì đó. Chị nghĩ mọi chuyện có nguyên do là từ đấy,” Ellie tiếp tục nói, tay dịu dàng vuốt bụng. “Anh ấy chỉ là quá muốn bao bọc, thế thôi. Anh ấy lo nghĩ cho gia đình của mình. Nhưng em đừng lo. Rồi mọi chuyện sẽ được giải quyết.”

Rốt cuộc là tôi đã ở nhà ba ngày, cố đeo vào bản mặt can đảm, nhưng rồi tôi cảm nhận được đến lúc phải ra đi. Mẹ là người cuối cùng tôi gặp trước khi lên đường. Chỉ có hai chúng tôi trong căn bếp và mẹ siết nhẹ tay tôi, bảo rằng bà hãnh diện về tôi.

“Con còn hơn chỉ là bảy lần bảy nhiều,” mẹ bảo, mỉm cười ôn hậu với tôi. “Con còn là con trai của ta và con có đủ sức mạnh để làm những việc cần phải được làm.”

Tôi gật đầu đồng ý vì tôi muốn mẹ được vui, nhưng khi vừa rời khỏi sân thì nụ cười của tôi tuột mất. Tôi lê bước đi về căn nhà của Thầy Trừ Tà với trái tim rớt tận xuống dưới ủng, lòng cảm thấy đau đớn và thất vọng vì mẹ đã không muốn tôi trở về nhà.

Trời mưa suốt dọc đường quay trở lại Chipenden, và khi đến nơi,

tôi lạnh cóng, ướt nhẹp và khố sở. Nhưng khi tôi vừa vớ tay vào cổng trước, thật ngạc nhiên là then cửa lại tự động nhấc lên rồi cánh cổng tự mình xoay mở mà không cần đến tôi chạm tay vào. Điều ấy giống như một kiểu chào mừng, một lời khích lệ tôi bước vào, một điều mà tôi nghĩ chỉ dành riêng cho Thầy Trừ Tà mà thôi. Hẳn là tôi phải thấy vui lòng về điều ấy lắm nhưng thật ra thì không. Tôi chỉ thấy rờn rợn thế nào.

Tôi gõ lên cửa ba lần trước khi nhận ra chìa khóa đang cắm sẵn trong ổ. Vì chẳng ai ra đáp lại tiếng gõ cửa của tôi nên tôi xoay chìa khóa đẩy cửa mở ra.

Tôi kiểm tra mọi phòng tầng dưới, chỉ chừa ra một phòng. Sau đấy tôi gọi vớ lên tầng trên. Chẳng thấy ai trả lời tiếng nào nên tôi đánh bạo đi vào bếp.

Trong lò sưởi lửa đang cháy bập bùng, bàn ăn đã được bày ra cho một người. Chính giữa bàn là một nồi súp to dùng nghi ngút hơi. Tôi đang quá đói nên đã ngấu nghiến gần sạch bóng chiếc nồi rồi mới nhìn thấy mảnh giấy ghi chú đặt dưới lọ muối.

Đã sang bên Đông Pendle. Là vấn đề về phù thủy nên ta sẽ đi vắng khá lâu. Cứ tự nhiên như ở nhà nhưng đừng quên đi lấy lương thực hàng tuần. Như mọi khi, bác bán thịt giữ túi cho ta, nên con tới đó trước.

Pendle là khu đồi đá rất lớn, to gần bằng quả núi chứ chẳng chơi, ở mãi tận mút phía Đông của Hạt. Toàn khu vực ấy tràn ngập phù thủy và đấy là nơi đầy rủi ro, nhất là khi phải đến đấy một mình. Điều này lại làm tôi phải nhớ rằng công việc của Thầy Trừ Tà thật nguy hiểm xiết bao.

Nhưng đồng thời tôi vẫn không kìm được cảm giác hơi hơi khó chịu. Suốt bao nhiêu lâu chờ đợi cho có chuyện xảy ra, rồi đến khi tôi đi xa thì Thầy Trừ Tà lại lên đường một mình!

Đêm ấy, tôi ngủ khá ngon giấc, nhưng cũng không ngủ sâu đến nỗi không nghe thấy tiếng chuông triệu tập cho bữa điểm tâm.

Tôi đi xuống lầu đúng giờ và được tặng thưởng một đĩa thịt muối kèm theo món trứng ngon nhất tôi từng được ăn trong nhà Thầy Trừ

Tà. Tôi hài lòng đến độ, ngay trước khi rời khỏi bàn ăn, tôi nói thật lớn tiếng, dùng những lời lẽ mà bố tôi thường nói sau mỗi bữa trưa ngày Chủ nhật.

“Ngon lắm đấy,” tôi nói lớn. “Khá khen cho đầu bếp đấy nhé.”

Ngay khi những lời ấy được thốt ra thì ngọn lửa trong bếp lò bùng sáng lên và con mèo bắt đầu gừ gừ. Tôi thì chẳng thấy mèo đâu nhưng tiếng gừ của nó to đến mức tôi thề là những khung cửa sổ kêu lên rào rạt. Rõ là tôi vừa nói một điều rất đúng đắn.

Thế là, cảm giác thật hài lòng với chính mình, tôi cất bước đi xuống làng để lấy lương thực. Mặt trời sáng soi rạng rõ trên nền trời trong xanh không gợn chút mây, chim chóc réo hót vang lừng và sau cơn mưa ngày hôm trước, vạn vật dường như lóng lánh sáng bừng lên sự mới mẻ.

Tôi bắt đầu từ tiệm bác bán thịt, nhận lấy túi của Thầy Trừ Tà, rồi tiếp bước qua tiệm tạp hóa và kết thúc tại tiệm bánh mì. Vài tay trai làng đang tựa lưng vào bức tường gần đấy. Lần này không đông như lần trước, và tay đầu sỏ, cái tay to lớn với cần cổ to như cổ bò mộng ấy, lúc này không có mặt cùng bọn họ.

Nhớ lời Thầy Trừ Tà đã dặn, tôi bước thẳng đến đám trai làng và bảo, “Tôi xin lỗi về chuyện lần trước, nhưng là vì tôi là lính mới và chưa hiểu cặn kẽ các luật lệ. Thầy Gregory bảo rằng các anh mỗi người có thể lấy một quả táo và một chiếc bánh.” Nói là làm, tôi mở túi trao cho mỗi tay thanh niên những món mình đã hứa. Mấy cặp mắt của bọn họ mở lớn đến nỗi sém rơi ra khỏi hố mắt và bọn họ lí nhí cảm ơn.

Ở trên đỉnh con đường mòn có ai đấy đang chờ tôi. Là cô gái tên Alice, và lần này cô gái cũng đứng trong bóng râm như thể cô không thích ánh mặt trời.

“Cậu có thể lấy một quả táo và một chiếc bánh đấy,” tôi bảo Alice.

Tôi ngạc nhiên thấy cô gái lắc đầu. “Lúc này tớ không đói,” cô bảo. “Nhưng có một thứ mà tớ muốn có lắm. Tớ cần cậu giữ lời hứa. Tớ cần giúp đỡ.”

Tôi nhún vai. Hứa là hứa và tôi nhớ mình đã từng hứa. Thế thì tôi còn làm gì khác hơn là giữ lời mình chứ?

“Nói cho tớ biết cậu cần gì rồi tớ sẽ cố hết sức,” tôi đáp.

Một lần nữa gương mặt Alice bừng sáng cùng nụ cười rạng rỡ. Cô gái mặc váy đen và mang giày mũi nhọn, nhưng không hiểu vì sao nụ cười ấy làm tôi quên đi mọi chuyện. Thế mà, những gì cô ấy nói sau đấy khiến tôi lo lắng và thực sự làm hỏng hết cả phần ngày còn lại.

“Giờ tớ chưa nói cho cậu hay đâu. Tớ sẽ nói vào tối nay, ngay khi mặt trời lặn đấy. Cậu đến tìm tớ khi cậu nghe tiếng chuông của lão Gregory nhé.”

Tôi nghe thấy tiếng chuông ngay trước khi mặt trời lặn, và với cõi lòng nặng trĩu, tôi bước xuống đồi, đi về phía những cây liễu mọc thành vòng tròn, nơi các lối mòn giao nhau. Có vẻ như không được đúng đắn cho lắm, cái kiểu Alice rung chuông như thế ấy. Trừ khi là cô có việc nhờ Thầy Trừ Tà, nhưng chẳng hiểu sao tôi ngờ là không phải.

Xa xa trên trời cao, những tia nắng mặt trời sau cuối đang nhuộm những đỉnh đồi đá trong quầng sáng cam cam dìu dịu, nhưng ở mãi tận dưới này, giữa những tàn cây liễu gai, ánh sáng lại xám xịt và đầy rẫy bóng râm.

Tôi rùng mình khi nhìn thấy Alice bởi vì cô chỉ kéo dây chuông bằng một tay nhưng lại làm cho quả chuông lắc cuống cuống. Mặc cho cánh tay mảnh khảnh và cái eo nhỏ xíu, cô gái này hẳn phải rất mạnh.

Ngay khi tôi thò mặt ra, cô thôi kéo chuông và chống hai tay lên hông trong khi những tàn cây tiếp tục rung lắc trên đầu. Chúng tôi chỉ chăm chăm nhìn nhau thật lâu, cho đến khi mắt tôi bị thu hút về phía chiếc làn dưới chân cô. Trong làn đang có thứ gì đấy được che bằng một mảnh vải đen.

Alice nhắc làn lên chìa ra cho tôi.

“Cái gì thế?” tôi hỏi.

“Là cho cậu đấy, để cậu giữ lời hứa.”

Tôi đưa tay nhận lấy nhưng lòng chẳng thấy vui vẻ gì. Tò mò, tôi cho tay vào trong nhấc mảnh vải đen lên.

“Ê đừng, cứ để nó yên đấy,” Alice vội giật giọng, giọng cô sắc lẹm. “Đừng để không khí lọt vào, bằng không thì chúng sẽ hỏng mất.”

“Chúng là gì thế?” tôi hỏi. Trời mỗi lúc một tối dần và tôi bắt đầu cảm thấy bồn chồn.

“Chỉ là bánh thôi mà.”

“Cảm ơn nhiều nhé.”

“Không phải cho cậu đâu,” cô gái bảo, khoe miệng hơi nhếch lên cười. “Bánh ấy là cho Mẹ Già Malkin.”

Miệng tôi thoát trở nên khô khốc và cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng tôi. Mẹ Malkin, mục phù thủy còn sống mà Thầy Trừ Tà nhốt trong cái hố sau vườn nhà thầy.

“Tớ không nghĩ thầy Gregory sẽ thích chuyện này đâu,” tôi bảo. “Thầy bảo tớ phải tránh xa mục ấy ra.”

“Hắn ta là lão già độc ác, cái lão Gregory ấy,” Alice nói. “Mẹ Malkin tội nghiệp đã bị nhốt trong cái lỗ tối tăm ẩm ướt dưới lòng đất ấy cả mười ba năm nay rồi. Đối xử với một bà lão tẻ như thế liệu có đúng đắn không?”

Tôi nhún vai. Bản thân tôi cũng không vui thú gì với chuyện ấy. Bào chữa cho những việc thầy làm thật chẳng dễ dàng gì, nhưng thầy đã bảo phải có lý do chính đáng lắm mới phải làm như thế.

“Này,” Alice nói tiếp, “cậu sẽ chẳng gặp rắc rối gì đâu vì lão Gregory không bao giờ cần phải biết. Cậu chỉ đem đến cho Mẹ Malkin chút an ủi thôi mà. Món bánh bà ấy thích nhất do gia đình tự làm. Việc này chẳng có gì sai quấy cả. Chỉ là một thứ giúp Mẹ Malkin đủ sức chống chọi với cái lạnh. Nó sẽ chỉ ngấm thẳng vào xương của bà ấy thôi.”

Một lần nữa tôi lại nhún vai. Mọi lý lẽ đúng đắn nhất dường như đã thuộc về cô gái cả rồi.

“Vậy cậu cứ đưa bánh cho bà mỗi đêm. Có ba chiếc cho ba đêm. Tốt nhất là đưa vào lúc nửa đêm vì đấy là khi bà ấy đói bụng nhất. Tối nay đưa cho bà chiếc đầu tiên nhé.”

Alice dợm quay bước bỏ đi thì ngừng lại và quay về phía tôi nhòe cười. “Chúng mình có thể thành bạn tốt đấy, cậu với tớ ấy,” cô chặc lưỡi.

Thế rồi cô mất dạng vào bóng tối đang đậm dần.

Chương 8

MẸ GIÀ MALKIN

Quay trở lại nhà Thầy Trừ Tà, tôi bắt đầu thấy lo lắng, nhưng càng suy nghĩ nhiều về điều này bao nhiêu, đầu óc tôi càng thêm mơ hồ bấy nhiêu. Tôi biết thầy sẽ nói gì. Thầy sẽ quảng mấy chiếc bánh đi rồi giảng giải cho tôi một thôi một hồi về các loại phù thủy và về những vấn đề rối rắm sẽ mắc phải với những cô gái đi giày mũi nhọn.

Nhưng thầy đang không có đây nên chuyện này sẽ không xảy ra. Có hai điều khiến tôi phải đi vào đêm đen trong khu vườn phía Đông, nơi thầy giam giữ các phù thủy. Điều thứ nhất là lời tôi đã hứa với Alice.

“Chớ bao giờ buông lời hứa hẹn mà con không định giữ lời,” bố tôi vẫn thường bảo tôi thế. Vậy nên tôi không còn nhiều lựa chọn. Bố đã dạy cho tôi những điều phải quấy, và vì tôi là người học việc của Thầy Trừ Tà, không có nghĩa là tôi phải thay đổi toàn bộ phong cách.

Thứ hai là, tôi không đồng tình với việc giam giữ một lão bà như tù nhân trong một cái lỗ dưới lòng đất. Dường như làm thế với một mục phù thủy đã chết nghe ra còn có lý, nhưng với một tên còn sống thì không. Tôi nhớ mình từng thắc mắc mục ta đã phạm tội ác tày đình nào để rồi bị đối xử như thế.

Đem cho mục ấy ba chiếc bánh thì có hại gì đâu? Tất cả chỉ là một chút an ủi từ gia đình mục ta giúp mục chống chọi với cái lạnh và sự ẩm ướt thôi mà. Thầy Trừ Tà đã bảo tôi phải tin vào trực giác của mình, và sau khi cân nhắc mọi điều, tôi thấy rằng mình sẽ làm điều đúng đắn.

Vấn đề duy nhất là tôi phải tự mình mang bánh đi, ngay lúc nửa đêm. Đến khi đấy thì trời đã tối quá rồi còn đâu, nhất là khi ta không nhìn thấy ánh trăng nào.

Tôi xách chiếc làn tiến vào trong khu vườn phía Đông. Trời tối thật, nhưng không đến nỗi tối đen như tôi tưởng. Một là, mắt tôi

trước giờ vẫn rất tinh nhạy vào ban đêm. Mẹ tôi luôn nhanh nhạy trong bóng tối và tôi nghĩ mình thừa hưởng điều này từ mẹ. Và còn vì lẽ khác nữa, đêm ấy trời quang không chút mây và ánh trăng giúp cho tôi phân biệt được lối đi.

Khi tôi bước qua rặng cây, không khí bỗng dưng trở lạnh hơn làm tôi thốt rùng mình. Lúc đến được nấm mồ đầu tiên, cái có dải đá cuội và mười ba thanh kim loại ấy, tôi cảm thấy còn lạnh hơn nữa. Đây là nơi mộ phụ thủy đầu tiên bị chôn. Mộ ta pháp lực yếu ớt, sức mạnh chẳng còn là bao, hay chí ít đây là những gì Thầy Trừ Tà đã bảo. Ở đây chẳng có gì phải lo lắng cả, tôi tự nhủ, lòng cố gắng hết sức để tin vào điều này.

Quyết định đem bánh cho Mẹ Malkin vào ban ngày là một lẽ, nhưng giờ đây, xuống tận khu vườn này ngay lúc nửa đêm, tôi không thấy chắc chắn nữa. Thầy Trừ Tà đã bảo tôi phải tránh rõ xa sau khi màn đêm buông xuống cơ mà. Thầy đã cảnh cáo tôi không chỉ một lần nên đây phải là một luật lệ quan trọng, ấy vậy mà giờ đây tôi đang phạm ngay luật ấy.

Có những tiếng động xa xăm văng vẳng quanh đây. Những âm thanh xào xạc và rặng rắc chắc là chẳng có gì, chỉ là những con thú nhỏ bị tôi quấy nhiễu trên đường thôi, nhưng chúng nhắc cho tôi nhớ rằng mình không có quyền hiện diện nơi đây.

Trước kia thầy Trừ Tà từng nói phía trước khoảng hai mươi bước chân, có hai mộ phụ thủy bị chôn, thế là tôi cẩn thận đếm ra tiếng mỗi bước. Hai mươi bước dẫn tôi đến ngôi mộ thứ hai giống hệt ngôi đầu tiên. Tôi tiến đến gần hơn, để đoán chắc. Có những thanh sắt và ngay bên dưới là mặt đất, loại đất được nén rất chặt và không có lấy được một ngọn cỏ. Mộ phụ thủy này tuy đã chết nhưng vẫn còn nguy hiểm. Đây là mộ bị chôn thẳng đầu xuống đất. Thế có nghĩa là đế giày trên chân mộ ta chỉ nằm đâu đó ngay dưới lớp đất ấy thôi.

Vừa nhìn chăm chăm vào ngôi mộ, tôi vừa nghĩ mình đã trông thấy thứ gì đó di chuyển. Một thứ cọng cỏ gì đấy; hay chắc chỉ là do tôi tưởng tượng, hay có lẽ là thú nhỏ – một chú chuột nhắt hay chuột chù hay gì đấy. Tôi nhanh nhẹn bước tiếp. Giả như ấy là một ngón chân thì sao nhỉ?

Bước thêm ba bước nữa là tôi đến cái nơi mình đang tìm đến –

chẳng còn gì phải nghi ngờ. Lại cũng thế, nơi này có một viên đá cuội và mười ba thanh cọc sắt. Nhưng cũng có thêm ba điểm khác biệt nữa. Thứ nhất, khu vực đất bên dưới những thanh cọc có hình vuông chứ không phải là hình chữ nhật. Thứ hai, ngôi mộ này to hơn, mỗi cạnh khoảng bốn sải chân. Thứ ba, bên dưới những thanh cọc sắt không có nền đất nện nào cả, mà chỉ có một lỗ đen đào xuống lòng đất.

Tôi dừng bước và cẩn thận lắng nghe. Cho tới lúc này vẫn không có nhiều tiếng động là mấy, chỉ là những âm thanh xào xạc xa xăm của những sinh vật sống về đêm và tiếng cơn gió thoảng nhẹ. Nhẹ đến nỗi tôi không mấy nhận thấy. Nhưng tôi lại nhận biết được khi gió ngừng bật. Đột nhiên vạn vật trở nên cực kỳ tĩnh lặng và khu rừng im ắng lạ kỳ.

Bạn thấy đấy, nãy giờ tôi đã căng tai ra, cố nghe lấy động tĩnh của mụ phù thủy, còn bây giờ tôi cảm giác được mụ ta đang lắng tai nghe lấy tôi.

Sự im lặng dường như cứ kéo dài mãi không thôi, cho đến khi, bất thành linh, tôi chú ý đến một tiếng thở ra mơ hồ từ lòng hố. Chẳng hiểu vì sao âm thanh ấy làm người ta như muốn cử động được, thế là tôi tiến thêm vài bước cho đến khi đứng ngay trên mép hố, một đầu ủng của tôi thậm chí còn chạm vào viên đá cuội.

Đến lúc ấy tôi nhớ đến vài điều mà Thầy Trừ Tà từng bảo với tôi về Mẹ Malkin....

“Hầu hết sức mạnh của mụ đã ngấm rỉ vào lòng đất hết rồi, nhưng mụ rất muốn bắt được một anh chàng như con đấy.”

Vậy nên tôi lùi lại một bước – không quá xa, nhưng những lời của Thầy Trừ Tà đã khiến tôi suy nghĩ. Thế nếu như có một bàn tay thò ra khỏi hố tóm lấy mắt cá chân tôi thì sao đây?

Lòng những muốn làm cho xong chuyện này cho rồi, tôi khế gọi vọng xuống lòng hố tối đen. “Mẹ Malkin này,” tôi gọi. “Cháu có đem đến chút quà cho bà đây. Là một món quà từ gia đình bà đấy. Bà có đó không? Bà nghe thấy chứ?”

Không có tiếng trả lời, nhưng nhịp hít thở dưới lòng đất kia có vẻ

như gấp gáp hơn. Vậy là vì chẳng muốn phí thêm thời gian nữa và lòng chỉ muốn được quay trở lại căn nhà ấm cúng của thầy, tôi cho tay vào làn và lần tìm dưới tấm khăn phủ. Tay tôi chộp lấy một trong những chiếc bánh. Có cảm giác mềm mềm, ướt át và hơi dính dính. Tôi lôi chiếc bánh ra, giờ nó lên trên mấy thanh sắt.

“Chỉ là chiếc bánh thôi ạ,” tôi nhẹ nhàng bảo. “Cháu hy vọng nó sẽ làm bà thấy khỏe hơn. Đêm mai cháu sẽ mang cho bà một chiếc khác.”

Dứt lời, tôi buông tay thả chiếc bánh rơi vào lòng hố tối đen.

Lẽ ra tôi phải quay vào nhà ngay, nhưng tôi đã nấn ná lại thêm vài giây để nghe ngóng. Tôi không biết mình trông chờ nghe thấy gì, nhưng đây là một sai lầm.

Dưới lòng hố có tiếng di chuyển, như thể có thứ gì đó đang lê mình trên nền đất. Và rồi tôi nghe thấy tiếng mù phù thủy bắt đầu ăn bánh.

Tôi từng nghĩ một trong những anh trai của mình hay gây ra những tiếng động khó chịu trên bàn ăn, nhưng âm thanh này nghe còn dễ sợ hơn bội lần. Nghe còn đáng kinh hơn tiếng mấy con lợn lông lá nhà chúng tôi khi chúng sục mõm vào xô rau heo, âm thanh ấy như một sự pha trộn giữa tiếng khùng khục, khụt khịt, nhồm nhoàm lẫn với tiếng hít thở khò khè. Tôi không rõ là mù ta có thích chiếc bánh hay không, nhưng chắc chắn là mù đã gây ra lắm tiếng ồn vì chiếc bánh ấy.

Đêm hôm ấy, tôi trần trọc mãi không ngủ được. Đầu óc tôi cứ suy nghĩ hoài đến cái hố tối đen và lo lắng là tối mai mình phải ghé đến đây nữa.

Tôi cố lắm mới xuống ăn sáng vừa kịp giờ, món thịt muối cháy đen còn bánh mì đã hơi cũ mốc. Không thể hiểu được vì sao lại như thế – mới hôm qua thôi tôi vừa đem về bánh mì mới nguyên từ tiệm

bánh cơ mà. Có thể nào là do ông kẹ nổi giận với tôi? Thế nó có biết tôi đã làm gì không? Phải chăng nó làm hỏng món điểm tâm như là một kiểu cảnh cáo nào đấy?

Làm lụng trong nông trại rất cực nhọc nhưng tôi đã quen như thế rồi. Thầy Trừ Tà không giao lại cho tôi nhiệm vụ nào, vậy nên tôi chẳng có việc gì để làm cho hết ngày cả. Tôi có leo lên thư viện, bụng bảo dạ rằng chắc thầy cũng chẳng phiền gì đâu nếu tôi tìm được thứ gì hữu ích mà đọc, nhưng thất vọng thay, cửa thư viện đã bị khóa.

Thế thì tôi còn làm được gì khác hơn là đi dạo cơ chứ? Tôi quyết định đi thám hiểm vùng đồi đá, thoạt tiên là leo lên Mỏm Parlick; leo lên đến đỉnh rồi, tôi ngồi xuống chóp đá mà chiêm ngưỡng toàn cảnh.

Hôm nay là một ngày sáng sủa quang đãng, và từ trên cao này tôi có thể nhìn thấy toàn Hạt trái rộng bên dưới, xa xa mãi tận hướng Tây Bắc kia là vùng biển mang màu xanh xanh lấp lánh gọi mời. Những rặng đồi đá dường như nối tiếp trập trùng mãi không ngơi, mấy ngọn đồi to lớn mang những cái tên như Đồi Chảo Hơi hay Đồi Quán Thịt – thật nhiều thật nhiều đến nỗi tưởng chừng như phải mất hết cả đời mới khám phá hết được.

Gần ngay bên là Đồi Chó Sói, cái tên ấy khiến tôi tự hỏi không biết trong khu vực ấy có thực có chó sói hay không. Chó sói có thể rất nguy hiểm, và người ta bảo rằng vào mùa đông, khi thời tiết trở lạnh, nhiều khi chúng đi săn theo đàn. Mà thôi, giờ là mùa xuân mà, dĩ nhiên tôi không nhìn thấy dấu vết gì của chúng cả, nhưng thế cũng không có nghĩa là nơi đó không có chó sói. Điều này làm tôi nhận ra rằng việc đi đến mấy rặng đồi đá này sau khi màn đêm buông xuống sẽ thật đáng sợ lắm đây.

Cũng chẳng đáng sợ bằng việc đem thêm chiếc bánh nữa cho Mẹ Malkin đâu, tôi định bụng, và chẳng mấy chốc mặt trời bắt đầu lặn về phía Tây, buộc tôi phải leo xuống quay lại Chipenden.

Một lần nữa, tôi thấy mình mang chiếc làn đi xuyên bóng tối trong khu vườn. Lần này tôi quyết định hoàn thành thật chóng. Chẳng bỏ phí chút thời gian nào, tôi thả chiếc bánh dinh dính thứ hai qua những thanh sắt xuống hố đen.

Quá muộn rồi, ngay khi chiếc bánh thứ hai rời khỏi mấy ngón tay,

tôi mới nhận ra một điều khiến tim mình tê tái.

Những thanh sắt bên trên miệng hố đã bị bẻ cong. Đêm qua chúng còn thẳng tắp cơ mà, toàn bộ mười ba thanh cọc sắt cắm song song với nhau ấy. Còn bây giờ, những thanh chính giữa đã bị bẻ ra, gần như đủ rộng cho một đầu người chui qua.

Mấy thanh sắt này chắc hẳn phải được bẻ bởi ai đó bên ngoài, ai đó đứng trên mặt đất, nhưng tôi không tin chắc lắm. Thầy Trừ Tà từng bảo rằng ngôi nhà cùng những khu vườn được canh gác cẩn thận và không ai có thể lên vào được. Thầy không nói căn nhà được canh gác ra sao và cái gì canh gác nó, nhưng tôi đoán có lẽ là nhờ mấy ông kẹ nào đó. Có lẽ là cùng một ông kẹ đã nấu ăn ấy.

Thế thì phải là do mục thù thủy làm thôi. Bằng cách nào đó mục đã leo lên theo thành hố và bắt đầu bẻ cong mấy thanh sắt. Thốt nhiên, sự thực về những gì đang diễn ra lóe lên trong trí tôi.

Tôi đã quá ngu xuẩn! Mấy chiếc bánh đã làm cho mục ấy mạnh hơn.

Tôi nghe thấy tiếng mục dưới bóng tối kia, bắt đầu ăn chiếc bánh thứ hai, gây ra những âm thanh nhồm nhoàm, khụt khịt, khùng khục như hôm trước. Tôi vội vã rời khỏi rừng cây và quay trở vào nhà. Theo như những gì tôi biết thì mục ta thậm chí chắc cũng chẳng cần đến chiếc bánh thứ ba làm gì.

Thêm một đêm thức trắng nữa và tôi đã hạ quyết tâm. Tôi quyết định đi tìm gặp Alice, trả lại cho cô gái chiếc bánh cuối cùng và giải thích cho cô hiểu vì sao mình không thể giữ lời hứa.

Trước hết, tôi phải tìm ra cô đã. Ngay sau bữa điếm tâm, tôi đi thẳng vào rừng, nơi chúng tôi gặp nhau lần đầu, rồi tôi đi xuyên qua rừng đến tận ven rừng bên kia. Alice từng nói cô sống “ở đằng xa kia” nhưng chẳng thấy bóng dáng ngôi nhà nào cả, chỉ có những ngọn đồi thâm thấp cùng thung lũng, xa xa kia lại thêm những cánh rừng khác.

Nghĩ rằng nếu hỏi thăm đường thì sẽ nhanh hơn, thế là tôi đi thẳng vào làng. Ngạc nhiên thật vì có rất ít người qua lại, nhưng đúng như tôi dự đoán, có vài tay thanh niên lảng vảng gần tiệm bánh mì. Có vẻ như đây là địa điểm tụ tập yêu thích của bọn họ. Chắc là họ

thích mùi bánh mì. Tôi biết mình cũng rất thích. Mùi bánh mì mới ra lò là mùi tuyệt nhất trên đời.

Đám thanh niên này trông chẳng thân thiện gì lắm, dù lần trước khi gặp nhau, tôi đã cho mỗi người một chiếc bánh và một quả táo. Chắc có lẽ là do lúc này tay đầu sỏ mắt heo ti hí ấy đang ở cùng bọn họ. Nhưng dù sao, bọn họ vẫn lắng nghe những gì tôi cần nói. Tôi cũng chẳng hỏi chi tiết lắm – chỉ bảo với họ rằng tôi cần phải tìm thấy cô gái mà cả bọn chúng tôi từng gặp ở mé rừng.

“Tao biết con bé ở đâu đấy,” tay to con lên tiếng, mắt quắc lên dữ tợn, “nhưng mày ngốc lắm nếu muốn đến đó.”

“Sao vậy?”

“Thế mày không nghe thấy con bé nói gì à?” hắn ta hỏi lại, nhướn cả mày lên. “Nó bảo Lizzie Xương Xấu là dì của nó đấy.”

“Lizze Xương Xấu là ai thế?”

Bọn họ nhìn nhau rồi lắc đầu như thể tôi bị mất trí. Tại sao ai ai cũng có vẻ như đã từng nghe tên mẹ ta rồi, chỉ mình tôi không biết gì cả thế nhỉ?

“Lizze và bà ngoại của mẹ ta đã ở đây suốt mùa đông trước khi Gregory đến dẹp yên bọn chúng. Bố tao khi nào cũng huyền thuyên bất tận về mấy con mẹ ấy. Bọn chúng là những mẹ phù thủy đáng sợ nhất từng xuất hiện trong những khu vực này. Và lại bọn chúng sống cùng một thứ gì đấy cũng đáng sợ không kém. Thứ ấy trông như con người nhưng lại rất to lớn, răng nhiều đến mức không nhét hết được vào mồm. Đấy là những gì ông già tao bảo. Ông bảo rằng thời ấy, suốt cái mùa đông dằng dặc ấy, người ta chẳng bao giờ ra ngoài khi trời tối. Mày sẽ là loại thầy trừ tà thế nào đây nếu như mày chưa từng nghe đến tên Lizzie Xương Xấu nhỉ?”

Tôi chẳng thích cái giọng điệu trong câu cuối ấy một chút nào. Tôi nhận ra mình đã rất ngu xuẩn. Giá như tôi kể với Thầy Trừ Tà về cuộc nói chuyện cùng Alice thì hẳn thầy đã biết chuyện mẹ Lizzie quay trở lại và thầy sẽ ra tay chấn chỉnh chuyện này.

Theo như lời bố của tay to béo, Lizze Xương Xấu từng sống trong

một trang trại cách nơi của Thầy Trừ Tà ba dặm về phía Đông Nam. Hàng năm trời nay nông trại ấy đã bị bỏ hoang và chẳng có ai bén mảng đến. Thế thì khả năng cao nhất là mục ta đang trú tại đây. Tôi thấy như thế có vẻ là đúng, vì đó là hướng mà Alice đã chỉ.

Ngay khi ấy, một nhóm người mặt mày u ám bước ra khỏi nhà thờ. Họ lẻ tẻ theo chân nhau quanh qua góc phố và thẳng bước đi lên đồi về phía những rặng đồi đá, dẫn đầu đám người là viên cha xứ trong làng. Bọn họ đều mặc quần áo dày ấm và nhiều người còn mang theo cả gậy chống đi đường.

“Chuyện ấy là thế nào thế?” tôi hỏi.

“Tôi qua có một đứa bé đi lạc,” một trong mấy tay thanh niên vừa nhỏ toẹt xuống mặt đường đá cuội vừa đáp. “Đứa bé mới ba tuổi. Người ta cho là thằng bé đi lang thang lên trên ấy. Mà này, đấy không phải là thằng bé đầu tiên đâu nhé. Hai ngày trước, một đứa bé khác biến mất khỏi nông trại trên Rặng Núi Dài. Đứa bé ấy còn chưa biết đi, nên hẳn là nó đã bị cắp đi. Người ta nghĩ chắc là do đám chó sói. Mùa đông vừa rồi khắc nghiệt quá khiến đám chó sói phải quay về đấy.”

Đường đi người ta chỉ cho tôi hóa ra lại khá tốt. Ngay cả khi tôi phải đi ngược về nhà để lấy chiếc làn của Alice, tôi cũng chỉ mất chưa tới một tiếng đồng hồ đến khi nhà của Lizzie hiện ra trước mặt.

Đến khi ấy, dưới ánh mặt trời rục rịch, tôi nhấc tấm khăn phủ lên, nhìn vào chiếc bánh cuối cùng. Chiếc bánh có mùi rất kinh nhưng trông nó còn ghê hơn nữa. Hình như bánh được làm từ những mảnh vụn bánh mì và thịt, thêm những thứ khác nữa mà tôi không thể nhận biết là gì. Chẳng có nguyên liệu nào được nấu chín, mà chỉ như là được nén lại với nhau. Thế rồi tôi nhìn thấy thứ còn kinh khủng hơn. Có những thứ nho nhỏ trắng trắng bò bò quanh chiếc bánh trông như lũ giòi.

Tôi rùng mình, lấy tấm khăn phủ che chiếc bánh lại rồi đi xuống đồi, tiến về phía nông trại bị bỏ hoang. Những thanh hàng rào đã gãy hết, chuồng cỏ mất cả nửa chiếc mái và không thấy có dấu hiệu của thú gia súc nào.

Nhưng lại có một điều làm tôi *thật sự* lo lắng. Khói đang tỏa ra từ

ống khói căn nhà. Thế có nghĩa là ai đó đang ở nhà, và tôi bắt đầu thấy lo lắng về cái thứ gì đấy có rất nhiều răng không nhét hết vào mồm.

Tôi đã trông đợi gì đây? Mọi chuyện sẽ rất khó khăn. Làm thế quái nào tôi có thể nói chuyện được với Alice mà không bị những thành viên khác trong gia đình cô gái trông thấy chứ?

Khi dừng bước bên sườn đồi, cố gắng suy nghĩ cho ra bước tiếp theo nên làm gì, thì rắc rối đã tự thân nó được giải quyết. Một dáng người mảnh mai màu đen đi ra từ cửa sau của ngôi nhà và bắt đầu leo ngược lên đồi, tiến thẳng đến chỗ tôi. Là Alice – nhưng làm sao cô lại biết tôi đến đây nhỉ? Ngăn giữa tôi và ngôi nhà là những rặng cây cơ mà, và lại cửa sổ của căn nhà còn quay mặt về hướng khác.

Dù là thế, cô gái không chỉ là tình cờ leo lên đồi. Cô bước thẳng đến chỗ tôi rồi dừng cách tôi chừng năm bước.

“Cậu muốn gì?” cô rít lên. “Cậu đến đây là ngốc lắm đấy nhé. May cho cậu là mấy người trong nhà ngủ cả rồi.”

“Tớ không thể làm theo những gì cậu bảo được,” tôi đáp, đồng thời chìa chiếc làn ra cho cô.

Cô gái khoanh tay trước ngực và cau mày. “Tại sao lại không?” cô lên giọng như ra lệnh. “Cậu đã hứa rồi, phải không nhỉ?”

“Cậu đã không bảo cho tớ nghe là chuyện gì sẽ xảy ra,” tôi đáp. “Bà ta đã ăn được hai chiếc bánh rồi và bánh làm cho bà ta mạnh hơn. Bà ta đã bẻ cong hai thanh sắt trên miệng hố. Thêm một chiếc bánh nữa rồi bà ta sẽ thoát ra ngoài và tớ nghĩ cậu biết rõ điều này. Chẳng phải đấy là dụng ý từ lúc ấy đến nay sao?” Tôi lớn tiếng buộc tội, trong lòng bắt đầu cảm thấy giận dữ. “Cậu đã gạt tớ, thế nên lời hứa này không còn giá trị nữa.”

Cô gái tiến thêm một bước đến chỗ tôi, nhưng giờ đây cơn giận của cô đã được thay thế bằng thứ tình cảm khác. Đột nhiên cô trông khiếp sợ.

“Đấy không phải chủ ý của tớ. Họ bắt tớ làm đấy chứ,” cô gái trả lời, khoát tay ra hiệu về phía ngôi nhà trong trang trại. “Nếu cậu

không làm như cậu hứa thì mọi chuyện sẽ rất khó khăn cho cả hai chúng ta. Năn nỉ đấy, đưa cho bà ấy chiếc bánh thứ ba đi. Làm như thế thì có hại gì nào? Mẹ Malkin đã trả giá cho tội của mình rồi. Đã đến lúc phải thả bà ấy đi chứ. Làm đi, đưa cho bà chiếc bánh rồi tối nay bà sẽ đi mất và không bao giờ quấy rầy cậu nữa.”

“Tớ nghĩ rằng thầy Gregory hẳn phải có lý do rất chính đáng để giam bà ta vào trong cái hố ấy,” tôi chậm rãi nói. “Tớ chỉ là chân học việc mới của thầy ấy thôi, nên làm sao tớ biết như thế nào là tốt nhất chứ? Khi thầy ấy trở lại tớ sẽ kể hết cho thầy mọi chuyện vừa rồi.”

Alice cười nhẹ – kiểu cười mà ai đó cười vào bạn khi họ biết những điều mà bạn không biết. “Lão ấy sẽ không quay lại đâu,” Alice nói. “Dì Lizzie đã tính toán hết cả rồi. Dì Lizzie ấy, có bạn rất thân gần vùng Pendle. Bọn họ à, họ sẽ làm mọi việc giúp cho dì. Họ gạt lão Gregory đến đó. Trên đường đi, lão sẽ nhận phải những gì giăng ra chờ lão. Lúc này chắc là lão đã chết và bị chôn mất tiêu rồi. Cậu cứ chờ mà xem tớ nói có đúng không. Sớm muộn gì rồi cậu chẳng còn được an toàn nữa đâu, ngay cả khi cậu ở trên kia, trong nhà của lão ấy. Đêm nào đó bọn họ sẽ đến bắt cậu. Dĩ nhiên, trừ phi là, bây giờ cậu chịu giúp. Nếu thế thì bọn họ sẽ để cho cậu yên.”

Ngay khi cô gái nói xong thì tôi đã quay lưng leo ngược lên đồi, bỏ mặc cô đứng đó. Tôi nghĩ cô có gọi tên tôi những mấy lần, nhưng tôi không thèm nghe nữa. Những gì cô nói về Thầy Trừ Tà vẫn đang quay mòng mòng trong đầu tôi.

Mãi sau tôi mới nhận ra mình vẫn đang mang theo cái làn, thế là tôi quẳng cả làn lẫn chiếc bánh cuối cùng xuống sông; thế rồi, khi quay trở lại nhà thầy, tôi chẳng mất nhiều thời gian lắm để suy luận những gì đã diễn ra, đồng thời quyết định tiếp theo mình sẽ làm gì.

Ngay từ đầu, toàn bộ sự việc đã được sắp đặt sẵn. Bọn chúng đã lừa cho Thầy Trừ Tà đi nơi khác, vì biết rằng, tôi là một chân học việc mới toe, nên vẫn còn lơ mơ gà mờ và rất dễ bị gạt.

Tôi không tin rằng Thầy Trừ Tà dễ bị giết như thế, bằng không thì thầy đã chẳng sống sót được suốt từng ấy năm, nhưng tôi không thể trông chờ thầy về kịp lúc mà giúp tôi. Bằng cách nào đó tôi phải ngăn không cho Mẹ Malkin chui ra khỏi hố.

Tôi rất, rất cần trợ giúp và từng nghĩ đến việc đi xuống làng, nhưng rồi tôi biết ngay trong nhà đã có sẵn một sự trợ lực đặc biệt rồi. Thế là tôi đi vào bếp và ngồi xuống bàn ăn.

Tôi những tưởng bất kỳ lúc nào đó hai tai mình sẽ bị thoi vào, thế nên tôi nói rất nhanh. Tôi giải thích những gì đã xảy ra, không giấu một chi tiết nào. Rồi tôi thừa nhận đấy là lỗi của mình và cầu xin mình có thể được giúp đỡ chút ít hay không.

Tôi không rõ mình trông đợi điều gì. Tôi không thấy việc nói chuyện với không khí là trò ngớ ngẩn vì bản thân tôi quá buồn bực và hãi sợ, nhưng khi sự im lặng kéo dài, tôi dần dà nhận ra rằng mình đang tự làm phí thời gian. Sao ông kẹ lại phải giúp tôi chứ? Theo như những gì tôi biết thì ông kẹ là tù nhân cơ mà, bị Thầy Trừ Tà chèn vào nhà vào vườn của mình kia mà. Thế thì ông kẹ khác nào nô lệ, khát khao đến tuyệt vọng muốn được thả ra; thậm chí biết đâu nó còn khoái trá vì tôi đang gặp rắc rối đấy chứ.

Khi tính từ bỏ ý định và rời khỏi căn bếp, tôi chợt nhớ ra một điều bố tôi thường hay nói trước khi chúng tôi xuất phát đến ngôi chợ trong vùng: “Ai cũng có giá của họ. Chỉ là con có biết ra giá làm anh ta vui lòng mà lại không gây tổn hại cho mình nhiều hay không thôi.”

Vậy là tôi ra giá cho ông kẹ...

“Nếu giờ mi chịu giúp ta, ta sẽ không quên ơn đâu,” tôi bảo. “Khi nào ta trở thành Thầy Trừ Tà kế vị, ta sẽ cho mi nghỉ phép mỗi Chủ nhật. Vào ngày đó ta sẽ tự mình nấu ăn để mi có thể nghỉ ngơi và làm bất cứ việc gì mi muốn.”

Đột nhiên tôi thấy như có vật gì đó lướt nhẹ giữa hai chân mình dưới gầm bàn. Còn có cả tiếng kêu nữa, như tiếng gừ gừ khe khẽ, rồi một con mèo hung hung đỏ to lớn xuất hiện từ từ tiến về phía cửa.

Hắn con mèo ấy phải ở dưới gầm bàn từ hồi nào đến giờ – suy luận theo lẽ thường mách bảo tôi thế. Nhưng tôi lại biết không phải vậy, nên tôi theo chân con mèo ra lối đi ngoài sảnh rồi leo lên cầu thang, khi ấy con mèo dừng chân trước cánh cửa vào thư viện đã bị khóa. Sau đấy, con mèo cọ cọ lưng vào cánh cửa, theo cái cách mèo hay cọ vào chân bàn ấy. Cánh cửa từ từ mở ra, để lộ thật nhiều sách hơn bất kỳ ai có thể đọc được suốt cả đời, sách được xếp ngăn nắp

thành hàng trên những ngăn kệ song song. Tôi bước vào trong, bản khoản không biết nên bắt đầu từ đâu. Đoạn tôi quay lưng lại, con mèo hung đỏ to lớn ấy đã biến đâu mất rồi.

Tựa đề mỗi một cuốn sách đều được in ngay ngắn trên bìa. Rất nhiều sách viết bằng tiếng La Tinh và một số khá bằng tiếng Hy Lạp. Trong này chẳng có bụi lấm tí mạng nhện nào. Thư viện cũng sạch bong và được chăm chút cẩn thận chẳng khác gì phòng bếp.

Tôi đi dọc theo dãy đầu tiên cho đến khi mắt tôi chú ý đến một thứ. Gần bên cửa sổ là ba chiếc kệ rất dài đầy những cuốn sổ bìa da, giống hệt cuốn sổ Thầy Trừ Tà đã cho tôi, nhưng trên tầng kệ trên cùng là những cuốn sách to hơn và ngoài bìa có ghi ngày tháng. Mỗi một cuốn sách như thế dường như ghi lại một khoảng thời gian là năm năm, thế là tôi chọn lấy cuốn ở cuối kệ và cẩn thận mở nó ra.

Tôi nhận ra đấy là nét chữ viết tay của Thầy Trừ Tà. Lật qua vài trang, tôi nhận thấy đây giống như một kiểu nhật ký. Cuốn sách ghi lại từng việc thầy làm, thời gian tiêu tốn cho việc di chuyển và khoản tiền công thầy được trả. Mà quan trọng nhất là, cuốn sách giảng giải cách thầy đã đối phó với từng ông kẻ, từng hồn ma và từng mụ phù thủy.

Tôi đặt cuốn sách lại trên kệ và liếc dọc theo gáy những cuốn khác. Những cuốn nhật ký này ghi chép mãi đến tận gần đây lẫn ngược lại đến tận mấy trăm năm trước. Hoặc là Thầy Trừ Tà nhiều tuổi hơn là vẻ bề ngoài, hoặc là những cuốn sách trước đây đã được những thầy trừ tà khác sống trong thời xa xưa ấy viết nên. Tôi chợt tự hỏi liệu rằng, ngay cả khi Alice nói đúng và Thầy Trừ Tà sẽ không trở về đi nữa, thì có khi nào tôi có thể học hết tất cả những điều cần biết chỉ bằng việc đọc hết các cuốn nhật ký này không. Nhưng tốt hơn là, ở đâu đó trong hàng ngàn hàng vạn trang giấy kia, sẽ có được chút thông tin có thể giúp được cho tôi ngay lúc này.

Làm sao tôi tìm ra được? A, có thể mất ít thời gian đấy, nhưng mụ phù thủy đã ở trong hồ gần mười ba năm rồi. Phải có phần ghi chép lại cách Thầy Trừ Tà đã nhốt mụ ta vào đấy chứ nhỉ. Thế rồi, thốt nhiên, trên tầng kệ bên dưới, tôi nhìn thấy thứ còn hay ho hơn nữa.

Dưới đấy có những cuốn sách còn lớn hơn, mỗi cuốn dành riêng cho một chủ đề chuyên biệt. Một cuốn có tựa đề, *Rồng và Sâu*. Vì

những cuốn sách này được xếp theo thứ tự chữ cái, nên tôi chẳng mất thời gian lắm để tìm ra đúng thứ mình cần.

Phù Thủy.

Bằng hai bàn tay run rẩy, tôi mở cuốn sách ra và thấy nó được chia thành bốn mục có thể lường trước được...

Loại Độc, loại Lành, loại Bị Buộc Tội Sai Lầm và loại Không Rõ Thế Nào.

Tôi lật nhanh đến mục đầu tiên. Tất cả đều là chữ viết tay ngay ngắn của Thầy Trừ Tà, và một lần nữa, cũng được cẩn thận sắp xếp theo thứ tự chữ cái. Trong tích tắc tôi đã tìm ra trang mang tiêu đề: *Mẹ Malkin.*

Mọi chuyện tệ hại hơn tôi tưởng. Mẹ Malkin độc ác xấu xa hết cỡ. Mẹ ta từng sinh sống ở rất nhiều nơi, và trong mỗi vùng mẹ ta ngụ lại, những chuyện kinh khủng đã xảy ra, mà hình như chuyện kinh khủng nhất là tại vùng phủ rêu phía Tây của Hạt.

Ở đó, mẹ ta sống trong một nông trại, cung cấp nơi trú chân cho những phụ nữ trẻ đang mang thai nhưng lại không có chồng giúp đỡ. Đây là vì sao mẹ lại được gọi là “Mẹ”. Việc này diễn ra hàng bao nhiêu năm trời, nhưng một vài người phụ nữ trong số đó chẳng bao giờ còn được nhìn thấy nữa.

Mẹ còn có một thằng con trai sống chung với mình, một gã với sức khỏe phi thường tên gọi là Tusk. Hắn có hàm răng to đùng và hay dọa cho người khác sợ đến mức chẳng ai muốn đến gần nơi đấy. Nhưng cuối cùng thì dân địa phương cũng vùng lên và Mẹ Malkin bị buộc phải bỏ chạy khỏi Pendle. Sau khi bọn chúng đi rồi, người ta mới tìm lấy loạt mộ đầu tiên. Lại còn có một cánh đồng rặt những xương và thịt người thối rữa, chủ yếu là những gì còn sót lại của những đứa bé mẹ đã giết làm nguồn thức ăn cho mình. Một số xác là của phụ nữ; mỗi thi thể đều dập nát, xương sườn đều nứt hoặc gãy.

Mấy tay thanh niên trong làng đã nhắc đến một thứ kỳ dị với nhiều răng đến nỗi không nhét được hết vào mồm. Liệu đấy có phải là Tusk, con trai của Mẹ Malkin không nhỉ? Thằng con trai có lẽ đã giết chết những phụ nữ này bằng cách siết chết họ chẳng?

Ý nghĩ này khiến tay tôi run lên bần bật, đến nỗi tôi chẳng giữ được cho cuốn sách ở yên để đọc tiếp. Dường như có vài mụ phù thủy sử dụng “cốt thuật”. Chúng là những bà đồng có được quyền năng nhờ vào việc triệu hồn người chết. Nhưng Mẹ Malkin còn tệ hơn thế nhiều. Mẹ Malkin sử dụng “huyết thuật”. Mụ ta có được sức mạnh nhờ vào việc sử dụng máu người và mụ đặc biệt thích máu con nít.

Tôi nghĩ đến những chiếc bánh màu đen dinh dính ấy mà rùng mình. Một đứa trẻ đã biến mất khỏi Rặng Núi Dài. Đứa trẻ còn chưa biết đi. Phải chăng đứa bé đã bị Lizzie Xương Xấu cắp đi mất? Phải chăng máu của nó đã được dùng để làm mấy miếng bánh ấy? Thế còn đứa bé thứ hai mà mấy người dân làng đang đi tìm thì sao? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như Lizze Xương Xấu cũng là kẻ bắt đứa bé ấy đi, chuẩn bị sẵn sàng cho Mẹ Malkin khi mụ ấy trốn khỏi hố rồi có thể dùng máu của đứa bé này để phục hồi pháp thuật thì sao nhỉ? Đứa bé ấy chắc chắn hiện giờ đang ở trong nhà của mụ Lizzie rồi!

Tôi buộc mình phải đọc tiếp.

Mười ba năm trước, vào đầu mùa đông, Mẹ Malkin đã đến trú tại Chipenden, mang theo cháu gái mình là Lizze Xương Xấu. Khi từ căn nhà mùa đông của mình ở Anglezarke trở về, Thầy Trừ Tà bắt tay ngay vào việc diệt trừ mụ. Sau khi lừa cho Lizze Xương Xấu đi chỗ khác, thầy đã trói Mẹ Malkin lại bằng xích bạc và mang mụ ấy về chiếc hố trong vườn nhà mình.

Trong việc này dường như Thầy Trừ Tà tranh luận với chính mình. Rõ là thầy không muốn chôn sống mụ nhưng thầy lại giải thích vì sao việc ấy phải được làm. Thầy tin rằng việc giết mụ ta là quá nguy hiểm: mỗi lần bị giết chết, mụ ta lại có khả năng quay trở lại, thậm chí còn trở nên mạnh và nguy hiểm hơn trước đó nhiều.

Máu chốt là, liệu mụ có thể trốn thoát được không? Chỉ ăn có một chiếc bánh thôi mà mụ đã bẻ cong được mấy thanh sắt rồi. Mặc dù là mụ sẽ không được ăn đến cái thứ ba, nhưng hai cái thôi chắc đã quá đủ. Đến nửa đêm nay biết đâu mụ vẫn bò được ra khỏi hố. Tôi thì có thể làm được gì?

Nếu ta có thể trói được mụ phù thủy bằng xích bạc, thì cũng đáng để thử cột một sợi dây ngay trên thanh sắt bị uốn cong trên miệng hố để ngăn không cho mụ leo ra. Vấn đề là, sợi xích bạc lại nằm trong túi

của Thầy Trừ Tà, lúc nào cũng kè kè theo thầy cả.

Trên đường ra khỏi thư viện tôi lại nhìn thấy một thứ khác. Nó nằm bên cạnh cửa ra vào, cho nên khi bước vào tôi đã không để ý thấy. Đây là một danh sách dài đầy những tên viết trên một tờ giấy màu vàng, chính xác tổng cộng là ba mươi cái tên được viết bởi chính tay Thầy Trừ Tà. Tên của tôi, *Thomas J. Ward*, được viết ngay cuối trang, và ngay trên tên tôi là tên *William Bradley* bị gạch ngang qua; bên cạnh nó là mấy chữ *RIP*.

Lúc ấy, tôi lạnh toát hết cả người vì tôi biết mấy chữ ấy có nghĩa là *Rest in Peace*^[3] và rằng Billy Bradley đã chết. Hơn hai phần ba số tên trên trang giấy là bị gạch ngang qua; trong số đó, thêm chín người khác đã chết.

Tôi đoán là số tên bị gạch ngang qua đó chỉ là vì họ không đạt đủ tiêu chuẩn khi đang học việc, có lẽ là còn không qua được hết tháng đầu tiên nữa kia. Những người đã chết lại càng đáng lo hơn. Tôi thắc mắc không biết chuyện gì đã xảy ra cho Billy Bradley, và tôi nhớ lời Alice nói: *“Cậu không muốn mình có kết cục như tay học việc vừa rồi của lão Gregory đâu.”*

Làm sao Alice lại biết chuyện đã xảy đến với Billy? Rõ ràng là mọi người trong vùng đều biết chuyện này, trong khi đó tôi là kẻ ngoài cuộc. Hay là do gia đình cô gái có liên quan đến việc này? Tôi hy vọng là không phải, nhưng thế lại làm cho tôi lo lắng về chuyện khác.

Không muốn phí thêm thời gian nữa, tôi cất bước đi xuống làng. Đường như bác bán thịt có liên hệ thế nào đó với Thầy Trừ Tà. Bằng không thì làm sao bác ấy lại có được chiếc túi mà bỏ thịt vào đấy? Thế là tôi quyết định kể cho bác bán thịt nghe về những mối nghi ngờ của mình và sẽ cố thuyết phục bác ấy đi xét nhà Lizzie để tìm đứa trẻ.

Khi đấy đã là chiều muộn và lúc tôi tìm đến cửa tiệm thì nó đã đóng cửa. Tôi phải gõ cửa năm căn nhà sau đấy rồi mới có người ra trả lời. Họ xác nhận cho những gì tôi nghi ngờ: bác bán thịt đã đi cùng với những người đàn ông khác để lục soát trong vùng đồi đá. Mãi đến hôm sau bọn họ mới trở về. Có vẻ như là sau khi tìm kiếm quanh vùng đồi đá lân cận, họ sẽ băng qua thung lũng để đến ngôi làng dưới chân Rặng Núi Dài, nơi đứa bé đầu tiên mất tích. Rồi mọi người sẽ tiếp tục tìm kiếm rộng ra hơn và sẽ ở lại đấy qua đêm.

Tôi phải đối mặt với sự thật thôi. Tôi chỉ còn có một mình.

Chẳng bao lâu sau, vừa buồn vừa sợ, tôi lê bước trên con đường mòn dẫn về căn nhà của Thầy Trừ Tà. Tôi biết rằng nếu Mẹ Malkin chui ra khỏi mộ, thì trước khi trời sáng đứa bé ấy sẽ chết.

Tôi cũng biết được rằng mình là người duy nhất có khả năng làm được việc gì đó để ngăn chặn điều ấy.

Quay trở lại nhà, tôi đi lên căn phòng Thầy Trừ Tà cất quần áo đi đường. Tôi chọn lấy một trong những chiếc áo choàng cũ của thầy. Dĩ nhiên, chiếc áo quá rộng, gấu áo dài xuống gần tận mắt cá tôi trong khi mũ trùm đầu cứ phủ sụp che cả mắt. Nhưng không sao, áo choàng này sẽ giúp tôi chống chọi với cái lạnh ghê gớm nhất. Tôi cũng mượn luôn một trong những cây trượng của thầy, cây phù hợp nhất cho tôi dùng làm gậy đi bộ: cây trượng này ngắn hơn những cây còn lại và một đầu trượng hơi dày hơn một chút.

Rốt cuộc khi tôi rời khỏi nhà thì đã gần nửa đêm. Bầu trời trong veo cùng trăng ngày rằm tròn trịa vừa nhú ra khỏi những ngọn cây, nhưng tôi vẫn có thể ngửi thấy mùi mưa và gió thì đang tụ dần từ phía Tây.

Tôi bước ra vườn và thẳng tiến đến hố chứa Mẹ Malkin. Tôi sợ thật đấy, nhưng phải có ai đó làm việc này thôi và còn ai khác ngoài tôi ra cơ chứ? Dẫu sao tất cả cũng là lỗi tại tôi. Giá như tôi đã kể cho Thầy Trừ Tà nghe về cuộc gặp gỡ với Alice và về những gì cô đã bảo với đám thanh niên rằng Lizzie đang quay trở lại thì đỡ rồi! Khi ấy thầy đã có thể hình dung ra mọi chuyện. Rồi thầy sẽ không bị lừa đến mãi Pendle.

Càng nghĩ về chuyện này tôi càng thấy tội tệ hơn. Đứa bé ở Rặng Núi Dài có lẽ đã không phải chết. Tôi cảm thấy có lỗi, có tội quá, với lại, tôi không thể chịu được ý nghĩ rằng thêm một đứa trẻ khác chắc sẽ phải mất mạng mà đấy cũng lại là lỗi do mình.

Tôi đi qua ngôi mộ thứ hai, nơi có mộ phụ thủy đã chết được chôn chức đầu xuống đất, và từ đấy tôi nhón chân di chuyển rất chậm cho đến khi đến bên hố.

Một vạt ánh trăng rơi qua những rặng cây chiếu sáng hố, thế nên thấy rõ rành rành là chuyện gì đã xảy ra.

Tôi đến quá muộn.

Những thanh sắt đã bị bẻ thậm chí còn cong xa nhau hơn, gần thành hình dạng một vòng tròn. Ngay cả bác bán thịt cũng có thể dễ dàng len bờ vai lực lưỡng của bác ấy qua lỗ hồng kia.

Tôi nhìn xuống miệng hố tối đen nhưng chẳng thấy được gì. Chắc là tôi đang đau khổ hy vọng rằng biết đâu mục ấy đã kiệt lực vì phải bẻ cong mấy thanh sắt nên chẳng còn sức đâu mà leo ra ngoài.

Xui quá. Vừa khi ấy, một đám mây che ngang qua mặt trăng khiến cho mọi vật càng thêm tăm tối, nhưng tôi có thể nhìn thấy lối đi đám dương xỉ rạp xuống. Tôi nhìn ra được hướng mục ta đã đi. Vẫn còn đủ chút ánh sáng cho tôi theo dấu của mục.

Vậy là tôi theo chân mục ta bước vào trong bóng đêm. Tôi không đi chuyển quá nhanh và cẩn trọng hết mực. Biết đâu mục ta đang núp đâu đó mà phục tôi ngay phía trước thì sao? Tôi cũng biết rằng chắc chắn mục đã chẳng đi được xa lắm đâu. Vì một lẽ, mới chỉ quá nửa đêm khoảng năm phút. Dù là trong bánh mục ăn có thứ gì đi nữa, tôi biết rằng phép thuật bóng tối hẳn có dự phần vào việc giúp mục lấy lại sức mạnh. Đây là loại phép thuật được cho là trở nên uy quyền hơn trong những giờ khắc của bóng đêm – đặc biệt là vào lúc nửa đêm. Mục ấy mới chỉ ăn hai chiếc bánh chứ không phải ba, đây là lợi thế cho tôi, nhưng tôi cũng nghĩ về sức mạnh kinh khủng cần có để bẻ cong mấy thanh sắt ấy.

Khi đã đi ra khỏi rặng cây, tôi thấy dễ hơn là nên lần theo mục qua lối cỏ. Mục đang đi xuống đồi nhưng mà về hướng sẽ đưa mục đi xa khỏi căn nhà của Lizzie Xương Xấu. Thoạt đầu việc này làm tôi khó hiểu, nhưng rồi tôi nhớ ra con sông dưới nương nước kia. Một phù thủy độc không thể băng qua dòng nước chảy – Thầy Trừ Tà đã dạy tôi thế – cho nên mục ta phải di chuyển dọc theo bờ sông cho đến khi dòng sông cuộn mình ngược lại, làm cho đường đi của mục được quang quẻ.

Lúc đã nhìn thấy con sông, tôi dừng bước trên mạn đồi, đưa mắt rà soát vùng đất bên dưới. Mặt trăng đã ló ra khỏi đám mây, nhưng mới đầu, dầu có ánh trăng trợ giúp, tôi vẫn không thể nhìn ra được gì nhiều dưới con sông kia vì hai bên bờ sông đều um tùm cây cỏ phủ bóng tối thui.

Rồi đột nhiên tôi để ý thấy một thứ gì đó khác lạ. Bên bờ sông phía gần tôi có một vệt dài bằng bạc. Vệt này chỉ được nhìn thấy ở nơi ánh trăng chiếu đến, nhưng nó trông như một vệt lấp lánh do con sên tạo thành. Vài giây sau, tôi lại nhìn ra một thứ đồ bóng dài, tối đen, gù gù khoằm khoằm, đang lê bước dọc theo gần sát bờ sông.

Tôi phóng nhanh xuống đồi bằng hết tốc lực. Chủ ý của tôi là chạy đến cắt ngang đường mù trước khi mù ta lê bước đến khúc quanh của con sông để rồi có thể thẳng tiến về nơi ở của Lizzie Xương Xấu. Tôi đã cố chạy cho đến nơi rồi đứng sững đó, bên tay phải là dòng sông, tôi đối mặt với dòng nước xuôi. Nhưng kể đến mới là phần khó khăn. Giờ tôi phải đối mặt với mù phù thủy.

Tôi run lập cập và hụt hết cả hơi đến nỗi bạn có thể tưởng là một tiếng đồng hồ vừa qua tôi đã chạy lên chạy xuống rặng đồi đá. Đây là một cảm giác pha lẫn giữa sợ hãi và lo lắng, hai đầu gối tôi có vẻ như là sẽ sụm xuống bất cứ lúc nào. Chỉ có nhờ tì hết cả người vào cây trượng của Thầy Trừ Tà mà tôi mới đứng vững bằng hai chân được.

Dòng sông không đến nỗi rộng lắm, nhưng lại sâu, nhờ những cơn mưa mùa xuân mà nước cuồn cuộn dâng lên đến ngang mức suýt chút nữa vỡ cả bờ. Nước sông cũng chảy rất nhanh, từ phía tôi dòng sông cuồn cuộn xiết về phía bóng tối dưới những rặng cây nơi mù phù thủy đang đứng. Tôi chăm chú quan sát, nhưng cũng phải mất một lúc tôi mới nhìn ra mù.

Mẹ Malkin đang di chuyển về phía tôi. Mù ta còn tối tăm hơn bóng đen của những rặng cây, một kiểu bóng tối mà bạn có thể sẩy chân vào, loại bóng tối có thể nuốt chửng bạn vĩnh viễn. Khi đấy thì tôi nghe thấy tiếng mù, thậm chí còn át cả tiếng động do dòng sông nước xiết gây ra. Không chỉ là âm thanh từ đôi chân trần của mù, lúc này đang tạo ra những tiếng lép nhép khi chúng lướt qua những ngọn cỏ dài bên mép suối tiến về phía tôi. Không chỉ là thế – còn có những âm thanh khác do miệng và có lẽ là cả mũi của mù gây ra. Cùng một kiểu âm thanh mù phát ra khi tôi đem bánh đến cho mù. Là những tiếng khụt khịt khùng khục một lần nữa khiến cho hình ảnh mấy con lợn lông lá sục mũi vào xô rau heo ủa vào tâm trí tôi. Thế rồi lại thêm một tiếng động khác, tiếng hút sọt soạt.

Khi mù di chuyển từ dưới lùm cây ra chỗ sáng, ánh trăng trùm lên người mù và đây là lần đầu tiên tôi nhìn rõ được mù ta. Đầu mù

chúi xuống thấp, khuôn mặt bị một mớ tóc trắng xám rối bù che khuất, nên nhìn có vẻ như mù đang trông xuống mấy ngón chân mình, mà ngón chân mù lại khuất vào bên dưới tấm áo dài đen thông xuống đến tận mắt cá. Mù cũng đang khoác chiếc áo choàng đen, và hoặc là chiếc áo quá dài so với mù, hoặc là bao nhiêu năm bị nhốt trong lòng đất ẩm đã làm cho mù teo tóp lại. Chiếc áo phết xuống mặt đất đằng sau mù, và có vẻ chính do chiếc áo, lệt phệt lê qua đám cỏ, đã để lại vệt sáng bàng bạc.

Áo của mù rách mướp và dơ hầy, điều này chẳng có gì là ngạc nhiên, nhưng cũng có thêm những vết bẩn mới – những vạt bẩn đen đen ươn ướt. Bên hông mù có thứ gì đó đang nhỏ giọt xuống cỏ, và những giọt ấy nhỏ ra từ vạt mù đang nắm chặt bên tay trái.

Là một con chuột cống. Mù ta đang ăn chuột cống. Ăn sống.

Dường như mù chưa để ý đến tôi. Giờ mù đã ở rất gần, và nếu không có gì xảy ra thì mù sẽ đâm sầm vào tôi mất. Bỗng nhiên tôi ho lên một tiếng. Không phải là để cảnh báo gì cho mù. Chỉ là cái ho bật lên do lo lắng và tôi thật chẳng muốn nó xảy ra.

Lúc ấy mù mới nhìn lên tôi, một bản mặt ngẩng lên từ phía ánh trắng như từ trong ác mộng hiện ra, một bản mặt không thể nào là của người sống. Ô, nhưng mà mù còn sống sò sò ra đây mà. Bạn có thể nhận thấy điều này qua những tiếng động mù phát ra khi đang ăn con chuột kia.

Nhưng ở mù còn có một thứ gì đó khác khiến tôi hoảng sợ đến độ sém chút nữa lăn đùng ra ngất tại chỗ. Là hai mắt của mù. Chúng là hai hòn than nóng rực cháy bùng trong hố mắt, hai đốm lửa đỏ lôm.

Đoạn mù cất lời nói với tôi, giọng của mù vừa như tiếng thì thào lẫn như tiếng rền rĩ. Nghe như thể những chiếc lá chết khô xào xạc vào nhau trong ngọn gió cuối thu.

“Là một thằng bé trai,” mù bảo. “Ta thích bé trai. Đến đây nào thằng nhãi.”

Dĩ nhiên là tôi chẳng đến. Tôi đứng lì ra đó, chân mọc rễ ngay tại đấy. Tôi thấy choáng váng quay cuồng.

Mụ ta vẫn tiến về phía tôi và hai mắt mụ như thể mỗi lúc một lớn dần. Không chỉ có mắt mụ không đâu; cả thân hình mụ dường như cũng phồng lên. Mụ phình ra thành một đám mây đen độc ác to tướng mà có thể chỉ trong phút chốc sẽ làm hai mắt tôi tối đen mãi mãi.

Chẳng nghĩ ngợi gì nhiều, tôi nâng thanh trượng của Thầy Trừ Tà lên. Là hai bàn tay và cánh tay tôi làm thế đấy, chứ chẳng phải do tôi.

“Gì thế, ranh con, đưa phép đấy à?” mụ ta rên rỉ. Thế rồi mụ ta cười tủm tỉm một mình và buông con chuột chết xuống, giờ cả hai tay về phía tôi.

Tôi là thứ mụ muốn. Mụ ta muốn có máu của tôi. Kinh hoàng quá thể, toàn thân tôi bắt đầu lắc lư qua lại. Tôi như một cây non đảo điên ngay trong ngọn gió đầu tiên, ngọn gió đông đầu tiên của một mùa đông tăm tối mãi không bao giờ chấm dứt.

Lẽ ra tôi có thể đã chết ngay lúc ấy, bên bờ con sông ấy. Chẳng có ai quanh đây mà cứu tôi, còn tôi lại không cảm thấy được chút quyền năng nào để tự cứu lấy mình.

Nhưng đột nhiên chuyện ấy xảy đến...

Cây trượng của Thầy Trừ Tà không phải là chiếc đũa phép, mà là còn nhiều hơn chỉ một loại phép thuật. Hai tay tôi hóa phép ra thứ gì đó thật đặc biệt, cử động vun vút còn nhanh hơn tôi kịp nghĩ.

Chúng nhắc cây trượng lên mà vung thật mạnh, tương một cú chí mạng mé bên đầu mụ phù thủy.

Mụ ta gù lên rồi té nghiêng xuống dòng sông. Có tiếng tóe nước rõ to khi mụ rơi tồm xuống sát ngay bờ sông, cách dòng nước xuôi dòng chừng năm sáu bước. Thoạt tiên, tôi nghĩ thế là chấm dứt đời mụ rồi, nhưng kinh thật, cánh tay trái của mụ thò lên khỏi mặt nước chộp lấy một túm cỏ. Thế rồi cánh tay còn lại cũng mò lên đến bờ và mụ ta lê mình lên khỏi mặt nước.

Tôi biết mình phải làm gì đó trước khi quá muộn. Thế là, vận dụng sức mạnh ý chí, tôi buộc mình tiến lên một bước đến gần mụ, trong lúc mụ lê được thêm phần thân mình lên đến bờ.

Khi đã đến gần rồi, tôi ra tay làm chuyện mà mãi đến giờ tôi vẫn nhớ rõ mồn một. Và tôi vẫn còn mơ thấy ác mộng về chuyện này. Nhưng tôi có còn lựa chọn nào đâu? Hoặc mù hoặc tôi. Chỉ có một trong hai chúng tôi được sống sót.

Tôi dùng một đầu trượng mà đâm xuống mù. Tôi cảm đầu đâm mạnh, đâm mãi, cho đến khi cuối cùng mù tuột tay ra khỏi bờ sông và bị cuốn đi vào bóng tối.

Nhưng dù thế vẫn chưa hết chuyện. Lỡ đầu xuôi xa dưới dòng kia mù lại xoay sở bò lên khỏi mặt nước thì sao? Mù vẫn có thể đến được nhà Lizzie Xương Xấu. Tôi phải đảm bảo rằng chuyện ấy không xảy ra. Tôi biết, giết chết mù là điều không phải, rồi một ngày nào đấy mù lại sống lại và mạnh hơn bao giờ hết, nhưng không có sợi xích bạc thì tôi chẳng thể nào mà chèn mù được. Chuyện trước mắt mới là quan trọng, chứ chẳng phải tương lai. Bất kể là có khó khăn đến mấy, tôi biết mình phải men theo dòng sông đi đến bìa rừng.

Thế là tôi bắt đầu đi dọc bờ sông, đi thật chậm, cứ mỗi năm sáu bước chân thì dừng lại nghe ngóng. Những gì tôi nghe được là tiếng gió khe khẽ thổi qua những nhánh cây bên trên. Trời rất tối, chỉ thi thoảng mới có vệt ánh trăng chui được qua vòm lá, mỗi vệt như một ngọn giáo bạc ghi dấu lên mặt đất.

Lần thứ ba tôi dừng lại thì chuyện đó xảy ra. Không chút cảnh báo. Tôi chẳng nghe thấy gì. Chỉ đơn giản là cảm thấy nó. Một bàn tay trượt lên ủng tôi, rồi trước khi tôi kịp né đi, bàn tay ấy tóm chặt mắt cá tôi.

Tôi cảm nhận được sức mạnh của cái siết ấy. Cứ như thể mắt cá tôi bị bóp vụn đến nơi. Khi nhìn xuống, tôi có thể thấy đôi mắt đỏ rực từ trong bóng tối trùng trùng nhìn lên mình. Tôi hoảng quá, nhắm mắt nhắm mũi mà đâm tới tấp xuống bàn tay vô hình đang tóm chặt mắt cá mình.

Tôi chậm quá rồi. Mắt cá tôi giật thật mạnh làm tôi ngã xuống đất, cú ngã tống hết mọi hơi thở ra khỏi người. Còn tệ hơn nữa là, cây trượng vọt ra khỏi tay tôi, để lại tôi trơ trọi vô phương chống cự.

Tôi nằm yên đấy một chốc, cố lấy lại hơi, cho đến khi cảm thấy thân mình tôi bị kéo lê về phía bờ sông. Khi nghe tiếng nước bắn lên,

tôi biết chính xác chuyện gì đang xảy ra. Mẹ Malkin đang lợi dụng tôi để lê thân mụ khỏi dòng sông. Hai chân mụ phù thủy đang quấy đạp tứ tung dưới nước còn tôi thì biết một trong hai chuyện này sẽ xảy ra: hoặc là mụ sẽ vùng được lên bờ, hoặc là tôi sẽ rớt xuống sông cùng mụ.

Tuyệt vọng vùng vẫy giãy thoát, tôi lăn mình sang trái, vặn vẹo cố rút mắt cá trái ra. Mụ ta bám chặt nên tôi lại lăn thêm vòng nữa rồi dừng lại khi mặt mình ép xuống nền đất ẩm. Thế rồi tôi nhìn thấy cây trượng, phần đầu dày hơn của nó nằm dưới vệt ánh trăng. Cây trượng nằm ngoài tầm với của tôi, cách tôi chừng ba bốn bước.

Tôi lăn mình về phía nó. Lăn lăn mãi, bấu chặt mấy đầu ngón tay xuống nền đất mềm, thân mình vặn vẹo như chiếc mở nút chai. Mẹ Malkin đang nắm cứng mắt cá tôi, nhưng mụ chỉ có được thế. Nửa thân dưới của mụ vẫn còn chìm dưới nước, thế cho nên bất chấp là có sức mạnh kinh khủng, mụ vẫn không thể ngăn tôi thôi không lăn được và sau mỗi lần lăn tôi lại vặn người mụ còn dưới nước theo mình.

Cuối cùng tôi cũng rướn tới được cây trượng và nện thật mạnh nó vào mụ phù thủy. Nhưng bàn tay kia của mụ lại chìa ra dưới ánh trăng mà chộp lấy đầu kia cây trượng.

Khi ấy tôi nghĩ thế là hết. Tôi nghĩ thế là tiêu đời mình rồi, nhưng ngạc nhiên chưa kìa, Mẹ Malkin bất thần ré lên thật lớn. Toàn thân mụ đột nhiên cứng ngắc còn hai mắt trợn ngược lên đầu. Rồi thì mụ thở hắt ra thật sâu, thật lâu và trở nên bất động.

Cả hai chúng tôi nằm vật ra bên bờ sông trong một lúc tưởng như rất dài. Chỉ có ngực tôi là nhấp nhô lên xuống khi tôi hồng hộc thở; Mẹ Malkin thì chẳng nhúc nhích gì. Cuối cùng, khi mụ ta nhúc nhích, thì không phải là để thở. Rất chậm, rất chậm, một bàn tay rời khỏi cổ chân tôi rồi bàn tay kia thả cây trượng ra và mụ trượt dần khỏi bờ sông, chìm xuống dưới nước mà chẳng làm tóe lên giọt nào. Tôi chẳng biết chuyện gì đã xảy ra nhưng mụ đã đi đời thật rồi – chuyện này thì tôi chắc chắn.

Tôi nhìn theo xác mụ bị dòng nước cuốn ra khỏi bờ và xoáy vào giữa lòng sông. Ánh trăng vẫn còn sáng soi theo đầu mụ đang chìm dần xuống nước. Mụ ta biến rồi. Chết ngắc và biến hẳn.

Chương 10

BILLY TỘI NGHIỆP

Sau đấy, tôi cạn kiệt sức lực đến nỗi đổ sụm xuống hai gối, loáng chốc tôi thấy phát ốm – hơn bất cứ lúc nào tôi từng ốm trước đây. Tôi nôn thốc nôn tháo, nôn hoài nôn mãi đến tận khi chẳng còn gì khác ngoài mật xanh mật vàng vọt ra khỏi miệng tôi, nôn cho đến khi ruột gan tôi rách bươm quặn thắt.

Rốt cuộc rồi cú nôn cũng dứt và tôi lồm cồm đứng dậy. Nhưng dù có thể thì nhịp thở của tôi phải mất một lúc lâu sau mới chậm lại và cơ thể tôi mới thôi run rẩy. Tôi chỉ muốn quay trở về nhà của Thầy Trừ Tà. Trong một đêm tôi đã làm quá nhiều chuyện rồi, phải không nào?

Nhưng tôi không thể quay về – đứa bé vẫn còn ở trong nhà của Lizzie. Đấy là điều mà linh tính tôi mách bảo. Đứa bé đang bị một mụn phù thủy có khả năng giết người bắt làm tù nhân. Nên tôi không còn lựa chọn nào khác. Chẳng còn ai khác ngoài tôi và nếu tôi mà không giúp thì ai sẽ giúp đây chứ? Tôi phải tiến về phía nhà của Lizze Xương Xấu thôi.

Từ chân trời phía Tây, một cơn dông đang cuộn đến, một dãy mây tối tăm lờm chờm đang nuốt chửng dần những vì sao. Rồi cơn mưa sẽ nhanh chóng trút xuống, nhưng khi tôi bắt đầu bước xuống đồi về phía ngôi nhà, mặt trăng vẫn còn ló dạng – trăng rằm tròn vành vạnh, to lớn hơn tôi hằng nhớ.

Ánh trăng đổ bóng tôi dài xuống theo từng bước chân. Tôi nhìn theo bóng mình mỗi lớn dần lên, và càng tiến gần đến ngôi nhà chùng nào, bóng tôi dường như càng lớn hơn chùng nấy. Tôi sụp mũ trùm lên đầu và tay trái cầm theo cây trượng, thế nên hình như chiếc bóng không còn là của tôi nữa. Chiếc bóng dẫn đường phía trước tôi cho đến khi nó trùm xuống ngôi nhà của Lizzie Xương Xấu.

Khi ấy tôi liếc lại phía sau, nửa như mong đợi được trông thấy Thầy Trừ Tà đứng sau lưng mình. Thầy không có đấy. Chỉ là trò lừa đảo của ánh sáng. Vậy nên tôi bước tiếp cho đến khi đi qua cánh cổng để mở đi vào sân trước.

Đến trước cửa nhà, tôi dừng lại suy nghĩ. Lỡ tôi đã đến quá muộn và đứa bé chết rồi thì sao? Hay nếu việc đứa bé biến mất không liên quan gì đến Lizzie cả và tôi đang dẫn thân vào nguy hiểm chẳng vì lý do gì? Trí óc tôi tiếp tục suy nghĩ, nhưng cũng như khi ở bên bờ sông, cơ thể tôi đã biết phải làm gì. Trước khi tôi kịp dừng lại, bàn tay trái của tôi đã gõ dồn dập lên cánh cửa gỗ ba lần.

Im lặng một lúc lâu, theo sau đó có tiếng chân bước và một tia sáng bất chợt lóe lên dưới bậc cửa.

Tôi lùi lại một bước khi cánh cửa từ từ hé mở. Nhẹ cả người khi đó lại là Alice. Cô gái đang cầm một chiếc lồng đèn giơ ngang đầu nên một nửa bên này mặt của cô được đèn rọi sáng rõ trong khi nửa bên kia chìm trong bóng tối.

“Cậu muốn gì?” cô hỏi, giọng ngập tràn giận dữ.

“Cậu biết tớ muốn gì mà,” tôi đáp. “Tớ đến vì đứa bé. Đứa bé mà các người đã đánh cắp.”

“Đừng có mà điên,” Alice rít lên. “Cút đi trước khi quá muộn. Bọn họ đã đi gặp Mẹ Malkin rồi. Họ có thể quay về đây bất cứ lúc nào đấy.”

Đột nhiên một đứa bé bất ngờ cất tiếng khóc, một tiếng ré mỏng manh vọng lại từ đâu đó bên trong căn nhà. Thế là tôi đẩy Alice qua một bên mà xông vào.

Chỉ có một ngọn nến lập lòe cháy trên hành lang nhỏ hẹp, còn những căn phòng vẫn chìm trong bóng tối. Ngọn nến trông bất thường. Tôi chưa từng thấy nến làm từ sáp đen bao giờ, dù vậy tôi vẫn chộp lấy cây nến rồi dỏng tai nghe ngóng để bước đến đúng căn phòng cần tìm.

Tôi đẩy cánh cửa mở ra. Căn phòng trống vốc chẳng có chút bàn ghế nào, đứa bé phải nằm trên một đồng rơm rạ và giẻ rách trên sàn

nhà.

“Em tên gì?” tôi hỏi, cố hết sức mỉm cười. Tôi dựng cây trượng vào vách tường và tiến đến gần hơn.

Đứa bé nín khóc và chập chững bước đi, hai mắt mở lớn. “Đừng lo. Không có gì phải sợ đâu em,” tôi nói, cố sao cho giọng mình vỗ về an ủi hết mức có thể. “Anh sẽ mang em về nhà với mẹ nhé.”

Tôi đặt cây nến xuống sàn nhà và bồng đứa bé lên. Nó không những hơi háo hức chẳng kém gì mùi cả căn phòng mà lại còn ướt nhep. Tay phải tôi ôm lấy đứa bé và quần tẩm áo choàng của mình quanh nó sao cho thật kín.

Đột nhiên đứa bé thốt lên. “Em là Tommy. Em là Tommy.”

“Được rồi Tommy,” tôi bảo, “anh và em có tên giống nhau nhé. Tên anh cũng là Tommy này. Giờ em được an toàn rồi. Em sẽ về nhà thôi.”

Dứt lời, tôi quơ lấy cây trượng đi qua lối hành lang ngược ra cửa. Alice đang đứng trong sân gần cổng ra vào. Lồng đèn đã tắt nhưng mặt trăng vẫn sáng soi, và khi tôi bước về phía cô gái, ánh trăng rọi bóng tôi xiên xiên về phía kho chứa cỏ, một cái bóng tối đen to hơn người thật những mười lần.

Tôi thử bước qua Alice nhưng cô đã bước thẳng vào ngay lối tôi đi để buộc tôi phải dừng lại.

“Đừng có can dự vào!” Alice cảnh cáo, giọng cô nghe như tiếng gầm gừ thì đúng hơn, hàm răng cô dưới ánh trăng trông trắng lóa và sắc lẹm. “Chuyện này chẳng phải việc của cậu.”

Tôi chẳng có tâm trạng gì mà tranh luận với cô lúc này, và khi tôi bước thẳng đến thì Alice chẳng buồn ngăn tôi lại. Cô chỉ bước né khỏi đường tôi đi và gọi với theo tôi, “Cậu rồ lắm. Trả đứa bé lại trước khi quá muộn. Bọn họ sẽ đuổi theo cậu. Cậu sẽ chẳng bao giờ thoát.”

Tôi không thèm trả lời. Thậm chí không hề quay đầu lại. Tôi bước qua cổng và bắt đầu leo lên đồi rời xa ngôi nhà.

Khi ấy trời bắt đầu đổ mưa, mưa dồn dập nặng hạt, quất thẳng vào mặt tôi. Là loại mưa mà bố tôi thường gọi là “mưa ướt lướt thướt”. Dĩ nhiên, cơn mưa nào mà chẳng ướt, nhưng có vài loại mưa hình như đúng là làm cho bạn ướt sũng nhanh và nhiều hơn các loại khác. Cơn mưa này tầm tã hết mức có thể và tôi cố đi về phía nhà Thầy Trừ Tà nhanh bằng hết sức mình.

Mà thậm chí là ở đây tôi cũng không chắc là mình có được an toàn hay không. Thế lỡ Thầy Trừ Tà chết thật rồi thì sao? Liệu ông kệ vẫn còn canh gác nhà và vườn của thầy chứ?

Chẳng bao lâu sau, tôi lại có điều cần kíp phải lo lắng hơn. Tôi bắt đầu có cảm giác là mình đang bị theo bước. Lần đầu tiên cảm nhận được điều ấy, tôi bèn dừng bước lắng nghe, nhưng chẳng có tiếng động gì ngoài tiếng gió hú và tiếng mưa rào rạt qua những ngọn cây và rơi lộp độp xuống mặt đất. Tôi cũng không nhìn thấy được gì nhiều vì giờ đây trời tối quá rồi.

Thế là tôi bước tiếp, sỏi những sỏi dài hơn, lòng chỉ mong là mình đi đúng hướng. Một khi đã đến được bờ rào cây táo gai dày đặc và phải đi vòng một vòng lớn để tìm lấy cánh cổng, lòng tôi luôn không ngớt cảm thấy mối nguy hiểm đằng sau đang ngày một tiến đến gần. Chỉ đến khi đi xuyên qua khu rừng nhỏ thì tôi mới biết chắc rằng đang có ai đấy. Tôi leo ngược lên đồi, gần đến đỉnh thì dừng lại thở lấy hơi. Cơn mưa đã ngưng trong chốc lát và tôi nhìn ngược xuống màn đêm đen kịt, mắt hướng về phía rặng cây. Tôi nghe thấy tiếng cành khô nứt gãy. Có ai đó đang di chuyển rất nhanh qua khu rừng về phía tôi mà không quan tâm chúng đang giẫm phải gì dưới chân.

Lên đến đỉnh đồi, tôi lại nhìn ra đằng sau lần nữa. Tia chớp đầu tiên rạch sáng rực cả bầu trời lẫn mặt đất bên dưới, tôi nhìn thấy hai dáng người bước ra khỏi những rặng cây và leo lên sườn đồi. Một người trong số đó là đàn bà, người còn lại có hình dáng như đàn ông, to lớn lực lưỡng.

Khi tiếng sấm lại nổ đùng đùng thì Tommy bắt đầu khóc lóc. “Không thích sấm đâu!” thằng bé ré lên. “Không thích sấm đâu!”

“Mưa dông không làm đau em đâu Tommy!” tôi bảo thằng bé, dù lòng biết rằng không phải thế. Mưa dông cũng làm tôi sợ khiếp kia mà. Một trong những ông bác của tôi đã bị sét đánh khi bác ấy chạy ra

ngoài cố lùa đàn gia súc vào. Bác mất ngay sau ấy. Với thời tiết như thế này thì ra ngoài trời sẽ không được an toàn. Nhưng dù sấm sét có làm tôi hoảng kinh, chúng cũng có chút hữu dụng. Chúng soi đường cho tôi, mỗi một tia chớp rạch ròi soi rõ lối cho tôi quay trở lại nhà Thầy Trừ Tà.

Ngay sau đấy thôi, hơi thở của tôi cũng ngắc ngứ trong họng, một sự pha trộn giữa sợ và mệt lả, vì tôi ép mình bước mỗi lúc mỗi nhanh hơn, chỉ hy vọng là cả hai chúng tôi sẽ sớm được an toàn một khi đã vào được trong vườn nhà thầy. Không ai được phép bước vào khuôn viên nhà thầy trừ khi được mời vào – tôi thầm nhắc đi nhắc lại điều này, vì đấy là cơ hội duy nhất của bọn tôi. Nếu chúng tôi có thể đến đấy trước thì ông kẹ sẽ bảo vệ cho cả hai.

Tôi đã nhìn thấy rặng cây, nhìn thấy chiếc ghế băng bên dưới rặng cây ấy, thế rồi tôi trượt chân trên nền cỏ ướt. Cú ngã không đau lắm nhưng cũng đủ cho Tommy khóc càng tương tợn. Khi bế được thẳng bé lên rồi thì tôi nghe có ai đó chạy rượt theo sau mình, tiếng bước chân nện thình thịch trên mặt đất.

Tôi liếc ra sau, khó nhọc hít thở. Lầm ròi. Kẻ đuổi theo tôi chạy trước Lizzie cả năm sáu bước chân và bắt kịp tôi rất nhanh. Chớp lại sáng lòa và tôi nhìn thấy nửa dưới mặt của kẻ ấy. Trông như hấn có những sừng nhọn mọc ra từ hai bên mép miệng. Tôi nhớ là có đọc trong thư viện của Thầy Trừ Tà về những người phụ nữ xấu số lúc được tìm thấy đều có xương sườn dập nát. Nếu Tusk bắt được tôi, hấn cũng sẽ làm thế với tôi.

Tôi đứng chôn chân chết lạng trong một lúc, nhưng rồi hấn bắt đầu phát ra những tiếng rống, nghe như tiếng bò mộng, khiến tôi lại dợm bước tiếp. Giờ thì tôi gần như bỏ chạy rồi. Nếu nhảy vọt được đi thì tôi đã nhảy, nhưng do đang mang theo Tommy, vả lại tôi cũng quá mệt, hai chân tôi nặng nề uể oải, hơi thở tắc nghẹn trong họng. Tôi cứ tưởng là mình sẽ bị tóm ngay lưng bất cứ lúc nào, nhưng rồi tôi chạy qua băng ghế nơi Thầy Trừ Tà thường giảng bài cho tôi và rồi, rốt cuộc, tôi đã đứng dưới những rặng cây đầu tiên của khu vườn.

Nhưng tôi có được an toàn không đây? Nếu mà không thì mọi chuyện chấm dứt tại đây cho cả hai chúng tôi, vì tôi chẳng có cách nào chạy nhanh hơn Tusk để mà vào kịp trong nhà. Tôi ngưng không chạy nữa và chỉ còn ráng được thêm vài bước trước khi phải dừng hẳn lại,

cổ ngáp ngáp lấy hơi.

Đến khi đấy có một vật gì đó sượt qua chân tôi. Tôi nhìn xuống nhưng vì trời quá tối nên chẳng nhìn thấy được gì. Đầu tiên tôi cảm nhận được sức ép, rồi tôi nghe thấy vật gì đấy gừ gừ, một âm thanh trầm trầm giần giật khiến cho mặt đất dưới chân tôi rung bần bật. Tôi cảm nhận được vật đấy chạy vượt qua tôi, về phía rìa rừng cây, chen mình vào giữa chúng tôi và những kẻ đang đuổi theo. Giờ thì tôi chẳng nghe thấy ai chạy nữa, nhưng lại nghe thấy âm thanh khác.

Bạn hãy tưởng tượng ra tiếng rống phẫn nộ của một con mèo đực, rồi khuếch đại lên hàng trăm lần. Là âm thanh pha trộn giữa tiếng gầm chói tai và tiếng thét, vẻ cảnh cáo thách thức tràn ngập không gian, một âm thanh có thể được nghe thấy ở cách đấy hàng dặm. Là tiếng động kinh hoàng và đáng sợ nhất mà tôi từng nghe thấy, lúc này tôi hiểu ra vì sao dân làng chẳng bao giờ bén mảng đến gần nhà của Thầy Trừ Tà. Tiếng gào ấy chất chứa tử khí.

Tiếng gào phát lên, *Vượt qua lần ranh này, ta sẽ xé nát tim người. Vượt qua lần ranh này rồi ta sẽ nhai nát xương người thành bột thành đất. Vượt qua lần ranh này rồi người sẽ ước sao mình chưa bao giờ được sinh ra.*

Vậy giờ là chúng tôi đã an toàn. Lúc này chắc Lizzie Xương Xấu và gã Tusk đã chạy trở lại quả đồi. Chẳng có kẻ nào điên rồ đến nỗi muốn dây dưa với ông kẹ nhà Thầy Trừ Tà. Chả trách sao bọn chúng cần nhờ đến tôi cho Mẹ Malkin ăn mấy chiếc bánh huyết.

Trong bếp đã có sẵn súp nóng hổi và lửa lò sưởi bập bùng chờ đón chúng tôi. Tôi cuộn Tommy trong chiếc mền ấm áp và cho bé ăn ít súp. Sau đấy tôi đem xuống vài chiếc gối làm cho nó chiếc giường gần lò sưởi. Đứa bé ngủ say như chết khi tôi ngồi lắng nghe tiếng gió hú bên ngoài và tiếng mưa phần phật quất vào mấy cánh cửa sổ.

Đêm ấy là một đêm thật dài nhưng tôi được ấm áp thoải mái và cảm thấy yên bình khi ở trong nhà Thầy Trừ Tà, một trong những nơi an toàn nhất trên thế giới rộng lớn này. Giờ thì tôi đã biết không có thứ gì không được chào mời mà lại có thể bước vào được trong vườn, chứ đừng nói là bước được qua ngưỡng cửa. Ngôi nhà này còn an toàn hơn một tòa lâu đài với tường lỗ châu mai thật cao cùng hào bao quanh thật rộng. Tôi bắt đầu nghĩ về ông kẹ như là bạn của mình, một

người bạn đầy sức mạnh trong chuyện bảo đảm an toàn.

Chưa tới trưa tôi đã đem bé Tommy xuống làng. Những người đàn ông đã từ Rặng Núi Dài trở về, và khi tôi đi vào trong cửa tiệm của bác bán thịt, khoảnh khắc bác ấy nhìn thấy đứa bé, vẻ mặt cau có mỗi một của bác giãn ngay ra thành nụ cười ngoác tận mang tai. Tôi giải thích ngắn gọn chuyện gì đã xảy ra, chỉ đi vào những chi tiết cần thiết.

Khi tôi kể xong, bác ấy lại cau mày. “Chuyện này cần phải được giải quyết một lần cho dứt điểm,” bác bảo.

Tôi không nán lại lâu. Sau khi Tommy được trao trả cho mẹ bé và bà mẹ cảm ơn tôi tới lần thứ mười lăm, chuyện gì sẽ xảy ra trở nên quá rõ ràng. Đến lúc ấy, khoảng chừng ba mươi người đàn ông trong làng đã tụ tập lại. Một vài người còn mang theo dùi cui và gậy gộc. Tất cả bọn họ đều giận dữ lắm lắm nào là “ném đá” và “hỏa thiêu”.

Tôi biết là chuyện gì đó phải được làm thôi nhưng tôi không muốn mình dự phần trong ấy. Mặc cho tất cả những việc đã xảy ra, tôi vẫn không thể chịu được khi phải nghĩ đến việc Alice bị tổn thương, thế là tôi lang thang tản bộ vào rặng đồi đá trong khoảng một tiếng đồng hồ để suy nghĩ cho rõ ràng, trước khi chậm chậm quay bước về nhà thầy. Tôi quyết định ngồi xuống băng ghế một chập để tận hưởng nắng chiều nhưng đã có ai đó ngồi sẵn đấy.

Là Thầy Trừ Tà. Rốt cuộc là thầy đã được an toàn! Từ bấy đến nay tôi đã tránh không nghĩ đến việc tiếp theo phải làm. Ý tôi là, tôi sẽ cần phải ở trong nhà thầy bao lâu đây trước khi quyết định rằng thầy sẽ không bao giờ quay về nữa? Giờ thì chuyện đó đã được giải quyết vì thầy đã ở đây, mắt nhìn xa xăm qua những rặng cây về phía một cụm khói nâu đang bốc lên. Người ta đang đốt nhà Lizzie Xương Xấu.

Khi tiến gần đến băng ghế, tôi để ý thấy một vết bầm tím to tướng phía trên mắt trái thầy. Thầy bắt gặp tôi liếc lên đấy, bèn nở một nụ cười mệ mội với tôi.

“Trong nghề này, chúng ta tạo ra lắm kẻ thù,” thầy bảo, “và đôi lúc con cần phải có hai mắt mọc sau đầu. Nhưng dù sao mọi chuyện diễn ra không đến nỗi quá tệ, vì giờ đây gần Pendle kẻ thù của chúng ta đã vơi đi. Ngồi xuống nào,” thầy bảo, tay vỗ vỗ lên băng ghế cạnh mình.

“Con đã làm gì rồi? Kể cho ta nghe những gì đã xảy ra ở đây. Bắt đầu từ khởi điểm câu chuyện và kết thúc nơi dứt điểm, không chừa lại chi tiết nào.”

Tôi kể tất. Tôi nói cho thầy nghe mọi chuyện. Khi tôi kể xong, thầy đứng dậy nhìn xuống tôi, đôi mắt xanh lục của thầy nhìn chăm chăm vào mắt tôi.

“Ta ước mình đã được biết là Lizzie quay trở lại. Khi ta giam Mẹ Malkin xuống hố, Lizzie đã bỏ đi khá vội vàng và ta không nghĩ rằng mẹ ta có bao giờ dám chường mặt trở lại. Lẽ ra con phải nói cho ta biết về chuyện gặp gỡ con bé kia. Nếu thế thì đã giúp mọi người thoát khỏi lảm rắc rối rồi.”

Tôi cúi gằm, không dám nhìn vào mắt thầy.

“Chuyện tồi tệ nhất đã xảy ra là chuyện gì vậy?” thầy hỏi.

Ký ức quay trở về, rành rọt sắc bén, khi mẹ phù thủy già tóm lấy ủng tôi mà cố lê người mẹ ra khỏi mặt nước. Tôi nhớ đến tiếng thét của mẹ khi mẹ chộp vào một đầu cây trượng của Thầy Trừ Tà.

Khi tôi kể cho thầy nghe, thầy chỉ thở ra, thật sâu, thật dài.

“Con có chắc là mẹ ta đã chết không?” thầy hỏi.

Tôi nhún vai. “Mẹ ấy không còn thở nữa ạ. Thế rồi xác mẹ trôi ra giữa sông và bị dòng nước cuốn đi.”

“Ừ thôi, vụ này đúng là tệ thật,” thầy bảo, “vả lại ký ức về nó sẽ đeo bám con suốt phần đời còn lại, nhưng con chỉ phải sống chung với nó mà thôi. Con may mắn là đã chọn đem theo cây trượng nhỏ nhất của ta. Cuối cùng thì chính nó đã cứu mạng con đấy. Cây trượng ấy làm từ gỗ thanh hương trà, là loại gỗ hiệu quả nhất khi đối phó với phù thủy. Thường thì loại trượng ấy chẳng hề hấn gì với một mẹ phù thủy già và mạnh như thế đâu, nhưng mẹ ta còn đang ở dưới dòng nước xiết nữa. Thế cho nên con thật may mắn, nhưng tập sự như con mà ra tay như thế cũng là khá lắm rồi đấy. Con đã thể hiện lòng can đảm, can đảm thực thụ, và con đã cứu mạng một đứa trẻ. Nhưng con đã phạm hai sai lầm nghiêm trọng.”

Tôi cúi gằm. Tôi nghĩ mình chắc chắn đã phạm nhiều hơn là hai lỗi lầm, nhưng thôi, tôi không tranh cãi về điều này đâu.

“Sai lầm nghiêm trọng nhất của con là đã giết chết mục phù thủy đó,” Thầy Trừ tà bảo. “Lẽ ra mục ta nên được mang trở lại đây. Mẹ Malkin mạnh đến nỗi mục ta thậm chí còn có thể tự giải thoát khỏi xương cốt của mình. Điều này rất hiếm hoi nhưng vẫn có thể xảy ra. Linh hồn mục ta có thể được tái sinh vào trần gian này, được hoàn thiện với tất cả ký ức của mục. Khi đó thì mục sẽ đến tìm con đấy, anh bạn ạ, vì mục muốn trả thù.”

“Nhưng chuyện ấy sẽ phải mất nhiều năm lắm, phải không ạ?” tôi hỏi. “Một em bé mới sinh đâu thể làm được gì nhiều. Đầu tiên mục ấy phải lớn lên đã chứ ạ.”

“Đấy lại là phần tệ hại nhất,” Thầy Trừ tà bảo. “Chuyện này có thể xảy ra nhanh hơn là con tưởng. Linh hồn của mục có thể tóm lấy thân xác ai đó và dùng như là của mình. Hiện tượng này gọi là "ám" và đấy là chuyện rất tồi tệ cho tất cả những ai có liên quan. Sau đấy, mà con sẽ không biết là khi nào, và cũng không biết từ phương nào, nguy hiểm sẽ ủa đến.

“Mục ta có thể ám vào cơ thể của một cô gái trẻ, một thiếu nữ có nụ cười rạng ngời, người sẽ chiếm lấy tim con trước khi tước mất cuộc đời con. Hay mục ấy chỉ dùng sắc đẹp của mình để thu phục một người đàn ông mạnh mẽ theo ý mình, một hiệp sĩ hay là một quan tòa chẳng hạn, người có khả năng tống con vào ngục tối, nơi tính mạng con phụ thuộc hoàn toàn vào mục ấy. Nhưng rồi, thời gian sẽ ủng hộ mục ấy. Mục ta có thể sẽ tấn công khi ta không có ở đấy mà trợ giúp – biết đâu là hàng mấy năm sau khi con đã qua thời đỉnh cao từ lâu, khi mắt con đã mờ và các khớp xương đã bắt đầu rệu rã.

“Nhưng còn có thêm một kiểu ám khác – kiểu này có khả năng xảy ra cao hơn trong trường hợp như vậy. Có khả năng cao hơn nhiều lắm. Nay anh bạn, con thấy đấy, có một rắc rối trong việc chôn giữ một mục phù thủy còn sống dưới hố như thế. Nhất là với một mục quá mạnh, người đã giành cả đời dài dằng dặc để luyện huyết thuật. Mục ta lâu nay đã ăn giòi bọ và những thứ trơn tuột khác, trong khi sự ẩm ướt liên tục ngấm vào da thịt mục. Thế là giống như cách một cái cây dần dà hóa thạch và biến thành đá, cơ thể mục rồi sẽ từ từ bắt đầu thay đổi. Việc tóm lấy cây trượng gỗ thanh hương trà có thể đã làm tim mục

ngừng đập, đẩy mụ qua lằn ranh vào cõi chết, và bị dòng sông cuốn đi hẳn đã đẩy nhanh tiến trình.

“Trong trường hợp này, mụ vẫn sẽ bị buộc với xương cốt của mình, cũng như đa phần các phù thủy độc khác, nhưng nhờ vào pháp lực cao siêu nên mụ vẫn có thể tự di chuyển thân xác đã chết của mình. Con thấy đấy, mụ sẽ biến thành thứ mà chúng ta gọi là "lúc nhúc". Là một từ xưa cũ được dùng trong Hạt mà chắc chắn là con đã quen tai. Cũng giống như một đầu tóc lúc nhúc những chỉ, cơ thể đã chết kia giờ đây lúc nhúc những linh hồn quỷ quyệt của mụ. Cơ thể ấy sẽ nhúc nhích co duỗi như một chén giò và mụ sẽ bò, sẽ trườn hay lê thân mình đến nạn nhân mà mụ chọn. Thay vì biến thành cứng cáp như một cây hóa thạch, xác chết của mụ sẽ mềm mại và uyển chuyển, sẽ có thể luồn mình qua những không gian nhỏ bé nhất. Có thể chui qua mũi qua tai của ai đó mà đoạt lấy xác họ.

“Chỉ có hai cách để đảm bảo rằng một mụ phù thủy đầy sức mạnh như Mẹ Malkin không thể quay trở lại. Cách đầu tiên là thiêu chết mụ. Nhưng không một ai phải kinh qua những đau đớn như thế. Cách còn lại chỉ nghĩ đến thôi cũng đã rất khủng khiếp rồi. Đây là một phương pháp rất ít người từng nghe đến vì nó đã được thực hành từ thời xưa lắc xưa lơ, trên một vùng đất xa rất xa bên kia biển cả. Thế theo những sách vở ghi chép cổ xưa của họ, nếu con ăn hết quả tim của mụ phù thủy thì mụ ta sẽ không bao giờ quay trở lại. Mà con phải ăn sống đấy.

“Nếu chúng ta thực hiện bất kỳ phương pháp nào thì chúng ta cũng không tốt đẹp gì hơn mụ phù thủy mà ta đã giết,” Thầy Trừ Tà nói tiếp. “Cả hai phương thức ấy đều quá dã man. Lựa chọn còn lại sau cùng là hổ. Như thế cũng độc ác thật, nhưng chúng ta làm vậy là để bảo vệ người vô tội, những người mà tương lai có thể là nạn nhân của mụ. Thôi thì, anh bạn này, ngả nào cũng vậy, giờ mụ đã thoát ra rồi. Chắc chắn trước mắt có rắc rối rồi đấy, giờ thì ta chẳng làm được gì nhiều cho điều đó cả. Chúng ta chỉ phải cảnh giác mà thôi.”

“Con sẽ không sao đâu ạ,” tôi thưa. “Dù không biết làm thế nào nhưng con sẽ cố xoay sở vậy.”

“À, tốt hơn con nên khởi đầu với việc học cách quản lý một ông ke,” Thầy Trừ Tà vừa bảo vừa buồn bã lắc đầu. “Đấy là thêm một lỗi lầm to lớn khác của con. Nguyên một ngày Chủ nhật được tự do hàng

tuần ư? Như thế là quá hào phóng! Nhưng thôi, chúng ta nên làm gì với chuyện đó đây?” thầy hỏi, đồng thời khoát tay chỉ về cột khói mỏng giờ đây vẫn còn trông thấy được ở phía đông nam.

Tôi nhún vai. “Con đoán chắc giờ đã xong hết rồi thầy ạ,” tôi bảo. “Có rất nhiều dân làng giận dữ và họ đang bàn đến chuyện ném đá.”

“Đã xong hết rồi ư? Con đừng có tin thế chứ anh bạn. Một phù thủy như Lizzie biết đánh hơi còn nhạy hơn cả loài chó. Mụ ta có thể đánh hơi ra nhiều điều trước khi chúng kịp xảy tới và hẳn mụ đã bỏ đi từ lâu trước khi ai đó đến gần. Không, hẳn là mụ đã bỏ trốn về Pendle, nơi hầu như toàn thể đồng loại của mụ cư ngụ. Bây giờ chúng ta phải theo bước mụ mau, nhưng đã bao ngày nay ta phải ở ngoài đường rồi. Ta đã quá đuối sức, đau nhức và cần phải hồi phục sức mạnh. Tuy nhiên chúng ta không thể để cho Lizzie tự do quá lâu, bằng không mụ ta sẽ lại bắt đầu giở trò tinh quái. Trước cuối tuần này ta sẽ phải lên đường đuổi theo mụ và con sẽ đi cùng ta. Sẽ không dễ dàng gì đâu nhưng con cũng nên làm quen với khái niệm công việc. Mà thôi, việc đầu tiên phải được làm trước, nên con đi theo ta nào...”

Khi theo bước thầy, tôi nhận thấy thầy hơi khập khiễng và đang bước đi chậm hơn thường lệ. Vậy là dù có chuyện gì đã xảy ra ở Pendle đi nữa, thì không phải là thầy đã không trả giá. Thầy dẫn tôi vào trong nhà, đi lên tầng trên rồi vào thư viện, đoạn dừng bước bên cạnh dãy kệ xa nhất, những dãy cạnh cửa sổ.

“Ta thích giữ lại sổ sách trong thư viện của mình,” thầy bảo, “và ta muốn thư viện của ta ngày càng lớn hơn chứ không phải nhỏ đi. Nhưng bởi vì những gì đã xảy ra, ta sẽ tạo ra ngoại lệ.”

Thầy rướn lên với lấy cuốn sách trên kệ cao nhất rồi đưa cho tôi. “Con cần cuốn này hơn là ta,” thầy bảo. “Cần hơn rất nhiều đấy.”

So với các loại sách khác thì cuốn này không lớn lắm. Nó thậm chí còn nhỏ hơn cuốn sổ của tôi. Cũng giống như đa phần các cuốn sách khác của Thầy Trừ Tà, cuốn này được đóng bìa da và tựa đề được in cả trên mặt trước lẫn trên gáy. Tựa đề ghi: *Thuật ám xác: Kẻ Bị Nguyên Rửa, Kẻ Xây Xâm và Kẻ Tuyệt Vọng*.

“Tựa đề này có nghĩa gì thế ạ?” tôi hỏi.

“Nghĩa như điều nó nói đấy anh bạn. Chính xác như những gì nó nói. Con cứ đọc sách rồi ắt sẽ hiểu ra thôi.”

Khi mở cuốn sách ra, tôi thất vọng quá chừng. Bên trong sách, từng chữ một trong mỗi trang đều được in bằng tiếng La Tinh, là thứ ngôn ngữ tôi chẳng đọc được.

“Con hãy nghiên cứu kỹ càng vào và khi nào cũng phải mang theo bên mình,” Thầy Trừ Tà bảo. “Đây là một ấn bản chính thức đấy.”

Hắn thầy đã trông thấy tôi cau mày nên thầy mỉm cười xia tay vào cuốn sách. “Chính thức nghĩa là mãi cho đến bây giờ đây là cuốn sách hay nhất từng được viết về trò ám xác, nhưng đây lại là một môn rất khó, với lại còn được viết bởi một người trẻ tuổi khi ấy còn phải học hỏi rất nhiều. Cho nên đây không phải là những lời cuối cùng về chủ đề này và sẽ còn nhiều thứ cần phải khám phá nữa. Lật sang bìa sau cuốn sách đi nào.”

Tôi làm theo lời thầy và thấy khoảng mười trang cuối còn bỏ trống.

“Nếu con có khám phá ra điều gì mới mẻ thì chỉ việc viết xuống đấy. Mỗi một điều bé nhỏ đều có ích cả. Với lại con đừng lo đến chuyện sách được viết bằng tiếng La Tinh. Ta sẽ bắt đầu bài học cho con ngay khi chúng ta dùng bữa xong.”

Chúng tôi xuống ăn bữa chiều được nấu nướng gần như hoàn hảo. Khi tôi nuốt xuống miếng thức ăn cuối cùng của mình, có thứ gì đó di chuyển dưới gầm bàn và bắt đầu cọ mình vào chân tôi. Đột nhiên tiếng gừ gừ có thể nghe thấy được. Âm thanh ấy dần dà lớn hơn cho đến khi mọi chén đĩa bên tủ chén cạnh tường bắt đầu kêu loảng xoảng.

“Chả trách mà nó lại vui thế,” Thầy Trừ Tà vừa nói vừa lắc đầu. “Mỗi năm một ngày nghỉ đã là quá lắm rồi! Mà thôi, đừng lo, công việc vẫn phải xúc tiến như thường lệ và cuộc sống vẫn phải tiếp diễn. Dem theo sổ ghi chép của con nhé, anh bạn, hôm nay chúng ta phải học qua rất nhiều thứ đấy.”

Thế là tôi theo chân Thầy Trừ Tà xuống băng ghế, khai nắp lọ mực, nhúng đầu viết vào và chuẩn bị ghi chép.

“Khi đã vượt qua kỳ sát hạch ở Horshaw,” thầy cất tiếng, bắt đầu khập khiễng đi lên đi xuống trước băng ghế, “ta thường cố nhẹ nhàng hết mức có thể để đẩy những anh học việc của ta vào công việc thực thụ. Nhưng giờ con đã mặt đối mặt với một mụ phù thủy, con biết công việc này có thể khó khăn và nguy hiểm đến mức nào, nên ta nghĩ con đã sẵn sàng để được biết chuyện gì đã xảy ra đến với người tập sự sau cuối của ta. Chuyện có liên hệ đến ông kẹ, là chủ đề trước nay chúng ta đã nghiên cứu, thế thôi thì con nên học hỏi từ đó cũng được. Tìm lấy một trang trống mà viết tựa đề này xuống này...”

Tôi làm theo. Tôi viết xuống, “*Làm thế nào để chèn một ông kẹ*”. Thế rồi, khi Thầy Trừ Tà kể ra câu chuyện thì tôi ghi chép, chật vật để bắt kịp như mọi khi.

Như tôi đã biết, chèn một ông kẹ đòi hỏi nhiều công việc khó khăn mà Thầy Trừ Tà gọi là “bố trí”. Trước hết, một chiếc hố phải được đào sao cho thật gần hết mức với rễ của một cây trưởng thành, to lớn. Sau tất cả những cuộc đào hố mà thầy đã bắt tôi làm, tôi ngạc nhiên khi biết rằng một thầy trừ tà hiếm khi tự mình đào hố. Chuyện ấy chỉ được tiến hành trong trường hợp thật cấp bách. Anh thợ phụ cùng bạn bè anh ta thường là những người lo chuyện đào hố.

Kế đến ta phải mướn một bác thợ nề để cắt một phiến đá dày đặt vừa trên miệng hố như một bia mộ. Điều đặc biệt quan trọng là phiến đá phải được cắt chính xác y khuôn để niêm hố thật vừa vặn. Sau khi ta đã phủ một lớp hỗn hợp sắt, muối và keo gắn chặt vào đế dưới của phiến đá và bên trong lòng hố, đấy là lúc ta đưa một ông kẹ vào trong an toàn.

Chuyện này thì không khó lắm. Máu, sữa hay trộn cả hai thứ lại với nhau lúc nào cũng có tác dụng. Phần thực sự khó khăn là việc thả phiến đá vào đúng vị trí khi ông kẹ đang ăn. Tỷ lệ thành công phụ thuộc vào chất lượng của đội ngũ trợ giúp mà ta đã thuê.

Tốt nhất là nên có bác thợ nề đứng gần ngay bên và một hai anh thợ phụ kéo xích điều khiển từ giàn cầu bằng gỗ đặt bên trên hố, như thế sẽ giúp cho việc hạ phiến đá xuống được nhanh gọn và an toàn.

Đấy là sai lầm mà Billy Bradley đã phạm phải. Khi ấy là cuối mùa đông và thời tiết quá khắc nghiệt khiến Billy chỉ mong chóng được trở về chiếc giường ấm áp của mình. Thế là cậu ta cắt bỏ công đoạn.

Cậu ấy đã sử dụng nhân công địa phương, những người trước đây chưa từng làm loại công việc này. Bác thợ nề đã nghỉ tay ăn tối, hứa rằng sẽ quay lại trong vòng một tiếng đồng hồ, nhưng Billy lại quá nôn nóng không thể chờ được. Cậu ấy đã lừa đưa được ông kẹ vào hố không mấy rắc rối nhưng lại vấp phải khó khăn với phiến đá. Đêm ấy là một đêm ẩm ướt, thế là phiến đá trượt đi, làm kẹt tay trái của cậu dưới mép đá.

Xích cần cầu bị kẹt nên thợ phụ không thể nhấc đá lên, và trong khi những nhân công đang loay hoay với nó, một trong số họ vội chạy về tìm bác thợ nề, thì ông kẹ, cúi tiết vì bị mắc kẹt dưới tảng đá, bắt đầu tấn công những ngón tay của Billy. Bạn thấy đấy, đây là một trong những ông kẹ nguy hiểm nhất. Chúng được gọi là “Kẹ Xé Xác” và thường là chúng ăn gia súc mà sống, nhưng ông kẹ hôm ấy còn biết đến cả vị máu người.

Đến khi phiến đá được nhấc lên, gần sau đấy cả nửa tiếng đồng hồ, mọi chuyện đã quá muộn. Ông kẹ đã gặm đến đốt xương thứ hai trên những ngón tay của Billy và lúc ấy đang mài hút lấy máu từ người cậu. Những tiếng thét đau đớn của cậu đã lịm dần thành tiếng rên rỉ, và khi người ta lôi được tay cậu lên thì bàn tay cậu chỉ còn lại ngón cái. Không lâu sau đấy cậu đã chết vì kinh hoàng và mất máu quá nhiều.

“Chuyện này thật buồn,” Thầy Trừ Tà bảo, “và giờ đây cậu ấy được chôn dưới bờ rào, chỉ ngay bên ngoài sân nhà thờ ở Layton thôi – những ai theo nghiệp của chúng ta thì hài cốt không được yên nghỉ tại những vùng đất có ban phép thánh. Chuyện chỉ xảy ra hơn một năm nay thôi, và nếu Billy mà còn sống thì ta đã không nhận con vào vì cậu ấy ắt vẫn còn là chân học việc của ta. Billy tội nghiệp, đấy là một cậu bé tốt và không đáng phải chịu như thế, nhưng đây là công việc nguy hiểm và nếu như không được làm đàng hoàng thì...”

Thầy Trừ Tà buồn bã nhìn tôi rồi nhún vai. “Học hỏi từ đấy đi nhé anh bạn. Chúng ta cần lòng quả cảm và tính kiên nhẫn, nhưng trên hết, chúng ta không bao giờ được vội vã. Chúng ta sử dụng trí não, chúng ta suy nghĩ cẩn thận, rồi chúng ta làm những việc phải làm. Trong những tình huống bình thường thì ta không bao giờ cho người tập sự của ta ra ngoài hành động một mình cho đến khi hoàn tất xong năm huấn luyện đầu tiên. Dĩ nhiên, trừ trường hợp,” thầy nói thêm với một nụ cười thoáng qua, “cậu ta tự mình chuốc lấy rắc rối. Nhưng

mà rồi, ta phải đảm bảo sao cho cậu ta thật sẵn sàng cho chuyện đó. Dù sao chuyện đến trước thì xảy ra trước thôi,” thầy bảo. “Giờ đã đến bài học tiếng La Tinh đầu tiên của con...”

hỉ ba ngày sau, chuyện đó xảy ra...

C Thầy Trừ Tà sai tôi xuống làng đem thực phẩm về. Đây là buổi chiều rất muộn, và khi tôi ra khỏi nhà thầy mang theo chiếc túi không thì bóng râm đã bắt đầu đổ dài.

Khi đến gần bậc bờ tường, tôi nhìn thấy ai đó đang đứng ngay rìa những rặng cây gần trên đầu con đường mòn nhỏ hẹp. Nhận ra đây là Alice, tim tôi thốt nhiên tăng thêm một nhịp. Cô đang làm gì ở đây? Sao cô không đi đến Pendle cho rồi? Vói lại nếu cô còn ở đây, thế Lizzie thì sao?

Tôi bước chậm lại nhưng vẫn phải vượt qua cô gái để vào làng. Tôi đã có thể quay đầu lại mà đi theo con đường dài hơn, nhưng tôi không muốn cho cô cái cảm giác thỏa mãn nghĩ rằng tôi sợ cô. Dù là thế, khi đã leo qua bậc bờ tường rồi, tôi nép mình men theo lề trái của con đường mòn, đi thật gần rặng hàng rào táo gai, ngay trên mép con mương sâu hoắm chạy dọc theo dãy hàng rào ấy.

Alice đang đứng trong bóng tối, chỉ có hai mũi giày nhọn của cô là chĩa ra nơi có ánh mặt trời. Cô ngoắc tay ra hiệu cho tôi đến gần hơn nhưng tôi vẫn giữ khoảng cách, đứng cách xa cả ba bước dài. Sau tất cả những gì đã xảy ra, tôi chẳng còn tin tưởng cô lấy một tẹo, nhưng tôi vẫn thầm mừng khi thấy cô gái không bị hỏa thiêu hay bị ném đá đến chết.

“Tớ đến để chào tạm biệt,” Alice bảo, “vói lại cũng để cảnh cáo cậu đừng có bao giờ đến gần Pendle. Đây là nơi chúng tớ sẽ chuyển đến. Lizzie có gia đình sống ở đây.”

“Tớ mừng vì cậu đã thoát được,” tôi vừa nói vừa dừng bước rồi quay sang đối diện với cô gái. “Tớ nhìn thấy cột khói khi người ta đốt nhà của cậu.”

“Lizzie biết bọn họ kéo đến,” Alice bảo, “thế nên chúng tớ có khối

thời gian để bỏ đi. Nhưng dì ấy không đánh hơi ra cậu, nhỉ? Dù cũng đã biết được những gì cậu gây ra cho Mẹ Malkin, tuy nhiên dì ta chỉ phát hiện sau khi chuyện đã xảy ra. Việc chẳng đánh hơi được chút nào về cậu làm dì ta lo lắng. Vội lại dì bảo bóng của cậu có mùi kỳ kỳ.”

Tôi phá ra cười khi nghe thế. Ý tôi là, chuyện này điên rồ quá đi. Làm sao một bóng người lại có mùi được chứ?

“Không có gì buồn cười đâu,” Alice trách. “Chẳng phải chuyện đáng cười. Dì ấy chỉ có thể ngửi ra bóng cậu khi nó đổ xuống kho chứa cỏ. Chính tớ chứng kiến và đúng là chẳng ổn chút nào. Ánh trăng đã soi rõ sự thực về con người cậu.”

Bỗng nhiên cô gái bước tới hai bước, ra ngoài ánh mặt trời, đoạn hơi rướn người tới trước và hít hít trên người tôi. “Đúng là cậu có mùi kỳ kỳ thật,” cô bảo, chun chun mũi. Rồi thật vội vã, cô bước lùi ra sau và bỗng trông có vẻ sợ sệt.

Tôi mỉm cười và ra giọng thân thiện. “Này, đừng có đi đến Pendle. Không có bọn họ thì tốt hơn cho cậu đấy. Bọn họ chỉ là đám bạn bè xấu xa thôi.”

“Bạn xấu chẳng làm tớ quan tâm. Sẽ chẳng thay đổi gì được tớ cả, phải không nào? Tớ vốn đã xấu xa rồi. Cậu sẽ chẳng tin lấy một lời về những gì tớ từng là và từng làm. Tớ xin lỗi,” cô nói. “Tớ đã xấu xa trở lại. Tớ không đủ dũng khí để nói không...”

Thốt nhiên, ôi thôi muộn quá rồi, tôi hiểu ra lý do thực sự cho nỗi sợ hãi trên mặt Alice. Chẳng phải cô sợ gì tôi. Mà là sợ cái thứ đang đứng sau tôi.

Tôi chẳng kịp nhìn hay nghe thấy gì cả. Khi nhận thức được thì đã quá muộn rồi. Không chút cảnh báo trước, chiếc túi rỗng bị giật khỏi tay tôi, trùn xuống đầu rồi hai vai tôi và mọi thứ bỗng tối đen. Mấy bàn tay rắn chắc chộp lấy tôi, kẹp cứng hai tay tôi vào sát thân mình. Tôi vùng vẫy trong một lúc nhưng chẳng ích gì: tôi dễ dàng bị nhấc bổng mang đi như một cánh tay nông dân mang một bị khoai tây. Khi bị cắp đi như thế, tôi nghe thấy mấy giọng nói – giọng của Alice rồi thêm giọng một phụ nữ; tôi đoán đấy là Lizzie Xương Xấu. Tên đang khuân tôi thì chỉ gầm gừ, nên tên này phải là Tusk.

Tôi thấy sợ, sợ như chưa từng bao giờ sợ đến thế trong cả cuộc đời mình. Nghĩa là, tôi đã giết Mẹ Malkin mà mẹ ta là bà của Lizzie. Vậy giờ bọn chúng sẽ làm gì tôi đây?

Khoảng một tiếng sau, tôi bị thả mạnh xuống đất đến nỗi toàn bộ không khí trong phổi tôi tống hết ra ngoài.

Ngay khi có thể thở lại được, tôi vùng vằng thoát ra khỏi túi, nhưng có ai đó thụi tôi hai cái vào lưng – mạnh đến nỗi tôi nằm im thẳng cẳng. Tôi sẽ làm tất cả mọi chuyện chỉ để tránh khỏi phải bị thụi như thế nữa, vậy nên tôi nằm yên đó, thậm chí đến thở cũng không dám khi cơn đau chầm chậm dịu xuống chỉ còn ê ẩm.

Thế rồi bọn chúng dùng dây thừng trói tôi lại, cột qua đầu túi, quàng xuống hai tay và đầu tôi rồi thắt gút lại thật chặt. Sau đấy, Lizzie nói ra một điều làm tôi lạnh cả xương.

“Rồi đấy, ta đã cột nó chặt rồi. Giờ mày hãy bắt đầu đào đi.”

Mặt của mẹ dí sát mặt tôi đến nỗi tôi có thể ngửi thấy hơi thở hôi thối của mẹ qua lần túi. Giống như mùi của chó hay mèo gì đấy. “Này thằng nhãi,” mẹ nói. “Cảm thấy thế nào khi biết mẹ sẽ không bao giờ nhìn thấy ánh sáng ban ngày được nữa hả?”

Khi nghe thấy tiếng đào đất từ xa xa, tôi bắt đầu run lập cập vì sợ. Tôi nhớ đến câu chuyện Thầy Trừ Tà kể về vợ bác thợ mỏ, đặc biệt là phần đáng sợ nhất khi bà ấy phải nằm bất động đấy, không thể nào khóc la trong khi người chôn đào huyết cho bà. Giờ chuyện này đang xảy đến với tôi. Tôi sẽ bị chôn sống và tôi sẽ làm bất cứ chuyện gì chỉ để lại được nhìn thấy ánh sáng ban ngày, thậm chí chỉ là một chốc thôi cũng được.

Thoạt đầu, khi bọn chúng cắt dây thừng và lôi chiếc túi ra khỏi đầu tôi, tôi thấy nhẹ cả người. Lúc ấy mặt trời đã lặn, nhưng khi ngược lên tôi vẫn có thể nhìn thấy các vì sao cùng vầng trăng khuyết thâm thấp ngang mấy ngọn cây. Tôi cảm nhận được gió lùa qua mặt và chưa khi nào lại thấy tuyệt vời như thế. Nhưng rồi cảm giác nhẹ nhõm của tôi chẳng kéo dài được bao lâu, vì tôi đã bắt đầu tự hỏi rằng chính xác thì bọn chúng định làm gì với tôi đây chứ. Tôi chẳng thể nghĩ ra điều gì tồi tệ hơn là bị chôn sống, nhưng chắc hẳn Lizzie Xương Xấu có thể nghĩ ra chuyện đó lắm.

Thật lòng mà nói, lần đầu tiên nhìn cận cảnh Tusk, hẳn trông không đến nỗi gớm như tôi tưởng. Có lẽ là trong cái đêm hắn đuổi theo tôi trông hắn còn khiếp hơn. Hắn không nhiều tuổi bằng Thầy Trừ Tà nhưng bản mặt hắn chẳng chịt nếp nhăn và dài đầu sương gió, thêm một mớ tóc bạc nhầy nhầy phủ xuống đầu. Hàm răng hắn quá to nên không nhét vừa vào trong miệng, nghĩa là hắn chẳng bao giờ có thể ngậm miệng lại cho đàng hoàng, thế nên có hai chiếc răng vênh ngược lên như hai chiếc nanh vàng khè hai bên mũi hắn. Hắn cũng rất to lớn, lông lá rậm rì với hai cánh tay cuồn cuộn cơ bắp. Tôi đã phải chịu cái nắm chặt tay của hắn rồi và từng nghĩ rằng thế là đã quá kinh khủng, nhưng tôi biết là hắn còn có một đôi vai đầy sức mạnh có thể siết lấy tôi chặt đến nỗi không khí trong người tôi sẽ bị ép hết ra ngoài và các xương sườn sẽ gãy vụn.

Tusk giắt một con dao cong cong to tướng ngang thắt lưng, lưỡi dao trông rất sắc. Nhưng gớm nhất trên người Tusk lại là đôi mắt hắn. Hai mắt mờ đục. Như thể chẳng có thứ gì tồn tại bên trong đầu hắn; hắn chỉ là một công cụ tuân theo lời của Lizzie Xương Xấu mà chẳng cần suy nghĩ. Tôi biết là hắn sẽ làm bất cứ điều gì mục ta sai khiến mà không thắc mắc gì, chẳng màng rằng chuyện ấy có kinh khủng đến thế nào.

Còn về Lizzie Xương Xấu, mục ta chẳng ốm o gì cả và tôi biết, nhờ đọc sách trong thư viện của Thầy Trừ Tà, rằng chắc là mục ta được gọi tên như thế vì mục sử dụng cốt thuật. Tôi đã ngửi thấy hơi thở của mục rồi, nhưng nếu chỉ nhìn qua thôi thì bạn sẽ chẳng khi nào nghĩ mục ta là phù thủy. Mục trông không giống như Mẹ Malkin, teo tóp vì tuổi tác, trông như là một thứ gì đã chết. Không, Lizzie Xương Xấu trông chỉ giống như một phiên bản lớn tuổi hơn của Alice. Rõ là không thể nhiều hơn ba mươi lăm tuổi, mục ta có đôi mắt nâu xinh đẹp và mái tóc đen như tóc cô cháu gái. Mục ta choàng khăn sam màu xanh lục, mặc váy đen, một chiếc nịt da bản nhỏ thắt chặt quanh vòng eo thanh mảnh của mục. Có lẽ là có nét giống nhau giữa những người trong gia đình ở đây – chỉ trừ miệng của mục. Không phải là về hình dạng khuôn miệng, mà là về cái cách mục mấp máy môi; cái cách hai khóe miệng cong cớn vẹo vọ khi mục mở mồm. Một điều khác tôi để ý thấy nữa là mục chẳng khi nào nhìn thẳng vào mắt tôi cả.

Alice thì không giống như thế. Cô có cái miệng xinh xắn vẫn còn vương nét cười, nhưng tôi nhận ra rồi dần dà cô cũng sẽ trở nên giống như Lizzie Xương Xấu.

Alice đã lừa tôi. Cô là lý do tôi đang ở đây chứ không phải là đang êm ấm an toàn trở lại nhà Thầy Trừ Tà mà ăn bữa tối.

Lizzie Xương Xấu vừa gật một cái, Tusk đã chộp lấy tôi và trói quặt hai tay tôi ra sau lưng. Đoạn hấn giằng tay tôi, kéo tôi đi xuyên qua rừng cây. Trước tiên tôi nhìn thấy một ụ đất cứng, rồi bên cạnh ấy là một cái hố sâu, và tôi ngửi thấy mùi mùn ẩm tanh của đất mới xới. Mùi này như mùi chết chóc lẫn sinh tồn, với những thứ thực sự thuộc về sâu dưới lòng đất lại được đào lên bề mặt.

Cái hố chắc sâu khoảng hai mét một, nhưng không giống như hố mà Thầy Trừ Tà đã nhốt Mẹ Malkin vào. Cái hố này có hình dạng không vuông thành sắc cạnh mà chỉ là một cái lỗ có bốn thành dốc. Tôi nhớ mình từng nghĩ rằng, với bao nhiêu lần thực tập trước đây, tôi có thể đào một cái hố đẹp hơn thế này nhiều.

Đúng lúc ấy ánh trăng soi rọi cho tôi thấy một thứ gì khác – một thứ mà tôi mong là mình không thấy thì tốt hơn. Cách đấy khoảng ba bước, phía bên trái hố, là một khuôn đất hình chữ nhật mới đào. Trông như một nấm mồ mới.

Chẳng còn thời gian để mà bắt đầu lo lắng về điều này, tôi đã bị lôi đến ngay bên miệng hố và tên Tusk giật đầu tôi ngẩng lên. Tôi vừa thoáng nhìn thấy gương mặt của Lizzie Xương Xấu kề sát mặt mình thì một thứ cứng cứng gì đó được nhét vào miệng tôi, theo sau là một chất lỏng lạnh lẽo, đắng ngắt được rót xuống họng. Chất lỏng có vị như mật và được đổ đầy ứ vào họng vào miệng tôi, tràn cả ra ngoài và thậm chí còn ngập vào mũi làm tôi bắt đầu sặc sụa, hào hển cố gắng thở. Tôi cố nhổ cái chất ấy ra nhưng Lizzie Xương Xấu đã bóp chặt mũi tôi lại bằng ngón cái và ngón trỏ của mụ, thế là để thở được tôi buộc phải nuốt xuống.

Xong chuyện đó rồi, Tusk thả đầu tôi ra, chuyển tay xuống nắm chặt tay trái của tôi. Khi đấy, tôi nhìn thấy cái thứ đã được đổ vào miệng mình – Lizzie Xương Xấu giơ lên cho tôi xem. Là một chiếc bình nho nhỏ làm bằng thủy tinh sẫm màu. Chiếc bình có cổ hẹp và dài. Mụ dốc chiếc bình sao cho cổ bình chĩa xuống và vài giọt chất lỏng rơi thấm xuống đất. Phần còn lại đã chui vào bụng tôi hết rồi.

Tôi vừa uống thứ gì thế? Mụ ta đã đầu độc tôi chẳng.

“Thứ này giúp cho mắt mi mở thao láo đầy thẳng nhãi,” mục cười khẩy rồi nói. “Chúng tao chẳng muốn mi ngủ thiếp đi đâu, phải không nào? Chẳng muốn mi bỏ lỡ chuyện gì cả.”

Chẳng báo trước tiếng nào, Tusk thô bạo quay ngược tôi lại về phía cái hố và dạ dày tôi nhận nhạo cả lên khi tôi rơi lọt thỏm. Tôi nặng nề té xuống nhưng mặt đất dưới đáy hố lại mềm, nên mặc dù cú ngã làm tôi đứt cả hơi, tôi vẫn không đau đớn lắm. Thế là tôi xoay người lại để nhìn lên mấy ngôi sao, bụng nghĩ rằng có lẽ rốt cuộc rồi mình sẽ bị chôn sống thôi. Nhưng thay vì một xẻng đất đổ ập xuống mặt mình, tôi lại nhìn thấy dáng hình đầu và vai của Lizzie Xương Xấu nhòm xuống, một bóng người nổi bật trên nền trời sao. Mục ta bắt đầu lầm rầm khấn những tiếng khùng khục kỳ lạ trong họng, dù là tôi không thể nghe rõ tiếng nào ra tiếng nào.

Tiếp đến, mục vươn hai tay ngang ra trên miệng hố, tôi có thể nhìn thấy mục đang cầm thứ gì đó trong mỗi tay. Thét lên một tiếng kỳ lạ, mục xòe hai lòng bàn tay ra và hai vật trắng trắng rơi xuống trên đồng bùn cạnh đầu gối tôi.

Dưới ánh trăng, tôi có thể thấy rõ hai vật này là gì. Chúng dường như sáng rực lên lấp lánh. Lizzie Xương Xấu đã thả hai mẫu xương xuống hố. Đây là hai miếng xương ngón tay cái – vì tôi có thể nhìn ra đốt khớp xương.

“Này thẳng nhãi, hãy tận hưởng đêm cuối cùng của đời mi đi nhé,” mục gọi với xuống hố. “Cũng chớ lo lắng làm gì, mi sẽ không phải ở một mình đâu vì ta sẽ để mi lại cùng thẳng bạn tốt. Billy Đã Khuất sẽ đến đây đòi lại xương của nó. Chỉ ở ngay cạnh đây thôi, thẳng bé đấy, nên nó khỏi phải đi đâu cho xa. Nó sẽ chóng đến gặp mi và cả hai bọn mi thật có lắm điểm giống nhau. Nó là thẳng học việc gần đây nhất của Lão Gregory, và nó sẽ không tiếp mi tử tế gì lắm đâu vì mi đã chiếm lấy chỗ của nó. Và rồi, ngay trước lúc bình minh ló dạng, chúng tao sẽ đến thăm mi lần cuối. Chúng tao sẽ đến để lóc xương cốt của mi. Xương của mi, chúng đặc biệt lắm, thậm chí còn tốt hơn xương của Billy nữa, và vì được đoạt tươi lấy sống nên đấy sẽ là thứ hữu dụng nhất mà lâu rồi ta mới có được.”

Bản mặt mục thụt lùi lại và tôi nghe thấy tiếng bước chân đi xa dần.

Vậy ra đây là những gì sẽ xảy ra cho tôi. Nếu Lizzie cần xương của tôi nghĩa là mục sẽ phải giết tôi. Tôi nhớ đến lưỡi dao cong có to tướng mà Tusk giết ngay bên thắt lưng và bắt đầu run rẩy.

Nhưng trước khi bị giết tôi lại phải đối mặt với Billy Đã Khuất. Khi Lizzie bảo, “Chỉ ngay cạnh đây thôi”, hẳn là mục muốn nói đến nấm mồ mới chôn cạnh cái hố. Nhưng Thầy Trừ Tà từng nói Billy Bradley được chôn bên ngoài sân nhà thờ ở Layton cơ mà. Chắc là mục Lizzie đã đào xác cậu ấy lên, cắt phăng hai ngón cái rồi chôn phần xác còn lại của cậu ở đây, giữa những rừng cây này. Giờ thì cậu ấy sẽ sang đây đòi lại hai ngón cái.

Liệu Billy Bradley có muốn làm hại tôi không? Tôi chưa bao giờ làm gì hại đến cậu ấy cả nhưng chắc chắn trước đây cậu ấy hẳn rất thích được làm chân học việc cho Thầy Trừ Tà. Biết đâu cậu ấy còn đang rất mong chờ được hoàn tất thời gian học việc để trở thành một thầy trừ tà nữa kia. Giờ đây tôi đã chiếm lấy những gì mà cậu ấy từng sở hữu. Nào chỉ có thế – còn câu chú của Lizzie Xương Xấu thì sao? Billy có lẽ sẽ nghĩ rằng tôi mới chính là người đã cắt mất ngón cái của cậu và quẳng chúng xuống hố này...

Tôi lồm cồm gượng dậy và trong vài phút tiếp theo, tôi tuyệt vọng vùng vẫy cố cởi trói cho hai tay mình. Thật vô vọng. Dường như sự oằn oại của tôi càng làm cho sợi dây thừng thít vào chặt hơn.

Tôi cũng cảm thấy kỳ kỳ nữa: đầu choáng váng và miệng mồm khô khốc. Khi tôi nhìn lên các vì sao, chúng dường như rất sáng và mỗi ngôi sao như nhân lên làm hai. Nếu tập trung cao độ mà nhìn, tôi có thể biến những ngôi sao kép ấy thành sao đơn trở lại, nhưng ngay khi thôi không tập trung nữa, các ngôi sao đơn ấy lại biến thành kép. Cổ họng tôi khát cháy và tim tôi đập theo nhịp nhanh gấp ba bốn lần bình thường.

Tôi cứ nghĩ mãi về những gì Lizzie Xương Xấu đã nói. Billy Đã Khuất sẽ đến đây tìm xương. Những đốt xương ấy nằm lẫn trong đồng bùn chỉ cách nơi tôi quỳ chưa tới hai bước chân. Giá như hai tay tôi được tự do thì tôi đã ném mấy đốt xương ấy ra khỏi miệng hố.

Thình lình tôi nhác thấy một chuyển động nhẹ về phía bên trái mình. Nếu nãy giờ tôi đang đứng thì chuyển động ấy hẳn chỉ chớm ngang mức đầu tôi mà thôi. Tôi ngược lên và nhìn theo một cái

đầu giò trắng bệch, múp míp, dài thông, thò ra khỏi bên hông cái hố. Đầu giò này rất to, to hơn hẳn bất cứ con giò nào tôi từng thấy trước đây. Cái đầu đùi mù, húp híp ấy chậm chậm quay tròn khi con giò uốn éo chui phần thân mình còn lại ra ngoài. Con giò này có thể là giò gì đây? Liệu nó có độc không? Nó sẽ cắn chứ?

Nhưng rồi tôi ngộ ra. Đây là một con giò quan tài! Hẳn đây là thứ bấy lâu nay sống trong quan tài của Billy Bradley, lớn dần lên vừa béo vừa trơn bóng. Là thứ trắng lôm lốp chưa từng nhìn thấy ánh sáng ban ngày bao giờ!

Tôi rùng cả mình khi con giò quan tài ấy oằn oại rúc mình ra khỏi đất đen và rơi đánh thịch xuống đồng bùn dưới chân mình. Nhưng tôi chẳng còn nhìn thấy nó nữa vì nó đã nhanh chóng chôn mình xuống dưới mặt đất.

Vì quá to béo nên con giò trắng nhờn đã đục đi khá nhiều đất đai trên vách hố, bỏ lại sau lưng nó là một cái lỗ rộng như một đường hầm hẹp. Tôi quan sát cái lỗ ấy, lòng thì sợ run nhưng vẫn tò mò, vì trong lỗ đường hầm ấy lại có thêm thứ gì khác đang di chuyển. Thứ gì đấy đang khuấy động mặt đất, vì đất trong lỗ đang đổ xuống dần tạo thành một đồng đất to.

Việc không biết được đây là thứ gì càng làm cho mọi chuyện thêm tồi tệ. Tôi phải nhìn ra cho được trong lỗ ấy là thứ gì, thế là tôi vịn vẹo mình cố đứng lên. Tôi loạng choạng, lại thấy xây xẩm, những vì sao bắt đầu quay cuồng. Sém chút là ngã nhào nhưng tôi cố bước lên một bước, chú ý người về phía trước để tiến được gần với đường hầm hẹp ấy hơn, lúc này đường hầm chỉ ngang tầm với đầu tôi.

Khi nhìn vào được bên trong rồi, tôi lại ước sao mình đã không làm thế.

Tôi nhìn thấy xương. Xương người. Những phần xương được gắn kết với nhau. Những mấu xương di chuyển. Hai bàn tay không có ngón cái. Một trong hai bàn tay ấy không có ngón tay. Xương nhóp nhép trong bùn đất, lê mình về phía tôi qua đồng đất mềm. Một chiếc sọ người nhả nhổ chìa ra những chiếc răng thừa.

Là Billy Đã Khuất, nhưng thay cho hai mắt của cậu ấy là hai hố mắt đen ngòm nhìn tôi trừng trừng, sâu hoắm vô hồn. Khi một bàn

tay trắng hếu không da thịt thò ra ngoài ánh trăng và chọc mạnh vào mặt tôi, tôi bước giật lùi, gần như té ngã, sục sục vì sợ hãi.

Trong thời khắc ấy, vừa khi tôi tưởng mình sắp hóa điên vì kinh hoàng, thì không khí đột nhiên trở lạnh hơn và tôi có thể cảm nhận được thứ gì đó bên phải mình. Ai đó khác đã chui xuống hố cùng tôi. Ai đó đang đứng tại nơi không thể nào đứng được. Nửa người cậu ta được nhìn rõ; nửa người còn lại đang được chôn chìm trong vách đất.

Là một cậu bé không lớn tuổi hơn tôi là mấy. Tôi chỉ có thể nhìn được nửa người bên trái cậu vì phần thân thể còn lại vẫn còn lẫn đâu đó đằng sau, trong đất. Thật thoải mái nhẹ nhàng như bước qua cánh cửa, cậu hơi lách vai phải về phía tôi và toàn bộ thân mình còn lại của cậu bước hẳn vào trong hố. Cậu mỉm cười với tôi. Một nụ cười ấm áp thân thiện.

“Sự khác nhau giữa tỉnh thức và mộng tưởng,” cậu cất lời. “Đây là một trong những bài học khó nhất cần phải học. Giờ thì hãy học đi, Tom. Học ngay bây giờ trước khi quá muộn...”

Giờ tôi mới để ý thấy đôi ủng của cậu. Đôi ủng trông rất đắt tiền và được tạo nên từ loại da thuộc chất lượng nhất. Chúng giống y đôi ủng của Thầy Trừ Tà.

Khi đấy, cậu nhấc hai tay mình lên cho mỗi tay giơ lên mỗi bên đầu, lòng bàn tay hướng ra ngoài. Mỗi bàn tay thiếu hẳn ngón tay cái. Bàn tay trái của cậu cũng không còn ngón tay nào.

Đấy là hồn ma của Billy Bradley.

Cậu bắt chéo hai tay trước ngực và mỉm cười lần nữa. Khi Billy dần tan biến đi, cậu trông có vẻ vui vẻ và thanh thản.

Tôi đã thông suốt những gì cậu ấy vừa mách cho mình. Không, tôi không phải đang ngái ngủ, nhưng nói theo một cách nào đấy thì tôi đang mơ màng. Nãy giờ tôi đang mơ những giấc mơ đen tối đến từ cái lọ mà Lizzie đã ép đổ vào miệng tôi.

Khi tôi quay nhìn lại lỗ hổng, nó đã biến mất. Chẳng còn bộ xương người nào bò về phía tôi cả. Cũng không có lấy con giòi quan tài nào.

Chất lỏng ma thuật kia hẳn là một loại độc dược nào đó: thứ khiến cho việc phân biệt giữa tỉnh thức và mộng tưởng hóa khó khăn. Đây là thứ Lizzie đã bắt tôi uống. Thứ đấy làm cho tim tôi đập nhanh hơn, khiến tôi không ngủ được. Thứ đấy đã làm cho mắt tôi mở thao láo, hơn nữa lại nhìn thấy những sự vật mà thực ra là không hiện hữu.

Gần ngay sau đấy, những vì sao biến mất và trời bắt đầu mưa như trút nước. Đêm ấy là một đêm lạnh lẽo, khó chịu, dài dặc, khiến tôi nghĩ mãi đến chuyện gì sẽ xảy ra cho tôi trước khi trời rạng. Càng gần đến khi ấy, tôi càng cảm thấy khó chịu hơn.

Khoảng một tiếng đồng hồ trước lúc bình minh, cơn mưa thưa dần thành cơn lất phất, sau tạnh hẳn. Một lần nữa tôi lại nhìn thấy những vì sao, và lúc này thì chúng không bị nhân đôi lên nữa. Tôi ướt nhẹp và lạnh ngắt nhưng cổ họng tôi không còn cháy khát.

Khi một gương mặt từ bên trên thò ra, nhìn xuống dưới hố, tim tôi bắt đầu đập dồn dập vì tôi nghĩ đấy là Lizzie đến thu lấy xương cốt mình. Nhưng thật nhẹ nhõm làm sao, đấy lại là Alice.

“Lizzie sai tớ đến đây xem cậu thế nào rồi,” cô gái khẽ khàng hỏi vọng xuống. “Billy đã đến chưa vậy?”

“Cậu ấy đến và đi rồi,” tôi giận dữ đáp lời.

“Tớ không bao giờ mong muốn chuyện này xảy ra cả đâu, Tom ạ. Giá mà cậu đừng dây dưa vào chuyện này thì mọi việc đã yên lành rồi.”

“Đã yên lành ư?” tôi bảo. “Thực ra nếu làm theo cách của cậu thì đến lúc này sẽ có thêm một đứa bé phải chết và có thể là cả Thầy Trừ Tà nữa. Vớ lại trong mấy cái bánh ấy có cả máu trẻ con đấy. Cậu gọi thế là yên lành ư? Cậu xuất thân từ một gia đình rất lũ sát nhân và bản thân cậu cũng là quân giết người!”

“Không phải thế. Không phải thế đâu!” Alice phản đối. “Không có đứa bé nào cả. Tất cả những gì tớ làm là đưa cho cậu mấy chiếc bánh thôi mà.”

“Thậm chí là thế đi nữa,” tôi nặng nề buộc tội, “cậu vẫn biết sau

đấy bọn chúng định làm gì. Và cậu cứ mặc cho chuyện ấy xảy ra.”

“Tớ không mạnh đến thế đâu mà Tom. Làm sao tớ có thể ngăn chặn được chứ? Làm sao tớ có thể ngăn được Lizzie?”

“Tớ đã lựa chọn làm theo những gì tớ muốn làm,” tôi bảo với cô gái. “Nhưng còn cậu sẽ chọn thế nào hả Alice? Cốt thuật hay huyết thuật đây? Thứ nào vậy? Sẽ là thứ nào thế?”

“Chẳng là thứ nào cả. Tớ không muốn giống như bọn họ. Tớ sẽ bỏ trốn. Ngay lúc nào có cơ hội, tớ sẽ biến ngay.”

“Nếu cậu có ý thế thật, thì giờ hãy giúp cho tớ đi. Giúp tớ leo lên khỏi hố. Chúng ta sẽ cùng nhau bỏ trốn.”

“Bây giờ thì nguy hiểm lắm,” Alice từ chối. “Để sau này rồi tớ mới trốn. Có lẽ là thêm vài tuần nữa khi bọn họ không thấy nghi ngờ.”

“Ý cậu là sau khi tớ chết phỏng? Khi tay cậu vấy thêm nhiều máu nữa ấy...”

Alice không trả lời. Tôi nghe thấy tiếng cô nức nở nho nhỏ, nhưng đúng lúc tôi tưởng cô đang trên lần ranh thay đổi quyết định mà ra tay giúp tôi, thì cô lại bỏ đi.

Tôi ngồi ì trong hố, lòng hoảng loạn nghĩ về những gì sắp xảy đến cho mình, nhớ về những người treo cổ và giờ đây tôi hiểu được chính xác những gì mà hẳn bọn họ đã cảm thấy trước khi chết. Tôi biết rằng mình sẽ không bao giờ trở về nhà được nữa. Không bao giờ gặp lại gia đình mình. Tôi đã gần như từ bỏ mọi hy vọng thì có tiếng bước chân tiến gần về phía hố. Tôi đứng lên, sợ hãi, nhưng lần này cũng lại là Alice.

“Ôi Tom ơi, tớ thật xin lỗi nhé,” Alice bảo. “Bọn họ đang mài sắc những con dao...”

Thời khắc tồi tệ hơn hết thảy đang đến gần và tôi biết mình chỉ còn một cơ hội duy nhất. Cơ hội duy nhất tôi có, là Alice.

“Nếu cậu thực lòng biết lỗi thì hãy giúp tớ nào,” tôi dè dàng nói.

“Tớ chẳng thể làm được gì cả,” cô gái bật khóc. “Lizzie có thể trở mặt với tớ. Dì ta không tin tưởng tớ. Luôn nghĩ là tớ hay yếu lòng.”

“Hãy chạy đi tìm thầy Gregory đi nào,” tôi bảo. “Hãy dẫn thầy ấy đến đây.”

“Chẳng phải giờ đây làm thế là quá muộn rồi sao,” Alice sụt sịt lắc đầu. “Xương được lóc ra vào ban ngày không có ích lợi gì cho Lizzie cả. Chẳng tác dụng gì. Thời điểm thích hợp nhất để lóc xương là vừa ngay trước lúc mặt trời ló dạng. Vậy nên bọn họ sẽ đến tìm cậu trong vài phút nữa thôi. Cậu chỉ còn có từng ấy thời gian thôi đấy.”

“Thế thì đưa cho tớ con dao nào,” tôi giục.

“Cũng chẳng ăn nhằm gì sắt. Mạnh lắm, bọn họ ấy. Cậu không thể đánh lại họ đâu, đúng không?”

“Đúng,” tôi đáp. “Tớ chỉ muốn cắt sợi dây trói thôi. Rồi tớ sẽ bỏ chạy.”

Thốt nhiên Alice biến mất. Cô biến mất để đi tìm dao, hay là vì quá sợ Lizzie mà biến? Tôi chờ đợi trong giây lát, nhưng khi cô gái không quay trở lại, tôi thấy mình tuyệt vọng quá rồi. Tôi vùng vẫy, cố sức tách hai cổ tay ra, cố chộp lấy sợi dây, nhưng vô ích cả.

Khi một gương mặt thò xuống nhìn tôi, tim tôi thót lên sợ hãi, nhưng đấy lại là Alice đang cầm thứ gì đó trên miệng hố. Cô gái thả ra, vật ấy rơi xuống, kim loại lóe lên dưới ánh trăng.

Alice đã không làm tôi phải thất vọng. Đấy là một con dao. Nếu như tôi cắt được dây trói thì tôi sẽ thoát...

Thoạt tiên, dù là hai tay có bị trói quặt ra sau lưng, tôi vẫn không nghi ngờ khả năng mình làm được việc đó. Hiểm họa duy nhất là có lẽ tôi sẽ cắt trúng mình chút ít, nhưng thế thì có nhằm nhò gì so với việc bọn chúng sẽ làm với tôi trước lúc bình minh đâu chứ? Chẳng mấy chốc tôi đã tóm được con dao. Đặt dao kề vào sợi dây trói thực ra là khó khăn hơn và di chuyển dao lại còn khó hơn nữa. Khi đánh rơi con dao lần thứ hai, tôi bắt đầu hoảng loạn. Còn chưa tới một phút nữa bọn chúng sẽ tìm đến tôi.

“Cậu phải giúp tớ,” tôi gọi vọng lên Alice. “Nào, nhảy xuống hố đi nào.”

Tôi không nghĩ cô gái sẽ làm theo, nhưng ngạc nhiên biết bao là cô ấy làm thế thật. Alice không nhảy xuống mà là hạ chân mình xuống trước, mặt đối diện với vách hố, hai tay bám trên miệng hố để thân mình vắt vẻo. Khi cả người đã duỗi ra hết cỡ, còn khoảng một mét cuối cùng, cô thả tay rơi xuống.

Alice chẳng mất bao lâu là cắt đứt được sợi dây. Hai tay tôi giờ đã tự do và những gì còn lại phải làm là leo lên khỏi hố.

“Để tớ đứng trên vai cậu nào,” tôi đề nghị. “Rồi tớ sẽ kéo cậu lên.”

Alice chẳng phản đối gì, và sau khi thử đến lần thứ hai thì tôi đã gượng giữ được thăng bằng trên vai cô mà lê mình lên nền cỏ ẩm ướt. Rồi lại đến công đoạn khó khăn – kéo Alice ra khỏi hố.

Tôi vớ tay trái xuống. Alice dùng tay trái nắm cứng bàn tay tôi, còn tay phải bấu vào cổ tay tôi để thêm lực đỡ. Đoạn tôi cố kéo cô gái lên.

Rắc rối đầu tiên là vạt đất cỏ trơn trượt, ướt nhẹp, khiến tôi khó khăn lắm mới giữ cho mình không bị kéo trượt xuống mép hố. Thế rồi tôi nhận ra mình không có đủ sức để làm chuyện này. Tôi đã phạm một sai lầm to lớn. Không nhất thiết vì Alice là con gái mà cô phải yếu sức hơn tôi. Lúc tôi nhớ đến cái cách cô kéo dây khi gióng chuông của Thầy Trù Tà thì đã quá muộn rồi. Cô hầu như chẳng tốn chút sức nào. Lẽ ra tôi nên để cho cô ấy trèo lên vai mình thì hơn. Lẽ ra tôi phải để cho Alice ra khỏi hố trước. Rồi hẳn là cô sẽ dễ dàng kéo tôi lên không chút nhọc công gì.

Ngay khi ấy, tôi nghe thấy tiếng nói chuyện. Lizzie Xương Xấu và Tusk đang băng qua rừng và tiến về phía chúng tôi.

Tôi nhìn thấy bên dưới mình, hai chân Alice đang giãy đạp lên vách hố, cố tìm chỗ bám vào. Cơn tuyệt vọng ban cho tôi thêm sức mạnh. Tôi bất thành linh giật thật mạnh làm Alice ào lên khỏi hố và té lăn ra bên cạnh tôi.

Chúng tôi đứng lên vừa kịp lúc, co giò chạy thục mạng cùng tiếng

bước chân khác rầm rập đuổi theo sau. Thoạt tiên, tiếng bước chân ấy nghe khá xa, nhưng rồi dần dà mỗi lúc một đến gần hơn.

Tôi chẳng biết chúng tôi đã chạy trong bao lâu. Có cảm giác như dài đằng đẵng đến trọn kiếp. Tôi chạy cho đến khi hai chân nặng như chì còn hơi thở thì như bốc hỏa trong họng. Chúng tôi đang bỏ chạy về phía Chipenden – tôi nhận ra như thế vì thi thoảng có nhắc thấy bóng những rặng đồi đá xuyên qua rừng cây. Chúng tôi đang bỏ chạy về phía bình minh. Bầu trời giờ đang chuyển sang xám xám và mỗi lúc một sáng rõ hơn. Thế rồi, ngay đến lúc tôi có cảm giác mình không thể nhắc thêm bước nào nữa, đỉnh những rặng đồi đá lại bùng lên sắc cam tai tái. Bình minh đã ló dạng, tôi nhớ mình có nghĩ dù cho giờ phút ấy chúng tôi có bị tóm, thì chí ít đã là ban ngày và xương cốt của tôi chẳng còn ích lợi gì với Lizzie nữa đâu.

Khi chúng tôi chạy ra khỏi rặng cây trên sườn cỏ thoải thoải và bắt đầu chạy ngược lên đồi, hai chân tôi đã không còn đâu sức lực. Chúng nhũn ra như mứt và Alice bắt đầu bỏ xa tôi. Cô gái liếc ra sau nhìn tôi, khuôn mặt cô hoảng hốt. Tôi vẫn có thể nghe thấy tiếng bọn chúng giẫm rào rạt qua những rặng cây sau lưng chúng tôi.

Rồi tôi đột ngột dừng bật. Tôi dừng vì tôi muốn dừng. Tôi dừng vì chẳng còn phải chạy đi đâu xa hơn nữa.

Ở đằng kia, đứng cao cao trên đỉnh một ngọn đồi trước mặt, là một dáng người dong dỏng cao mặc đồ đen, tay cầm thanh trượng dài. Đứng đấy là Thầy Trừ Tà rồi nhưng không hiểu sao thầy trông khang khác. Mũ trùm của thầy đã lật ra sau, còn tóc thầy, được mặt trời đang nhô cao chiếu rọi, dường như là đang chảy ra phía sau đầu như những ngọn lửa màu da cam.

Tusk rống lên thật lớn và phóng lên đồi về phía thầy, vừa chạy vừa vung vít con dao, Lizzie Xương Xấu bám sát sau gót hần. Lúc này chúng chẳng bận tâm gì đến chúng tôi nữa. Chúng biết kẻ thù chính yếu của mình là ai. Chúng có thể đối phó với hai đứa tôi sau cũng được.

Đến lúc ấy Alice cũng đã dừng bước, nên tôi run rẩy bước thêm đôi bước để đến đứng ngang hàng với cô gái. Cả hai bọn tôi đều dõi theo Tusk ra đôn cuối cùng, vừa chạy vừa giơ cao lưỡi dao cong vút gầm rống giận dữ.

Tự nãy giờ Thầy Trừ Tà vẫn đứng im như tượng, nhưng rồi để đáp trả, thầy sải hai bước dài xuống sườn đồi về phía Tusk và giơ cao thanh trượng. Thầy chĩa đầu trượng như mũi giáo, xĩa thật mạnh vào đầu Tusk. Ngay trước khi đầu trượng chọc trúng trán hắn, có một tiếng như tiếng đánh “cách” và một ngọn lửa đỏ phụt ra từ mũi thanh trượng. Một tiếng “âm” nặng nề vang lên khi mũi trượng đánh trúng mục tiêu. Lưỡi dao cong cong ấy văng vút lên không trung trong khi thân xác của Tusk đổ nhào như một bịch khoai tây. Tôi biết hắn đã chết trước khi xác hắn chạm đất.

Tiếp đến, Thầy Trừ Tà dời cây trượng sang bên và cho tay vào trong túi áo choàng. Khi tay trái của thầy lại vung ra thì nó đang nắm chặt một vật mà thầy quất cao lên không trung như một cây roi. Vật ấy lóa lên dưới ánh mặt trời và tôi biết đấy là sợi xích bạc.

Lizzie Xương Xấu quay người định bỏ chạy nhưng muộn quá rồi: khi đến lượt quất thứ hai, sợi xích vung lên kèm theo ngay sau đấy là một âm thanh kim loại rít lên thật lớn. Sợi xích bắt đầu vụt xuống, tự cuộn lại thành một vòng xoáy lửa quấn chặt quanh người Lizzie Xương Xấu. Mụ ta ré lên đau đớn rồi té lăn ra đất.

Tôi cùng Alice đi lên đỉnh đồi. Ở đấy, chúng tôi thấy một sợi xích bạc quấn chặt quanh người mụ phù thủy từ đầu đến chân. Sợi xích còn quấn cả quanh miệng mụ ta, căng qua hàm răng. Hai mắt mụ đã trợn ngược lên và toàn thân mụ cố sức giãy giụa, nhưng mụ không thể gào thét gì được.

Tôi liếc qua phía Tusk. Hắn đang nằm ngửa chống vó, hai mắt trợn tròn. Đúng là hắn đã chết thật rồi và chính giữa trán hắn là một vết thương màu đỏ. Khi đấy, tôi đưa mắt nhìn thanh trượng, bụng thắc mắc về ngọn lửa mình vừa nhìn thấy phụt ra từ đầu trượng ấy.

Sư phụ tôi trông hốc hác, mệt mỏi và bất chợt thật già nua. Thầy liên tục lắc đầu như thể chính thầy đã quá mệt mỏi với cuộc sống. Dưới bóng râm của sườn đồi, mái tóc của thầy đã trở lại sắc bạc quen thuộc và tôi nhận ra lý do vì sao tóc trông như chảy ngược ra sau đầu thầy: tóc thầy bết đẫm mồ hôi và thầy đã dùng tay vuốt tóc ra sau tai. Khi tôi đang quan sát thì thầy lại làm thế lần nữa. Mồ hôi đang nhỏ thành giọt từ chân mày của thầy, và thầy thở khá gấp. Tôi hiểu ra, lúc trước thầy đã phải chạy rất nhanh.

“Làm sao thầy tìm ra chúng con thế ạ?” tôi hỏi.

Phải một lúc sau thầy mới trả lời, nhưng cuối cùng rồi hơi thở của thầy cũng đều nhịp lại và thầy có thể lên tiếng. “Luôn có những dấu tích đấy, anh bạn à. Những dấu vết có thể lần theo được, nếu con biết cách. Đấy lại thêm một điều khác mà con cần học hỏi.”

Thầy quay sang nhìn Alice. “Hai bọn chúng thì đã xử lý rồi, nhưng chúng ta sẽ làm gì với con bé này đây?” thầy hỏi, mắt nhìn trừng trừng cô gái.

“Bạn ấy giúp con trốn thoát đấy,” tôi đỡ lời.

“Thật vậy sao?” Thầy Trừ Tà hỏi. “Nhưng con bé còn làm gì khác nữa thế?”

Lúc ấy thầy lại trừng mắt nhìn tôi và tôi cố chịu đựng ánh nhìn ấy. Khi tôi cúi nhìn xuống đôi ủng của mình thì thầy lại chặc lưỡi. Tôi không thể nói dối thầy được và tôi biết thầy đã đoán ra Alice cũng dự phần vào những việc đã xảy đến với tôi.

Thầy lại quay sang nhìn Alice. “Mở miệng ra xem nào, cô nhỏ,” thầy cộc cằn bảo, giọng thầy chất chứa cơn giận. “Ta muốn xem răng của mi.”

Alice làm theo và Thầy Trừ Tà bất ngờ rướn mình tới trước bóp chặt hàm cô gái. Thầy dí sát mặt vào cái miệng đang há to của Alice mà khịt khịt âm ỉ.

Khi quay lại nhìn tôi, tâm trạng của thầy dường như dịu lại, đoạn thầy thở dài. “Hơi thở của con bé cũng thơm tho đấy,” thầy bảo. “Con có nghĩ thấy hơi thở của tên kia chứ?” thầy hỏi tôi, vừa thả hàm của Alice ra thầy vừa chỉ xuống Lizzie Xương Xấu.

Tôi gật đầu.

“Là do chế độ ăn của ả gây ra đấy,” thầy bảo. “Và điều ấy sẽ mách bảo ngay cho con biết mục ta trước nay đã làm gì. Những kẻ luyện cốt thuật hay huyết thuật đều có mùi của máu hay thịt sống. Nhưng hơi thở con bé này có vẻ là ổn.”

Rồi thầy lại dí sát mặt mình vào mặt Alice. “Này cô nhỏ, hãy nhìn thẳng vào mắt ta xem nào,” thầy bảo. “Hãy nhìn vào mắt ta lâu hết mức có thể.”

Alice làm theo như được bảo nhưng cô gái không thể nhìn thầy thật lâu, mặc cho miệng phải mím cả lại vì cố sức. Cô cup mắt xuống và bắt đầu khóc khe khẽ.

Thầy Trừ Tà nhìn xuống đôi giày mũi nhọn của Alice và buồn bã lắc đầu. “Ta cũng không biết nữa,” thầy vừa nói vừa lại quay sang nhìn tôi. “Ta chỉ không biết làm sao cho tốt nhất. Không phải mỗi con bé này thôi. Chúng ta còn phải nghĩ cho những người khác nữa. Những người vô tội mà trong tương lai có thể phải chịu đựng đau đớn. Con bé này đã chứng kiến và biết quá nhiều điều không có lợi gì cho nó cả. Con bé có thể biến thành hoặc ác hoặc thiện và ta không biết liệu có an toàn không nếu ta thả cho nó đi. Nếu con bé đi về hướng đông để gia nhập vào dòng giống nhà nó ở Pendle, con bé sẽ lạc lối vĩnh viễn và sẽ chỉ thêm phần vào thế lực bóng tối mà thôi.”

“Thế cậu không còn nơi nào khác để đi à?” tôi mềm mỏng hỏi han Alice. “Không họ hàng bà con gì khác sao?”

“Có một ngôi làng ven bờ biển. Tên ngôi làng là Staumin. Tớ có một bà dì khác sống ở đấy. Biết đâu dì ấy chịu nhận tớ vào...”

“Bà ta có giống những người khác không?” Thầy Trừ Tà hỏi, lại trừng mắt nhìn Alice.

“Nếu để ý thấy thì không ạ,” Alice trả lời. “Nhưng mà, đường đi rất xa và con trước giờ chưa từng đến đấy. Có thể mất cả ba ngày hoặc hơn để đến đó đấy.”

“Ta có thể bảo anh bạn này đi cùng con,” giọng Thầy Trừ Tà đột nhiên nghe tử tế hơn nhiều. “Cậu ta đã xem rất kỹ bản đồ của ta rồi nên ta nghĩ cậu ta sẽ biết cách tìm đường đến đấy. Khi trở về, cậu ta sẽ phải học cách gấp mấy bản đồ lại cho đúng đắn. Mà thôi, chuyện đã được quyết rồi. Ta sẽ cho con một cơ hội đấy, cô nhỏ ạ. Tùy vào con nếu con có muốn nắm bắt lấy cơ hội ấy hay không mà thôi. Nếu con không nhận lấy, thì một ngày nào đó chúng ta lại gặp nhau và lần tới ấy con sẽ không được may mắn lắm đâu.”

Đoạn thầy lôi từ trong túi ra một mảnh vải quen thuộc. Trong đây là một nhúm phô mai dành để đi đường. “Thế để cho các con không bị đói,” thầy bảo, “nhưng đừng có một lúc mà ăn hết sạch nhé.”

Tôi hy vọng trên đường đi chúng tôi có thể tìm thấy thứ gì ngon lành hơn mà ăn, nhưng tôi vẫn lí nhí cảm ơn.

“Đừng đi thẳng đến Staumin,” Thầy Trừ Tà bảo, mắt nhìn thẳng tôi không chớp. “Ta muốn con quay trở về nhà trước. Đem theo con bé này và hãy để mẹ con nói chuyện với con bé. Ta có cảm giác có lẽ mẹ con sẽ giúp được. Ta sẽ chờ con quay trở về trong vòng hai tuần.”

Nghe đến đây tôi nhoen cười. Sau mọi chuyện đã xảy ra, được dịp quay về nhà vài hôm như là giấc mơ có thực. Nhưng có một điều làm tôi không hiểu, bởi vì tôi nhớ đến lá thư mẹ tôi từng gửi cho Thầy Trừ Tà. Dường như thầy đã không vui vẻ gì với vài điều mẹ nói trong thư. Thế thì tại sao thầy lại nghĩ mẹ tôi có thể giúp được cho Alice? Tôi chẳng nói gì, vì tôi không dám liều lĩnh, khiến Thầy Trừ Tà phải suy nghĩ lại. Tôi chỉ rõ là mừng vì được đi xa.

Trước khi rời đi, tôi kể cho thầy nghe về Billy. Thầy chỉ buồn rầu gật đầu nhưng bảo tôi đừng lo gì cả vì thầy sẽ làm hết mọi chuyện cần phải làm.

Khi cất bước, tôi liếc ra sau và nhìn thấy Thầy Trừ Tà khuôn Lizzie Xương Xấu bên vai trái và sỏi bước quay lại Chipenden. Nhìn từ đằng sau, bạn có thể nhầm thầy với người đàn ông trẻ hơn cả ba mươi tuổi.

Chương 12

KẸ TUYỆT VỌNG VÀ KẸ XÂY XÂM

Khi chúng tôi đi xuống đồi và hướng về phía nông trại, một cơn mưa phùn ẩm áp tạt vào mặt chúng tôi. Xa xa đằng kia có con chó sủa lên hai tiếng, nhưng phía bên dưới vạn vật đều yên ả và tĩnh lặng.

Đấy đã là lúc chiều tà và tôi biết bố cùng anh Jack giờ vẫn còn đang ở ngoài đồng, như thế tôi sẽ có thời gian trò chuyện riêng với mẹ. Thầy Trừ Tà bảo tôi đem theo Alice về nhà cùng với tôi thì dễ rồi, nhưng chuyến đi đã cho tôi thời gian suy nghĩ và tôi không rõ mẹ mình sẽ tiếp nhận chuyện này như thế nào. Tôi không cảm thấy là bà sẽ vui vẻ gì khi có một người như Alice ở trong nhà, nhất là khi tôi kể cho bà nghe những chuyện Alice từng làm. Còn đối với Jack, tôi biết khá rõ phản ứng của anh ấy sẽ là như thế nào. Từ những gì lần trước Ellie đã kể cho tôi nghe về thái độ của anh ấy đối với công việc mới của tôi, việc tiếp nhận một cô cháu gái của phù thủy vào trong nhà là điều cuối cùng anh ấy muốn.

Vừa đi băng qua sân nhà tôi vừa chỉ tay về phía chuồng cỏ. “Tốt hơn là cậu nên đi đây trú tạm một lát,” tôi bảo. “Còn tớ sẽ vào trong nhà giải thích.”

Tôi chưa kịp dứt lời thì một tiếng khóc ré của em bé đang đói bụng từ gian nhà chính vọng thẳng đến. Hai mắt Alice chóng vánh nhìn vào mắt tôi, rồi cô gái cụp mắt xuống làm tôi nhớ lại lần cuối cùng chúng tôi ở cạnh nhau khi có một đứa bé đang khóc.

Không nói một lời, Alice quay lưng đi về kho chứa cỏ, sự im lặng của cô chẳng hơn những gì tôi mong đợi. Bạn hẳn nghĩ sau tất cả những chuyện đã xảy ra thì chắc sẽ có lắm thứ để trao đổi trong suốt chuyến đi, nhưng thực ra là hầu như chúng tôi chẳng nói chẳng rằng. Tôi nghĩ chắc do Alice còn bực mình về cái cách Thầy Trừ Tà nắm lấy hàm và ngửi lấy mùi hơi thở của cô. Có lẽ như thế khiến cô nghĩ đến mọi chuyện mình đã làm trước kia. Dù đấy có là gì, Alice có vẻ như

chìm đắm trong suy tưởng và gần suốt cuộc hành trình cô chỉ toàn buồn bã.

Tôi đoán là lẽ ra mình đã có thể cố gắng hơn nữa, nhưng tôi quá mệt và tơi tả, thế nên chúng tôi bước đi trong im lặng cho đến khi việc im lặng ấy biến thành thói quen. Đây là một sai lầm: đáng lẽ tôi phải cố gắng tìm hiểu Alice nhiều hơn – như thế sẽ giúp tôi tránh được nhiều rắc rối về sau.

Khi tôi giật mở cánh cửa hậu thì tiếng em bé khóc ngừng lại và tôi nghe thấy một âm thanh khác, tiếng cộc cạch vỗ về từ chiếc ghế đu của mẹ.

Chiếc ghế kê cạnh cửa sổ nhưng màn cửa không được kéo kín lại nên tôi có thể nhìn thấy mặt mẹ khi bà hé nhìn qua khe hở hẹp giữa hai tấm màn. Mẹ đã quan sát hai chúng tôi đi vào trong sân, và khi tôi đi vào nhà, mẹ bắt đầu đu đưa ghế nhanh hơn và mạnh hơn, suốt khi ấy bà nhìn chăm chăm vào tôi không một lần chớp mắt, nửa gương mặt của bà chìm trong bóng tối, nửa mặt còn lại được cây nến to đùng đang hấp háy cháy trên chân nến bằng đồng đặt giữa bàn soi rõ.

“Khi con dẫn khách theo cùng, theo phép lịch sự thì con phải mời cô ấy vào nhà,” mẹ cất lời, giọng mẹ nghe khó chịu pha lẫn ngạc nhiên. “Mẹ nghĩ mình đã dạy con còn hay hơn thế đấy chứ.”

“Thầy Gregory bảo con mang cô ấy đến đây,” tôi thưa. “Tên cô ấy là Alice nhưng trước đây cô ấy đã giao du với người xấu. Thầy muốn mẹ nói chuyện với cô ấy nhưng con nghĩ tốt nhất là phải cho mẹ biết trước những gì đã xảy ra, phòng khi mẹ không muốn mời cô ấy vào nhà.”

Thế là tôi kéo ghế lại gần và kể cho bà nghe chính xác chuyện gì đã xảy ra. Khi tôi dứt lời, mẹ thốt ra một tiếng thở dài, rồi một nụ cười mơ hồ thoáng qua làm mặt mẹ dịu lại.

“Con trai à, con đã làm rất tốt,” mẹ bảo tôi. “Con còn trẻ người, lại mới mẻ với công việc, nên những lỗi lầm của con đáng được tha thứ. Đi ra mang con bé tội nghiệp ấy vào đây đi, rồi để bọn ta lại trò chuyện với nhau. Chắc là con muốn lên lầu chào hỏi cháu gái mới sinh của con. Tất nhiên Ellie sẽ rất mừng khi gặp lại con đấy.”

Vậy nên tôi đưa Alice vào nhà, để cô gái lại với mẹ còn mình thì đi lên lầu.

Ellie nằm trong phòng ngủ lớn nhất. Trước đây phòng này thuộc về bố mẹ nhưng bố mẹ đã nhường cho chị ấy và Jack, bởi vì trong phòng này còn có thêm chỗ cho hai chiếc giường lẫn một chiếc tủ nữa, như thế sẽ rất tiện dụng khi gia đình của hai anh chị tăng thêm người.

Tôi nhẹ nhàng gõ cửa, cánh cửa đang khép hờ, nhưng tôi chỉ thò đầu nhìn vào trong phòng sau khi Ellie đã gọi với ra kêu tôi vào. Chị ấy đang ngồi bên mép chiếc giường đôi to tướng cho em bé bú, nửa đầu bé khuất trong khăn quàng màu hồng. Vừa khi nhìn thấy tôi thì Ellie đã nhoẻn rộng miệng cười, khiến tôi thấy mình được chào đón, nhưng chị ấy cũng trông mệt mỏi, tóc tai rũ rượi và nhót nhờn. Dù là tôi đã nhanh mắt nhìn sang chỗ khác, nhưng Ellie rất tinh và tôi biết chị ấy đã nhìn thấy mình liếc qua và cũng đã đọc được biểu hiện trong mắt tôi, bởi vì chị đã nhanh tay vén tóc qua khỏi mắt.

“Ôi, chị xin lỗi nhé Tom,” Ellie bảo. “Hắn chị trông đầu bù tóc rối lắm nhỉ – chị đã phải thức cả đêm rồi. Mới chỉ ngủ nhoáng được một tiếng thôi. Ta phải ngủ ngay khi có thể khi có một đứa con háu đói như thế này. Con bé khóc nhiều lắm, nhất là về đêm ấy.”

“Cháu sinh ra được bao lâu rồi vậy chị?” tôi hỏi.

“Tới đêm nay thì mới được sáu ngày tuổi thôi. Con bé được sinh ra sau nửa đêm thứ Bảy vừa rồi một chút.”

Đấy là đêm tôi đã giết Mẹ Malkin. Trong thoáng chốc, những hồi ức về sự kiện ấy ủa về trong tôi gây nên một cơn ớn lạnh dọc sống lưng.

“Đây này, con bé bú xong rồi đấy,” Ellie vừa mỉm cười vừa bảo. “Em có muốn ẵm không?”

Đấy là chuyện cuối cùng mà tôi muốn làm. Em bé nhỏ và mong manh đến nỗi tôi sợ mình sẽ siết nó quá mạnh hay là đánh rơi nó, với lại tôi không thích cái kiểu đầu con bé cứ phập phà phập phồng. Nhưng mà từ chối cũng khó lắm thay, bởi thế thì Ellie sẽ thấy tổn thương mất. Thôi mặc kệ, tôi cũng không phải ẵm con bé lâu vì ngay

khi tôi ôm nó vào tay thì gương mặt bé xíu của nó đỏ ửng lên và nó bắt đầu khóc ré.

“Em nghĩ nó không thích em,” tôi bảo Ellie.

“Con bé là *con bé*, chứ không phải là *nó*,” Ellie quở tôi, gương mặt đanh lại giận dữ. “Thôi đừng lo, không phải do em đâu Tom,” chị ấy bảo, miệng hiền hòa mỉm cười. “Chị nghĩ con bé vẫn còn đói, thế thôi.”

Đứa bé ngưng khóc ngay khi Ellie ẵm nó lại và sau đấy tôi cũng không nấn ná lại lâu. Thế rồi, trên đường trở xuống, tôi nghe từ phòng bếp vọng ra âm thanh mà mình đã không mong đợi.

Là tiếng cười, cười lớn, nồng nhiệt, của hai con người rất hợp cạ nhau. Lúc tôi mở cửa phòng bước vào, khuôn mặt của Alice vụt trở nên nghiêm trang, nhưng mẹ vẫn tiếp tục cười to thêm chốc lát, mà thậm chí đến khi mẹ thôi cười, khuôn mặt của bà vẫn ngời lên rạng rỡ. Hai người họ vừa chia sẻ một câu chuyện hài, cực kỳ khôi hài, nhưng tôi không thích hỏi đấy là chuyện gì, và họ cũng không kể cho tôi nghe. Ánh mắt của hai người khiến tôi cảm thấy đấy là chuyện riêng tư.

Bố tôi từng bảo là phụ nữ biết những chuyện mà cánh đàn ông không biết. Rằng đôi khi phụ nữ có cái vẻ gì đấy trong mắt, nhưng khi bạn nhìn thấy, bạn không bao giờ nên hỏi họ rằng họ đang nghĩ gì. Nếu bạn lỡ có hỏi thì họ sẽ trả lời cho bạn nghe điều mà bạn chẳng muốn nghe. Thì thôi, cứ cho là mẹ và Alice có đang cười vì gì đi nữa thì chuyện ấy cũng đã làm hai người họ xích lại gần nhau hơn; từ khi ấy trở đi, có vẻ như hai người đã quen biết nhau bao nhiêu năm nay rồi. Thầy Trừ Tà nói đúng. Nếu có ai đó có thể giúp cho Alice, người đấy chỉ có thể là mẹ.

Nhưng tôi đúng là có để ý thấy một điều. Mẹ đã cho Alice ngủ trong phòng ngay đối diện phòng ngủ của bố mẹ. Đấy là hai căn phòng ngay đầu dãy cầu thang thứ nhất. Tai mẹ rất thính và như thế có nghĩa là nếu Alice có giở trò gì trong đêm khi đang ngủ thì mẹ sẽ có thể nghe ra được.

Nghĩa là dù có cười nhiều đến thế, mẹ vẫn đang để mắt trông chừng Alice.

Từ đồng trở về, Jack quắc mắt nhìn tôi một cái rồi tự mình làm bầm. Dường như anh ấy đang cáu kỉnh với chuyện gì đấy. Nhưng bố thì rất vui khi gặp lại tôi, và ngạc nhiên làm sao là bố còn bắt tay tôi nữa. Bố luôn bắt tay khi chào đón những người anh khác đã rời khỏi nhà, nhưng đây là lần đầu tiên bố làm thế với tôi. Chuyện này làm tôi vừa buồn vừa hãnh diện. Bố đối xử với tôi như thể tôi là một người đàn ông, tự mình biết quyết định đường đi cho mình trong thế giới này.

Jack ở trong nhà chưa tới năm phút thì anh đã đi tìm tôi. “Ra ngoài kia,” anh bảo, giữ cho giọng thật thấp để không ai có thể nghe ra. “Anh muốn nói chuyện với chú.”

Chúng tôi đi ra sân khi anh ấy dẫn đường đi vòng qua bên hông kho chứa cỏ, gần khu chuồng lợn, nơi người trong nhà sẽ không nhìn thấy chúng tôi.

“Cái con bé chú mang theo về là ai thế?”

“Tên cô ấy là Alice. Chỉ là một người cần giúp đỡ thôi mà,” tôi đáp. “Thầy Trừ Tà bảo em mang cô ấy về nhà để mẹ có thể nói chuyện với cô ấy.”

“Ý chú là sao, con bé cần giúp đỡ à?”

“Trước đây cô ấy từng giao du với người xấu, thế thôi.”

“Loại người xấu thế nào?”

Tôi biết Jack sẽ chẳng thích đâu nhưng tôi không còn lựa chọn nào khác. Tôi phải nói cho anh ấy biết thôi. Bằng không, Jack chỉ việc hỏi mẹ.

“Dì cô ấy là phù thủy, nhưng đừng lo – Thầy Trừ Tà đã giải quyết xong xuôi rồi, với lại bọn em sẽ chỉ ở lại vài ngày thôi mà.”

Jack đùng đùng nổi giận. Tôi chưa từng thấy anh ấy giận dữ đến thế.

“Chú có còn chút suy nghĩ nào từ lúc được sinh ra không vậy?” Jack quát lớn. “Chú không biết suy nghĩ à? Chú không nghĩ đến em bé

sao? Trong nhà này có một đứa bé vô tội sinh sống đấy, vậy mà chú lại mang về nhà một con người xuất thân từ gia đình như thế! Thật không thể tin nổi!”

Jack giờ nắm đấm lên làm tôi tưởng anh ấy sẽ thoi tôi. Nhưng không, anh ấy lại phạt chéo vào bức tường kho chứa cỏ, cú “thịch” bất ngờ làm mấy con lợn hoảng cả lên.

“Mẹ cũng nghĩ là không sao mà,” tôi phản đối.

“Ôi dào, mẹ khi nào chẳng thế,” Jack đốp lại, giọng anh bất ngờ chùng xuống, nhưng vẫn còn hằn học vì giận. “Làm sao mẹ có thể từ chối thằng con yêu nhất của mình điều gì cơ chứ? Với lại mẹ quá nhân hậu, chú biết rõ quá rồi còn gì. Đây là lý do vì sao chú đừng nên lợi dụng. Này, anh là người chú phải trả lời nếu có chuyện gì xảy ra đấy nhé. Anh không thích nhìn thấy con nhỏ đấy. Trông nó xảo quyết lắm. Anh sẽ cẩn thận để mắt đến nó, và nếu nó chỉ vượt quá giới hạn một bước thôi, cả hai đứa sẽ bị đuổi đi ngay khi chưa kịp chớp mắt đấy. Với lại khi ở đây thì phải tự tìm lấy miếng ăn. Con bé ấy có thể giúp đỡ lật vạt trong nhà đỡ dần cho mẹ, còn chú phải ra sức san sẻ công việc đồng áng đấy.”

Jack quay lưng dợm bước đi, nhưng anh ấy vẫn còn một điều muốn nói. “Quá bận rộn với những việc quan trọng hơn,” anh thêm vào với vẻ mai mỉa, “chắc chú không rảnh mà để ý bố trông mỗi mẹt thế nào chứ gì. Bố ngày càng thấy công việc mỗi thêm nặng nhọc đấy.”

“Dĩ nhiên là em sẽ giúp,” tôi nói với theo Jack, “cả Alice cũng thế.”

Trong bữa tối, ngoại trừ mẹ ra, mọi người khác đều im lặng. Tôi đoán chắc là do có người lạ ngồi chung bàn với chúng tôi. Mặc dù phép lịch sự không cho Jack than phiền công khai gì, nhưng anh ấy cứ quắc mắt nhìn Alice cũng nhiều như khi nhìn tôi. Vậy nên cũng hay là mẹ đã hoạt bát và khá nhanh trí để khiến cho cả bàn ăn được vui vẻ.

Ellie phải rời bữa tối hai lần để trông nom cho đứa bé, con bé cứ khóc văng cả nhà. Đến lần thứ hai thì chị ấy cho bé bú ngay dưới lầu.

“Chưa từng thấy đứa bé nào khóc nhiều như thế,” mẹ vừa mỉm cười vừa bảo. “Ít ra thì con bé có được hai lá phổi khỏe khoắn, mạnh

mẽ.”

Gương mặt bé xíu của con bé lại ửng đỏ lên rồi lại cau có. Tôi chắc hẳn sẽ không khi nào bảo điều này với Ellie, nhưng đây không phải là đứa bé có gương mặt ưa nhìn nhất. Gương mặt của nó nhắc cho tôi nhớ đến một mục giã giận dữ. Lúc này nó vừa mới khóc toáng; thế rồi, đột nhiên ngay thoắt sau, nó lại nằm im và nín bật. Hai mắt nó mở thao láo và nhìn mãi về phía giữa bàn, nơi Alice đang ngồi cạnh chân nệm bằng đồng thật to. Thoạt đầu, tôi chẳng nghĩ ngợi gì nhiều. Tôi nghĩ bé con của Ellie chỉ thấy thích ngọn nến tí tách mà thôi. Nhưng sau đấy, khi Alice giúp mẹ dọn bàn, cứ mỗi lần Alice đi qua, con bé lại dôi dôi mắt xanh nhìn theo và thốt nhiên, dù căn bếp rất ấm, tôi vẫn thấy rùng mình.

Chốc lát sau, tôi lên phòng ngủ cũ của mình, và khi tôi ngồi xuống chiếc ghế bện bằng liễu gai cạnh cửa sổ mà nhìn ra ngoài, tôi thấy như thể mình chưa từng rời khỏi gia đình.

Khi đưa mắt nhìn sang hướng bắc, về phía Đồi Treo Cổ, tôi nghĩ về việc dường như đứa bé rất hứng thú với Alice. Rồi khi nhớ đến những gì Ellie đã nói trước đấy, tôi rùng mình lần nữa. Đứa bé con của Ellie được sinh ra sau nửa đêm vào đêm trăng tròn. Như thế thì trùng hợp thái quá. Hẳn là Mẹ Malkin đã bị dòng sông cuốn đi khoảng ngay lúc mà con của Ellie chào đời. Thầy Trừ Tà từng cảnh báo tôi rằng mục ta sẽ sống lại. Nếu như mục ta sống lại thậm chí còn sớm hơn là thầy tiên liệu thì sao nhỉ? Thầy tiên đoán mục ta sẽ rất *quý quýet*. Nhưng giả sử thầy sai thì sao? Nếu như mục ta đã giải thoát khỏi xương cốt mình và linh hồn mục đã ám vào con của Ellie ngay lúc đứa bé được sinh ra thì thế nào?

Đêm ấy, tôi không chớp mắt được lấy một chốc. Chỉ duy nhất có một người để tôi giải bày những nỗi sợ hãi của mình, và đấy là mẹ. Khó là khó để kéo mẹ ra nói chuyện một mình mà không làm ai chú ý đến việc tôi đang làm ấy.

Mẹ nấu nướng và làm những việc hàng ngày khác nên bà bận rộn suốt ngày, và thường thì chẳng có vấn đề gì để nói chuyện với mẹ trong bếp cả vì tôi cũng đang làm việc gần đấy. Jack đã giao cho tôi sửa lại phần mặt tiền của kho chứa cỏ, và đến trước khi trời tối tôi phải đóng được hàng trăm chiếc đinh mới sáng loáng.

Nhưng Alice mới là điều khó khăn: mẹ kè kè cô gái cả ngày, đúng thật là khiến cho Alice làm việc rất căng. Bạn có thể nhận thấy điều này qua lớp mồ hôi đọng trên chân mày cô gái, và qua những cái nhíu mày khiến trán cô nhíu cả lại, nhưng dù có là thế, Alice vẫn không hề hé môi than vãn lấy một lần.

Chỉ đến sau bữa ăn tối, khi mọi người đã thôi việc dọn rửa và lau khô bát đĩa rỗng rỗng, tôi mới có cơ hội. Sáng hôm đấy bố tôi đã đi đến chợ phiên mùa xuân quan trọng ở Topley. Ngoài việc đến đó lo buôn bán ra, đấy cũng là một dịp hiếm hoi cho bố được gặp gỡ vài ông bạn già, cho nên bố sẽ xa nhà hai ba ngày gì đấy. Jack nói đúng. Đúng là trông bố mệt mỏi thật và chuyến đi này giúp bố ngơi tay khỏi việc đồng áng.

Mẹ đã bảo Alice lên phòng nghỉ ngơi, Jack đã đi ra phòng trước còn Ellie đang ở lầu trên cố chợp mắt trong nửa tiếng trước khi đưa bé lại thức dậy đòi bú. Vậy là, không để phí chút thời gian nào, tôi bắt đầu nói cho mẹ nghe điều đang làm mình lo lắng. Nãy giờ mẹ đang đu đưa ghế nhưng mãi đến khi ghế dừng hẳn thì tôi mới thốt ra câu đầu tiên. Mẹ chăm chú lắng nghe khi tôi kể cho bà nghe mối lo sợ của mình và lý do khiến tôi nghi ngờ đứa bé. Nhưng gương mặt của mẹ vẫn giữ nguyên vẻ bình tâm tĩnh lặng đến nỗi tôi chẳng biết bà đang nghĩ gì. Tôi vừa dứt lời cuối cùng thì mẹ đã đứng lên.

“Con chờ ở đây,” mẹ bảo. “Chúng ta cần phải giải quyết dứt điểm chuyện này.”

Mẹ ra khỏi bếp rồi đi lên lầu. Khi trở xuống, mẹ bồng theo đứa bé được quấn trong chiếc khăn sam của Ellie. “Mang cây nến lại đây nào,” mẹ vừa bảo vừa đi về phía cửa.

Chúng tôi đi ra ngoài sân, mẹ đi thật nhanh, như thể bà biết chính xác mình sẽ đi đâu và sẽ làm gì. Chúng tôi dừng bước phía bên kia đồng rác gia súc, đứng trong vũng sinh bên rìa ao nước của nhà, ao này khá sâu và rộng đủ để cung cấp nước cho đàn bò sữa nhà tôi qua cả những tháng hè khô hạn nhất.

“Con hãy giữ cao ngọn nến để chúng ta có thể nhìn thấy mọi điều,” mẹ bảo. “Mẹ muốn là chẳng còn nghi ngờ gì nữa.”

Thế rồi, trong lúc tôi hoảng kinh, mẹ đã vươn hai tay giơ đứa bé

ra ngoài ao nước tối tăm, phẳng lặng. “Nếu con bé nổi trên mặt nước, thì đó là có mụ phù thủy trú trong nó,” mẹ nói. “Còn nếu chìm thì nó vô tội. Được rồi, xem nào...”

“*Đừng!*” Tôi thét vác, miệng mồm ngoác cả ra và lời lẽ tự động phọt ra nhanh hơn tôi kịp nghĩ. “Đừng làm thế mẹ ơi. Con bé là con của Ellie mà.”

Trong một tích tắc, tôi tưởng mẹ tôi sẽ thả cho con bé rơi xuống, nhưng rồi mẹ chỉ mỉm cười và lại ôm bé vào lòng, đoạn dịu dàng hôn lên trán nó. “Tất nhiên đây là con của Ellie rồi, con trai à. Con không thể chỉ nhìn vào nó mà nhận ra điều đó hay sao? Nhưng thôi, “thả bơi” là một phép thử chỉ có bọn ngu mới thực hiện và dù sao cũng chẳng ích lợi gì. Thông thường bọn họ sẽ trói hai tay của người đàn bà tội nghiệp vào hai chân rồi quăng bà ta xuống vùng nước sâu, tĩnh lặng. Nhưng việc bà ta chìm hay nổi tùy thuộc vào vận may lẫn loại hình cơ thể của bà ấy. Chẳng liên quan gì đến pháp thuật phù thủy cả.”

“Thế còn chuyện con bé cứ trừng trừng nhìn Alice thì sao ạ?” tôi hỏi.

Mẹ mỉm cười lắc lắc đầu. “Mắt của trẻ sơ sinh chưa có khả năng chú mục bình thường,” mẹ giảng giải. “Chắc có lẽ chỉ là do ánh sáng từ ngọn nến làm con bé chú ý. Con còn nhớ không – lúc ấy Alice đang ngồi gần ngọn nến mà. Còn sau đấy, mỗi lần Alice đi ngang qua, mắt của đứa trẻ bị cuốn hút theo sự thay đổi của ánh sáng. Không có gì cả đâu. Chẳng gì phải lo ngại cả.”

“Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra nếu con của Ellie đã bị ám thật rồi?” tôi vẫn khẳng khẳng. “Lỡ trong người con bé có thứ gì đó mà chúng ta không thể nhìn thấy thì sao ạ?”

“Nghe này con trai, mẹ đã tự tay đỡ đẻ cho cả thiện lẫn ác vào trong thế giới này, và nếu là ác thì chỉ cần nhìn qua là mẹ biết ngay. Đây là một đứa bé tính thiện và trong nó chẳng có thứ gì để ta phải lo lắng. Chẳng có gì cả.”

“Thế thì chẳng phải là lạ lắm sao khi con của Ellie phải được sinh ra cùng thời điểm mà Mẹ Malkin chết đi ạ?”

“Cũng không hẳn,” mẹ tôi trả lời. “Nhiều lúc đấy là quy luật cuộc sống thôi. Đôi khi, khi một điều ác nào đó rời bỏ thế giới này thì một điều thiện sẽ xuất hiện thế chỗ vào đấy. Trước đây mẹ đã từng chứng kiến chuyện ấy.”

Dĩ nhiên, tôi nhận ra là mẹ tôi chưa khi nào tính đến chuyện thả trôi con bé mà chỉ là đang cố đánh động chút lý trí trong tôi mà thôi. Tuy thế, khi chúng tôi băng qua sân quay trở vào, hai đầu gối tôi vẫn còn run lẩy bẩy khi nghĩ đến việc ấy. Chỉ đến khi đấy, khi chúng tôi đến trước cửa nhà bếp thì tôi mới chợt nhớ đến một chuyện.

“Thầy Gregory có cho con một cuốn sách nho nhỏ nói về thuật ám xác,” tôi bảo. “Thầy bảo con phải đọc cho kỹ, nhưng vấn đề là, sách được viết bằng tiếng La Tinh, còn con thì đến giờ phút này mới chỉ học được có ba bài về tiếng La Tinh thôi.”

“Cũng chẳng phải thứ tiếng mà mẹ thích thú,” mẹ vừa nói vừa dừng bước ngay thềm cửa. “Để mẹ xem mình có thể làm được gì nhưng phải chờ cho đến khi mẹ quay lại đã – mẹ đang đợi cho tối nay mình sẽ được mời đi. Còn trong lúc này, tại sao con không đi hỏi Alice ấy? Biết đâu con bé có thể giúp được.”

Mẹ nói đúng về việc được cho gọi đi. Chỉ chớm sau nửa đêm thì một cỗ xe ngựa chạy đến đón mẹ, mấy con ngựa đổ mồ hôi ròng ròng. Đường như là vợ của một bác nông dân nào đó đang trải qua thời khắc rất khó khăn và đã đau đẽ hơn một ngày một đêm rồi. Đường đi đến đấy cũng khá xa nữa, khoảng hai mươi dặm về phía nam. Như thế có nghĩa là mẹ sẽ đi vắng hai ba ngày gì đấy hoặc hơn.

Tôi thực tình không muốn nhờ Alice giúp đỡ phần tiếng La Tinh. Bạn thấy đấy, chắc là Thầy Trừ Tà sẽ không đồng ý đâu. Gì thì gì, đây là một cuốn sách từ thư viện nhà thầy, và thầy sẽ không thích cái ý tưởng là Alice sẽ động vào nó. Nhưng thôi, tôi còn lựa chọn nào khác đâu cơ chứ? Từ khi trở về nhà, tôi cứ suy nghĩ mãi về Mẹ Malkin ngày mỗi nhiều hơn và không thể gạt mụ ra khỏi đầu óc mình. Đấy chỉ như là một thứ linh tính, chỉ là một cảm nhận, nhưng tôi cảm giác là mụ ta ở đâu đấy ngoài kia trong bóng tối và cứ mỗi đêm qua đi mụ lại tiến đến mỗi gần hơn.

Thế là đêm hôm sau, sau khi Jack và Ellie đã đi nằm, tôi đến gõ nhẹ nhẹ lên cửa phòng Alice. Tôi không thể hỏi nhờ Alice việc này vào

ban ngày vì cô luôn bận rộn, vả lại lỡ Ellie hay Jack mà có nghe thấy thì họ sẽ chẳng thích đâu. Nhất là khi Jack không ư gì công việc trừ tà.

Phải đến lượt gõ thứ hai Alice mới mở cửa ra. Trước đấy tôi đã lo biết đâu cô gái đã ngủ mất rồi, nhưng Alice vẫn chưa thay quần áo làm tôi cứ chẳng đặng đừng mãi liếc xuống đôi giày mũi nhọn. Trên bàn trang điểm vẫn còn một ngọn nến đặt sát gương. Ngọn nến chỉ mới vừa được thổi tắt đi thôi – nến vẫn còn tỏa khói.

“Tớ vào chút được không?” tôi vừa hỏi vừa giơ cao cây nến của mình để soi rõ mặt Alice từ trên cao xuống. “Tớ có việc cần phải nhờ cậu.”

Alice gạt đầu ra hiệu cho tôi vào trong phòng rồi đóng cửa lại.

“Tớ có cuốn sách cần đọc, nhưng nó lại được viết bằng tiếng La Tinh. Mẹ tớ bảo biết đâu cậu lại giúp được.”

“Thế sách đâu?” Alice hỏi.

“Trong túi của tớ ấy. Chỉ là cuốn sách nhỏ thôi. Với bất kỳ ai biết tiếng La Tinh thì chẳng mất lắm thời gian để đọc hết nó đâu.”

Alice thở hắt ra một hơi thật dài, mỗi mệ. “Tình hình là hiện giờ tớ đã bận rộn lắm rồi,” cô cần nhần. “Sách về gì thế?”

“Thuật ám xác. Thầy Gregory nghĩ Mẹ Malkin có thể quay lại trả thù tớ và mẹ ta có thể sử dụng thuật ám xác.”

“Thế thì ta hãy coi nào,” Alice chìa tay ra. Tôi đặt cây nến của mình cạnh nến của Alice, đoạn cho tay vào túi quần lôi ra cuốn sách nhỏ. Alice coi lướt qua các trang mà chẳng nói lời nào.

“Cậu có đọc được không?” tôi hỏi.

“Chẳng thấy có lý do gì là không được. Lizzie đã dạy cho tớ và dì ta rành tiếng La Tinh lắm.”

“Vậy cậu sẽ giúp tớ nhé?”

Alice không trả lời. Thay vào đấy cô cầm sách dí sát mặt mình và khịt khịt âm ỉ. “Cậu có chắc cuốn sách này có ích gì không đấy?” cô gái hỏi. “Cuốn này à, được viết ra bởi một cha xứ, mà cha xứ thường chẳng biết nhiều đến thế đâu.”

“Thầy Gregory gọi đây là một ấn bản “chính thức” tôi đáp, có nghĩa đây là cuốn sách hay nhất từng được viết về chủ đề này.”

Khi đấy Alice ngược nhìn lên khỏi sách, và ngạc nhiên làm sao là hai mắt cô gái ngùn ngụt giận dữ. “Tớ biết chính thức nghĩa là gì mà. Cậu nghĩ tớ ngu ngốc hay sao thế? Tớ à, đã học tập hàng năm trời, trong khi cậu thì chỉ mới bắt đầu thôi. Lizzie có hàng đống sách nhưng đều cháy sạch cả rồi. Tất cả đã bị thiêu rụi trong ngọn lửa.”

Tôi làu bàu lời xin lỗi và Alice nhìn tôi mỉm cười.

“Vấn đề là,” cô nói tiếp, giọng đột nhiên dịu lại, “đọc cuốn này sẽ mất thời gian và lúc này tớ mệt quá nên không thể bắt đầu được. Ngày mai mẹ cậu vẫn chưa về nên tớ cũng sẽ bận rộn như thế thôi. Bà chị dâu của cậu đã hứa sẽ giúp nhưng hầu như chị ấy chỉ sẽ bận rộn với đứa bé, và việc nấu nướng dọn dẹp chiếm gần hết cả ngày của tớ. Nhưng nếu cậu chịu giúp...”

Tôi thật chẳng biết nói sao. Tôi sẽ phụ việc cho Jack nên cả tôi cũng sẽ chẳng có lắm thời gian. Vấn đề là, đàn ông không bao giờ nấu nướng hay dọn dẹp gì và đấy không phải chỉ là kiểu của mỗi nông trại nhà chúng tôi thôi đâu. Nhà nào trong Hạt này cũng như thế cả. Đàn ông làm việc trên đồng, ở ngoài trời, mặc cho thời tiết có thế nào, rồi khi họ vào nhà, phụ nữ đã dọn sẵn thức ăn nóng sốt chờ đợi trên bàn. Thời điểm duy nhất chúng tôi có phụ tay vào bếp là ngày Giáng sinh, khi đấy chúng tôi rửa bát đĩa như là một hành động chiêu đãi đặc biệt dành cho mẹ.

Cứ như thế là Alice có khả năng đọc thấu suy nghĩ của tôi vì nụ cười của cô gái càng thêm tươi tắn. “Sẽ chẳng khó khăn gì đâu nhỉ?” cô hỏi. “Phụ nữ có giúp cho gà ăn và phụ thu hoạch mùa màng cơ mà, thế thì tại sao đàn ông lại không giúp tí việc trong bếp chứ? Cậu chỉ cần phải giúp tớ rửa bát, thế thôi. Và vài chiếc quần tớ cần phải gột sạch trước khi bắt tay vào nấu nướng.”

Thế là tôi đồng ý với những gì Alice muốn. Còn lựa chọn nào khác

đâu? Tôi chỉ hy vọng là Jack sẽ không bắt gặp tôi làm thế. Anh ấy thì sẽ không khi nào thông hiểu cho.

Tôi thức dậy thậm chí còn sớm hơn bình thường và cố gắng chà xong mấy chiếc quần trước khi Jack xuống dưới nhà. Sau đấy tôi nấn ná ăn sáng thật lâu, cố ăn thật chậm, không giống như tôi ngày thường chút nào và chừng đó cũng đủ khiến Jack liếc xéo nghi hoặc. Sau khi anh ấy đã đi ra đồng, tôi rửa mấy chiếc nồi nhanh hết mức có thể rồi bắt tay vào việc lau khô chúng. Lẽ ra tôi phải đoán được chuyện gì sẽ xảy ra chứ vì Jack chưa khi nào có lăm nhẩn nại.

Anh ấy đi vào trong vườn vừa nhieéc móc vừa chửi rửa và khi nhìn thấy tôi qua cửa sổ, gương mặt anh cau có vì không tin nổi vào mắt mình. Anh nhổ toẹt xuống sân và đi vòng ra sau giật mạnh cánh cửa bếp ra.

“Khi nào xong xuôi hết rồi thì còn có những việc của đàn ông cần phải hoàn tất đấy,” Jack nói mỉa. “Và chú có thể bắt đầu bằng việc sửa lại mấy chuồng heo đi. Ngày mai Mỡm Heo sẽ đến. Có năm con lợn cần được làm thịt và chúng ta không muốn tốn hết thời gian đi lùa mấy con đi lạc đâu.”

Mỡm Heo là tên giễu chúng tôi đặt cho người lái lợn, mà Jack nói cũng đúng. Mấy con lợn thường bị hoảng loạn khi Mỡm Heo ra tay và nếu có chỗ nào yếu trên hàng rào thì chắc chắn đám lợn sẽ tìm ra.

Jack đùng đùng quay lưng bỏ đi và rồi đột ngột lớn tiếng chửi thề. Tôi đi ra cửa coi có chuyện gì xảy ra. Anh ấy đã vô tình giẫm lên một con cóc to sụ, nghiền nó thành ra nhão nhoét. Người ta cho việc giết chết một con cóc hay con ếch là điềm gở thế nên Jack lại nguyên rửa, cau mày đến tợn, làm cho cặp chân mày đen thui rậm rì của anh ấy châu dính vào nhau. Anh đá văng con cóc chết xuống rãnh cống rồi bỏ đi, vừa đi vừa lắc đầu. Tôi không thể đoán ra anh đã mắc phải chứng gì. Trước giờ Jack chưa từng xấu tính đến thế.

Tôi vẫn ở lại nhà lau cho khô đến chiếc nồi cuối cùng – vì anh ấy đã bắt gặp rồi, thôi thì tôi làm nốt vậy. Hơn nữa, đám lợn thì hôi hám nên tôi cũng chẳng mong gì công việc mà Jack đã giao.

“Đừng có quên cuốn sách đấy,” khi mở cửa bước ra ngoài tôi còn cố dặn lại Alice, nhưng cô nàng chỉ cười cười là lạ.

Mãi đến khuya hôm ấy, tôi mới lại có cơ hội nói chuyện riêng với Alice, sau khi Jack và Ellie đã đi ngủ. Tôi nghĩ mình phải ghé qua phòng cô ấy lần nữa, nhưng thay vào đấy cô gái lại xuống bếp, mang theo cuốn sách và tự mình ngồi vào chiếc ghế đu gần đám tro lò sưởi của mẹ.

“Cậu đấy, đã gột rất sạch mấy chiếc quần kia. Hẳn cậu phải rất thiết tha muốn biết trong cuốn này có gì,” Alice vừa nói vừa gõ gõ lên gáy cuốn sách.

“Nếu mẹ ta quay lại, tớ muốn mình sẵn sàng. Tớ cần biết mình có thể làm gì. Thầy Trừ Tà bảo có lẽ mẹ ta sẽ *quy quyết*. Cậu có biết về điều ấy không?”

Hai mắt Alice mở lớn và cô gái gục gặc.

“Thế nên tớ phải chuẩn bị cho tốt. Nếu trong sách ấy có gì có thể giúp đỡ được thì tớ cần phải biết.”

“Vị cha xứ này không giống những cha xứ khác,” Alice bảo, tay chìa cuốn sách ra cho tôi. “Đúng là ông ta biết rõ hầu hết các thứ cần biết. Lizzie sẽ thích cuốn sách này còn hơn là món bánh nửa đêm nữa đấy.”

Tôi nhét cuốn sách trở lại túi quần rồi kéo một chiếc ghế đẩu đến bên kia lò sưởi, đối mặt với những gì còn sót lại của đám lửa. Đoạn tôi bắt đầu căn vặn Alice. Thoạt tiên việc này khá vất vả. Alice không tự nguyện nói ra gì nhiều, và những gì tôi cố moi ra được từ cô chỉ làm cho tôi thấy khó khăn hơn mà thôi.

Tôi mở đầu với cái tựa đề kỳ lạ của cuốn sách: Kẻ Bị Nguyễn Rửa, Kẻ Xây Xâm và Kẻ Tuyệt Vọng. Thế nghĩa là gì? Sao lại gọi cuốn sách như thế?

“Tên đầu tiên chỉ là lời rêu rao của cha xứ,” Alice đáp, khóe miệng trễ xuống vẻ không tán thành. “Họ chỉ dùng từ ngữ ấy để chỉ những người có hành động khác biệt. Chỉ những người như mẹ cậu, thường không đi nhà thờ và không cầu kinh cho đúng. Những người không giống như bọn họ. Những người thuận tay trái,” Alice nói và mỉm cười đầy ngụ ý với tôi.

“Tên thứ hai ít nhiều dùng được hơn,” cô gái nói tiếp. “Một thân xác vừa mới bị ám thường giữ thẳng bằng rất kém. Cái xác ấy cứ té mãi thôi. Cậu biết đấy, cũng phải mất thời gian để người ám xác đang hoang chui vào và yên ổn vừa vặn trong thân thể mới của nó. Cũng khiến cho thân thể ấy nóng tính ghê lắm. Một người bình tĩnh và trầm tĩnh cũng có thể nổi đóa mà không báo trước. Thế nên đấy cũng là một cách giúp cậu phân định.

“Cuối cùng, với tên thứ ba thì dễ rồi. Một phù thủy khi đã từng có một thân thể như người khỏe mạnh rồi thì sẽ tuyệt vọng muốn ám một cái xác khác. Và rồi, một khi đã thành công, mụ ta sẽ tuyệt vọng đeo bám vào đấy. Sẽ chẳng từ bỏ trước khi phải chiến đấu sống còn đâu. Mụ ta sẽ làm mọi chuyện. Chuyện gì cũng làm. Đấy là lý do vì sao thuật ám xác nguy hiểm đến vậy.”

“Nếu như mụ ta đến đây thì mụ ta có thể là ai nhỉ?” tôi hỏi. “Nếu quý quyết, thì mụ ta sẽ cố ám vào ai nào? Liệu có thể là tớ không? Mà có thể thì mụ sẽ vẫn đả thương tớ chứ?”

“Nếu được thì mụ đã làm rồi,” Alice trả lời. “Nhưng mà dễ gì, và lại cậu còn là người đặc biệt như thế nữa chứ. Mụ ta cũng thích ám cả tớ nữa đấy, nhưng tớ sẽ chẳng cho mụ ta có cơ hội nào đâu. Không đâu, mụ ta sẽ chọn lấy người yếu nhất. Người dễ nhất.”

“Là con của Ellie chẳng?”

“Không, làm thế chẳng có lợi gì cho mụ. Thế thì mụ phải chờ cho đến khi con bé lớn hẳn. Mẹ Malkin chẳng bao giờ kiên nhẫn đến thế đâu, và bị kẹt trong cái hố của Lão Gregory càng làm cho mụ thiếu kiên nhẫn hơn nữa. Nếu mụ đến đây để làm hại cậu, trước hết mụ sẽ tìm cho mình một thân xác cường tráng mạnh khỏe.”

“Thế thì Ellie chẳng? Mụ sẽ chọn Ellie rồi!”

“Thế cậu không biết gì sao?” Alice hỏi, lắc đầu vẻ không thể tin nổi. “Ellie mạnh lắm. Chị ấy sẽ rất khó mà bị ám. Không, đàn ông dễ bị ám hơn nhiều. Nhất là người mà trái tim luôn làm chủ khối óc. Người có khả năng nổi cơn cuồng nộ mà chẳng cần phải suy nghĩ gì.”

“Jack ư?”

“Chắc chắn phải là Jack. Cậu cứ nghĩ xem bị một người to khỏe như Jack đuổi theo mình thì sẽ như thế nào. Nhưng cuốn sách này nói đúng một chuyện. Đối phó với một thân thể vừa mới bị ám sẽ dễ dàng hơn nhiều. Tuy là tuyệt vọng đấy nhưng cũng xây xẩm nữa.”

Tôi lôi sổ ghi chép ra và viết lại mọi điều chừng như quan trọng. Alice nói không nhanh như Thầy Trừ Tà, nhưng sau một chập thì cô bé bắt lại được nhịp của mình khiến cổ tay tôi chẳng mấy chốc là đau nhói. Khi nói đến việc cực kỳ quan trọng – làm thế nào để đối phó với kẻ tuyệt vọng – thì điều được nhắc đi nhắc lại lắm lần là linh hồn nguyên bản vẫn còn vương trong thân thể. Thế nên nếu như ta làm hại đến thân thể ấy thì cũng hại luôn cả linh hồn vô tội ấy nữa. Do vậy, chuyện giết chết thân thể bị ám để tống khứ kẻ ám thì tội lỗi ngang ngửa việc sát nhân.

Thật ra đoạn này trong sách khá là đáng thất vọng: dường như bạn chẳng thể làm được gì nhiều. Vốn là cha xứ nên tác giả cuốn sách này nghĩ rằng một buổi lễ trừ yêu, sử dụng nến và nước thánh, là cách tốt nhất để trục kẻ ám xác ra mà giải phóng cho nạn nhân, nhưng tác giả cũng thừa nhận rằng không phải cha xứ nào cũng làm được chuyện này và rất ít người thực hiện thành thạo. Tôi thấy hình như một số cha xứ làm được chuyện này chắc phải là đứa con trai thứ bảy của người con thứ bảy, và máu chốt là ở đấy.

Xong xuôi, Alice bảo rằng mình mệt và lên lầu đi ngủ. Tôi cũng cảm thấy buồn ngủ nữa. Tôi đã quên mất công việc nông trại mệt nhọc đến thế nào và người tôi đau như dần từ đầu đến ngón chân. Khi đã lên đến phòng mình rồi, tôi sung sướng được thả mình xuống giường, chỉ mong được chợp mắt. Nhưng mấy con chó dưới sân bắt đầu sủa vang lên.

Lo rằng hẳn có thứ gì đó đánh động đám chó, tôi bèn mở cửa sổ ra nhìn về phía Đồi Treo Cổ, hít vào một hơi sâu không khí buổi đêm để ổn định tinh thần và làm sáng sủa đầu óc. Dần dà, mấy con chó im tiếng đi và rốt cuộc cũng đồng loạt ngừng sủa.

Tôi vừa định đóng cửa sổ lại thì mặt trăng lộ dạng sau đám mây. Ánh trăng có thể soi rõ sự thật về vạn vật – Alice từng bảo với tôi như thế – như là cái bóng to lớn của tôi đã mách cho Lizzie Xương Xấu biết điều khác biệt về tôi. Mặt trăng hôm nay chưa tròn hẳn mà chỉ là một bóng trăng tai tái teo tóp thành trăng lưỡi liềm, nhưng nó cũng

đã soi cho tôi thấy một điều mới lạ, một điều mà nếu không có ánh trăng thì chẳng thể nhìn ra được. Nhờ ánh trăng, tôi có thể thấy một vệt dài màu bạc thấp thoáng đang ngoằn ngoèo bò xuống từ Đồi Treo Cổ. Vệt màu bạc ấy luôn qua hàng rào, băng qua đồng cỏ cánh bắc rồi vượt qua ruộng rom phía đông cho đến khi biến khỏi tầm mắt ở đầu đó sau kho cỏ. Khi ấy, tôi nghĩ đến Mẹ Malkin. Tôi đã nhìn thấy vệt bạc này trong cái đêm tôi đẩy mù xuống sông. Giờ đây lại thêm một vệt khác giống y chang và nó đã tìm đến tôi.

Tim tôi đập thành thịch trong ngực, tôi nhón chân đi xuống cầu thang và lên ra ngoài qua cửa hậu, cẩn thận đóng cửa lại sau lưng. Mặt trăng đã lặn sau đám mây, cho nên khi tôi vòng ra sau khu chuồng cỏ thì vệt bạc đã biến mất, nhưng vẫn còn đó bằng chứng rành rành rằng một thứ gì đó đã từ trên đồi di chuyển xuống đây, về phía căn nhà chính của nông trại. Vạt cỏ ẹp cả xuống, như thể một con ốc sên khổng lồ vừa mới trườn qua chúng.

Tôi chờ cho mặt trăng hiện ra trở lại để mình có thể kiểm tra qua khu vực nền lát đá sau khu chuồng cỏ. Vài phút sau, đám mây trôi đi giúp tôi nhìn thấy điều thực sự làm tôi kinh khiếp. Vệt màu bạc lấp lánh dưới ánh trăng và hướng nó di chuyển thì không lẫn vào đâu được. Nó vòng tránh khỏi chuồng lợn và bò ngoằn ngoèo thành một vòng cung rộng qua mé kia kho chứa cỏ đến rìa sân bên kia. Sau đấy, nó di chuyển về phía nhà chính, kết thúc ngay dưới cửa sổ phòng Alice, nơi cánh cửa hàm bằng gỗ che chắn những bậc thang dẫn xuống hầm rượu.

Vài thế hệ trước, bác nông dân sống ở đây từng nấu bia để cung cấp cho những nông trại lân cận và cả cho vài nhà nghỉ nữa. Do thế mà dân trong vùng gọi nông trại của chúng tôi là “Nông Trại Nhà Ủ Bia” trong khi chúng tôi chỉ gọi đây là “nhà”. Những bậc thang được dựng lên ở đây để những thùng bia có thể được mang ra mang vào mà không phải băng qua khu nhà chính.

Cánh cửa hầm vẫn còn nguyên tại chỗ che đậy mấy bậc thang, một ổ khóa hoen rỉ to tướng cài hai cánh cửa hầm lại với nhau vẫn ở nguyên vị trí, nhưng giữa hai cánh cửa ấy có một khe hở, nơi mà mép hai miếng gỗ không khếp khít được vào nhau. Khe hở này không lớn hơn ngón tay cái của tôi, nhưng vệt bạc ấy kết thúc chính xác tại đây và tôi biết, cho dù đó là thứ gì vừa trườn về phía đây thì cũng không biết bằng cách nào đã chui qua khe hở bé xíu kia. Mẹ Malkin đã sống

lại và trở nên quý quý, thân thể mềm oặt và dẻo quẹo đủ để chui qua những khe hở nhỏ bé nhất.

Mụ ta đã chui vào hầm rượu rồi.

Dù gia đình tôi chưa từng sử dụng hầm rượu nhưng tôi nhớ về nó khá rõ. Hầm rượu có sàn nhà bằng đất và hầu như chất đầy thùng bia cũ. Các vách tường trong nhà tuy dày nhưng lại rỗng ruột, nghĩa là mụ ta sẽ mau chóng có mặt ở bất cứ đâu giữa những bức tường, ở bất cứ nơi nào trong nhà.

Tôi liếc lên, trông thấy một ánh nấn lóe lên từ cửa sổ phòng Alice. Cô ấy vẫn còn thức. Tôi vào trong nhà, chẳng mấy chốc sau đã đứng ngoài cửa phòng ngủ của Alice. Gõ cửa phải khéo khéo sao cho vừa đủ to để Alice biết rằng tôi đang ở đây nhưng không làm cho những người khác thức giấc. Nhưng khi vừa kề nắm tay gần đến cánh cửa chuẩn bị gõ thì tôi nghe thấy âm thanh từ trong phòng.

Tôi có thể nghe ra tiếng Alice. Dường như cô đang nói chuyện với ai đó.

Tuy chẳng thích những gì mình đang nghe thấy nhưng tôi vẫn gõ cửa. Tôi chờ một chập, nhưng rồi Alice không ra mở cửa, nên tôi áp tai vào cánh cửa. Cô gái có thể nói chuyện với ai trong phòng mình được chứ? Tôi biết Jack và Ellie đã đi ngủ mất rồi, vả lại tôi chỉ có thể nghe thấy một giọng nói thôi và đó là giọng của Alice. Nhưng giọng ấy nghe như hơi khác. Nó gợi cho tôi nhớ đến một âm thanh trước đây tôi đã từng nghe. Rồi đột nhiên nhớ ra đây là gì, tôi giật phắt tai ra khỏi tấm gỗ như thể tai mình vừa bị bỏng và tôi bước một bước thật dài tránh khỏi cánh cửa.

Giọng của Alice đang cao vút lên rồi hạ thấp xuống, giống như giọng của Lizzie Xương Xấu lúc mụ ta đứng bên trên miệng hố, mỗi tay cầm một lóng xương ngón cái be bé trắng nhợt.

Hầu như không kịp nhận ra mình đang làm gì, tôi chộp lấy tay nắm cửa, vặn tay nắm và mở rộng cửa ra.

Alice, môi vẫn còn mấp máy khép mở, đang lầm rầm cầu kinh trước tấm gương. Cô đang ngồi ghé bên mép chiếc ghế có lưng tựa thẳng đứng, mắt trừng trừng nhìn vào tấm gương trên bàn trang

điêm qua đầu ánh nến. Tôi hít một hơi thật sâu, rồi nhích đến gần để có thể nhìn kỹ hơn.

Vì lúc này trong Hạng đang là mùa xuân và còn là khi tối trời nữa nên căn phòng âm âm lạnh lạnh, nhưng mặc thế, chân mày của Alice vẫn toát mồ hôi thành những giọt to tướng. Thậm chí ngay lúc tôi đang nhìn đây, hai giọt mồ hôi cùng lúc chạy tọt vào mắt trái của cô và rồi chảy xuống má trông như nước mắt. Alice đang nhìn trân trân vào gương, hai mắt mở lớn, nhưng khi tôi gọi tên cô thì Alice đến chớp mắt cũng chẳng chớp.

Tôi tiến đến sau ghế và nhác thấy bóng đế nến bằng đồng phản chiếu trong gương, nhưng ôi kinh quá, gương mặt trong gương bên trên ngọn nến chẳng phải là mặt của Alice.

Đấy là một gương mặt già nua, hoang dại và chẳng chịt nếp nhăn cùng mớ tóc sợi xám sợi bạc rủ xuống như tấm màn phủ qua hai bên má hốc hác. Là gương mặt của một thứ đã phải ở rất lâu trong lòng đất ẩm.

Lúc ấy, hai con mắt trong gương di chuyển, liếc qua trái để nhìn vào mắt tôi. Hai con mắt ấy là hai đốm lửa. Dù là gương mặt ấy đang nhăn nhó cười, nhưng đôi mắt lại phùng phùng lửa phần nộ và căm ghét.

Không nghi ngờ gì nữa. Đấy là gương mặt của Mẹ Malkin.

Chuyện gì đang xảy ra thế này? Phải chăng Alice đã bị ám? Hay là bằng cách nào đó cô đang sử dụng gương để nói chuyện với Mẹ Malkin?

Chẳng màng đến nghĩ ngợi gì, tôi vồ lấy chân nến và vụt đế nến nặng trĩch vào gương, tấm gương bùng vỡ kèm theo tiếng rãg rãc thật lớn, sau đấy là một cơn mưa lấp loáng, loáng xoảng của những mảnh gương vỡ. Khi tấm gương bể vụn cũng là lúc Alice thét lên đnh tai nhức óc.

Tiếng thét rít lên ấy là thứ tiếng kinh khủng nhất mà bạn có thể tưởng tượng đợc. Tiếng thét chất chứa nỗi đau đớn như tra tấn và khiến tôi nhớ đến thứ âm thanh đôi khi con lợn rít lên khi nó bị làm thịt. Nhưng tôi chẳng thấy tội nghiệp gì cho Alice cả, cho dù bây giờ

cô đang khóc lóc và bứt tóc bứt tai, hai mắt dại đi đầy nỗi kinh hoàng.

Rồi tôi nhận ra căn nhà nhanh chóng tràn ngập những tiếng động khác nữa. Trước hết là tiếng khóc ré từ bé con của Ellie; tiếng thứ hai là giọng nam trầm đục đang nguyên rửa chửi bới; rồi sau cùng là tiếng đôi ủng to kệch rầm rập đi xuống cầu thang.

Jack điên tiết xông vào phòng. Anh nhìn một cái qua tấm gương vỡ rồi bước về phía tôi và giơ nắm đấm lên. Chắc anh ấy nghĩ lỗi là do tôi, vì Alice vẫn đang còn la hét, trong khi tôi đang cầm chân nến trong tay, rồi mấy khớp ngón tay của tôi còn bị trầy xước do miếng gương bay trúng vào.

Vừa khi ấy thì Ellie bước vào phòng. Tay phải chị ấy đang ẵm em bé lúc này vẫn khóc vang lảng vang xóm, nhưng tay còn lại của chị đã chụp lấy Jack cho đến khi anh ấy nói lỏng nắm đấm ra và hạ tay xuống.

“Đừng mà Jack,” Ellie khẩn khoản. “Làm thế được ích gì?”

“Tao không thể tin là mày đã làm thế đấy,” Jack quắc mắt bảo tôi. “Mày có biết tấm gương ấy cổ xưa đến thế nào không hả? Giờ thì mày nghĩ bố sẽ nói gì nào? Bố sẽ cảm thấy thế nào đây khi ông ấy nhìn thấy chuyện này hử?”

Chẳng trách sao Jack lại giận như thế. Đánh thức mọi người dậy đã là tội tệ lắm rồi, nhưng chiếc bàn trang điểm ấy là kỷ vật của bà nội chúng tôi. Vì bố đã cho tôi chiếc hộp nhóm lửa kia rồi, nên chiếc bàn ấy là thứ cuối cùng bố sở hữu mà đã từng thuộc về gia đình nhà bố.

Jack bước hai bước về phía tôi. Ngọn nến chưa tắt hẳn khi tôi đập vỡ tấm gương nhưng khi anh ấy quát lên thì ngọn lửa bắt đầu chấp chới.

“Sao mày lại làm thế? Mày mắc phải cái chứng gì rồi thế?” anh ấy rống lên.

Tôi có thể nói được gì đây? Thế nên tôi chỉ nhún vai, đoạn cúi gằm nhìn chăm chặp xuống ủng của mình.

“Mà mày đang làm gì trong phòng này mới được?” Jack hỏi dồn.

Tôi không trả lời. Có nói ra gì thì chỉ làm cho tình hình xấu hơn mà thôi.

“Từ rày trở đi mày phải ở yên trong phòng mày đi nhé,” Jack lại quát. “Tao đang rất muốn tống khứ hai đứa chúng mày đi ngay đây.”

Tôi liếc qua Alice, cô vẫn đang còn ngồi trên ghế, hai tay ôm đầu. Cô đã thôi không khóc nữa nhưng toàn thân vẫn còn run lập cập.

Khi tôi quay nhìn lại, cơn giận của Jack đã nhường chỗ cho vẻ cảnh giác. Anh ấy đang nhìn sang Ellie, lúc này dường như loạng choạng. Trước khi Jack kịp chạy đến đỡ thì Ellie đã mất thăng bằng và ngã tựa vào tường. Trong đôi chốc, Jack quên bém vụng tấm gương khi anh ấy nặng lên lo cho Ellie.

“Em không biết chuyện gì xảy đến cho em nữa,” Ellie thốt lên vẻ cực kỳ hoang mang. “Tự nhiên em thấy váng cả đầu. Ôi Jack! Jack ơi! Em sém chút là làm rớt con bé rồi!”

“Em đâu có làm thế và con bé vẫn còn an toàn đây. Em đừng có lo quá. Này, để anh đỡ lấy nó...”

Khi đã ẵm lấy em bé trong tay rồi, Jack bình tĩnh trở lại. “Giờ thì chú dọn dẹp chỗ này đi,” anh ấy bảo tôi. “Sáng mai ta hẵng nói về chuyện này.”

Ellie đi đến bên giường đặt tay lên vai Alice. “Alice này, em xuống dưới nhà một chút cho Tom dọn dẹp nào,” chị ấy bảo. “Chị sẽ pha nước cho chị em mình cùng uống.”

Loáng sau, mọi người đều đã đi xuống bếp, để mặc tôi ở lại thu dọn những mảnh gương vỡ. Sau đấy chừng mười phút, chính tôi cũng phải xuống dưới nhà lấy chổi và đồ hốt rác. Mọi người đang ngồi quanh bàn bếp nhấm nháp trà, em bé nằm trong vòng tay của Ellie. Không ai nói gì và cũng chẳng ai mời tôi ngậm trà nào. Thậm chí chẳng ai thèm liếc về phía tôi.

Tôi trở lên trên gác thu dọn đống lộn xộn gọn hết mức có thể rồi trở về phòng mình. Tôi ngồi trên giường nhìn chăm chăm qua cửa sổ, lòng cảm thấy khủng hoảng và cô độc. Liệu Alice đã bị ám rồi chẳng? Dù gì thì, đấy là gương mặt của Mẹ Malkin đã trừng mắt nhìn tôi từ

trong gương mà. Nếu Alice đã bị ám thật, đứa bé và mọi người khác đều đang ở trong vòng nguy hiểm thực sự.

Nhưng cô ấy vẫn chưa hành động gì cả, tuy vậy Alice so với Jack thì còn nhỏ con lắm, thế nên chắc Mẹ Malkin phải ranh mãnh thôi. Mụ sẽ chờ cho mọi người đi ngủ hết. Tôi sẽ là mục tiêu chính. Hay có lẽ là đứa bé. Máu em bé sẽ giúp mụ tăng thêm sức mạnh.

Hay biết đâu tôi đã đập vỡ gương vừa đúng lúc? Liệu tôi có bẻ gãy được lời nguyền ngay vào lúc Mẹ Malkin chuẩn bị ám vào Alice không? Thêm một khả năng khác nữa là bấy lâu nay Alice vẫn nói chuyện với mụ phù thủy, qua tấm gương ấy. Nhưng dù là thế thì chuyện cũng đã quá tồi tệ rồi. Như vậy có nghĩa là tôi phải lo đối phó tới những hai kẻ thù.

Tôi cần phải làm gì đây. Nhưng là gì đây? Khi đang ngồi đó, đầu óc tôi quay cuồng, cố gắng nghĩ thông suốt mọi chuyện thì có tiếng gõ nhẹ ngoài cửa phòng. Tôi đoán đấy là Alice nên tôi không thêm ra. Nhưng rồi có giọng nói khẽ khàng gọi tên tôi. Là Ellie thôi, nên tôi ra mở cửa.

“Chị em mình nói chuyện trong phòng được không?” chị ấy hỏi. “Chị không muốn đánh liều làm em bé thức giấc. Chị chỉ mới vừa dỗ cho con bé ngủ lại đây thôi.”

Tôi gật đầu, thế là Ellie bước vào phòng và cẩn thận đóng cửa lại sau lưng.

“Em không sao chứ?” chị ấy hỏi tôi, vẻ mặt trông rất quan tâm.

Tôi khổ sở gật đầu nhưng không dám ngẩng lên nhìn vào mắt chị.

“Thế em có muốn nói cho chị nghe về chuyện này không?” Ellie hỏi. “Em là một người tinh nhạy mà Tom, và hẳn em phải có lý do chính đáng lắm mới hành động như thế. Nói ra hết biết đâu lại làm cho em thấy dễ chịu hơn.”

Làm sao mà tôi nói ra sự thực được chứ? Ý tôi là, Ellie phải quan tâm chăm sóc cho một đứa bé, nên làm sao tôi có thể nói cho chị ấy biết rằng có một mụ phù thủy thích uống máu trẻ con đang lẩn vờ đâu đấy trong nhà được? Thế rồi tôi nhận ra, vì đứa bé, tôi phải nói

cho chị ấy biết đôi điều. Chị ấy phải được biết tình tình đang xấu đi đến mức nào. Chị ấy phải trốn thôi.

“Có chút chuyện đấy, Ellie à. Nhưng em không biết phải nói sao cho chị biết nữa.”

Ellie mỉm cười. “Bắt đầu ngay từ đầu hay từ đâu cũng được mà...”

“Có thứ gì đó đang theo chân em đến tận đây,” tôi vừa nói vừa nhìn thẳng vào mắt Ellie. “Một thứ xấu xa đang muốn làm hại em. Đây là lý do em đập vỡ tấm gương. Khi ấy Alice đang nói chuyện với tấm gương và...”

Hai mắt Ellie chột lóe lên giận dữ. “Đi mà nói thế cho Jack biết đi, rồi chắc chắn em sẽ ăn đấm của anh ấy cho xem! Em nói là em đã mang theo thứ gì đó về tận đây, khi mà chị đang phải chăm lo cho một đứa bé con à? Sao em dám? Sao em lại có thể làm thế được chứ?”

“Em đã không biết chuyện gì sẽ xảy ra mà,” tôi phản đối. “Chỉ đến đêm nay em mới phát hiện ra. Ấy là vì sao giờ em đang kể cho chị nghe này. Chị phải rời khỏi nhà và mang em bé đến nơi an toàn. Đi ngay bây giờ đi trước khi quá muộn chị ạ.”

“Hả? Ngay bây giờ ư? Giữa đêm giữa hôm thế này à?”

Tôi gật đầu.

Ellie cương quyết lắc đầu. “Jack sẽ chẳng đi đâu. Anh ấy sẽ không chịu bị đuổi ra khỏi nhà ngay giữa đêm khuya như thế này. Chẳng gì đuổi anh ấy đi được. Không, chị sẽ chờ. Chị sẽ ở lại đây và sẽ mở lời khẩn nguyện. Mẹ chị đã dạy chị thế. Mẹ chị bảo nếu ta cầu khẩn thật thành tâm, thì chẳng có gì trong thế giới bóng tối có thể làm hại ta được. Mà chị thực lòng tin như thế. Mà này, có thể em cũng lầm thì sao, Tom nhỉ,” Ellie nói thêm. “Em còn nhỏ và mới chỉ bắt đầu học việc, cho nên biết đâu tình hình không đến nỗi xấu như em tưởng. Và lại mẹ em sẽ quay về bất cứ lúc nào. Nếu không phải tối nay thì chắc chắn sẽ là tối mai. Mẹ sẽ biết cần phải làm gì. Từ đây đến đấy, em chỉ việc tránh xa phòng con bé ấy ra. Con bé ấy có điều gì đấy không ổn em ạ.”

Tôi vừa mở miệng định nói, định thử thuyết phục chị ấy rời đi

thêm lần nữa, thì một vẻ cảnh giác đột nhiên hiện lên trên mặt Ellie, chị lão đảo chống tay vào tường để khỏi ngã xuống.

“Giờ coi em đã làm gì kìa. Chị thấy như muốn té xỉu khi nghĩ đến những gì đang diễn ra ở đây.”

Ellie ngồi xuống giường tôi, đưa hai tay ôm lấy đầu trong chốc lát, trong khi ấy tôi chỉ đau khổ nhìn xuống chị, bụng chẳng biết phải làm hay phải nói gì.

Chập sau, Ellie lại đứng lên. “Chúng ta phải nói chuyện với mẹ em ngay khi bà quay về, nhưng đừng có quên là, từ giờ đến đây em phải tránh xa Alice. Em hứa chứ?”

Tôi hứa, và Ellie mỉm cười quay trở về phòng mình.

Chỉ khi chị ấy đi rồi thì tôi mới ngó ra...

Đã hai lần Ellie phải loạng choạng và nói là mình thấy váng đầu. Loạng choạng một lần thì có thể là vô tình. Chỉ là do mệt mỏi. Nhưng giờ thì những hai lần! Chị ấy bị xây xẩm. Ellie là kẻ xây xẩm và đây là dấu hiệu đầu tiên của việc bị ám.

Tôi bắt đầu đi đi lại lại. Chắc là tôi làm thôi. Không phải Ellie! Không thể nào là Ellie được. Có lẽ chị ấy chỉ mệt thôi. Dù gì thì đứa bé buộc chị phải thức đêm quá nhiều. Nhưng Ellie là người cứng rắn và khỏe mạnh. Bản thân chị cũng được nuôi lớn trong nông trại và không phải là loại người dễ chuyện ngoài thân lời kéo mình sa ngã. Với lại, cả một cuộc nói chuyện về việc cầu nguyện ấy nữa. Có thể là chị nói thế để tôi không nghi ngại gì mình.

Nhưng chẳng phải Alice đã nói là ám vào Ellie khó lắm sao? Alice cũng từng bảo có khả năng là Jack, nhưng Jack thì chẳng có bất cứ dấu hiệu nào của chúng xây xẩm cả. Mặc dù thế, cũng không thể chối bỏ rằng Jack càng ngày càng thêm hung hăng nóng nảy! Nếu như Ellie mà không ngăn anh ấy lại thì hẳn anh đã đâm đầu tôi văng lìa khỏi cổ rồi.

Tuy vậy, dĩ nhiên là, nếu Alice đồng hội đồng thuyền với Mẹ Malkin, *tất tần tất* những gì cô nói đều nhằm đánh lạc hướng tôi. Tôi thậm chí còn không thể tin được những lời cô dịch ra từ sách của

Thầy Trừ Tà nữa cơ! Cô có thể đã nói xạo với tôi suốt từ bấy đến giờ! Tôi không đọc được tiếng La Tinh nên chẳng có cách nào kiểm chứng lại những gì cô gái đã nói.

Tôi hiểu ra rằng có khả năng là bất cứ ai trong bọn họ. Một cuộc tấn công có thể xảy đến bất cứ lúc nào, trong khi tôi không sao lường được ai sẽ là người tấn công!

Nếu may mắn lắm thì mẹ sẽ quay về trước lúc rạng đông. Mẹ sẽ biết phải làm gì. Nhưng từ đây đến rạng đông còn một quãng thời gian dài đằng đẵng nên tôi không thể nào chợp mắt được. Tôi phải thức để canh gác suốt cả đêm. Nếu người bị ám là Jack hay Ellie, thì tôi chẳng thể làm được gì. Tôi không thể vào phòng hai người được, vậy nên tất cả những gì tôi có thể làm là để mắt đến Alice.

Tôi đi ra ngoài, ngồi xuống cầu thang giữa cửa phòng Ellie và Jack với phòng tôi. Ngồi ở đây tôi có thể nhìn thấy cửa phòng Alice bên dưới. Nếu cô ấy ra khỏi phòng, ít nhất thì tôi còn ra lời cảnh cáo được.

Tôi quyết định rằng nếu mẹ chưa quay về, tôi sẽ rời khỏi nhà khi bình minh đến; rời xa mẹ rồi thì sẽ chỉ còn một cơ hội được giúp đỡ nữa thôi...

Đêm ấy dài đằng đẵng, và thoát đầu tôi nhảy dựng lên khi nghe thấy tiếng động khẽ nhất – một tiếng cầu thang cọt kẹt hay tiếng ván sàn trong một trong những căn phòng thoáng vọng đến. Nhưng dần dà tôi bình tâm trở lại. Căn nhà này đã cũ kỹ lắm rồi và đây là những âm thanh tôi từng quá quen thuộc – những tiếng động bạn sẽ phải nghe thấy khi căn nhà chầm chậm chùng mình và hạ thấp nhiệt độ khi đêm về. Tuy nhiên, khi bình minh mỗi lúc một gần, tôi lại bắt đầu cảm thấy bất an.

Tôi bắt đầu thấy sợ những tiếng cào sồn sột lúc xa lúc gần từ bên trong các vách tường. Nghe như tiếng móng tay bấu vào phiến đá và không phải lúc nào cũng vọng ra từ một chỗ. Khi thì nó vọng đến từ cầu thang bên trên kia phía tay trái; khi thì từ bên dưới, gần với phòng của Alice. Âm thanh ấy mơ hồ đến nỗi tôi khó mà phân biệt được phải mình đang tưởng tượng hay không. Nhưng tôi bắt đầu cảm thấy lạnh, rất lạnh, là điềm báo cho tôi biết nguy hiểm đang ở gần.

Tiếp đến lũ chó lại sủa vang, và trong mấy phút sau đám gia súc khác cũng trở nên âm ỉ, mấy con lợn lông lá eng éc lên thật lớn đến nỗi bạn sẽ nghĩ là tay lái lợn đã đến nơi rồi. Cứ như thế thế còn chưa đủ ồn, mớ âm thanh lợn xộn ấy làm cho đứa bé lại ré khóc.

Lúc này tôi lạnh đến nỗi toàn thân lấy bầy lật bật. Tôi phải hành động gì đây thôi.

Lúc bên bờ sông, đối mặt với mù phù thủy, hai tay tôi đã biết phải làm gì. Lần này thì hai chân tôi hoạt động nhanh hơn tôi kịp nghĩ. Tôi đứng phắt dậy và vụt chạy đi. Lòng hoảng kinh, tim đập thành thịch, tôi phóng xuống cầu thang, làm gia tăng thêm tiếng động. Tôi chỉ phải chạy ra ngoài và tránh xa mù phù thủy. Chẳng còn việc gì khác quan trọng nữa. Toàn bộ lòng can đảm của tôi đã tiêu biến.

Tôi chạy ra khỏi nhà và hướng về phía bắc, thẳng lên Đồi Treo Cổ, lòng vẫn hoảng loạn, và tôi chỉ giảm tốc khi đã chạy đến đồng cỏ mạn bắc. Tôi cần có người giúp đỡ và giúp đỡ thật chóng vào. Tôi sẽ quay trở lại Chipenden. Giờ thì chỉ có mỗi Thầy Trừ Tà là có thể giúp tôi.

Khi chạy đến ven hàng rào, đám gia súc đột nhiên im bật khiến tôi phải quay lại nhìn nông trại. Phía sau nông trại, tôi nhìn thấy con đường đất ngoằn ngoèo xa xa như một vết bản đen thui nổi lên trên nền những cánh đồng chắp vá xam xám.

Đến khi đấy, tôi nhìn ra một ánh đèn trên đường. Một cỗ xe đang di chuyển về phía nông trại. Có phải là mẹ không nhỉ? Trong một thoáng, niềm hy vọng của tôi dâng lên tràn trề. Nhưng khi cỗ xe đến gần cổng nông trại, tôi nghe thấy tiếng ho húng hắng rõ to, là tiếng mà khi đờm dãi vón lại trong cổ họng và rồi ai đó nhổ toẹt ra. Đấy chỉ là Mồm Heo, tay lái lợn. Gã phải xử lý đến năm con lợn lông lá to nhất của nhà chúng tôi; mà khi chúng chết rồi, mỗi con lại phải được cạo lông rất lâu nữa nên gã phải bắt tay làm từ sớm.

Tay lái lợn này chưa làm gì hại đến tôi cả nhưng khi nào tôi cũng thấy mừng khi gã đã làm xong việc và ra về. Mẹ tôi cũng chưa bao giờ thích gã. Mẹ ghét cái cách gã ấy cứ mãi khạc một đống đờm ra ngay giữa sân.

Gã ta là người to lớn, cao hơn cả Jack, hai cánh tay u lên toàn là cơ bắp. Những cơ bắp ấy rất cần thiết cho loại công việc gã làm. Có những con lợn còn nặng hơn cả người mà chúng chống cự điên dại để tránh con dao. Tuy nhiên, có một bộ phận trên người của Mồm Heo đã bắt đầu xuống cấp. Áo của gã ta bao giờ cũng ngắn, hai nút cuối cùng bao giờ cũng mở bung, thế là cái bụng lông lá, trắng nhợt, nung núc mỡ của gã phệ xuống và trồi ra khỏi chiếc tạp dề bằng da thuộc màu nâu mà gã mang vào để tránh cho quần của mình không bị sũng máu. Gã ta không thể nào ngoài ba mươi tuổi được, nhưng tóc tai gã ấy thưa thớt và rử ép vào đầu.

Lòng thất vọng vì đây không phải là mẹ, tôi quan sát Mõm Heo tháo móc chiếc đèn lồng ra khỏi cỗ xe và bắt đầu dỡ đồ nghề xuống. Gã ta soạn chỗ làm việc trước kho chứa cỏ, sát ngay chuồng lợn.

Tôi đã phí mất quá nhiều thời gian rồi nên tôi bắt đầu leo qua hàng rào để đi vào rừng, thế nhưng, nhìn qua khe mắt, tôi trông thấy một sự chuyển động từ sườn đồi bên dưới. Một bóng người đang đi về phía tôi, vội vã tiến đến mấy bụi tre ở đầu kia cánh đồng cỏ mận bắc.

Là Alice. Tôi không muốn cô theo chân mình nhưng thà đối mặt với cô lúc này còn hơn là để sau, vậy nên tôi ngồi xuống mép ven rào chờ cho cô đến gần. Mà tôi cũng chẳng phải chờ lâu gì vì Alice chạy một thôi lên đến đỉnh đồi.

Cô không đến gần tôi cho lắm mà lại đứng cách tôi tám chín bước, hai tay chống nạnh, đang cố thở lấy hơi. Tôi nhìn suốt một lượt từ trên xuống dưới, thấy là cô lại mặc váy đen và mang giày mũi nhọn. Chắc hẳn khi lao xuống cầu thang tôi đã đánh thức cô ấy; để theo gót tôi nhanh như thế này hẳn là cô phải mặc quần áo thật nhanh cho kịp phóng theo tôi ngay.

“Tớ không muốn nói chuyện với cậu,” tôi nói lớn về phía Alice, thần kinh căng thẳng làm giọng tôi run rẩy và the thé hơn bình thường. “Mà cũng đừng tốn thời gian đi theo tớ làm gì. Cậu đã có cơ hội rồi đấy thôi, nên từ rày trở đi tốt hơn cậu nên tránh thật xa Chipenden ra cho rồi.”

“Tốt hơn là cậu nên nói chuyện với tớ nếu cậu biết chuyện gì là tốt cho cậu,” Alice đáp lại. “Chẳng bao lâu nữa thôi thì mọi sự sẽ quá muộn nên có điều này cậu nên biết thì tốt hơn. Mẹ Malkin đã đến đây rồi.”

“Tớ biết chứ. Tớ đã trông thấy mẹ ta mà.”

“Nhưng không chỉ là trong gương thôi đâu. Không phải chỉ có thế. Mẹ ta đã quay trở lại đây, ở đâu đó trong gian nhà chính ấy,” Alice vừa nói vừa chỉ tay ngược xuống dưới đồi.

“Tớ bảo rồi, tớ biết mà,” tôi cáu tiết. “Ánh trăng đã soi cho tớ thấy dấu vết mẹ gây ra, rồi khi tớ đi lên lầu để nói cho cậu biết, xem tớ đã

tìm thấy gì nào? Cậu đang nói chuyện với mẹ ta và chắc chắn đây chẳng phải là lần đầu tiên đâu nhỉ?”

Tôi nhớ lại đêm đầu tiên khi tôi lên phòng Alice để đưa cho cô cuốn sách. Lúc tôi bước vào trong phòng, ngọn nến vẫn còn tỏa khói trước gương.

“Nhất định là cậu đã dẫn mẹ ta đến đây,” tôi trách tội. “Cậu nói cho mẹ ta biết tớ ở đây.”

“Không phải thế,” Alice phản đối, giọng cô giận dữ chẳng kém gì tôi. Cô tiến thêm ba bước đến gần tôi hơn. “Tớ đã đánh hơi ra mẹ ta, và tớ dùng gương để tìm xem mẹ ta ở đâu. Nhưng tớ không nhận thấy là mẹ ta đã ở quá gần, phải không nào? Vả lại mẹ ta mạnh hơn tớ nhiều nên tớ không thể thoát ra được. Cũng may cậu vào kịp lúc. Cũng may cho tớ là cậu đã đập vỡ tấm gương ấy.”

Tôi muốn tin lời Alice lắm nhưng làm sao tôi có thể tin tưởng cô được? Khi cô tiến đến gần thêm hai bước nữa, tôi nửa quay người đi, sẵn sàng nhảy ngay xuống nền cỏ bên kia bờ rào. “Tớ sẽ quay lại Chipenden để báo tin cho Thầy Greogory,” tôi bảo Alice. “Thầy sẽ biết phải làm gì.”

“Chẳng còn thời gian cho việc đó đâu,” Alice nói. “Khi cậu quay lại đây thì muộn mất rồi còn đâu. Còn phải lo cho đứa bé nữa. Mẹ Malkin muốn làm hại cậu nhưng mẹ ta còn rất khát máu người. Máu non là loại mẹ ta thích nhất. Thứ ấy làm cho mẹ ta mạnh nhất.”

Nỗi sợ hãi đã khiến tôi quên bém mất con của Ellie. Alice nói đúng. Mẹ phù thủy sẽ không muốn ám vào con bé nhưng chắc chắn mẹ ta muốn máu của nó. Đến khi tôi đưa Thầy Trừ Tà quay lại đây có thể là sẽ quá muộn.

“Nhưng tớ làm được gì đây cơ chứ?” tôi hỏi. “Tớ có bao nhiêu cơ may để chống lại Mẹ Malkin nào?”

Alice nhún vai và trề khóe môi xuống. “Đấy là chuyện của cậu. Chắc chắn Lão Gregory đã dạy cậu điều gì có thể là hữu dụng rồi kia mà? Nếu như cậu không chép xuống cuốn sổ của cậu, thì hẳn là nó nằm trong đầu cậu rồi. Cậu chỉ cần phải nhớ ra nó, vậy thôi.”

“Thầy không đề cập về phù thủy nhiều đến thế đâu,” tôi bảo, bỗng dưng thấy bực mình Thầy Trừ Tà quá. Đến thời điểm này hầu hết thời gian huấn luyện là về ông kẹ, kẹ thêm tí xíu về hồn ma và văn hồn; trong khi đó mọi rắc rối đến với tôi đều do phù thủy gây ra.

Tuy vẫn không tin tưởng Alice, nhưng giờ đây, sau những gì cô nói, tôi không thể bỏ đi đến Chipenden được. Tôi sẽ chẳng thể nào đưa được Thầy Trừ Tà đến đây kịp lúc. Lời cảnh báo của Alice về mối đe dọa cho con của Ellie dường như có chủ đích tốt, nhưng nếu như Alice đã bị ám, hay là về phe với Mẹ Malkin, thì đấy chính là những lời khiến tôi không còn lựa chọn nào khác hơn là quay xuống đồi trở lại nông trại. Chính những lời ấy sẽ ngăn không cho tôi báo động cho Thầy Trừ Tà, mặt khác lại giữ tôi ở lại nơi mà mụ phù thủy có thể động vào tôi tại thời điểm mụ chọn.

Trên đường đi xuống đồi, tôi giữ khoảng cách với Alice, nhưng đến khi chúng tôi bước vào trong sân và băng qua thật gần trước cửa kho cỏ thì cô ấy đã đi bên cạnh tôi rồi.

Mỡm Heo đang đứng mài lại dao; gã ta ngược lên và khi trông thấy tôi thì gật đầu chào. Tôi cũng gật đầu chào lại. Sau khi chào hỏi tôi, gã chỉ nhìn trừng trừng vào Alice mà không nói lời nào, nhưng gã có nhìn lên nhìn xuống khắp Alice những hai lần. Thế rồi, ngay trước khi chúng tôi bước đến cửa bếp, gã huýt sáo rõ dài rõ to. Bản mặt của Mỡm Heo nhìn giống mặt heo nhiều hơn giống mặt chó sói, nhưng đấy là kiểu huýt sáo ấy, sắc mùi giễu cợt.

Alice vờ như chẳng nghe thấy gã. Trước khi chuẩn bị điếm tâm, cô còn có việc khác cần làm: cô gái đi thẳng vào bếp và bắt tay ngay vào việc sửa soạn món gà mà chúng tôi sẽ dùng cho bữa trưa. Con gà được móc lên móc treo cạnh cửa chính, cổ đã bị cắt và ruột lòng đã được lôi ra từ đêm hôm trước. Alice bắt đầu rửa sạch gà với muối và nước, mắt chăm chú vào việc mình đang làm để cho những ngón tay thoăn thoắt không bỏ sót bất cứ thứ gì bé nhỏ nhất.

Chỉ đến khi ấy, khi quan sát Alice, rốt cuộc tôi mới nhớ ra thứ có khả năng kháng lại một cơ thể bị ám.

Muối và sắt!

Tôi không chắc nhưng cũng đáng để thử lắm. Đấy là thứ Thầy Trừ

Tà dùng để chèn ông kẹ vào hố và biết đâu thứ ấy cũng kháng lại phù thủy thì sao. Nếu tôi ném thứ này vào một ai đó đã bị ám, thì có thể muối và sắt sẽ chỉ trục Mẹ Malkin ra mà thôi.

Tôi không tin tưởng Alice và không muốn cô thấy mình tự tiện lấy muối, nên tôi phải chờ cho đến khi cô đã rửa xong gà và ra khỏi bếp. Lấy được muối, trước khi đi ra ngoài để bắt tay vào phần việc của mình, tôi ghé qua xưởng dụng cụ của bố.

Chẳng mất bao lâu để tìm thấy thứ tôi cần. Tôi chọn ra cây giũa to nhất và thô nhám nhất từ trong bộ giũa kim loại đặt trên kệ phía trên bàn mộc của bố. Đây là cây giũa được gọi là “thăng khốn”, khi tôi còn bé, cái giũa ấy cho tôi cơ hội duy nhất được sử dụng từ đây mà không bị véo tai. Ngay sau đấy, tôi bắt đầu mài giũa mỏng đi miệng một chiếc xô sắt cũ mềm, âm thanh đấy làm rằng tôi cứ muốn buốt hết cả lên. Nhưng chẳng bao lâu sau thì một âm thanh khác thậm chí còn lớn hơn chẻ đôi cả bầu không khí.

Là tiếng ré lên của một con lợn sắp bị mổ thịt, con đầu tiên trong số năm con.

Tôi biết rằng Mẹ Malkin có thể ở bất cứ đâu, và nếu như mẹ ta chưa ám vào xác ai, thì bất cứ lúc nào mẹ cũng có thể chọn lấy một người làm nạn nhân. Vậy nên tôi phải tập trung và luôn luôn cảnh giác. Nhưng chí ít thì bây giờ tôi có được thứ để tự vệ rồi.

Jack muốn tôi ra phụ với Mõm Heo nhưng tôi luôn có sẵn lời biện bạch, cứ bảo rằng mình sắp làm xong việc này rồi hay chỉ mới bắt tay làm việc kia mà thôi. Nếu phải làm việc cùng Mõm Heo thì tôi sẽ không thể cảnh giác quan sát bất cứ ai khác được. Vì tôi chỉ là em trai của anh ấy và chỉ ghé thăm có vài ngày, chứ không phải là được thuê về để phụ, nên Jack không thể ép buộc tôi, nhưng anh ấy đã rất muốn bức bách tôi rồi đấy.

Cuối cùng, sau bữa trưa, khuôn mặt Jack sa sầm như mưa dông, anh ấy buộc phải ra giúp Mõm Heo, chính xác đúng như tôi mong muốn. Nếu Jack làm việc trước kho chứa cỏ thì tôi có thể để mắt theo dõi anh ấy từ xa. Tôi cũng mài viên lý lẽ để đi kiểm tra cả Alice và Ellie nữa. Bất cứ ai trong hai người họ cũng có thể bị ám, nhưng nếu đấy là Ellie, thì sẽ không còn nhiều cơ hội để cứu lấy đứa bé: hầu như mọi lúc con bé hoặc là nằm trong vòng tay của Ellie hay ngủ trong cũi cạnh

bên chị ấy.

Tôi đã có được muối và sắt nhưng lại không chắc từng ấy đã đủ chưa. Thứ tốt nhất là một sợi xích bạc. Ngay cả một sợi ngăn ngăn thôi cũng còn hơn là không có gì. Khi còn nhỏ, có lần tôi nghe lỏm được bố và mẹ đề cập đến một sợi xích bạc của mẹ. Tôi chưa khi nào thấy mẹ đeo nó cả nhưng chắc nó vẫn còn đâu đó trong nhà – chắc là ở trong nhà kho ngay dưới rầm thượng, nơi mà mẹ luôn khóa kín.

Nhưng phòng ngủ của bố mẹ lại không khóa. Thường thì tôi không khi nào đi vào phòng bố mẹ khi không được phép, nhưng giờ đây tôi tuyệt vọng rồi. Tôi lục lọi trong hộp đồ trang sức của mẹ. Trong đấy có nhiều nhẫn và ghim cài áo, nhưng không có sợi xích bạc nào cả. Tôi lục lọi khắp căn phòng. Tôi cảm thấy thật tội lỗi hết sức khi phải lục qua những ngăn kéo, nhưng tôi vẫn cứ lục. Tôi tưởng trong đấy hẳn có chìa khóa của nhà kho nhưng rồi chẳng tìm ra.

Trong khi đang lục lọi, tôi nghe thấy tiếng bước ủng to tướng của Jack đang đi lên cầu thang. Tôi ngừng lại, im phăng phắc, thậm chí còn không dám thở, nhưng rồi Jack chỉ lên đến phòng ngủ của mình trong thoáng chốc rồi quay trở xuống ngay. Sau đấy, tôi lục hết khắp mọi chỗ nhưng chẳng tìm thấy gì, thế là tôi đi xuống lầu kiểm tra mọi người một lần nữa.

Ngày hôm ấy, thời tiết rất êm đềm tĩnh lặng, nhưng khi tôi đi ngang qua kho cỏ, một cơn gió nhẹ đã cuộn đến. Mặt trời đang dần lặn xuống, chiếu sáng vạn vật trong ráng chiều đỏ ấm áp, hứa hẹn một ngày mai với thời tiết đẹp. Phía trước kho cỏ là ba con lợn chét đang treo lơ lửng trên những chiếc móc lớn, đầu chúc xuống đất. Chúng đều hồng hào và vừa được cạo hết lông, con cuối cùng vẫn còn rõ máu xuống một cái chậu, và Mồm Heo đang quỳ xuống đất vật lộn với con lợn thứ tư, con này khiến cho gã khá chật vật – thật khó mà phân biệt giữa người và lợn bên nào kêu réo lớn hơn cả.

Jack, vạt áo trước thấm đẫm máu, quắc mắt nhìn tôi khi tôi đi ngang qua nhưng tôi chỉ mỉm cười và gật đầu. Bọn họ chỉ mới bắt tay vào công việc trước mắt nên sẽ còn rất nhiều thứ cần làm, do vậy họ sẽ còn tiếp tục sau khi mặt trời lặn rất lâu. Nhưng cho đến lúc này chẳng thấy có một dấu hiệu cho dù là nhỏ nhất của chúng xây xẩm, thậm chí chút manh mối của ám cũng không nốt.

Một tiếng sau thì trời tối. Jack và Mõm Heo vẫn còn quần quật làm việc dưới ánh sáng hắt ra từ đồng lửa đang chiếu bóng họ nhảy nhót qua sân.

Điều rùng rợn xảy đến khi tôi đi ra lán phía sau kho cỏ để lấy túi khoai tây từ cửa hàng...

Tôi nghe thấy một tiếng thét. Một tiếng thét chất chứa sự hãi hùng. Tiếng thét của người phụ nữ đang phải đối mặt với điều tồi tệ nhất có khả năng xảy đến với mình.

Tôi đánh rơi bịch khoai tây và chạy vòng ra trước kho cỏ. Đến đấy, tôi dừng phắt lại, mắt không thể tin được vào những gì mình đang chứng kiến.

Ellie đang đứng cách đấy hai mươi bước chân, chìa cả hai tay ra, cứ thét và thét mãi như thể chị ấy đang bị tra tấn. Dưới chân Ellie là Jack, mặt đầm đìa máu. Tôi tưởng Ellie đang la hét là vì Jack – nhưng không phải, mà là vì Mõm Heo cơ.

Gã ta đang quay mặt về phía tôi, như thể gã đang chờ tôi chạy đến. Tay trái gã đang cầm con dao sắc lẹm ưa thích của mình, là con dao dài gã chuyên dùng để cắt cổ lợn. Tôi lạnh cứng người vì tôi biết mình đã nghe thấy gì trong tiếng thét của Ellie.

Bên tay phải, gã đang ẵm bé con của chị ấy.

Trên ủng của Mõm Heo đọng một vũng máu lợn đặc quánh và máu vẫn còn nhỏ xuống từ tạp dề của gã. Hắn đưa dao kề vào gần đứa bé hơn.

“Lại đây nào thẳng nhãi,” gã gọi lớn về phía tôi. “Lại đây với ta nào.” Đoạn gã cười phá lên.

Miệng gã mở ra khép lại khi nói nhưng giọng nói vang lên không phải là giọng gã. Mà là giọng của Mẹ Malkin. Cũng không phải là giọng cười khùng khục từ trong bụng thường ngày của Mõm Heo. Mà là tiếng cười khanh khách của mụ phù thủy.

Tôi bước một bước thật chậm về phía Mõm Heo. Rồi thêm một bước nữa. Tôi muốn tiến gần hơn đến chỗ gã. Tôi muốn cứu lấy con

của Ellie. Tôi cố di chuyển nhanh hơn. Nhưng không thể. Hai chân tôi nặng như chì. Giống như là đang tuyệt vọng cố vùng chạy trong cơn ác mộng. Hai chân tôi đang di chuyển như thể chúng không còn là của tôi nữa vậy.

Thốt nhiên tôi nhận ra thứ gì đã khiến mình toát mồ hôi lạnh. Tôi không chỉ là đang di chuyển về phía Mồm Heo vì tôi muốn thế. Mà là vì Mẹ Malkin đang gọi tôi đến. Mẹ ta đang kéo tôi về phía gã theo tốc độ mà mẹ muốn, kéo tôi về phía con dao đang chờ chực của gã. Không phải là tôi đang đến để giải cứu. Mà chỉ là sắp đi vào chỗ chết. Tôi đang như bị bùa mê gì đấy. Bùa ép buộc.

Tôi đã cảm nhận được điều tương tự như khi ở dưới bờ sông, nhưng chỉ là tay trái chân trái của tôi đã tự hành động kịp thời mà đập Mẹ Malkin xuống nước. Còn giờ đây tứ chi tôi lại nhũn ra như trí não của mình.

Tôi đang di chuyển gần hơn đến Mồm Heo. Mỗi lúc một gần đến con dao đang chờ chực sẵn của gã. Hai mắt gã là đôi mắt của Mẹ Malkin, còn gương mặt gã u lên kinh dị. Giống như thể mẹ phù thủy bên trong đang bóp méo thân thể, làm hai má sưng lên thiếu điều muốn nổ tung, hai mắt lồi đến mức gần lòi cả ra ngoài, hàng lông mày chìa ra như hai mỏm đá cheo leo lởm chởm; bên dưới đấy là hai con mắt lồi như ốc nhồi, giữa hai mắt là hai đốm lửa, tóe ra một quầng đỏ rực hiểm ác.

Tôi bước thêm bước nữa và nghe tim mình đập thành thịch. Thêm một bước và thêm một tiếng thình thịch nữa. Lúc này, tôi đã gần Mồm Heo kha khá rồi. *Thịch, thịch* là tiếng tim tôi, mỗi bước chân là một nhịp tim đập.

Khi chỉ còn cách con dao đang chờ đợi ấy không đến năm sải chân, tôi nghe thấy tiếng Alice chạy về phía chúng tôi, gào thét tên tôi. Tôi nhác nhìn thấy cô qua khóe mắt, từ trong bóng tối lao ra quầng sáng của đốm lửa. Alice đang lao đến Mồm Heo, mái tóc đen phần phật bay ngược ra sau đầu như thể cô gái đang chạy thẳng vào tâm bão.

Thậm chí chẳng chạy chậm lại làm gì, Alice vung chân đá hết sức bình sinh vào Mồm Heo. Cô nhắm chỉ chớm ngay trên chiếc tạp dề bằng da của gã, và tôi nhìn theo mũi giày nhọn của Alice thụt mất hút

vào trong cái bụng phệ của Mõm Heo, đến nỗi chỉ có gót giày là còn nhìn thấy được.

Mõm Heo thở hồng hộc, chúi gập người xuống và đánh rơi bé con của Ellie, nhưng kìa, oạt mình như chú mèo con một năm tuổi, Alice quỳ gối xuống bắt lấy đứa bé ngay trước khi nó chạm đất. Đoạn Alice quay ngoắt mình, chạy về phía Ellie.

Đúng lúc chiếc giày mũi nhọn của Alice chạm vào bụng của Mõm Heo thì bùa phép tan biến. Tôi lại được tự do. Tự do cử động chân tay. Tự do di chuyển. Hay là tự do để tấn công.

Mõm Heo gần như là gục gập đôi người lại nhưng gã đứng thẳng lên ngay, và dù đã đánh rơi đứa bé, gã vẫn còn cầm dao trong tay. Tôi quan sát khi gã huơ dao về phía mình. Gã cũng hơi loạng choạng đôi chút – có lẽ gã xây xẩm, hay có lẽ đấy chỉ là phản ứng với chiếc giày mũi nhọn của Alice.

Được giải thoát khỏi bùa mê, một loạt cảm xúc ủa về trong tôi. Trong đấy có nỗi buồn thương về những gì đã xảy đến với Jack, nỗi kinh hoàng về mối nguy hiểm mà bé con của Ellie đã trải qua và nỗi giận dữ vì chuyện này có thể xảy đến với gia đình mình. Và trong giây phút ấy tôi biết mình sinh ra để làm kẻ thù tà. Kẻ thù tà tài giỏi nhất từ trước đến nay. Tôi có thể và tôi sẽ làm cho mẹ tôi tự hào về mình.

Bạn thấy không, thay vì trong lòng tràn ngập sợ hãi, tôi chỉ cảm thấy giá băng và hùng hực lửa. Tận sâu trong tâm khảm thì tôi đang phần nộ, chông chất lửa giận phùng phùng chỉ chực bùng nổ. Trong khi đấy, bề ngoài tôi lạnh lùng như băng giá, đầu óc rành rẽ sắc bén, nhịp thở chậm rãi.

Tôi thọc tay vào túi quần rồi rút phắt tay ra, mỗi nắm tay nắm đầy thứ đã tìm thấy trong ấy và quẳng từng vộc thẳng vào đầu Mõm Heo, một thứ trắng trắng từ tay phải và một thứ đen đen từ tay trái. Hai thứ ấy chạm vào nhau, tạo thành một đám mây đen đen trắng trắng, khi chúng va vào mặt và vai của gã.

Muối và sắt – cùng một thứ hỗn hợp rất có tác dụng khi chống lại ông kẹ. Sắt làm sức mạnh của nó chảy kiệt; muối là để đốt cháy nó. Sắt được giũa từ mép chiếc xô cũ và muối từ bếp của mẹ. Tôi chỉ đang mong là hỗn hợp này mang lại cùng hiệu quả cho mục phù thủy.

Tôi cho là khi bị một hỗn hợp như thế quẳng vào mặt thì chẳng làm cho ai tốt lành gì – tối thiểu là nó sẽ làm bạn ho sặc sụa và thổi phì phì – nhưng hiệu quả tác động đến Mõm Heo thì tệ hơn thế nhiều. Trước hết là gã mở tay ra đánh rơi con dao. Kế đến hai mắt gã trợn ngược lên rồi gã từ từ đổ người ra trước, té quỵ xuống hai gối. Và rồi gã đập mạnh trán xuống đất, mặt vẹo sang một bên.

Một chất nhầy đặc sệt bắt đầu ứa ra từ lỗ mũi trái của gã. Tôi chỉ đứng đấy trơ mắt nhìn, chẳng còn cử động được gì khi Mẹ Malkin từ từ nổi bọt chảy ra khỏi mũi Mõm Heo và vặn vẹo biến mình thành hình dạng mà tôi còn nhớ. Cũng là mụ ta đấy thôi, nhưng chỉ một phần của mụ giống xưa trong khi đôi phần khác lại khác hẳn.

Chẳng là, mụ còn bé hơn một phần ba kích cỡ của mình vào lần cuối tôi nhìn thấy mụ. Giờ thì vai mụ còn chưa quá đầu gối tôi, nhưng mụ vẫn mặc chiếc áo choàng đen dài lệt phệt trải ra đất, và mái tóc nửa xám nửa bạc của mụ vẫn rủ xuống đôi vai gù như tấm màn cửa bị mốc. Chỉ có làn da của mụ là rất khác. Da óng lên, kỳ quặc và có phần như bị vặn vẹo rồi căng giãn ra. Tuy nhiên, đôi mắt đỏ rực thì không hề thay đổi, và đôi mắt ấy quắc lên nhìn tôi một lần nữa trước khi mụ ta quay đi và bắt đầu di chuyển về phía góc kho chứa cỏ. Dường như mụ còn co rút lại hơn nữa và tôi thắc mắc không rõ số muối và sắt ấy có đang còn phát huy tác dụng hay không. Tôi không biết mình còn có thể làm thêm được gì nữa, vì vậy tôi chỉ đứng chôn chân nhìn theo mụ đi mất, quá kiệt sức nên không còn di chuyển thêm được.

Nhưng Alice thì không như thế. Đến lúc này, cô đã trao đứa bé lại cho Ellie và chạy băng trở lại, mặt quay về phía đồng lửa. Cô nhặt một thanh củi một đầu còn cháy rực lên rồi lao về phía Mẹ Malkin, tay giơ thẳng thanh củi ra đằng trước.

Tôi biết Alice định làm gì. Chạm vào một cái thoi rồi mụ phù thủy sẽ bốc cháy. Điều gì đó trong tôi không cho phép chuyện ấy xảy ra bởi vì nó quá khủng khiếp, thế là tôi tóm lấy tay Alice khi cô gái chạy ngang qua tôi rồi giằng ngược lại khiến Alice đánh rơi thanh củi đang cháy.

Alice quay sang tôi tức tối, gương mặt đầy giận dữ, làm tôi tưởng chừng mình sắp sửa lãnh một cú giày mũi nhọn của cô ấy nữa chứ. Nhưng không, Alice chỉ nắm lấy cẳng tay tôi rất chặt, đến nỗi những móng tay của cô ấy bầu sâu vào thịt tôi.

“Phải nhấn tâm hơn lên bằng không cậu sẽ không sống sót đâu!” Alice rít vào mặt tôi. “Chỉ làm theo những gì Lão Gregory bảo vẫn là chưa đủ. Cậu sẽ mất mạng cũng như những người khác mất!”

Alice thả tay tôi ra và tôi nhìn xuống, trông thấy vài giọt máu tại nơi mấy móng tay của cô ấy bấu vào.

“Cậu phải hỏa thiêu phù thủy,” Alice nói tiếp, giọng giận dữ đã dịu đi chút ít, “để đảm bảo là chúng sẽ không trở lại. Chôn chúng xuống lòng đất chẳng ích gì đâu. Chỉ làm chậm tiến độ lại một chút thôi. Lão Gregory hiểu thế nhưng lão ta yếu lòng quá nên không dám dùng đến hỏa thiêu. Giờ thì quá muộn rồi...”

Mẹ Malkin biến mất qua bên hông kho cỏ vào trong bóng tối, mỗi bước đi mụ mỗi teo tóp lại, chiếc áo choàng dài màu đen lệt phệt lê trên nền đất phía sau mụ.

Đến đây thì tôi nhận ra rằng mụ phù thủy đã phạm một sai lầm to lớn. Mụ đã đi sai lối, đâm đầu vào chuồng heo to nhất. Lúc này, mụ đã bé đến mức có thể chui qua tấm ván chuồng thấp dưới cùng.

Đám lợn đã trải qua một ngày kinh khủng. Năm con trong đàn đã bị làm thịt và công việc ấy thật ảm ỉ và máu me vương vãi nên chắc đã làm chúng hoảng lên cả rồi. Nên ít nhất là chúng hiện không được vui vẻ gì cho lắm, và dĩ nhiên đây không phải là lúc nên đi vào trong chuồng của chúng. Đám lợn lông lá sẽ tạp bất cứ thứ gì, cho dù là gì đi nữa. Vậy là lần này đến lượt Mẹ Malkin phải thét ré lên và cứ thét hoài thét mãi một lúc lâu.

“Chuyện này có thể cũng có tác dụng như là bị thiêu vậy nhỉ,” Alice cất tiếng khi tiếng thét ấy cuối cùng cũng lịm dần. Tôi có thể nhìn thấy vẻ nhẹ nhõm trên mặt cô gái. Cả tôi cũng cảm nhận tương tự. Hai chúng tôi đều thấy mừng vì chuyện này đã qua rồi. Tôi mệt lả, nên chỉ nhún vai, không rõ phải nên nghĩ gì, nhưng lúc ấy tôi đã nhìn về phía Ellie và lòng chẳng thấy thích những gì mình trông thấy.

Ellie hoảng sợ, và chị ấy kinh hoàng. Chị đang nhìn vào chúng tôi như thể không tin được vào những gì vừa xảy ra và những gì chúng tôi vừa thực hiện. Cứ như thể đây là lần đầu tiên chị mới trông thấy chính con người tôi. Cứ như thể thốt nhiên chị nhận ra tôi là loại người gì.

Tôi cũng ngộ ra một điều. Đây là lần đầu tiên tôi mới cảm nhận được việc làm chân học việc của Thầy Trừ Tà là như thế nào. Tôi đã từng thấy người ta né sang bên kia đường để tránh đi gần chúng tôi. Tôi đã nhìn theo khi họ rùng mình hay đưa tay làm dấu thánh chỉ bởi vì chúng tôi đi ngang qua làng họ, nhưng lúc ấy bản thân tôi không thấy bị xúc phạm. Trong đầu tôi khi ấy thì đấy chỉ là phản ứng của họ dành cho Thầy Trừ Tà, chứ chẳng phải cho tôi.

Nhưng tôi không thể tâng lờ chuyện lần này, hay dẹp nó vào một góc tâm trí. Chuyện lần này đang xảy đến trực tiếp với tôi, và xảy ra ngay trong nhà của tôi.

Bỗng nhiên tôi cảm thấy càng cô độc hơn bao giờ hết.

Chương 14

LỜI KHUYÊN CỦA THẦY TRỪ TÀ

N hưng không phải tất cả mọi chuyện đều kết thúc không hay. Dẫu sao thì Jack vẫn còn sống. Tôi không muốn hỏi han quá nhiều vì như thế chỉ làm cho mọi người bực mình mà thôi, nhưng hình như là vừa mới phút trước Mõm Heo đang chuẩn bị cạo lông bụng con lợn thứ năm với Jack thì ngay phút sau gã ta nổi điên lên mà tấn công Jack.

Máu trên mặt Jack chỉ là máu lợn. Anh ấy bị một tấm ván gỗ đánh cho bất tỉnh. Sau đấy, Mõm Heo đi vào trong nhà chính và giật lấy đứa nhỏ. Gã muốn dùng đứa bé làm mồi như đến gần tôi để rồi gã có thể dùng dao giết tôi.

Dĩ nhiên, bây giờ khi tôi kể những chuyện này ra thì nghe không chính xác cho lắm. Thật ra đâu phải là Mõm Heo ra tay làm những chuyện kinh khủng này đâu. Gã ta đã bị ám cơ mà, và Mẹ Malkin chỉ lợi dụng thân thể của gã mà thôi. Vài tiếng sau, Mõm Heo tỉnh lại rồi ra về mà chẳng hiểu gì lắm cùng với một cái bụng rất đau. Dường như gã không nhớ nhiều lắm những chuyện đã xảy ra, vả lại chúng tôi chẳng ai muốn khai sáng cho gã cả.

Đêm ấy, không ai ngủ được nhiều. Sau khi nhóm cho đồng lửa bùng sáng hơn, Ellie ở lì dưới bếp cả đêm và không để cho đứa nhỏ khuất xa tầm mắt. Jack đi nằm với cái đầu đau nhức nhưng anh ấy cứ thức dậy mãi để đi ra sân ới mưa.

Khoảng một tiếng đồng hồ trước khi trời rạng thì mẹ về đến nhà. Trông mẹ cũng không vui vẻ gì. Như thể đã có chuyện gì đấy không ổn.

Tôi nhắc túi xách mang vào nhà hộ mẹ. “Mẹ à, mẹ có sao không?” tôi hỏi. “Trông mẹ mệt mỏi lắm.”

“Đừng để ý đến mẹ làm gì, con trai ạ. Ở đây đã xảy ra chuyện gì

thế? Nhìn vào mặt con là mẹ có thể nhận thấy có chuyện không ổn rồi.”

“Chuyện dài lắm mẹ ạ,” tôi đáp. “Tốt hơn ta nên vào nhà đã.”

Khi chúng tôi bước vào bếp, Ellie trông nhẹ cả người đến nỗi chị bật khóc, làm đứa bé cũng khóc theo. Khi đấy, Jack đi xuống nhà và mọi người nhao nhao lên kể cho mẹ nghe cùng một lúc, nhưng chỉ sau vài giây thì tôi đầu hàng vì Jack đã lớn tiếng buông ra mấy tràng nguyên rủa.

Mẹ làm anh im miệng khá nhanh. “Hạ giọng xuống đi Jack,” mẹ bảo. “Đây vẫn còn là nhà của mẹ và mẹ không chịu được tiếng quát tháo đâu.”

Jack dĩ nhiên là không thích bị tắt tiếng trước mặt Ellie như thế nhưng anh ấy biết tốt hơn là chẳng nên tranh cãi làm gì.

Mẹ bắt mỗi người chúng tôi kể lại chính xác những gì đã xảy ra, bắt đầu từ Jack. Tôi là phiên cuối cùng, và khi đến lượt tôi thì mẹ bảo Jack và Ellie đi ngủ để mẹ con chúng tôi có thể nói chuyện một mình. Mà mẹ có nói gì nhiều đâu. Mẹ chỉ im lặng lắng nghe, đoạn cầm lấy tay tôi.

Sau rốt, mẹ đi lên phòng của Alice và ngồi nói chuyện riêng với cô gái một lúc thật lâu.

Mặt trời ló dạng chưa được một tiếng đồng hồ thì Thầy Trừ Tà đến nhà tôi. Không biết là vì sao nhưng tôi đang vô cùng trông mong thầy đến. Thầy đứng chờ ngoài cổng để tôi đi ra thuật lại câu chuyện thêm lần nữa, thầy đứng tựa vào cây trượng mà lắng nghe. Khi tôi kể xong thì thầy chỉ lắc đầu.

“Anh bạn à, ta cảm giác được có chuyện gì đó không ổn, nhưng ta đã đến quá muộn. Thế nhưng con đã hành động sáng suốt. Con đã sử dụng trực giác và cố nhớ ra vài điều ta từng dạy cho con. Nếu tất cả những thứ khác đều thất bại, con luôn có thể quay lại sử dụng sắt và muối.”

“Lẽ ra con nên để cho Alice thiêu chết Mẹ Malkin phải không ạ?” tôi hỏi.

Thầy thở dài, đưa tay gãi gãi râu cằm. “Như ta đã nói rồi đấy thôi, việc thiêu chết một mục phù thủy quá dã man và bản thân ta cũng không bám theo cách ấy.”

“Thế chắc là giờ đây con sẽ lại phải đối mặt với Mẹ Malkin nữa rồi,” tôi chán nản nói.

Thầy Trừ Tà mỉm cười. “Không có đâu anh bạn, con có thể an tâm được rồi vì mục ta sẽ không quay lại thế gian này nữa đâu. Với kết cục đã xảy ra thì mục ta sẽ không thể làm thế. Con có nhớ điều ta từng nói về việc ăn sống trái tim của phù thủy không? Thế đấy, đám lợn nhà con đã làm thế thay cho chúng ta rồi.”

“Không chỉ có tim thôi đâu ạ. Chúng ăn sạch sành sanh,” tôi bảo. “Vậy giờ con an toàn rồi phải không thầy? Thật an toàn chứ ạ? Mục ta không thể quay lại nữa sao?”

“Ái chà, con chỉ an toàn với Mẹ Malkin mà thôi. Ngoài kia còn có bao nhiêu mối đe dọa nguy hiểm không kém, nhưng hiện giờ thì con an toàn đấy.”

Tôi cảm thấy hơi hơi nhẹ nhõm, như thể một khối nặng vừa được nhấc khỏi hai vai. Lâu nay tôi đã sống trong ác mộng, còn giờ đây, khi mối đe dọa về Mẹ Malkin đã được cất bỏ, thế giới này dường như thành một nơi hạnh phúc, xán lạn hơn. Rốt cuộc thì chuyện đã chấm dứt và tôi lại có thể bắt đầu tiến lên phía trước.

“À, con được an toàn cho đến khi lại phạm thêm một sai lầm ngớ ngẩn khác,” thầy thêm vào. “Mà đừng có nói là con sẽ không phạm sai lầm nhé. Kẻ không bao giờ phạm sai lầm là kẻ chẳng bao giờ làm được gì cả. Đấy là một phần trong chuyện học hỏi công việc đấy. Mà thôi, giờ cần phải làm gì đây?” thầy vừa hỏi vừa nheo nheo mắt khi mặt trời nhô cao.

“Vì chuyện gì ạ?” tôi hỏi lại, thắc mắc không biết ý thầy là gì.

“Về con bé ấy đấy anh bạn nhỏ. Có vẻ phải chèn nó xuống hố thôi. Ta thấy chẳng còn cách nào hơn cả.”

“Nhưng rốt cuộc bạn ấy đã cứu lấy con của Ellie đấy thôi,” tôi phản đối. “Và cứu cả mạng con nữa chứ.”

“Này anh nhóc, con bé ấy đã sử dụng gương. Đây là dấu hiệu không tốt. Lizzie đã dạy cho con bé lắm điều. Quá nhiều. Giờ thì con bé đã chứng tỏ cho chúng ta thấy là nó sẵn sàng sử dụng thứ ấy. Tiếp đến sẽ là gì nữa đây?”

“Nhưng bạn ấy có ý tốt. Bạn sử dụng phép thuật ấy chỉ để cố tìm xem Mẹ Malkin ở đâu mà thôi.”

“Có lẽ là thế, nhưng con bé biết quá nhiều với lại quá thông minh nữa. Bây giờ nó chỉ là con nhóc con, nhưng một ngày nào đấy con bé sẽ thành phụ nữ và một phụ nữ thông minh bao giờ cũng nguy hiểm cả.”

“Mẹ con cũng thông minh vậy,” tôi đốp lại, lòng bực bội về những gì thầy vừa nói. “Nhưng mẹ cũng nhân hậu nữa. Những gì mẹ làm là đều vì điều tốt. Mẹ sử dụng trí óc của mình để giúp mọi người. Có năm nọ, khi con còn rất nhỏ, những vân hồn trên Đồi Treo Cổ đã làm con sợ hãi đến mức không thể ngủ được. Mẹ đã lên trên đồi ấy khi trời tối và làm cho những vân hồn ấy im tiếng. Bọn chúng im tiếng rờn rã cả mấy tháng trời.”

Lẽ ra tôi nên nói thêm, rằng trong buổi sáng đầu tiên hai thầy trò tôi đi với nhau, Thầy Trừ Tà từng bảo tôi rằng với vân hồn ta chẳng thể làm được gì nhiều. Mà mẹ tôi đã chứng minh là thầy nói sai. Nhưng tôi không nói thêm như thế. Tôi đã nói lung tung quá nhiều rồi nên điều này chẳng cần phải nói ra làm gì.

Thầy Trừ Tà chẳng nói chẳng rằng. Thầy chỉ nhìn đăm đăm vào gian nhà chính.

“Thầy đi hỏi mẹ con việc bà nghĩ thế nào về Alice đi ạ,” tôi gợi ý. “Có vẻ mẹ rất hợp với bạn ấy.”

“Đằng nào ta cũng sẽ hỏi thôi mà,” Thầy Trừ Tà đáp. “Cũng đã đến lúc bọn ta trao đổi chút ít rồi đây. Con hãy đứng chờ ở đây cho đến khi chúng ta nói chuyện xong.”

Tôi nhìn theo dáng thầy đi bằng qua sân. Nhưng trước khi thầy đến nơi thì cánh cửa bếp đã mở ra và mẹ đứng bên ngưỡng cửa đón chào thầy.

Sau này, việc hình dung ra vài điều họ trao đổi cùng nhau cũng không phải là không thể, nhưng họ đã trao đổi gần cả tiếng đồng hồ và tôi chẳng bao giờ tìm hiểu được rằng chuyện về những văn hồn ấy có được đề cập đến hay không. Cuối cùng, khi Thầy Trừ Tà bước ra ngoài ánh nắng mặt trời, mẹ tôi đứng ngay lối cửa. Lúc đấy thầy đã làm một việc bất thường – việc mà trước đây tôi chưa từng thấy thầy làm bao giờ. Thoạt tiên, tôi chỉ nghĩ là thầy gật đầu chào tạm biệt mẹ tôi thôi, nhưng còn có điều gì đấy hơn cả là một cái gật đầu. Còn có chút chuyển động của hai vai thầy nữa. Tuy chuyển động rất khẽ nhưng rất dứt khoát nên chẳng còn nghi ngờ gì. Khi từ biệt mẹ tôi, Thầy Trừ Tà đã khẽ cúi đầu chào.

Lúc băng qua sân tiến về phía tôi, thầy có vẻ như tự mỉm cười với mình. “Giờ ta sẽ quay lại Chipenden đây,” thầy bảo, “nhưng ta nghĩ mẹ con muốn con ở lại đây thêm một đêm nữa. Nhưng thôi, ta tùy con định liệu đấy. Hoặc là con đem con bé trở về để chúng ta chèn nó vào hồ, hay con đưa nó đến với dì nó ở Staumin. Tùy con lựa chọn. Hãy vận dụng trực giác để xem điều nào là thích hợp. Rồi con sẽ biết mình nên làm gì.”

Đoạn thầy bỏ đi, để lại tôi với đầu óc xoay mòng. Tôi biết mình muốn làm gì với Alice, nhưng đấy phải là điều đúng đắn mới được.

Vậy là tôi được ăn thêm một buổi tối với mẹ.

Bấy giờ bố đã trở về, nhưng mặc dù mẹ vui vẻ khi gặp lại bố, vẫn có điều gì đấy không ổn lắm, một kiểu bầu không khí như một đám mây vô hình lơ lửng trên bàn ăn. Vì thế, đây không hẳn là một buổi tiệc ăn mừng gì và chẳng ai có lắm chuyện để nói cả.

Nhưng thức ăn thì ngon tuyệt, một trong những món súp đặc biệt của mẹ, cho nên tôi chẳng quan tâm lắm đến chuyện không ai nói năng gì – tôi đang mãi bận rộn với việc nhét đầy bụng mình rồi ăn thêm suất nữa trước khi Jack kịp vét sạch đĩa.

Jack đã ăn ngon miệng trở lại nhưng anh ấy trông có đôi chút kìm nén cũng như mọi người khác. Anh ấy đã trải qua biết bao nhiêu chuyện, cái cục u to tướng trên trán anh chứng minh cho điều ấy. Về phần Alice, tôi không kể cho cô nghe những gì Thầy Trừ Tà đã nói nhưng tôi có cảm giác dẫu sao cô cũng biết hết rồi. Trong suốt bữa ăn Alice không hé răng lấy một lời. Nhưng người im lặng nhất phải là

Ellie. Mặc dù hạnh phúc vì lấy lại được đứa con, những gì chị ấy phải chứng kiến đã làm chị bối rối đến nỗi phải mất thời gian lắm mới xoa dịu được.

Khi mọi người khác đã về giường ngủ, mẹ bảo tôi ngồi lại. Tôi ngồi bên lò sưởi trong bếp, giống như trong cái đêm trước hôm tôi rời gia đình bắt đầu kỳ tập sự của mình. Nhưng có điều gì đấy trên gương mặt mẹ báo cho tôi biết cuộc nói chuyện này sẽ khác. Lần trước, mẹ trông cứng rắn nhưng tràn trề hy vọng với tôi. Trông tự tin rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn thỏa cả thôi. Lần này, mẹ chỉ trông buồn rầu và ngần ngại.

“Hai mươi năm nay mẹ đã giúp đỡ đẻ bao em bé trong Hạt,” mẹ ngồi trên ghế đu và nói, “và cũng có vài bé mất đi. Mặc dù với người bố và người mẹ thì chuyện đấy buồn thật, nhưng đấy chỉ là chuyện thường tình mà thôi. Chuyện này cũng xảy ra với cả vật nuôi trong nông trại nữa đấy Tom. Bản thân con cũng đã thấy qua rồi.”

Tôi gật đầu. Mỗi năm luôn có vài con cừ non chết lúc mới sinh. Đấy là chuyện ai cũng biết sẽ xảy ra.

“Nhưng lần này là tồi tệ nhất,” mẹ bảo. “Lần này cả người mẹ lẫn đứa trẻ đều chết, là một chuyện trước nay chưa từng xảy đến với mẹ. Mẹ hiểu biết hết các loại dược thảo thích hợp và biết cả cách pha trộn chúng nữa. Mẹ biết cách đưng đầu với việc máu chảy quá nhiều. Mẹ biết cần phải làm gì. Và lại người mẹ này vừa trẻ vừa khỏe mạnh. Lẽ ra cô ấy không phải chết nhưng mẹ không thể cứu lấy cô ấy. Và chuyện này khiến mẹ đau đớn trong này đây. Đau đớn ngay trong tim mẹ.”

Mẹ như nấc lên và đưa tay ghì vào ngực. Trong một khoảnh khắc thê lương tôi nghĩ bà sẽ bật khóc, nhưng rồi mẹ chỉ hít vào một hơi thật sâu và nghị lực quay trở lại trên gương mặt bà.

“Nhưng cừ cũng chết mà mẹ, đôi khi bò cũng chết lúc sinh đẻ nữa mà,” tôi bảo với bà. “Rồi sẽ có lúc nào đó một người mẹ cũng buộc phải chết. Việc mẹ lâu nay chưa từng để chuyện đó xảy ra đã là một kỳ tích rồi.”

Tôi đã cố hết sức nhưng an ủi mẹ khó khăn lắm thay. Mẹ để cho chuyện ấy ảnh hưởng sâu sắc đến mình. Chuyện ấy khiến mẹ nhìn

nhận đến khía cạnh u ám của vạn vật.

“Thế giới đang trở nên tăm tối hơn đây, con trai ạ,” mẹ bảo tôi. “Và chuyện này xảy đến nhanh hơn là mẹ tưởng. Mẹ từng hy vọng trước hết con phải trưởng thành đã, với hàng năm kinh nghiệm trong mình. Vậy nên con phải chăm chú lắng nghe những gì thầy con dạy bảo. Từng điều nhỏ nhặt vẫn rất hữu ích. Con sẽ phải chuẩn bị sẵn sàng nhanh hết mức có thể và phải học thật chăm môn tiếng La Tinh vào.”

Nói đến đây mẹ ngưng lại và chìa tay ra. “Cho mẹ xem cuốn sách nào.”

Mẹ lật qua những trang sách khi tôi đưa nó cho mẹ, mẹ cũng dừng lại đây đó mà đọc vài dòng. “Sách có giúp ích gì được con không?” mẹ hỏi.

“Chẳng nhiều nhận gì ạ,” tôi thú nhận.

“Chính tay thầy con viết ra đây. Thầy không bảo với con sao?”

Tôi lắc đầu. “Alice bảo cuốn sách được cha xứ viết ra.”

Mẹ mỉm cười. “Thầy con từng là một cha xứ. Thầy ấy đã bắt đầu như thế. Một ngày nào đó chắc chắn thầy sẽ bảo cho con biết thôi. Nhưng con đừng hỏi. Cứ để cho thầy tự nói ra trong thời điểm thích hợp.”

“Mẹ và thầy Gregory đã trao đổi gì thế ạ?” tôi hỏi.

“Chuyện này chuyện nọ ấy mà, nhưng chủ yếu là về Alice. Thầy hỏi mẹ chuyện gì nên xảy đến cho con bé. Mẹ bảo thầy nên để tùy con quyết định. Thế con đã quyết định chưa vậy?”

Tôi nhún vai. “Con vẫn chưa rõ phải làm gì nhưng thầy Gregory bảo con nên tin vào trực giác.”

“Đây là một lời khuyên rất ý nghĩa đấy con trai,” mẹ bảo.

“Nhưng mẹ thì nghĩ sao hả mẹ? Mẹ đã nói gì với thầy Gregory về Alice thế? Phải Alice là phù thủy không? Ít nhất mẹ nói cho con biết

điều này đi.”

“Không phải,” mẹ từ tốn nói, thận trọng cân nhắc lời lẽ của mình. “Con bé không phải phù thủy, nhưng một ngày nào đó nó sẽ thành phù thủy thôi. Con bé được sinh ra với trái tim làm phù thủy nên nó chẳng còn có lựa chọn nào khác hơn là phải đi theo con đường đấy.”

“Thế thì bạn ấy phải bị chèn xuống hố ở Chipenden thôi,” tôi buồn bã nói, rũ đầu xuống.

“Con nhớ lại mấy bài học của mình đi,” mẹ tôi đánh giọng. “Nhớ lại những gì thầy con đã dạy. Có nhiều hơn một loại phù thủy đấy.”

“A loại lành,” tôi reo lên. “Mẹ muốn nói rằng Alice rồi sẽ trở thành một phù thủy tốt bụng chuyên giúp kẻ khác phải không ạ?”

“Có thể. Mà cũng có thể không. Con có biết thực ra mẹ nghĩ gì không? Có lẽ con không muốn nghe đâu.”

“Con muốn chứ ạ.”

“Alice có thể trở thành loại không tốt cũng không ác. Con bé có thể thành một loại nào đó giữa lưng chừng hai loại ấy. Như thế sẽ khiến cho việc quen biết con bé trở nên rất nguy hiểm. Alice có thể là thảm họa của cuộc đời con, là tai ương, là thuốc độc trong tất cả mọi chuyện con làm. Hay nó cũng có thể trở thành một người bạn mạnh mẽ và thân thiết nhất mà con sẽ từng có. Một người có thể tạo nên biết bao khác biệt cho thế giới này. Mẹ chỉ không biết là chuyện này sẽ chuyển theo hướng nào thôi. Mẹ không thể nhìn ra được dù đã cố gắng hết sức.”

“Mà làm sao mẹ lại có thể nhìn ra được vậy?” tôi hỏi. “Thầy Gregory bảo thầy không tin vào lời tiên tri. Thầy bảo rằng tương lai là bất định.”

Mẹ đặt một tay lên vai tôi rồi bóp nhẹ để trấn an. “Mỗi người chúng ta đều có một lựa chọn nào đó mở ra cho mình,” mẹ nói. “Nhưng có lẽ một trong những quyết định quan trọng nhất mà con sẽ phải đưa ra là về Alice. Giờ con đi ngủ đi, và nếu được thì ngủ cho đầy giấc vào. Ngày mai, khi mặt trời soi sáng thì con hãy quyết định.”

Một điều mà tôi không hỏi mẹ là làm thế nào bà đã khiến cho các vãn hồn trên Đồi Treo Cổ im tiếng. Đấy cũng lại là do trực giác của tôi. Tôi chỉ biết rằng đấy là điều mẹ sẽ không muốn đề cập đến. Trong gia đình, đôi khi có những chuyện ta không nên hỏi. Ta biết ta sẽ được nói cho nghe khi đến thời điểm thích hợp.

Chẳng mấy chốc, sau khi mặt trời ló dạng thì chúng tôi rời khỏi nhà, trái tim tôi trĩu nặng xuống tận ủng.

Ellie đi theo tôi ra đến cổng. Tôi dừng lại ở đấy nhưng vẫy tay ra hiệu cho Alice đi tiếp lên đồi, hông cô đang đưa, chẳng liếc lui lại một lần.

“Chị có điều này cần nói với em đấy Tom,” Ellie bảo. “Nói ra đau lòng lắm nhưng cũng phải nói thôi.”

Nghe giọng chị ấy tôi cũng có thể đoán ra sẽ không tốt lành gì rồi. Tôi khố sở gật đầu và ép mình ngược lên nhìn vào mắt chị. Bất ngờ quá đổi, hai mắt chị đang ứa tràn nước mắt.

“Em vẫn được chào đón tại đây Tom à,” Ellie vừa nói vừa vuốt tóc lòa xòa khỏi trán, gượng mỉm cười. “Chuyện đấy thì không thay đổi. Nhưng anh chị phải nghĩ đến cho em bé nữa. Vậy nên em vẫn được chào đón ở đây, nhưng không phải sau khi trời tối. Em thấy đấy, đấy là chuyện khiến cho dạo gần đây Jack nóng nảy đến vậy. Chị không muốn nói cho em biết anh ấy đã cảm nhận mạnh mẽ đến mức nào, nhưng giờ chị phải nói thôi. Anh ấy chẳng thích loại công việc mà em làm chút nào cả. Không một chút xíu nào. Công việc ấy làm cho Jack ghê tởm. Với lại anh còn sợ cho đứa bé nữa.

“Anh chị thấy sợ, em biết đấy. Anh chị sợ rằng nếu em ở đây khi trời tối thì em có thể sẽ lôi kéo theo thứ khác nữa. Em có thể mang đến điều xấu xa nào đó cùng em, còn anh chị lại không dám để cho bất cứ chuyện gì xảy đến với gia đình. Tom này, em hãy đến thăm mọi người vào ban ngày nhé. Hãy đến thăm anh chị khi mặt trời chói chang và chim chóc líu lo ấy.”

Đến đây Ellie ôm chầm lấy tôi, làm cho mọi chuyện thêm đau đớn. Tôi biết đã có thứ gì đó xen vào giữa chúng tôi và mọi việc đã đổi thay vĩnh viễn. Tôi chỉ muốn bật khóc, nhưng chẳng hiểu sao tôi tự cầm lòng được. Tôi không biết mình đã làm thế như thế nào. Trong cổ

họng tôi có một cục nghẹn to tướng làm tôi chẳng nói được nên lời.

Tôi nhìn theo Ellie trở vào trong nhà rồi chú tâm trở lại với quyết định mình phải đưa ra.

Tôi nên làm gì với Alice đây?

Khi thức dậy, tôi biết chắc rằng nhiệm vụ của mình là đưa cô gái quay lại Chipenden. Có vẻ như đây là chuyện đúng đắn nên làm. Là chuyện an toàn. Cảm giác như đây là nghĩa vụ. Khi tôi đưa cho Mẹ Malkin mấy chiếc bánh, tôi đã để cho phần con tim mềm yếu của tôi thống trị mình. Và hãy nhìn xem điều ấy đã mang lại cho tôi những gì nào. Cho nên tốt hơn là đối phó với Alice ngay lúc này, trước khi đã quá muộn. Như Thầy Trừ Tà nói, ta phải nghĩ đến những người vô tội trong tương lai có thể bị hãm hại nữa.

Ngày đầu chuyến đi chúng tôi không nói chuyện với nhau nhiều. Tôi chỉ bảo với Alice là chúng tôi quay trở về Chipenden để gặp Thầy Trừ Tà. Nếu Alice mà biết chuyện gì sắp xảy đến với mình, cô ấy chắc không phàn nàn gì. Thế rồi sang ngày thứ hai, khi chúng tôi tiến gần đến làng hơn và thực chất là đang trên những sườn đồi dưới chân rặng núi đá, cách nhà Thầy Trừ Tà khoảng một dặm, tôi nói cho Alice nghe về những gì tôi mãi chôn chặt trong lòng mình; về những gì đã khiến tôi lo ngại kể từ khi tôi phát hiện ra những chiếc bánh ấy chứa thứ gì.

Chúng tôi đang ngồi bên bờ sông ngập cỏ gần phía con đường. Mặt trời đã lặn và ánh sáng ban ngày bắt đầu lịm dần.

“Alice này, có khi nào cậu nói dối chưa?” tôi hỏi.

“Con người ta đôi khi phải nói dối chứ,” Alice trả lời. “Nếu không nói dối thì không phải con người đâu. Nhưng đa phần là tớ nói thật không thôi.”

“Thế còn trong cái đêm tớ bị mắc bẫy dưới cái hố ấy thì sao? Khi tớ hỏi cậu về mấy chiếc bánh ấy. Cậu bảo chẳng có đứa trẻ nào khác trong nhà Lizzie cả. Có thật không?”

“Tớ không thấy đứa nào hết.”

“Đứa bé đầu tiên bị lạc mất còn bé như trẻ sơ sinh vậy. Nó chẳng thể nào tự mình lang thang đi đâu được cả. Cậu chắc chứ?”

Alice gật gật và cúi đầu, nhìn chăm chăm xuống cỏ.

“Thế chắc là nó bị đám chó sói lôi đi rồi,” tôi bảo. “Dân trong làng cho là vậy đấy.”

“Lizzie bảo dì ấy từng nhìn thấy chó sói trong vùng này. Có thể là vậy lắm,” Alice đồng tình.

“Thế còn về mấy chiếc bánh thì sao hả Alice? Trong bánh có gì thế?”

“Chủ yếu là mỡ lòng bò và vụn thịt heo. À, còn có cả vụn bánh mì nữa.”

“Thế còn máu trong ấy thì sao? Máu súc vật không đủ giúp cho Mẹ Malkin đâu. Chắc chắn là không khi mà ta phải cần đến từng ấy sức mạnh để bẻ cong song sắt trên miệng hố. Vậy máu ấy ở đâu ra hả Alice – máu được dùng trong bánh ấy?”

Alice bắt đầu nức nở. Tôi kiên nhẫn chờ cho cô nín hẳn rồi mới hỏi lại.

“Thôi, thế máu ở đâu ra nào?”

“Lizzie bảo tớ còn là con nít,” Alice kể lể. “Bọn họ dùng máu tớ lắm lần rồi. Cho nên dùng thêm một lần nữa cũng chẳng sao. Chẳng đau đớn gì lắm. Nhất là khi cậu đã quen với nó rồi. Mà làm sao tớ có thể ngăn được Lizzie cơ chứ?”

Nói đến đây, Alice vén tay áo lên và để lộ cho tôi thấy cánh tay mình. Ánh sáng vẫn còn đủ rõ để nhìn thấy các vết sẹo. Mà rất lắm sẹo – có vết cũ; có vết còn tương đối mới. Vết mới nhất vẫn chưa liền lại hẳn. Vết thương vẫn còn chảy nước.

“Còn nhiều hơn thế nữa kia. Nhiều lắm. Nhưng tớ không thể cho cậu xem hết được,” Alice bảo.

Tôi chẳng biết nói gì nên đành im miệng. Nhưng tôi đã quyết rồi,

chẳng bao lâu sau chúng tôi hòa mình vào bóng đêm, rời xa Chipenden.

Tôi đã quyết định đưa Alice thẳng đến Staumin, nơi dì của cô cư ngụ. Tôi không thể chịu được ý nghĩ rằng Alice phải bị nhốt xuống hố trong vườn nhà Thầy Trừ Tà. Như thế thì kinh khủng quá – và tôi nhớ lại một cái hố khác. Tôi nhớ lại Alice đã giúp tôi thoát ra khỏi hố của Tusk như thế nào trước khi Lizzie Xương Xấu đến rút xương của tôi. Nhưng trên hết, chính những điều Alice vừa kể với tôi rất cuộc đã khiến tôi đổi ý. Đã có một thời, cô cũng từng là một trong những người vô tội. Alice cũng là nạn nhân mà thôi.

Chúng tôi trèo qua mỏm Parlick, rồi đi lên hướng bắc về phía đồi Blindhurst, lúc nào cũng đi trên vùng cao nguyên.

Tôi thích cái ý tưởng đi đến Staumin. Nơi ấy gần bờ biển và trước nay tôi chưa từng trông thấy biển bao giờ, ngoại trừ những lúc đứng trên đỉnh đồi đá. Con đường tôi chọn hơi xa, nhưng tôi khao khát được thám hiểm và được lên cao trên này cho gần với mặt trời. Dù sao thì Alice chẳng có vẻ gì bất mãn về điều ấy.

Chuyến đi thật suôn sẻ và tôi thích được ở bên Alice, và đây là lần đầu tiên chúng tôi thực sự trò chuyện với nhau. Cô gái cũng dạy cho tôi nhiều điều. Alice biết tên các vì sao nhiều hơn tôi và bắt thỏ thì giỏi khỏi chê.

Còn về các loài cây cỏ, Alice là chuyên gia về những thứ mà từ trước đến nay Thầy Trừ Tà chưa từng đề cập đến, như là cây cà độc dược và cây nhân sâm. Tôi không phải tin hết những gì cô nói, nhưng dù sao tôi cũng ghi chép lại tất vì Alice đã được Lizzie dạy cho như thế và tôi nghĩ học hỏi lấy những điều mà phù thủy tin vào cũng có ích lắm chứ. Alice rất giỏi phân biệt nấm ăn và nấm độc, mà có vài loại độc đến mức chỉ cần một miếng thôi là đủ để tim bạn ngừng đập hay làm bạn mất trí. Tôi có mang theo sổ ghi chép bên mình và dưới tiêu đề “Thực vật học”, tôi đã thêm được ba trang chứa đầy những thông tin bổ ích.

Một đêm nọ, khi chúng tôi còn cách Staumin non một ngày đường, chúng tôi dừng chân trong một khoảng rừng phát quang. Chúng tôi vừa mới nướng lụi xong hai con thỏ trong than hồng cho đến khi thịt tan ra trong miệng. Ăn xong, Alice làm một điều rất lạ.

Sau khi quay mặt lại đối diện với tôi, cô gái với tay ra nắm lấy tay tôi.

Chúng tôi ngồi như thế một đôi. Alice nhìn chăm chăm vào đồng lửa tàn trong khi tôi chăm chú ngó lên sao trời. Tôi không muốn giằng tay ra nhưng ruột gan tôi thì rối ren vô hạn. Tay trái tôi nắm lấy tay trái của Alice và tôi cảm thấy thật tội lỗi. Tôi có cảm giác như mình đang bắt tay cùng với thế lực bóng tối, và tôi biết Thầy Trừ Tà sẽ chẳng thích như thế này đâu.

Chẳng cách nào tôi chối bỏ sự thật được. Ngày nào đó rồi Alice sẽ trở thành phù thủy. Nghĩ đến đây, tôi chợt nhận ra mẹ tôi nói đúng. Chẳng có liên quan gì đến lời tiên đoán nào cả. Bạn có thể nhìn thấy điều ấy trong mắt Alice. Cô ấy luôn luôn lơ lửng đâu đó giữa hai bên, chẳng khi nào toàn tâm xấu xa hay toàn tâm thánh thiện. Nhưng chẳng phải tất cả chúng ta ai cũng thế hay sao? Chúng ta không ai là hoàn hảo cả.

Vậy nên tôi không rút tay về. Tôi chỉ ngồi đó, một phần trong tôi tận hưởng việc cầm lấy tay Alice, cảm giác như thể vỗ về an ủi sau những gì đã xảy ra, trong khi phần còn lại của tôi vã mồ hôi vì mặc cảm tội lỗi.

Chính Alice mới là người rút tay về. Cô rút tay ra khỏi bàn tay tôi rồi chạm vào cánh tay, nơi những móng tay của cô ấy đã bấu vào trong cái đêm chúng tôi hủy diệt Mẹ Malkin. Bạn có thể nhìn thấy những vết sẹo rõ ràng trong ánh sáng của đồng than hồng.

“Tớ đã đóng dấu của mình lên cậu rồi nhé,” Alice vừa nói vừa cười nhẹ. “Chúng sẽ chẳng bao giờ mờ đi đâu.”

Tôi nghĩ câu nói ấy thật kỳ lạ và cũng không chắc cô ấy muốn nói gì. Hồi ở nhà, chúng tôi thường đóng dấu lên gia súc. Chúng tôi làm thế để chúng tỏ đám gia súc ấy thuộc về nhà mình và để những con đi rông không bị lẫn vào với gia súc bên những nông trại lân cận. Nhưng làm sao tôi lại có thể thuộc về Alice cơ chứ?

Ngày hôm sau, chúng tôi đi xuống khu đồng bằng rộng lớn, bằng phẳng. Một phần khu đất ấy là đất bám rêu với phần khó đi nhất là phần đầm lầy lỏng bồng nhão nhoét, nhưng dần dà rồi chúng tôi cũng tìm được đường đi đến Staumin. Tôi chẳng thấy được mặt bà dì của Alice vì bà ta không chịu ra ngoài nói chuyện với tôi. Dù vậy nhưng bà

ta cũng đồng ý nhận Alice vào nhà nên tôi chẳng thể phàn nàn được gì.

Cạnh đấy là một con sông to rộng, và trước khi quay trở lại Chipenden, chúng tôi đi bộ dọc bờ sông ra đến tận biển. Thực sự tôi chẳng thấy choáng ngợp gì lắm. Hôm ấy là một ngày xám xịt, gió thốc và mặt nước có cùng màu với đám mây trên bầu trời, còn những con sóng thì cuộn cuộn dữ tợn.

“Ở đấy cậu sẽ ổn thôi mà,” tôi lên tiếng, cố ra giọng vui vẻ. “Khi mặt trời mọc quang cảnh sẽ đẹp lắm đây.”

“Thì cũng phải tận dụng tối đa khía cạnh tốt đẹp thôi,” Alice bảo. “Chẳng thể nào mà tệ hơn ở Pendle được.”

Đột nhiên tôi lại thấy thương cho cô. Đôi lúc tôi có cảm thấy cô đơn thật, nhưng ít ra tôi còn có Thầy Trừ Tà để trò chuyện cùng; Alice thậm chí còn không biết rõ bà di của mình lắm, rồi thêm biến động càng làm cho mọi chuyện có vẻ như lạnh lùng ảm đạm.

“Này Alice, tớ không nghĩ chúng ta sẽ gặp lại nhau, nhưng nếu cậu cần giúp đỡ, cứ cố chuyển lời đến cho tớ,” tôi dặn dò.

Tôi nghĩ mình nói ra như vậy vì Alice là người giống với bạn bè hơn cả mà tôi từng có. Còn về lời hứa này, nó cũng chẳng đến mức khinh suất như lời đầu tiên tôi từng hứa. Tôi không cam đoan là mình thực ra phải làm những gì. Lần tới nếu Alice có hỏi nhờ gì, tôi sẽ bàn bạc trước với Thầy Trừ Tà đã.

Ngạc nhiên làm sao là Alice mỉm cười và trong mắt ánh lên vẻ lạ lẫm. Ánh mắt ấy gọi cho tôi nhớ đến lời bố tôi từng nói, rằng phụ nữ nhiều khi biết đến những điều mà đàn ông không hề biết – và hễ khi mà bạn nghi là thế thì đừng bao giờ nên hỏi phụ nữ đang nghĩ gì.

“Ồ, chúng ta sẽ gặp lại nhau thôi,” Alice bảo. “Chuyện này thì không có gì phải nghi ngờ cả.”

“Thôi, tớ phải đi đây,” tôi nói và quay lưng dậm bước.

“Tớ sẽ nhớ cậu đấy Tom ạ. Không có cậu thì mọi chuyện sẽ không như thế đâu.”

“Tớ cũng sẽ nhớ cậu đấy Alice,” tôi mỉm cười bảo với cô ấy.

Khi thốt lên lời ấy, tôi tưởng chỉ là do phép lịch sự. Nhưng cất bước lên đường chưa tới mười phút thì tôi biết mình đã lầm.

Tôi đã thành tâm với từng lời mình nói và tôi đang cảm thấy cô đơn mất rồi.

Hầu hết những điều này tôi viết ra từ trí nhớ, nhưng có vài điều tôi lấy từ ghi chép và nhật ký của mình. Giờ tôi đang ở Chipenden và Thầy Trừ Tà rất hài lòng về tôi. Thầy nghĩ tôi đang tiến bộ rất tốt.

Lizzie Xương Xấu đang bị nhốt trong hố mà trước kia Thầy Trừ Tà dùng để chèn Mẹ Malkin. Những thanh chắn song đã được kéo thẳng lại và dĩ nhiên mẹ ta sẽ chẳng nhận được chiếc bánh lúc nửa đêm nào từ tôi nữa. Còn về Tusk, hẳn ta được chôn trong cái lỗ hẳn đã đào làm huyết cho tôi.

Billy tội nghiệp đã được mang trở lại nắm mồ của mình bên ngoài sân nhà thờ ở Layton, nhưng ít ra bây giờ cậu ấy đã lấy lại được ngón tay cái. Máy chuyện này chẳng có chuyện nào là vui vẻ cả, nhưng đây là những chuyện xảy ra với nghề nghiệp này thôi. Thích hay không thì bạn vẫn phải chấp nhận, như bố tôi hay nói.

Có một điều này nữa mà tôi phải nói cho bạn biết. Thầy Trừ Tà đồng ý với những gì mẹ tôi nói. Thầy nghĩ rằng mùa đông đang kéo dài hơn và thế lực bóng tối đang trở nên ngày càng hùng mạnh. Thầy đoán chắc công việc này rồi sẽ mỗi lúc thêm mỗi khó khăn.

Vậy là ghi nhớ điều này vào tâm khảm, tôi sẽ cứ tiếp tục nghiên cứu và học hỏi – như mẹ tôi đã có lần bảo tôi, bạn không bao giờ biết mình có khả năng làm được gì cho đến khi thử sức. Vậy nên tôi sẽ cố thử. Tôi sẽ cố đến hết mức có thể bởi vì tôi muốn mẹ hãnh diện về tôi.

Hôm nay tôi chỉ là một chân học việc, nhưng rồi ngày nào đó tôi sẽ là Thầy Trừ Tà.

Thomas J. Ward

Được cảnh báo về những cô gái trong làng. Có khả năng gây ra đủ trò lừa đảo. Đặc biệt chú ý đến bất cứ cô nào mang giày mũi nhọn. Những cô này **không thể tin cậy được**.

Đã gặp Alice, một cô gái đúng thực là có mang giày mũi nhọn! Cô dễ thương với mình nhưng lại làm mấy gã thanh niên trong làng hoảng kinh.

Phải cảnh giác mới được.

Mẹ Malkin sử dụng huyết thuật. Có được sức mạnh từ máu người – chủ yếu là từ máu con nít! Từng có thời sống trong nông trại phía tây của Hạt. Đã tạo nơi trú thân và giúp đỡ cho những phụ nữ trẻ (không có chồng) đang mang thai. Máu của những trẻ sơ sinh được dùng cho yêu thuật. Vài phụ nữ không bao giờ được trông thấy nữa. Có một con trai tên Tusk. Vô cùng mạnh và nguy hiểm.

Sau này, dân địa phương đào lên được xác mấy người phụ nữ. Nhiều người bị nghiền nát. Xương sườn gãy. Tusk là kẻ ra tay. Bất cứ nơi nào Mẹ Malkin sinh sống là nơi đấy có rắc rối. Lần cư ngụ mới đây nhất là gần Chipenden. Thầy Trừ Tà đuổi Lizzie đi rồi nhốt Malkin xuống hố.

Thầy Trừ Tà cho mình mượn cuốn sách từ thư viện của thầy (tựa đề như trên) viết về thuật ám xác. Bảo rằng đây là “ấn bản chính thức”. Cuốn sách hay nhất từng được viết về chủ đề này. Lúc này thì không có ích lợi gì lắm. Được viết bằng tiếng La Tinh, thứ ngôn ngữ mình sẽ sớm bắt đầu học ngay thôi mà. Mình không biết tựa đề sách ấy có nghĩa gì nhưng mình sợ. Mình chẳng thể nào tuyệt vọng hơn thế này.

Alice giải thích về tựa đề sách của Thầy Trừ Tà, **Kẻ Bị Nguyễn Rửa, Kẻ Xây Xâm** và **Kẻ Tuyệt Vọng**. Tên đầu tiên chỉ là được cha xú dùng để chỉ những người mà họ tin chắc sẽ xuống Địa ngục. Từ thứ hai có ích hơn nhiều. Một thân xác vừa mới bị ám sẽ giữ thăng bằng kém và cứ té ngã mãi. Vậy nên đấy là cách bạn nhận ra là họ mới bị ám. Những kẻ bị ám cũng có khả năng nóng tính nữa. Tính cách thay đổi rất đột ngột có thể có cảnh báo trước. Những người trầm tính tĩnh lặng có thể trở nên gắt gỏng.

“Tuyệt vọng” là tình trạng một mục phù thủy chưa chết muốn được ám vào một thân thể khỏe mạnh. Sau khi ám được rồi, mục ta sẽ tuyệt vọng mà giữ lấy nó. Vậy nên rất nguy hiểm. Có khả năng làm đủ mọi chuyện.

Đàn ông dễ bị ám hơn đàn bà. Rất nguy hiểm nếu Mẹ Malkin ám vào người nào to khỏe như Jack.

Linh hồn nguyên bản vẫn còn kẹt lại trong thân thể. Không thể cứ giết chết thân thể để tiêu hủy kẻ đã ám vào. Như thế cũng xấu xa không kém sát nhân! Cho nên sách không nói rõ cần phải làm gì. Có vẻ như chưa được viết hết.

Cây cỏ có rất nhiều công dụng.

Chúng có thể giết chết, chữa lành hay làm bạn hóa điên!

Cà độc dược, còn được gọi là cây **belladonna**, có nghĩa là “**người đàn bà đẹp**”. Có thể được dùng như tinh dầu làm cho mắt phụ nữ sáng và hấp dẫn. Rất rủi ro và nguy hiểm, nhưng đôi khi lại được phù thủy ăn. Ăn quá nhiều thì bạn sẽ chết hoặc bị điên! Một lượng nhỏ có thể được dùng để nhìn thấy trước tương lai. Phù thủ ở Pendle dùng thứ này để bay! Alice bảo chúng dùng nó để tạo ra một loại tinh dầu và phết lên người. Nhưng cô ấy chưa từng thấy một phù thủy nào thực sự bay được cả. **Cây nhân sâm**. Còn được gọi là **mandragora**. Có thể được nhận ra bằng hoa xanh lợt và lá rộng. Một số phù thủy gọi loại quả của cây này là “**Táo Quý**”. Ăn thân cây có thể làm bạn bất tỉnh. Ăn quá nhiều thì bạn sẽ không bao giờ tỉnh dậy. Hay có tỉnh dậy thì cũng mất trí. Có thể được dùng làm thuốc xổ để tẩy chất độc ra khỏi người. Giúp làm giảm cơn đau răng và đau khớp. Cũng được dùng làm một thành phần trong bùa mê thuốc lú. Rễ cây mang hình dạng như thân người. Được cho là sẽ kêu réo khi bị kéo ra khỏi mặt đất. Alice chưa từng nghe thấy nhưng Lizze Xương Xấu bảo đấy là sự thực. Nơi có thể tìm thấy cây nhân sâm nhất là ở những ngã tư đường, nhưng ở trong Hạt này thì khá khan hiếm./.

Table of Contents

Mục lục

Sơ lược tiểu sử nhân vật

Chương 1 ĐỨA CON TRAI THỨ BẢY

Chương 2 TRÊN ĐƯỜNG

Chương 3 SỐ 13 HẸM UỐT

Chương 4 KÝ TU

Chương 5 ÔNG KE VÀ PHÙ THỦY

Chương 6 CÔ GÁI ĐI GIÀY MŨI NHON

Chương 7 AI ĐÓ PHẢI LÀM THÔI

Chương 8 ME GIÀ MALKIN

Chương 9 BÊN BỜ SÔNG

Chương 10 BILLY TÔI NGHIỆP

Chương 11 HỒ

Chương 12 KẸ TUYỆT VONG VÀ KẸ XÂY XÂM

Chương 13 ĐÁM LỚN LÔNG LÁ

Chương 14 LỜI KHUYÊN CỦA THẦY TRỪ TÀ

Ghi chép của THOMAS J. WARD

NHỮNG CÔ GÁI TRONG LÀNG ĐI GIÀY MŨI NHON

THÔNG TIN VỀ ME MALKIN TỪ SÁCH VỀ PHÙ THỦY

CỦA THẦY TRỪ TÀ

THUẬT ÁM XÁC: KẸ BI NGUYỄN RỬA, KẸ XÂY XÂM

VÀ KẸ TUYỆT VONG

NHỮNG GÌ ALICE NÓI VỚI MÌNH VỀ THUẬT ÁM XÁC

NHỮNG GÌ ALICE NÓI VỚI MÌNH VỀ THỰC VẬT



